NĂM THỨ BẢY • #71 • MARCH 1995

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

Việt Nam Thế Kỷ 21:
ĐI TỚI HAY TỤT HẬU?
NGUYỄN XUÂN NGHĨA

THỰC DÂN PHÁP, THỰC DÂN MỸ, THỰC DÂN CỘNG SẢN
TÔN THẤT THIỆN

QUỶ ÁM *Kịch* **VŨ HẠ**

GRAND GARDEN RESTAURANT

Nhà hàng nổi tiếng tiệc cưới trên 10 năm qua.

(Giải thưởng do Hội California Restaurant Writers)

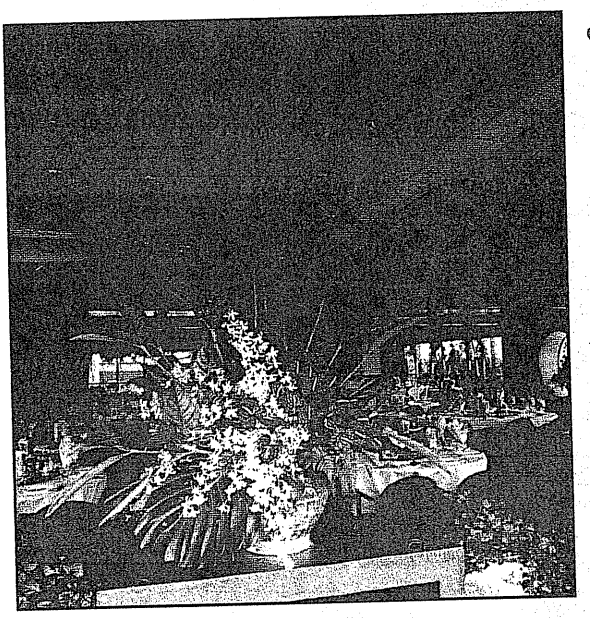

- *Nhà hàng sang trọng nhất với những bình hoa tươi lộng lẫy quanh năm.*
- *Chuyên về tiệc cưới, đám hỏi, sinh nhật, hội họp, đoàn thể...*
- *Thực đơn phong phú và chọn lọc cho ăn trưa và ăn tối.*
- *TÔM CUA CÁ SỐNG*
- *Tiếp đãi lịch sự chu đáo.*
- *Bãi đậu xe rộng rãi và an toàn.*
- *Có giấy phép khiêu vũ cho tiệc cưới.*
- *Có Gift Certificate.*

Giờ Mở Cửa:
WED. - SUN.
10AM to 9:30PM

FINE DINING AT AFFORDABLE PRICE

Tel: (714) 893-1200

8894 BOLSA AVE.
WESTMINSTER, CA 92683

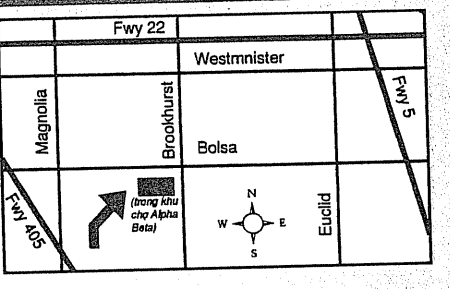

V&T Grafix • 220-1794

Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:

VIDEO PARIS BY NIGHT 28 LAM PHƯƠNG 2

MÓN QUÀ GIÁNG SINH MỚI LẠ, QUÝ GIÁ MANG LẠI HẠNH PHÚC TƯƠI VUI CHO GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRƯỚC THỀM NĂM MỚI...

VIDEO DÀI NHẤT HƠN 3 GIỜ...

VIDEO PARIS BY NIGHT 29 IN LAS VEGAS

Giá 29$
1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí
(TẠI USA & CANADA)

QUÝ VỊ ĐÃ HÀI LÒNG 1 LẦN VỚI CÁC VIDEO PARIS BY NIGHT TRƯỚC
QUÝ VỊ SẼ HÀI LÒNG 10 LẦN VỚI VIDEO PARIS BY NIGHT IN LAS VEGAS

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Khánh Hà - Ái Vân - Thanh Lan - Ý Lan - Dalena - Phương Hồng Quế - Diễm Liên - Trang Thanh Lan - Lưu Bích - Mỹ Lan - Phương Loan - Mai Vy - Phi Phi - Bảo Hân - Jenny Loan - Ngọc Thúy - Linh Chi - Franck Olivier - Elvis Phương - Anh Khoa - Thái Châu - Thế Sơn - Duy Quang - Don Hồ - Quang Bình - Henri Chúc - Nguyễn Hưng - Chí Tài - Chí Thiện và Ban Nhạc Uptight...

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Xin mời bạn
gia nhập, bảo trợ, tham dự sinh hoạt

HỘI VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
(**VAALA**)

Liên lạc: (hỏi ông Vũ Duy Tự)
(714) 537-8352

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Nha Sĩ DƯ THỊ MỸ LAN

Nguyên Trưởng phòng Nha Khoa Tổng Y viện Khánh Hội
Đã hành nghề 7 năm tại quê hương và 13 năm tại Mỹ.

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 898-6449
(Trong khu Cathay Bank)

LISE DIEU TRANG VO
Agent

NEW YORK LIFE
The Company You Keep®

New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHIẾU MUA BÁO / *SUBSCRIPTION FORM*

Họ tên / *Full name*: .....

Địa chỉ / *Address*: .....

.....

Điện thoại / *Telephone*: .....

Tôi đặt mua *Thế Kỷ 21* kể từ số / *Please deliver* The Ky 21 *to me starting from #* [redacted]

06 số / *issues* (US$17.10) • 12 số / *issues* (US$32.40) • 24 số / *issues* (US$61.20)

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of* $[redacted]

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Công ty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: 75504.3510
(Compuserve)

Nhóm chủ biên: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh
Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ biên. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải đề rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Miền Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Lê Tất Luyện*
45 83 19 12
Đức: *Thế Giang*
2389 537 672
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Mỹ và Việt Nam đã mở cửa Văn phòng Liên lạc ở hai thủ đô, Washington DC và Hà Nội, nhưng tiến trình bang giao giữa hai nước vẫn là một con đường dài, có lẽ rất dài, vì cả hai bên đều 'chưa sẵn sàng.'' Tin về việc mở Văn phòng được đón nhận một cách phải chăng chứ không sôi nổi như dự đoán trước đó, ở cả hai bờ Thái Bình Dương, cho thấy đó là một tin ''một cột'' trên nhật trình. Tin ''tám cột'' có lẽ là tin động đất ở Kobe, Nhật Bản— với những chấn động tâm lý, xã hội kèm theo khiến người Nhật phải nhìn và xét lại mình, đồng thời tạo dịp cho người ở các nền văn hóa khác cũng tìm ra những bài học mới.

Những dữ kiện thời sự và lịch sử được ghi chép khách quan, nhưng nhận định có thể chủ quan, là nền tảng của lề lối thông tin trên *Thế Kỷ 21* — như trong số này quý bạn đọc sẽ thấy ở các mục phân tích, nghiên cứu về kinh tế, chính trị, và sổ tay về thời sự do Ban biên tập hoặc các cộng tác viên chủ lực của tờ báo thực hiện.

Thế Kỷ 21 rất sung sướng được đón nhận những góp ý của các văn hữu cũng như độc giả, về nội dung cũng như hình thức các bài đăng trên tờ báo của chúng ta. Mục ''Độc Giả Viết'' ngày càng trở nên phong phú, hấp dẫn, vì những góp ý qua lại, đích thực là một cuộc hội thoại đa phương. Đặc biệt, cuộc thảo luận quanh câu chuyện ''thuật ngữ điện toán'' đã lôi kéo được nhiều ''tham dự viên'' — có phát hiện, có khen ngợi, nhưng cũng có chỉ trích và có cả... sai lầm mới — nhưng tất cả đều có chung một hướng: làm giầu và làm đẹp cho tiếng mẹ đẻ của chúng ta.

Tin về việc tăng giá báo có gây sửng sốt ở một số bạn đọc. Nhưng sau khi biết rằng giá giấy, giá in và giá cước tăng... thật, và tăng cao, qua việc hầu hết các báo bán (cũng như sách) đều phải lên giá, thì quý bạn đọc chỉ còn cách... thở dài chấp nhận! Tuy nhiên, *Thế Kỷ 21* cũng vẫn dành một biệt đãi cho các độc giả ''kỳ cựu'': nếu gia hạn báo từ nay đến trước ngày 31 tháng Năm 1995 quý vị vẫn được hưởng giá cũ. Xin quý vị làm ngay, và nên đặt luôn hai, ba năm cho chắc ăn, vì như thế sẽ tiết kiệm được gần một nửa tiền báo!

THẾ KỶ 21

Liên lạc với tòa báo, quý vị có thể dùng:

- **PO BOX 2054-H39 Westminster CA 92684.**
- **11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92640.**
- **Tel: (714) 638-9510.**
- **Fax: (714) 638-1944.**
- **E-mail: 75504.3510@compuserve.com**

Tranh bìa: *Đinh Cường*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Hiếu Đệ, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Hữu Nhật*
Hí họa: *Babui 75 Mamburao*
Ảnh: *Lê Tam Ca, Lý Kiến Trúc, Danchi Nguyen*

MỤC LỤC

SỐ 71 • THÁNG BA 1995

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ - LỊCH SỬ

9 Thực dân Pháp, thực dân Mỹ, thực dân Cộng Sản *(Tôn Thất Thiện)*
13 Cải tổ hành chánh và "đổi mới" *(Quân Tử)*
19 Thế kỷ 21: đi tới hay tụt hậu? *(Nguyễn Xuân Nghĩa)*
23 Kinh tế Việt Nam mất chất xám *(Vương Hữu Bột)*
25 Phật giáo trong dòng vận động lịch sử dân tộc *(Huỳnh Hùng)*

NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN

29 Sáo bay, Sáo đậu *(Ngô Đình Vận)*
101 Đêm nhạc Đỗ Thế Phiệt *(Quỳnh Giao)*
104 Đi xem Miss Saigon ở Los Angeles *(Lê Tam Ca)*

KHOA HỌC

33 Hột mít và thuốc chữa bệnh SIDA/AIDS *(Võ Quang Yến)*
41 Nguồn gốc chủng loại *(Sơn Điền Nhuyễn Viết Khánh)*

THỜI SỰ - TẢN MẠN

35 Chuyện một người vợ *(Vi Lô)*
37 Sổ tay ký giả *(Vương Hữu Bột và Lê Đình Điểu)*
69 Thuật chiếu tướng trong thời điện tử chiến *(Hạ Long Lưu Văn Vịnh)*
89 Mạn đàm với Thang Ma *(Nguyễn Anh Tuấn)*

VĂN HỌC

68 Tình tự dân tộc *Thái Tuấn)*
73 Giấc mộng con năm 2000 *(Ngô Thế Vinh)*
79 Dị khuyển *(Hòa Bang Ngạch, Phạm Xuân Hy dịch)*
81 Quỷ ám *(Vũ Hạ)*
87 Chuyện cái đầu gối *(Phạm Xuân Đài)*
96 Bên trời hoa chẩu nở *(Hồ Minh Dũng)*

THƠ

66 Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe *(Phùng Quán)*. 70 Không cần nhớ *(Viên Phong)*. 75 Anh còn gì cho em *(Trần Hồng Châu)*. 83 Sau ngày gặp lại *(Bích Xuân)*. 84 Gửi người yêu tôi *(Nguyễn Tấn Hưng)*. 94 Thức giấc trong biệt giam *(Tô Thùy Yên)*. 98 Xin lỗi! Không có tôi *(Nguyễn Lương Hảo)*, Như Chơi *(Cao Xuân Tứ)*, Ly hôn *(Lương Nhứt Nương)*.

MỤC THƯỜNG LỆ

3 Thư tòa soạn
5 Bạn đọc viết
7 Tòa soạn và bạn đọc
8 Hộp thư trị sự
108 Vòng chân trời VHNT
110 Sách báo trong tháng

ENGLISH SECTION

45 The war in Vietnamese imagination: The southern perspectives *(Nguyen Ngoc Bich)*
50 A concert in memory of Do The Phiet *(Danchi Nguyen)*
51 Vietnamese profile: Artist Huong *(Danchi Nguyen)*
52 Book review: Rest Area *(Nguyen Dinh Hoa)*
47 Secret scent *(Phan Thi Thanh Nhan)*■

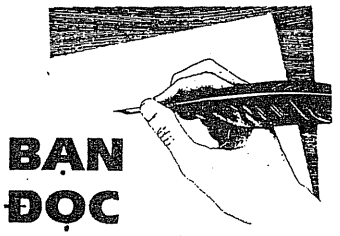

BẠN ĐỌC VIẾT

Lại RƯỞI và RƯỠI

Trong văn nói, vì lý do âm điệu và giản tiện, nhiều từ đã được thay thế bằng một từ khác hoặc đổi dấu, hoặc cả hai. Ví dụ trong hệ thống thập phân, có ba chữ được thay thế cho đơn vị nhỏ hơn đơn vị được dùng một bậc, như các chữ **một** đổi ra **mốt**, **bốn** đổi ra **tư** và **năm** đổi ra **rưỡi** (dấu ngã), và rưỡi (dấu ngã) lại đổi ra rưỡi (dấu hỏi), tùy từng trường hợp. Ví dụ: hai mươi **mốt** = 21, sáu cân **tư** = 6.40 kg, và ba nghìn **rưỡi** (hỏi) = 3,500.

Dùng **rưỡi** hay **rưỡi** để thay thế cho nửa đơn vị đứng đằng trước nó tùy theo các trường hợp sau:

Trường hợp 1. Nếu đứng đằng sau các đơn vị được dùng trong các hệ thống tiền tệ (đồng, dolla...), hệ thống đo lường (mét, yard...), hệ thống tạp số (tá, độ (góc), giờ...) thì ta viết chữ **rưỡi** (dấu ngã) để chỉ nửa đơn vị đó. Ví dụ: năm đồng rưỡi = $5.50, mười một độ rưỡi = 11 50'. Tất cả các trường hợp này, số lượng dùng đều có số lẻ chứ không phải là số nguyên (ví dụ tá là một đơn vị tạp số cũng kể là một số nguyên. Một tá rưỡi gồm 18 đơn vị số nguyên khác cũng kể là số lẻ).

Trường hợp 2. Nếu là số nguyên:

A. Hàng chục:

25 = hai chục rưỡi, 35 = ba chục rưỡi (ngã). Nhưng lối đọc này chỉ thông dụng trong một vài vùng, vài giới buôn bán nào đó. Ngoài phạm vi đó, nhiều người có thể hiểu lầm, ví dụ ba chục rưỡi có thể bị hiểu là 30.5 chứ không phải 35.

B. Trong bốn hàng **trăm, ngàn, vạn, triệu:**

Chữ **rưỡi** (ngã) được đổi thành chữ **rưỡi** (hỏi) vì lý do âm điệu. Ví dụ: Một trăm rưỡi = 150, mười vạn rưỡi = 105,000 v.v... (Phát âm chữ một trăm rưỡi (ngã) nặng nhọc hơn phát âm chữ một trăm rưỡi (hỏi) nhiều).

C. Hàng tỷ: giữ nguyên chữ **rưỡi** (dấu ngã). Ví dụ: Ba tỷ rưỡi = 3,500,000,000. cũng vì lý do âm điệu. Nếu *tỷ* đi với *rưỡi* thì đều là dấu hỏi nghe không mạnh.

D. Hàng ức = 100,000, tiếng ức rất ít dùng, nên nếu có, chữ ức đi với chữ rưỡi (ngã). Ví dụ: một ức rưỡi = 150,000 (Nhưng cách đọc thông dụng là mười lăm vạn hoặc một trăm năm chục ngàn).

Sau đây là vài ví dụ dùng cả hai chữ *rưỡi* và *rưỡi* phối hợp với nhau:

1. Một trăm *rưỡi* (hỏi) cây số *rưỡi* (ngã) = 150.5 km.

2. $35550.50 = ba mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi đồng năm mươi xu, có thể đọc là *ba vạn rưỡi năm trăm rưỡi đồng rưỡi*, nhưng ít được dùng vì kém rõ ràng và khó nhớ cho người nghe.

Xin kết luận ngôn ngữ Việt Nam có nhiều từ tương đương với nhau, việc sử dụng từ nào tùy thuộc ý thích hoặc thói quen của người sử dụng và con số được dùng phức tạp hay đơn giản.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Tú Xương (1870-1907) thi hương lần đầu tiên năm nào?

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh cho rằng Tú Xương "lều chiếu đi thi từ 15 tuổi (1885)" [Tạp chí *Thế Kỷ 21*, số Xuân Ất Hợi 1995, trang 16].

Còn nhà nghiên cứu Trần Văn Tích lại ghi nhận: "Vua Đồng Khánh lên ngôi chỉ thị mở ân khoa, tạo cơ hội cho Tú Xương vác lều chõng dự thi Hương lần thứ nhất lúc mới 17 tuổi và tất nhiên thi trượt." [Tạp chí *Làng Văn*, Toronto, Canada, số tháng 01.1994, trang 46].

Thiết nghĩ nhà nghiên cứu Trần Văn Tích trung thực hơn. Thật vậy, ngày 5 tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi mới chạy khỏi kinh thành Huế, rồi mãi hai tháng sau người Pháp mới giàn dựng được một Đồng Khánh lên ngôi thay thế Hàm Nghi (tháng 9, 1885). Như vậy, Đồng Khánh làm sao có thể tổ chức nổi một kỳ thi Hương trong vòng ba tháng còn lại của năm 1885?

Bằng Vũ, *Los Angeles*

Để nó yên hay khơi nó lên?

Đọc *Thế Kỷ 21* số Xuân Ất Hợi 1995 có bài *Hai lần hội kiến tại dinh Độc Lập* của ông Hướng Thượng Lê Đình Duyên, tôi xin có vài ý kiến.

Tôi là kẻ hậu sinh không có liên quan nhiều tới chế độ Ngô Đình Diệm, hồi đó tôi chỉ là một học sinh trung học không để ý nhiều về chính trị. Nhưng đến thời đệ nhị cộng hòa thì tôi đã thực sự sống và nghĩ về chế độ tự do cũng như cộng sản, cũng đã học hỏi nghiên cứu về chủ thuyết cộng sản và quốc gia.

... Tôi thắc mắc không hiểu tại sao quí báo lại cho đăng bài *Hai lần hội kiến...* của ông Hướng Thượng Lê Đình Duyên. Tôi không đặt vấn đề bài báo đúng hay sai. Có thể đúng vì bài báo chỉ kể ra một sự kiện. Cái thắc mắc của tôi là ở chỗ quý báo cho đăng bài đó trong lúc này để làm gì, với mục đích gì?

Riêng tôi, thiết nghĩ bài báo chẳng giúp cho dân tộc mình được tự do cơm no áo ấm hơn, chế độ CSVN hiện giờ cải tiến hơn.

Đống tro tàn đã yên, xin để nó yên, đừng khơi nó lên. Hãy khơi động cái thối nát hiện tại để cải tiến. Độc tài độc đảng, gian ác chèn ép của chính quyền CSVN hiện giờ còn tàn tệ hơn xưa cả ngàn lần, không đáng trách hay sao?

Trần Công Minh *(Jacksonville, Florida).*

Quan niệm như ông thì sẽ không có môn lịch sử, sẽ không ai viết hồi ký, và những gì đã qua sẽ không bao giờ là một bài học cho con người hôm nay. Ký ức của chúng ta sẽ làm nên kinh nghiệm để chúng ta có thể tránh những chuyện không hay trong quá khứ.

Chúng tôi đồng ý với ông là hiện nay chúng ta cần tìm cách thay đổi chế độ cộng sản tệ hại ở trong nước, nhưng như thế không có nghĩa chúng ta bỏ qua tất cả các trang khác của lịch sử. Tôn trọng sự thật là đặc điểm của con người tự do.

Tôi không quên được

Đọc *Thế Kỷ 21* tôi đặc biệt rất ưa thích các truyện viết về những kỷ niệm nhớ đời trong trại cải tạo sau năm 75. Điều đó cũng dễ hiểu vì gia đình tôi là những nạn nhân trực tiếp. Người ta kêu gọi: Hãy quên đi dĩ vãng, hãy nghĩ đến tương lai. Điều đó thật chí lý, nhưng với tôi không dễ gì quên đi dĩ vãng, huống chi cái dĩ vãng ấy nó kéo dài gần hết một quãng đời tươi đẹp nhất, và đôi lúc tác hại của nó còn kéo dài đến hôm nay, đến tương lai và có thể cho đến ngày ta nhắm mắt. Tôi không quên được.

Vinh Nguyen *(Memphis).*

Chúng tôi đồng ý. Hãy tha thứ nhưng đừng quên.

Đỉa đi đâu mất?

Đọc truyện "Nói chuyện với đầu gối" trên *Thế Kỷ 21* mới hay chuyện gì dưới con mắt nhà văn cũng là điều đáng nói, đáng chuyên chở một cái gì. Chỉ có điều thắc mắc là mấy con đỉa đi đâu mất. Anh bạn đã khổ công hy sinh dùng da thịt mình để câu đỉa mà không có công dụng gì thì buồn nhỉ.

Trần Quán Niệm *(NJ)*

Hỏi PXĐ thì được biết rằng ông thầy Tàu cầm mấy con đỉa đi để biến chế thế nào, anh không rõ (giấu nghề mà!). Chỉ đoán ông thầy băm nhỏ đỉa ra trộn chung nấu với những thứ thuốc khác.

Một số đề nghị

Tờ *Thế Kỷ 21* với hai chủ đề *ưu tư về đất nước* và *dự phóng về thế kỷ 21* là hai chủ đề lớn, không cần phải đặt ra chủ đề cho từng số báo nữa. Vấn đề là tìm được người cộng tác thêm những đề mục chuyên môn (như Nguyễn Viết Khánh và Ngô Đình Vận), đồng thời nên thêm mục Sổ Tay Ký Giả bằng cách chia bớt một ít vùng đất của thơ.

Riêng mục *Sách Báo Trong Tháng* có phần phí phạm đến sáu hoặc tám trang, nên dành lại một trang cho mục Ô Chữ mà lâu nay thấy mất tích, bằng cách bỏ hình chụp bìa những quyển sách, và người phụ trách mục này cũng nhân tiện nên đọc báo để may ra bắt gặp tin tức có chất liệu, nhặt đặt vào đấy cũng là một điều hay. Có như vậy tờ báo không cần phải tăng trang cũng có thể gói ghém được mọi điều như ý.

Đặng Thư *(Australia).*

Cám ơn anh yêu mến và thường đóng góp ý kiến cho tờ báo của chúng ta. Dựa trên thực tiễn công việc, chúng tôi đang cân nhắc các đề nghị của anh. Về việc anh muốn đổi thể thức mua báo, xin xem mục thư trị sự.

Hữu sắc vô hương

Trong bài thơ "Tiếng Xuân" của TTH đăng trên *Thế Kỷ 21* Xuân Ất Hợi có câu:

Sớm mai nở đóa hải đường hương bay.

Đọc câu đó tôi không khỏi phì cười vì tôi biết rõ hải đường là một loại hoa không có hương. Nhưng tôi thông cảm với tác giả, trong cơn say men xuân giữa một vườn hoa muôn hồng ngàn tía, có thể... ngửi lộn. Nhưng giữa không khí tỉnh táo của tòa soạn, làm sao quý vị có thể lẫn lộn, và chấp nhận được một điều rõ ràng là không có thật như vậy được nhỉ?!

Trần Văn Bắc *(Seattle)*

Quả trứng... đứng

Đọc mẩu thư của ông Trần Văn Lợi (Hòa Lan) đăng trong mục *Bạn Đọc Viết* của *Thế Kỷ 21* (số tháng 2/95, trang 8) có người cho rằng ổng "nói đùa", có người cho rằng ổng "nói thật", có người lại cho rằng ổng nói "nửa đùa, nửa thật"!

Tôi không bận tâm về điều này để tìm hiểu thêm bài viết của tôi về "quyền đối lập" (TK số 69) được ông Lợi khen, hay bị ông Lợi chê. Mối bận tâm của tôi là bàn thêm cho rõ những điều tôi chưa thể nói hết trong một bài báo.

Tìm cơ sở pháp lý cho "quyền đối lập" ở Việt Nam hiện nay là điều tương đối dễ như giai thoại Christophe Colomb (Kha Luân Bố) đập dập đầu quả trứng để cho nó đứng được!

Làm đối lập — không phải để "cho oai" mà để giành quyền sống, quyền làm người văn minh — mới là điều khó.

Ông Trần Văn Lợi có nêu lên việc kiện chính phủ Hà Nội trước Tòa Án Quốc Tế Den Hag.

Rất tiếc Tòa Án này không có thẩm quyền để xét đơn khiếu nại của tư nhân vì quy chế của nó chỉ cho nó thẩm quyền thụ lý những vụ tranh tụng giữa các quốc gia, thành viên của Liên Hiệp Quốc, hay nếu không phải là thành viên thì phải có quyết định của Hội Đồng Bảo An yêu cầu Tòa Án này thụ lý, trừ một vài ngoại lệ.

Còn các thủ tục khiếu nại trong khuôn khổ Công Ước Quốc Tế vì các quyền dân sự và chính trị cũng không thể hành xử được vì chính phủ Hà Nội tuy tham gia Công Ước nhưng không chịu để

cho Ủy Ban Nhân Quyền xét xử mình (luật quốc tế là như vậy đó!).

Chỉ còn thủ tục "1503" để khiếu nại với LHQ, nhưng cũng rất nhiêu khê. Ở Hòa Lan sẵn các cơ quan quốc tế, ông Trần Văn Lợi có thể yêu cầu được chỉ dẫn và đứng đơn khiếu nại không cần nhờ luật sư.

Về phần tôi, quả thật tôi không mấy lạc quan về những chuyện "con kiến kiện củ khoai", để chờ người ngoài phân xử. Nếu tự mình không chịu tranh đấu cho quyền sống của mình thì ai hết lòng lo cho mình? Vì thế phải bàn về quyền "đối lập". Có dịp, và có chỗ đăng ở trên báo, tôi sẽ xin bàn về những thủ tục "kiện" độc tài trước các cơ quan quốc tế để đọc cho... vui.

Trần Thanh Hiệp, *Paris.*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Trần Doãn Nho (MA): Đã nhận được "Dùng Dằng". Sẽ đăng. Cám ơn nhận xét của anh về báo *Thế Kỷ 21*. Anh nói nơi anh ở có đông người Việt, "nhưng chẳng ai thèm đọc sách báo nên báo không tới được đây." Có khi ngược lại chăng, vì sách báo không chịu tới nên người ta không đọc? Nhờ anh xem lại tình hình ở đó thực sự ra sao. Thân.

Nhuệ Hồng (San Jose): Chúng tôi đã đánh máy xong bài "Học thuyết dân chủ..." để đi trên số này thì "khám phá" ra rằng bài đó đã được đăng trên một tờ báo tại San Jose, nên đành phải ngưng lại. Chúng tôi mong mỏi trong các bài sẽ nhận (nếu có), sẽ được thông báo cho biết, cùng với *Thế Kỷ 21*, các bài đó có còn được gửi cho báo nào khác nữa không. Xin đa tạ.

Trần Trung Tín (CA): Đã nhận được bài góp ý của anh. Sẽ đăng. Về việc gửi E-mail cho *Thế Kỷ 21* xin anh thử dùng số sau đây: 75504.3510 @compuserve.com. Chúc anh đạt được kết quả.

Phạm Ngọc Khôi (Montreal): Rất vui được đón anh vào danh sách những người bạn dài lâu của *Thế Kỷ 21*. Thư của anh gửi J. NQH chúng tôi đã chuyển hộ. Mong anh đạt được nhiều quan hệ tốt.

Phạm Ngọc Lân (Pháp): Công tử Bột cám ơn bức hình và gửi lời thăm ông bà. PXĐ rất sung sướng đọc lời giới thiệu HNTMT trên TL tháng 12, 1994. Xin đa tạ.

Nguyễn Anh Tuấn (London): Đã gửi trả những đĩa lại cho anh, mong anh đã nhận được. Sự chu đáo của anh dành cho *Thế Kỷ 21* làm anh em tòa soạn rất cảm động. Vì một sơ suất, chúng tôi chưa kịp sao các bài "VT và CN" và "Ngày Chủ Nhật" mà đã gửi đĩa trả về. Vậy sắp tới nếu có gửi đĩa qua, xin cảm phiền anh cho xin lại những bài đó. Ngoài ra khi đánh bài vào đĩa xin anh lưu ý theo đúng các *tiêu chuẩn chung* trong cách thức đánh (ví dụ sau dấu chấm, phẩy, phải chừa một khoảng (one space), nên ngắt đoạn, đừng để dài quá, máy không chịu nhận, đừng đánh cách những chỗ không cần cách, v.v...) để tòa soạn đỡ vất vả điều chỉnh lại. Xin cám ơn anh nhiều lắm.

Vinh Nguyen (Memphis): Nếu hoàn cảnh không cho phép chị làm những điều *Thế Kỷ 21* đã có ý muốn nhờ thì thật đáng tiếc cho *Thế Kỷ 21*, nhưng tất nhiên chúng tôi... hoàn toàn thông cảm. Mong chị sẽ mãi là "một độc giả rất có thiện cảm với Thế Kỷ 21." Chúc chị vui luôn.

Trần Quán Niệm (NJ): Đã nhận được tờ BĐ của anh gửi biếu, rất cám ơn. Mong anh tiếp tục gửi cho những bài tìm hiểu sâu về các hiện tượng xã hội, các sự kiện trong đời sống ở đây (như trong số vừa rồi). Chỉ xin một điều: trên mỗi bài gửi đến, cần ghi rõ là có gởi cho báo nào khác không. Đa tạ.

Trần Huy Sao (San Diego): "TGNN" rất tiếc không đăng được. Mong nhận được các sáng tác khác của anh. Chúc anh chóng ổn định đời sống ở đây.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Lê thị Thu Nga (Montreal, Que CANADA), Nguyễn Đức Tùng (Toronto, Ont CANADA), Phạm Ngọc Khôi (Montreal, Que CANADA), Lê Kim Trang (Montreal, Que CANADA), Nguyễn Quốc Đạt (Garden Grove CA), Chính Tín Bùi (Annandale VA), Trần Quang Quyến (Falls Church VA), Nguyễn Ninh (N. Charleston SC), Rev Joseph Vũ (Manila PHILIPPINES), Chu văn Hai (Kingstowne VA), Nguyễn Hảo (Diamond Bar CA), Đặng Quốc Anh (San Jose CA), Nghiêm Xuân Cường (Issaquah WA), Hương Can (Rosemead CA), Hoàng thị Trang (Los Angeles CA), Anh Tôn Trang (Orleans FRANCE), Lê Đình Quang (Anaheim CA), Nguyễn Thành Vân (San Francisco CA), Vũ Phương Diệm (Manila PHILIPPINES), Đỗ văn Nhân (Nashua NH), Thiện Hỷ (Carrollton TX), Lib: City of Hindmarsh (Woodville AUSTRALIA), Khưu Ngọc Thanh (Beaverton OR), Hoa Kim Trần (San Antonio TX),

Nguyễn Duy Cung (Garden Grove CA), Nguyễn Trác Dziễm (Elmhurst IL), Lê Đình Long (Orkemos MI), Nguyễn Quang Minh (Santee CA), B: Trần (Cerritos CA), Thạch Cẩm Nguyễn (Milwaukee WI), Việt Dương (Chicago IL), Trần Doãn Nho (Worcester MA), Jade Ngọc Quang Huỳnh (Bennington VT), Đỗ thị Anh (Santa Clara CA), Võ Doãn Nhẫn (Santee CA), Trần Như (San Jose CA), Võ văn Tới (Lexington MA), Ross Mc Cormack (Bel Air MD).

Rev. Joseph Vũ (*Manila PHILIPPINES*): Đã nhận được check gia hạn đến số 78, ban phát hành đã gởi báo theo địa chỉ mới. Kính.

Phạm Anh Dũng (*Santa Maria CA*): Đã nhận được chi phiếu của ông Nghiêm Xuân Cường đặt mua hai năm báo. Tòa soạn cũng đã gởi TK 21 đến ông Thiệm Đặng từ số 70. Cám ơn anh đã giới thiệu thêm độc giả mới. Thân mến.

Lê văn Hương (Angeles): Rất vui khi nhận được thư ông. Cám ơn những nhận xét và ý kiến của ông về TK 21. Thân quý.

Vũ Phương Diệm (*Manila PHILIPPINES*): Vừa nhận được chi phiếu $61.20 của bạn đặt mua hai năm báo TK 21, đó là giá gởi trong nước Mỹ. Gởi sang Philippines, nếu bằng tàu thủy giá $103.92, bằng máy bay giá $154.80 (đây đều là những giá cũ, chưa tăng). Chúc vui.

Nguyễn Trác Dziễm (*Elmhurst IL*): Cám ơn lời chúc tốt đẹp của ông dành cho toà soạn, đã gởi gấp báo số 68, 69, 70. Mong rằng từ nay, TK 21 sẽ đến với ông đều đặn. Thân chào.

Việt Luận (*S. Victoria AUSTRALIA*): TK 21 đã nhận được chi phiếu $200, nhưng không rõ để trả cho khoản gì. Nếu là tiền báo của cả năm 1994 thì tổng số là $720 (USD), sau khi đã trừ hoa hồng. Vậy xin quý vị thanh thỏa cho số còn thiếu. Cám ơn và chúc vui luôn.

Gia Du (*Úc*): Tòa soạn cho biết từ khoảng sáu tháng nay không nhận được báo DV. Gần đây có nhận được một số Xuân. Xin chuyển lời cám ơn tới các anh. Còn trị sự, xem lại sổ sách, chúng tôi thấy năm qua chúng tôi vẫn gửi báo đều, bằng máy bay, mà chưa nhận được... check từ bên ấy gửi qua! Riêng cước phí đã gần $1,500 (USD) rồi. Nếu cứ tiếp tục như hiện nay, TK 21 đến đi theo... quận Cam mất! Xin cứu nguy dùm. Thân chào.

Vũ Quốc Liên (*El Cajon CA*): Đã gởi báo số Tất niên và Tân niên theo địa chỉ mới. Thân kính.

Bùi Khuyến (*Seattle WA*): Địa chỉ ông cho, đúng là địa chỉ mà bấy lâu nay ban phát hành vẫn gởi báo đều đặn , đã gởi số Tân niên đến ông. Kính.

Đặng Thư (*Australia*): Ban phát hành xin đồng ý với đề nghị thứ nhì của ông: bao giờ nhận được thư kèm theo lệnh phiếu, sẽ gởi đến ông những số báo và sách mà ông yêu cầu. Thân chào.■

SÁCH MỚI

Nhà phát hành **THẾ KỶ** hân hạnh giới thiệu các sách mới sau đây. Quý vị độc giả của báo *Thế Kỷ 21* có thể đặt mua các sách này nơi nhà phát hành **THẾ KỶ**, được bớt 10%.

1. **Ngụ Ngôn La Fontaine**, tập I: $10.00
2. **Ngụ ngôn La Fontaine**, tập II: $10.00
3. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập I: $25.00
4. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập II: $25.00
5. **Tự Điển Giải Nghĩa Điện Toán**, của *Lê Thiệu Lương* và *Đỗ Thông Minh*: $20.00
6. **Phiên Dịch Sách Báo Anh Việt**, của *Nguyễn Văn Tạo*: $30.00
7. **Để Thương Để Nhớ**, của *Nguyễn Sĩ Tín*: $12.00
8. **Super mini Dictionary** (lớn): 3500yen.
9. **Super mini Dictionary** (nhỏ): 2911yen.
10. **Tự Điển Tin Học Tổng Hợp**, của *Đỗ Thông Minh*: $30.00
11. **Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ**, của *Bửu Sao*: $15.00.
12. **Na Uy và Tôi**, của *Nguyễn Thị Vinh*: $15.00

THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

Nhà Xuất Bản THẾ KỶ
SÁCH MỚI

Quý độc giả của tạp chí *Thế Kỷ 21* mua sách do nhà **THẾ KỶ** xuất bản sau đây được bớt 10% giá sách và được tặng một băng nhạc!

1. **Thơ Bùi Giáng**: $8.00
2. **Hà Nội Trong Mắt Tôi**, của *Phạm Xuân Đài*: $10.00
3. **Đàn Bà**, của *Hải Vân - Phạm Văn Hải*: $10.00
4. **Câu Chuyện Của Lá Phong**, của *Trần Mộng Tú*: $10.00
5. **Vùng Đá Ngầm**, của *Hà Kỳ Lam*: $10.00

Ghi chú: Cuốn **Nửa Đời Nhìn Lại** của *Tiêu Dao Bảo Cự* đã hết, sắp in lại.

Đón đọc sẽ ra trong nay mai:

□ **Tắm Mát Trên Ngọn Sông Đào**, thơ của *Trần Hồng Châu*.
□ **Hoa Vàng Cũ**, năm vở kịch thơ của *Phạm Xuân Tích*: $12.00

THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

THỰC DÂN PHÁP, THỰC DÂN MỸ, THỰC DÂN CỘNG SẢN

*Vài bài học lớn của lịch sử Việt Nam cận kim và hiện đại qua những tác phẩm của Hoàng Trọng Thược, Phạm Văn Lưu và Bửu Sao **

TÔN THẤT THIỆN

Trong dịp nghỉ lễ Giáng Sinh vừa qua, tôi mang theo ba quyển sách về sử Việt Nam mà tôi nhận được từ lâu nhưng chưa có thì giờ đọc. Mới nhìn qua thì những tác phẩm đó chẳng liên hệ gì với nhau cả. Cụ Hoàng Trọng Thược viết về vua Duy Tân; Phạm Văn Lưu viết về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm; và Bửu Sao viết về chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại. Mang theo ba quyển sách đó cùng một lúc chỉ là một sự ngẫu nhiên. Nhưng đọc xong tôi lại cho đó là một điều rất may, vì đọc cả ba trong cùng một thời gian, tôi nhận thấy một sự kiện chung nổi bật: nó trình bày đúng cách lịch sử Việt Nam cận kim và cận đại, và do đó không những gây hứng thú, mà còn giúp độc giả Việt Nam biết thêm một số chi tiết quan trọng về các thời Duy Tân, Ngô Đình Diệm và về chế độ cộng sản hiện tại. Đó là những đóng góp đáng kể về sử học. Đồng thời nó chứa đựng một số bài học rất bổ ích về thực dân cổ điển - thực dân Pháp và Mỹ , và thực dân mới - thực dân cộng sản , và làm sáng tỏ một số nhược điểm đã gây tai hại lớn cho dân tộc ta trong quá khứ, và còn đe dọa dân tộc ta trong tương lai.

I. Đọc và viết sử Việt Nam

Trước hết tôi thấy cần nhấn mạnh một điều mà theo tôi, những người đọc sử không chú ý lắm trong quá khứ, đó là đòi hỏi sử gia viết về Việt Nam 1)phải hiểu rõ những yếu tố xã hội và văn hóa về dân tộc Việt Nam; 2)phải sưu tầm tài liệu một cách đầy đủ, cứu xét thận trọng và trung thực theo đúng tinh thần khoa học, trình bày sự kiện một cách khách quan, xác thực và vô tư, và dùng ngôn ngữ tao nhã. Ai có sưu tầm nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trong 50 năm qua chắc cũng phải công nhận rằng những điều kiện trên đây đã không được thỏa mãn. Trong số hàng ngàn sách ngoại ngữ về Việt Nam mà họ thấy trên các kệ sách, ít nhất tám phần mười là những sách không có thiện cảm với Việt Nam không cộng sản hoặc chống cộng sản, và trực tiếp hay gián tiếp tuyên truyền cho cộng sản - lên án sự can thiệp của Pháp và nhất là Mỹ ở Việt Nam nhưng không nói gì về sự can thiệp của Liên Sô và Trung Cộng, và phần khác, đề cao Hồ Chí minh và phía Cộng Sản, nhưng lại làm ngơ về những hành vi thô bạo, hy sinh dân tộc và hủy hoại xứ sở của họ.

Lý do chính của tình trạng trên đây là, về phương diện trước tác lịch sử, sân khấu Việt Nam bị những giới chính trị, đại học và báo chí Tây phương thiên tả chống Mỹ (và chống lây luôn đồng minh của Mỹ là phía Việt Nam chống Cộng) và những thành viên của khối cộng sản quốc tế chiếm đoạt. Một số lớn của những giới thiên tả này là những nhà khoa bảng hay ký giả có uy thế. Trong khi đó, về phía chống cộng, đặc biệt là trong hàng ngũ Việt Nam, rất ít người có đủ hăng hái, đủ phương tiện, hoặc hội đủ diều kiện về huấn luyện về khoa sử học để có thể sáng tác những tác phẩm có giá trị, đủ phẩm chất khoa học để có thể đối đầu với khối chống Việt Nam nói trên. Điều này rất rõ khi ta vào các thư viện và nhìn những kệ sách: rất ít, nếu không nói là hầu như không có, tác phẩm của người Việt chống cộng - vì những tác phẩm mà tác giả là người Việt thì hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn mà giới sử gia quốc tế đòi hỏi, hoặc không viết bằng các ngoại ngữ phổ biến, hoặc các thư viện thấy cần phải mua.

Rõ ràng rằng có một nhu cầu rất lớn về phía người Việt chống cộng, đó là viết những tác phẩm về Việt Nam, đứng về quan điểm quốc gia Việt Nam, nhưng tôn trọng những tiêu chuẩn khoa học đứng đắn về sáng tác để tác phẩm mình có thể thu hút được nhiều độc giả và được các thư viện mua đặt lên kệ sách của họ.

Vì lý do trên, tôi rất mừng rằng ba tác phẩm nói trên là những tác phẩm đáp ứng những tiêu chuẩn của sử học. Các tác giả đã bỏ nhiều công thu thập tài liệu, lựa chọn kỹ càng, phân tách rất sáng suốt khách quan, và trình bày một cách rõ ràng, công minh, tự chế, dùng lời lẽ rất tao nhã, tuy rằng họ không dấu cảm tình của họ. Đây là loại sách mà **người Việt** nên viết, càng nhiều chừng nào càng tốt chừng đó. Trước là cho chính người Việt đọc

để biết thêm một cách đích xác về lịch sử của xứ sở, kế đến là lâm thời có thể được dịch ra để đưa vào thư viện các nước để tái lập cán cân sự thực đã bị các giới Tây phương thiên tả, hay tuy hữu khuynh nhưng vẫn thân cộng (để làm ăn), và các thành viên của khối cộng sản, làm thiên lệch một cách bất lợi cho phía Việt Nam không cộng sản.

Bây giờ tôi bàn riêng đến từng tác phẩm. Vì những tác phẩm này rất phong phú nên, trong khung cảnh chật hẹp của bài này, tôi chỉ có thể bàn đến một số khía cạnh mà tôi cho là đáng chú ý.

II. "Hồ sơ vua Duy Tân" của cụ Hoàng Trọng Thược

Trong hai quyển sách về vua Duy Tân mà tôi đem theo, tôi đọc cuốn *Hồ sơ Vua Duy Tân* của cụ Hoàng Trọng Thược trước, và quyển *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng Tử Vĩnh Sang* của ông Vũ Ngự Chiêu sau. Đó là một sự lầm đáng tiếc, mà tôi tưởng quý độc giả nên tránh. Tôi đề nghị quý vị đọc tác phẩm của Vũ Ngự Chiêu trước.

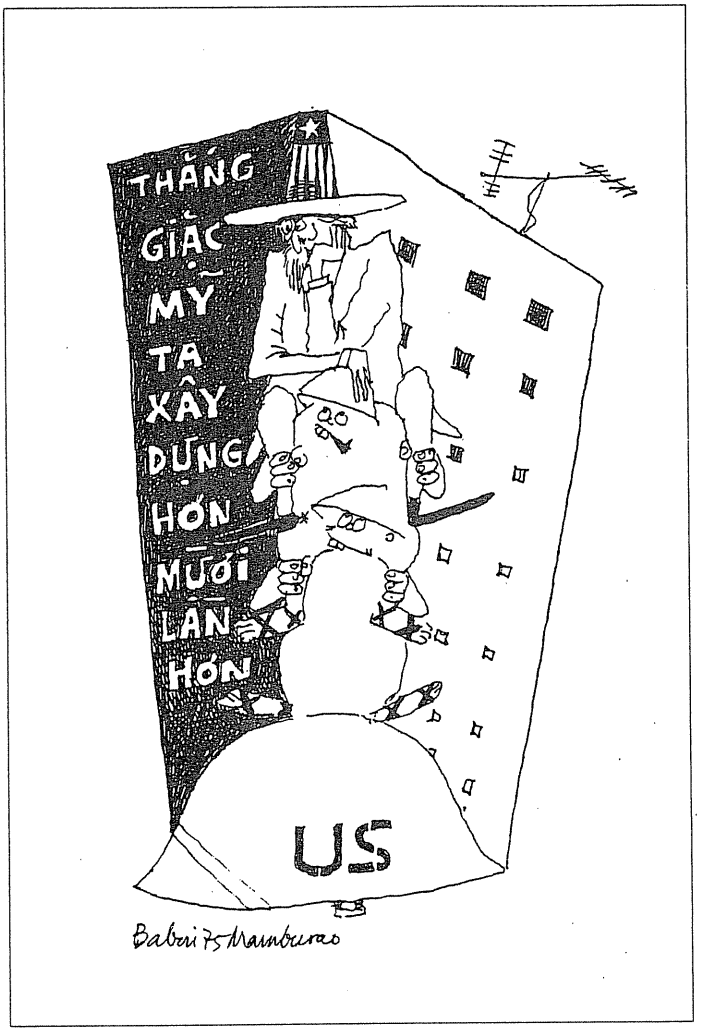

Tại sao? Tại vì như thế quý vị mới thấy cái nguy về viết sử Việt Nam mà chỉ dựa vào tài liệu của người ngoại quốc và của văn khố ngoại quốc, như ông Vũ Ngự Chiêu đã làm. Ông Chiêu nói rằng: "Tài liệu chính yếu của chúng tôi là văn khố Pháp..." (tr.14).Cộng thêm vào đó là một số tác phẩm. Hầu hết các tác phẩm này viết bằng ngoại ngữ và tác giả là người ngoại quốc. Chỉ có bảy tác phẩm của người Việt, trong đó có bốn cuốn bằng tiếng Anh: Ba của chính ông Chiêu (hai bằng tiếng Anh, một bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp), một của cụ Phan Chu Trinh (nhưng bằng tiếng Anh, do ông ta dịch), một của Tai, Hue Tam Ho; và hai bằng tiếng Việt: một của cụ Phan Bội Châu và một của tướng Võ Nguyên Giáp.

Ông Chiêu là một nhà khoa bảng xuất thân từ các đại học Hoa Kỳ, và được huấn luyện về phương pháp viết sử. Tất nhiên ông phải am hiểu về phương pháp sử học. Ngay trong phần "Dẫn nhập" ông cảnh cáo rằng biên khảo, nghiên cứu sử học phải "vượt trên thiên kiến cá nhân... nghiêm túc luôn luôn tách biệt khỏi sự yêu ghét thông thường của mỗi cá nhân" (tr.15). Nhưng vì ông chỉ dùng tài liệu của văn khố Pháp nên ông đã không khỏi bị nhiễm quan điểm của thực dân Pháp về vua Duy Tân, cùng thái độ khi miệt vua này của họ.

Ngay tít bìa đã nói lên sự thiên kiến ác cảm của tác giả đối với vua Duy Tân: theo thực dân Pháp, ông đã tước chức vị hoàng đế của vua, giáng ông này xuống hàng "hoàng tử", và chỉ gọi ông là "Hoàng tử Vĩnh Sang." Về phê phán kế hoạch của de Gaulle cùng ý đồ của ông ta và của vua Duy Tân thì vua đã thiệt mạng và de Gaulle đã từ chức trước khi kế hoạch thi hành, nghĩa là chúng ta không thể biết nó thực hư ra sao, và hai vị này thực sự có lương thiện và cao thượng hay không. Có thể là không, và vua Duy Tân chỉ muốn trở lại ngôi vua và sẵn sàng làm bù nhìn cho Pháp, và de Gaulle chỉ muốn dùng vua Duy Tân để tái lập chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam. Nhưng cũng có thể là vua Duy Tân và tướng de Gaulle thực tình, và nhờ đó dân Việt Nam được thực sự độc lập thống nhất mà lại tránh khỏi một cuộc chiến tranh tàn khốc, không biết bao nhân mạng khỏi bị hy sinh, xứ sở khỏi bị tàn phá và cộng sản không hy vọng gì cướp chính quyền và làm cho dân Việt Nam bị điêu đứng như ngày nay. Tuy vậy ông Vũ Ngự Chiêu vẫn viết: "Hoàng tử Vĩnh Sang, nói cho cùng (sic!), chỉ là một trong những lá bài ngoại nhân đã đào tạo (sic!), lập, phế, để phục vụ nhu cầu quyền lợi quốc gia của họ..."

(tr.14) Và ông kết luận với một tư tưởng mà người Việt bình thường không khi nào có, và nhất là nói lên, về một người đã chết, dù người ấy là kẻ thù của mình: nó chết là đáng! Ông viết: "Xét cho cùng (sic!), cái chết của Vĩnh Sang (sic!) - dù đột ngột bi thảm, và mất mát lớn lao với gia đình Hoàng tử - có lẽ là hồi kết hợp lý nhất (sic!) cho một nạn nhân tội nghiệp của chế độ thực dân Pháp." (tr.85)

Ông Chiêu đã đi xa hơn cả cộng sản Việt Nam, vì chính quyền cộng sản đã cho gia đình của vua Duy Tân đưa hài cốt của ông ta về Việt Nam an táng công khai, long trọng và rầm rộ như một anh hùng cách mạng của Việt Nam.

Khác với ông Vũ Ngự Chiêu, Cụ Thược không phải là một nhà khoa bảng về môn sử học, mà cũng không được cái may mắn học đại học. Nhưng Cụ lại làm rất đúng phương pháp của sử gia! Tuy rằng Cụ không dấu cảm tình và sự khâm phục sâu đậm của Cụ đối với vua Duy Tân, Cụ lại hết sức cẩn thận đứng qua một bên để độc giả tự phê phán. Trong "Lời nói đầu" Cụ nói rõ Cụ đã chọn phương pháp sử học khiến người đọc "khỏi bị ảnh hưởng của người viết" (tr.23), và cụ đã làm đúng như thế. Cụ đã công phu tham khảo nhiều tài liệu Pháp **lẫn Việt Nam** ở Paris **và Sài Gòn, Huế,** và đã mất rất nhiều công liên lạc, tiếp xúc với nhân chứng **Việt Nam**. Và Cụ đã trình bày những tài liệu đó một cách đầy đủ, vô tư. Một số tài liệu đó, như những hồi ký của Sư bà Diệu Không, những mẫu chuyện do các cụ Võ Văn Triêm, Tôn Thất Sa, Lê Thanh Cảnh, Ưng An v.v..., chưa xuất bản hoặc ít người biết đến. Đó là những tài liệu không những rất quý báu cho những người nghiên cứu về sử Việt Nam thời Thành Thái và Duy Tân, mà đồng thời giúp cho mọi người Việt biết rằng, về hai vị vua này, ngoài những tài liệu chính thức và tác phẩm Pháp nêu lý do tại sao Pháp truất phế và đày hai vị này khỏi xứ, có những lý do khác không trùng hợp, hay ngược với lý do của người Pháp, mà chỉ có thể biết được qua tài liệu và nhân chứng **Việt Nam**.

Qua những tài liệu và nhân chứng này, vua Thành Thái bị truất phế không phải vì ban đêm cho đi bắt cóc đàn bà con gái vì tính dâm dật, mà đó là một dàn cảnh để lập một đội nữ binh để đánh Pháp. Thời đó, gia đình nào mà dám nói con mình, nhứt là con gái, tự nguyện vào cung vua ban đêm, mà để luyện quân sự chống Pháp? Còn vua Thành Thái khinh miệt đám quần thần quanh mình theo Tây và công khai mạt sát họ, làm cho họ có ác cảm với ông ta; ông phải giả vờ điên có thể tự do có những hành động chống Pháp hay lăng mạ quần thần theo Pháp như vậy; vì vậy ông bị gán cái tội nóng nảy và điên.

Về vua Duy Tân thì thực dân Pháp cứ cho ông ta là con nít, và không thể có hành động chống Pháp. Nhưng khi kế hoạch thất bại, Vua không phủ nhận mục tiêu chống Pháp, và từ chối che lọng, nghĩa là chấp nhận thà mất ngôi chớ không phủ nhận hành vi cách mạng của mình. Trong những cuộc đối thoại với thực dân Pháp ở Huế, cũng như với cận thần của de Gaulle, Vua đã tỏ ra là ông ta có tác phong của một ông vua, ngôn ngữ xứng đáng với một ông vua. Sau khi bị bắt ở núi Thiên Thai gần Huế, khi khâm sứ Charles hỏi ông ta: "Eh bien, Sire, vous êtes content de votre équipée?" (Bệ hả hài lòng về cuộc du ngoạn của Ngài không?), ông ta trả lời: "Non! Puisqu'elle n'a pas réussi!" (Không, bởi vì tôi đã không thành công) (tr.191). Khi được hỏi về vấn đề de Gaulle đưa ông lên lại ngôi vua, ông ta trả lời: "Tôi đâu cần được ai ban chức hay tấn phong; tôi vẫn là hoàng đế hợp pháp; tôi có thoái vị bao giờ đâu; tôi chỉ trở về xứ tôi bên cạnh ông de Gaulle..." **

Những lời trên đây là ngôn ngữ của một ông vua. Cũng như phản ứng của vua Thành Thái khi được hỏi về một bài thơ của Hoàng Cao Khải, mà người ta tưởng rằng của ông ta. Bài thơ có câu than phiền: "Trẫm vi Thiên tử tối gian lao." Vua Thành Thái trả lời: "Một vì thiên tử xứng danh hiệu ấy không bao giờ than phiền gian khổ vì việc nước, và cũng không bao giờ phó mặc kẻ dưới giải quyết việc nước, mà phải lãnh trách nhiệm đối với quốc dân đồng bào. Một ông vua có những tư tưởng và hành động như vậy là một ông vua hèn! Tôi không phải là một ông vua hèn nên không bao giờ sáng tác một bài thơ có giọng hèn như vậy." (tr.298)

Sự kiện trên đây do ông Lê Thanh Cảnh, một nhân chứng thời Thành Thái, kể lại. Nếu ta chỉ đọc tài liệu Pháp thì làm sao mà có những chi tiết này! Nhờ phỏng vấn ông Lê Thanh Cảnh và một số nhân chứng **Việt Nam** khác mà cụ Hoàng Trọng Thược đã cho ta biết những chi tiết làm sáng tỏ một số khía cạnh rất quan trọng về các Vua Thành Thái và Duy Tân, và của dân tộc Việt Nam. Cùng với Vua Hàm Nghi, họ là ba vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn có thể nói là đại diện cho dân Việt, và đặc biệt là một đức tính của dân Việt: dân ta không hèn.

Hành vi của dân chúng trong những phong trào kháng Pháp, Cần Vương, Phan Đình Phùng, các vụ Yên Bái, Nam Kỳ khởi nghĩa, trong hai cuộc chiến 1946-1954 và 1959-1975 chứng minh rằng dân Việt không hèn. Nhưng họ lại là nạn nhân của hai tệ hại: dốt và lãnh đạo kém. "Dốt" đây không có nghĩa là thất học, nhưng là tuy có học mà lại thiếu những điều cần thiết cho một quốc gia muốn canh tân phát triển, và thiếu hiểu biết về thế giới bên ngoài. Lãnh đạo "kém" không phải là kém về yêu nước và dũng cảm, nhưng kém về hiểu biết thế giới, không đủ khôn ngoan, khéo léo, thấy xa để lèo lái thế nào cho dân tộc tránh khỏi tai vạ chiến tranh tàn khốc và lâu dài mà vẫn được hưởng độc lập tự do, công bằng phát triển và tiến bộ, như lãnh đạo các nước Đông Nam Á đã làm.

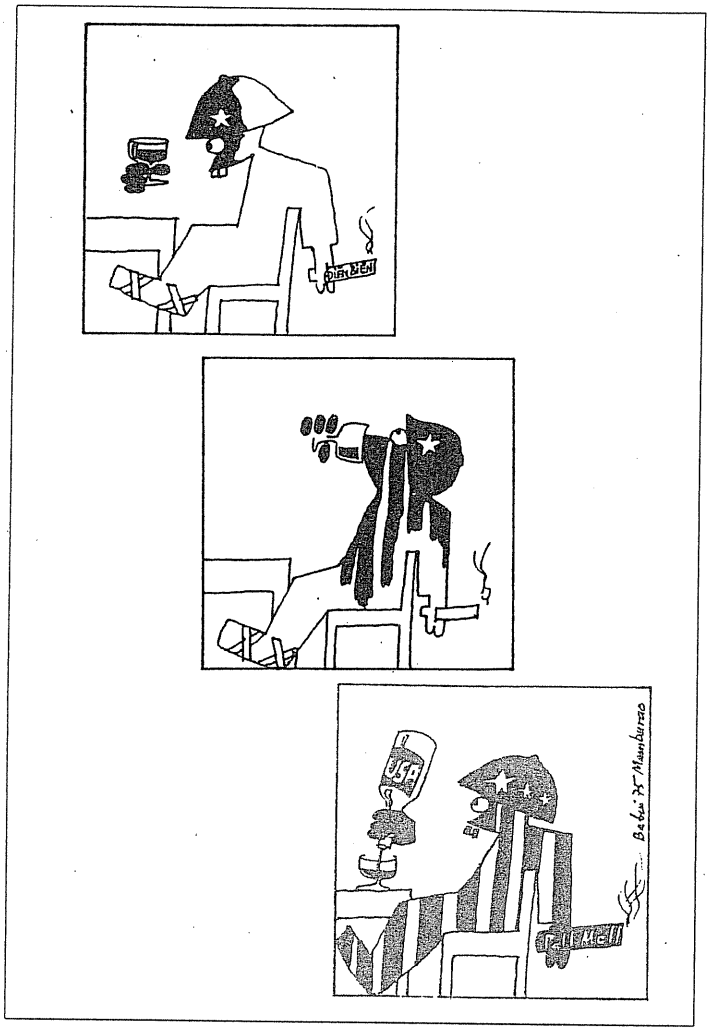

Giai đoạn lịch sử trên đây cho ta những bài học gì? Một bài học lớn là: vì dốt nên dân Việt Nam yếu, và vì yếu nên mới bị Pháp lấn áp và dần dần cướp chủ quyền. Đến cuối đời Tự Dức, vua, quan, dân Việt Nam đành bó tay nhìn thực dân Pháp tung hoành. Những tài liệu Việt Nam mà cụ Thược thu thập được đã mô tả chi tiết thái độ hống hách, xấc xược, lấn áp của những tên thực dân như Rheinart, de Courcy, Charles, Roumé... đối với vua quan Việt Nam, và sự hoàn toàn bất lực của những người này trước những hành vi đó.

Trách nhiệm chính về tình trạng này không thuộc về ba Vua Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân, mà về ba vua trước đó, đặc biệt là về Vua và Triều đình Tự Đức. Vua và Triều dình này đã gạt bỏ những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ về canh tân, và đặt xứ sở vào tình trạng nghịch lý vừa yếu vừa hung hăng: đánh thì thua, nhưng không chịu hòa, cứ tiếp tục đánh, cho Pháp có cớ và cơ hội chiếm dần dần lãnh thổ, và cuối cùng, luôn cả chủ quyền của Việt Nam.

Hành động của ba vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân và triều đình chỉ là "barous d'honneur": phải làm vì bổn phận và danh dự. Những cuộc khởi nghĩa của họ không thể thành công được, cũng như những cuộc khởi nghĩa của những nhà cách mạng Nho giáo (Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu) hay của những nhà cách mạng mới (Quốc Dân Đảng). Tình trạng này kéo dài đến 1945, và ngay cả những khởi nghĩa do đảng Cộng Sản lãnh đạo (Thái Nguyên, Đô Lương và Nam Kỳ) cũng chung một số phận.

Lý do của những sự thất bại nói trên là dân ta không hèn, nhưng rất thực tế. Sau những thất bại thê thảm và ngoạn mục dưới triều Tự Đức dân chúng hiểu là Pháp quá mạnh và Triều đình quá yếu, không làm gì được. Xông ra cựa quậy chẳng đến đâu, chỉ hại thân. Những cuộc khởi nghĩa dưới hai triều Hàm Nghi và Duy Tân là những cuộc khởi nghĩa mà trong đó có cả vua, quan và dân tham gia. Sau đó từ triều Đồng Khánh cho đến 1945 các cuộc cách mạng thất bại ngay từ đầu vì không có sự tham gia tích cực của đại chúng: dân ta hiểu rõ tình hình và tránh những chuyện phiêu lưu.

Một điều cần chú ý nữa là, thay vì bênh vua mình, những đình thần của các vua Thành Thái và Duy Tân lại làm ngược lại. Họ cho rằng thái độ chống Pháp của vua Thành Thái là "điên", hành động bảo vệ chủ quyền quốc gia của vua Duy Tân là "làm loạn", và ngoại trừ cụ Ngô Đình Khả, thân phụ của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chịu bị giáng ba cấp và cất chức hơn là tham dự vào việc truất phế vua, họ đã đồng tình yêu cầu Pháp truất vị nguyên thủ của nước, nghĩa là yêu cầu ngoại quốc can thiệp sâu vào nội bộ của xứ sở mình. Thời Ngô Đình Diệm ta lại thấy tái diễn tuồng này, như Phạm Văn Lưu cho thấy qua tác phẩm của ông ta.

(còn một kỳ)

Chú thích

* 1/ Hoàng Trọng Thược, *Hồ sơ Vua Duy Tân*, Mõ Làng, San Francisco, CA, 1993, cùng: Vũ Ngự Chiêu, *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vĩnh Sang*, Văn Hóa, Houston, Texas, 1992.

2/ Phạm Văn Lưu, *Ngô Đình Diệm và bang giao Việt Mỹ 1954-1963*, Center for Vietnamese Studies, Melbourne/Paris/ Los Angeles, 1994.

3/ Bửu Sao: *Những mối ưu tư của người Việt đôi bờ*, Nhà xuất bản Tân Lạc, New York, 1994.

** Institut Charles de Gaulle, *De Gaulle et l'Indochine 1940-1946*, Plon, Paris, 1982.

CẢI TỔ HÀNH CHÍNH VÀ "ĐỔI MỚI"

QUÂN TỬ

Trong năm 1994, VN đã bàn nhiều đến việc cải tổ hành chính. *Thế kỷ 21* trong số 70 (Tháng Hai, 1995) đã cho độc giả thấy là khi kinh tế được "cởi trói" thì cũng đòi hỏi việc "cởi trói cơ cấu" để có thể hữu hiệu hóa kinh tế. Một số nghiên cứu quốc tế, các cơ quan như UNDP, World Bank, IMF, AsDBk, v.v đều kết luận là trên phương diện kỹ thuật, muốn phát triển kinh tế phải "cởi trói" cho kinh tế nghĩa là bỏ bớt các phiền hà và thủ tục rườm rà, giải tư các xí nghiệp quốc doanh, nâng cao trình độ học vấn và kỹ thuật của dân, có luật lệ và hệ thống tòa án công minh và điều cần nhất là phải có chính sách cai trị [governance] tốt. Vậy theo các chuyên gia thì các yếu tố chính để phát triển nhanh là: có tự do kinh doanh, có luật lệ bảo vệ đầu tư và quyền tư hữu, có cơ cấu luật pháp và hành chính tốt thì mới phát triển nhanh, mạnh và lâu bền được.

Không có luật lệ tốt, không có cơ cấu để thi hành luật lệ và không có hành chính tốt thì làm sao có nhà nước pháp trị được? Do đó, một trong những vấn đề lớn và được bàn nhiều tại VN là việc xây dựng một nhà nước pháp trị và một nền hành chính hiện đại.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh [1946-1975] hành chính lẫn lộn với chính trị và quân sự. Trách nhiệm của bí thư Tỉnh, Huyện ủy và Chủ tịch Tỉnh, Huyện lẫn lộn. Nay cơ cấu đó [hành chính chưa được coi như một khoa học quản trị và tách hẳn ra khỏi chính trị] không thích hợp nữa cho kinh tế thị trường. Những người có trách nhiệm tại VN, Chính Phủ [CP] cũng thấy những điều này.

Bài này trước hết sẽ (1) nói qua về công cuộc "Đổi mới" và những hậu quả về cơ cấu, sau đó (2) sẽ nói về nền hành chính VN hiện tại, (3) rút những kinh nghiệm hành chính tại Trung Quốc và các nước láng giềng như Singapore, Nam Hàn và (4) sau hết nêu lên các vấn đề phải được giải quyết trong tương lai gần.

1. Đổi mới và hậu quả về cơ cấu

Theo các chuyên viên phát triển kinh tế thì các yếu tố để phát triển hữu hiệu và lâu dài là: (1) Cởi trói kinh tế và (2) Khung cảnh luật lệ rõ ràng và nền hành chính tốt.

1.1 Cởi trói kinh tế

Kinh nghiệm cho thấy là kinh tế chỉ huy theo kiểu quốc doanh thiếu hiệu quả. Từ khi "đổi mới" VN đã "cởi trói" nông nghiệp và để cá nhân tự do kinh doanh. VN đã cởi trói kinh tế qua việc cho phép nông dân làm ăn theo kiểu cá thể và bãi bỏ các "hợp tác xã", thả nổi "hối đoái", dùng giá cả thị trường làm chuẩn, thay đổi hệ thống tiền tệ và ngân hàng, cởi trói cho phép tư nhân sản xuất và khuyến khích ngoại quốc đầu tư vào VN và cùng lúc khuyến khích các xí nghiệp xuất khẩu lấy ngoại tệ.

THỐNG KÊ CĂN BẢN (%)

	1989	1990	1991	1992	1993	1994*
GDP (%)	7.1	4.5	6.0	8.7	8.1	8.5*
Nông nghiệp	6.9	6.8	2.2	7.2	3.8	3.9*
Công nghiệp	7.2	3.7	9.9	14.6	12.1	12.9*
Dịch vụ	7.9	7.2	9.9	9.9*		
Lạm phát	67.5	17.5	5.2	10.5*		

Viện Thống kê, UBKHNN

Từ năm 1989, VN đã tiến một cách khả quan về kinh tế, nhất là trên phương diện vĩ mô. Lạm phát đã giảm nhiều, Tổng sản lượng Quốc Dân (GDP) gia tăng đều. Các con số thống kê chính thức cho thấy kết quả sau đây:

GDP gia tăng khả quan trung bình từ 6-8.5%/năm. Lạm phát cũng giảm nhiều đi từ 400 %/năm hồi 1985/86 xuống còn 10.5%/năm vào năm 1994. Về hối suất thì tương đối hối suất khá ổn định, không xê dịch nhiều. Nay vào đầu năm 1995, 1 US$ ăn 11.000 đồng.

VN đã hái gặt nhiều thành quả tốt và đã trở thành nước đứng thứ ba về việc xuất cảng gạo. Gia tăng trong nông nghiệp rất rõ ràng vì chỉ trong bốn năm, VN đi từ tình trạng thiếu gạo đến tình trạng xuất cảng. Nông nghiệp là một trong ba ngành xuất cảng chính của VN [gạo và sản phẩm nông nghiệp, dệt và may mặc và dầu khí]. Nông nghiệp nay ngày càng "đa dạng hóa" gồm các mặt hàng như trà, cao su, cà phê, dâu tằm, hoa quả, hạt điều, hạt tiêu, vv. các sản phẩm ngư nghiệp như: tôm, cua, cá đông lạnh và các sản phẩm phụ khác.

Các xí nghiệp quốc doanh cũng được "cởi trói".

Ban quản trị phải tự lo liệu và lấy quyết định về sản xuất trong việc quản trị hàng ngày. Các xí nghiệp công nghiệp nhẹ trong ngành biến chế các sản phẩm, dệt/may mặc và xây cất khá thành công.

Dịch vụ, trước kia không được khuyến khích trong môi trường XHCN, nay phát triển nhanh chóng. Việc này cũng nhờ rất nhiều vào tập tục và nếp sống của dân miền Nam chưa quên hẳn cách làm ăn theo kiểu thị trường.

Từ 1988 đến tháng 12 năm 1994, đã có 46 nước và 948 dự án đầu tư được Ủy Ban Đầu Tư và Phát Triển (UBDTPT) chấp thuận với trị giá là US$ 10.2 tỷ. Viện trợ của các nước Tây Phương cũng tăng. Năm 1993, VN được hứa tài trợ US$ 1.8 tỷ và năm 1994 được hứa US$ 2 tỷ.

Nói tóm "cởi trói" giúp cho kinh tế VN phát triển nhanh chóng. Đây là hiện tượng "lò xo". Trong nhiều năm kinh tế cá nhân đã bị cấm nay có dịp "bung ra". Nhưng cởi trói cũng mang lại nhiều hậu quả về cơ cấu và đòi hỏi thay đổi.

1.2 Hậu quả của "Đổi Mới" về cơ cấu

Nếu cởi trói kinh tế mà giữ nguyên luật lệ cũ, cơ cấu hành chính cũ thì không thể thực hiện tốt các chính sách phát triển. Hậu quả đầu tiên của "Đổi Mới" là việc chấp nhận kinh tế nhiều thành phần. Việc này đã mang lại việc sửa đổi Hiến Pháp (HP). HP 1992 đã công nhận kinh tế nhiều thành phần.

Việc "cởi trói" các xí nghiệp quốc doanh cũng mang lại nhiều thay đổi trong luật lệ điều hành xí nghiệp. Trước đây trong thời kỳ "bao cấp" [trước Đổi mới] các xí nghiệp phải sản xuất theo chỉ tiêu của Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước (UBKHNN). Các xí nghiệp trực thuộc các bộ và được sự trợ giúp của ngân sách về đầu tư và vốn luân chuyển. Lời lỗ do ngân sách nhà nước chịu hết. Quản trị xí nghiệp là sản xuất đúng hay vượt chỉ tiêu UBKHNN. Nguyên liệu là do nhà nước cung cấp. Vì "cởi trói" ban quản trị xí nghiệp phải có trình độ cao vì phải biết về sản xuất, tiếp thị, tài chính vv. Các dịch vụ, mua bán là do xí nghiệp tự quản, không được trợ giúp như trước kia.

Muốn thu hút ngoại tệ và kỹ thuật tân tiến qua việc đầu tư ngoại quốc thì phải có luật đầu tư. Có luật đầu tư thì phải có luật về khế ước, có luật thương mại, và khi có tranh chấp lao động, thương mại giữa các xí nghiệp ngoại quốc với xí nghiệp trong nước, thì phải có tòa án hòa giải hay lao động, thương mại, vv... Ngoài ra ai có thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết? Giải quyết trên căn bản nào? Có đầu tư ngoại quốc thì phải có chuyển ngân và cơ quan làm dịch vụ chuyển ngân. Ai có quyền chuyển ngân và có trách nhiệm cho phép các xí nghiệp ngoại quốc chuyển ngân? Ngân Hàng Nhà Nước hay ngân hàng thương mại? Ai có quyền chấp thuận các dự án đầu tư? Chấp thuận trên nguyên tắc nào, trên các tiêu chuẩn xét dự án kiểu XHCN hay theo kiểu tư bản? Bộ hay UBKHNN xét hồ sơ đó? Trung ương hay Địa phương quyết định?

Những ví dụ trên cho thấy là hậu quả của "Đổi Mới" là phải thay đổi cơ cấu cho thích ứng với nhu cầu và đòi hỏi của thị trường. Ngoài ra nhân sự phải được huấn luyện theo kiểu thị trường để hiểu những quy luật làm ăn theo thị trường. Nền tảng luật lệ trong kinh tế thị trường đòi hỏi luật rõ ràng về tư hữu, về khế ước, về trách nhiệm (liability) và luật thương mại. Ngoài ra còn phải có cơ cấu tư pháp độc lập để thi hành các luật trên.

Việc này ảnh hưởng rất nhiều trong cách làm việc của VN và hiện nay VN đang bị kẹt *vì thiếu cơ cấu luật lệ, tòa án và hành chính hữu hiệu.*

2. Khung cảnh luật lệ và nền hành chính hiện tại

Trước "Đổi Mới" và nhất là trong thời kỳ chiến tranh thì Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) và sau đó là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCN) có thể nói là không có luật lệ và một nền hành chính hiểu theo nghĩa thị trường, hiện đại, có thể thi hành chính sách phát triển và điều phối các sinh hoạt kinh tế theo kiểu cởi mở.

2.1 Khung cảnh luật lệ

Luật lệ và tổ chức nhà nước CHXHCN theo kiểu Liên Xô. Mọi sinh hoạt kinh tế, xã hội, văn hóa, vv... là do nhà nước. Do đó guồng máy nhà nước thô sơ, thiếu tinh vi.

Hiến Pháp 1992 là một thí dụ. QH bầu Thủ Tướng (Điều 84.7) và giám sát tổ chức địa phương. Ở cấp tỉnh thì có Hội Đồng Nhân Dân (HĐND) và HĐND bầu Ủy Ban Nhân Dân (UBND) (Điều 91). Quan hệ giữa trung ương và địa phương không rõ ràng vì không hay chưa có luật phân quyền.

Chính phủ ra quyết định, Quốc Hội ra pháp lệnh, Ủy Ban thường vụ QH [gồm một số nhỏ thành viên của QH] ra pháp lệnh, Đảng ra pháp lệnh, vậy sao làm việc? HP 1992 rất lu mờ, không rõ ràng về việc phân quyền giữa trung ương và địa phương và trong việc áp dụng pháp luật. Nếu có khác biệt trong các pháp lệnh thì ai có thẩm quyền và trách nhiệm phân xử việc tranh chấp này? Ngoài ra nhiều khi các pháp lệnh áp dụng luật HP không có hay các cơ quan áp dụng pháp lệnh chưa được lập. Ủy Ban Thường vụ QH ra pháp lệnh và CP phải thi hành. Vậy thì UBTVQH cũng có quyền dính vào các vấn đề ngoài phạm vi của Lập Pháp, của QH? Vậy UBTVQH vừa làm luật vừa xét xử việc thi hành luật? Do đó HP chưa gây ra tin tưởng, chưa cho một khung cảnh tốt để các luật khác có thể thi hành HP. HP rất lu mờ, nhiều điều trong HP còn chống chọi, có khi còn mâu thuẫn nhau. Nếu so sánh các HP thì HP 1946 còn rõ ràng hơn HP 1992. Chả lẽ VN lại đi thụt lùi về phương diện luật pháp?

Luật, và nhất là việc áp dụng luật rất hiếm trong thời kỳ chiến tranh. Nay đã có những bộ luật về Hình sự (1985), Tố tụng (1990), Luật Bầu cử (1992), luật lao động và tổ chức HĐND (1994). Về quyền tư hữu đất đai thì chưa có, chỉ có quyền sử dụng đất đai (1993). Việc này gây ra khó khăn cho việc khuếch trương kinh tế vì khi có vay mượn thì phải có thế chấp đất. Nói chung là các luật đều mới có. Mới thì còn nhiều khuyết điểm vì chưa biết cách áp dụng luật và kiện cáo tố tụng ra sao, thuộc về tòa nào?

2.2 Tòa Án

HP 1992 quyết định (Điều 126 và tiếp) về Tòa Án Nhân Dân (TAND) và viện Kiểm sát Nhân Dân (VKSND). VN nay có Tòa án Nhân dân Tối cao (TANDTC), Tòa án địa phương và Tòa án quân sự. Quốc hội bầu các thành viên TANDTC và chánh án TANDTC chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước QH (Điều 135). Điều này cho thấy việc thiếu độc lập của Tòa Án đối với QH. HP 1992 cũng không công nhận sự độc lập giữa ba quyền Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp mà chỉ công nhận sự khác biệt giữa ba quyền hành.

Ngoài ra không có Tòa án hành chính. Tổ chức về tòa án còn lỏng lẻo, thiếu độc lập, thiếu nhân sự, thiếu thẩm phán có trình độ được huấn luyện kỹ càng về luật lệ và cách thi hành luật trong khuôn khổ thị trường.

Nói tóm, hiện nay tổ chức tòa án có trên giấy tờ nhiều hơn trên thực tế. Người dân còn chưa có thể tin tưởng vào sự thi hành công minh của pháp luật XHCN, vào sự độc lập của tòa án được.

2.3 Khung cảnh hành chính

Trong thời kỳ chiến tranh, Huyện là đơn vị hành chính căn bản. Vì cách tổ chức chính quyền trong thời đó, hàng hóa không đi lại dễ dàng giữa Huyện và Tỉnh. Trong thời kỳ này hành chính lẫn lộn với chính trị [thúc đẩy dân] và quân sự [hậu cần và nuôi dân]. Trên thực tế trách nhiệm và quyền của bí thư Huyện ủy và chủ tịch Huyện lẫn lộn. Thuế má cũng do địa phương lo và các nguyên liệu, thực phẩm và đồ dùng nếu thiếu thì đã có các nước XHCN anh em tiếp tế.

Nhân sự được chọn lựa theo lý lịch, theo chính trị nhiều hơn kỹ thuật [kể cả trong ngành giáo dục]. Vậy trong thời kỳ chiến tranh chính trị lấn áp hành chính. Mọi nỗ lực được dốc vào việc thúc đẩy chiến tranh.

Với hòa bình, việc phát triển kinh tế của đất nước được đặt ra. Tổ chức hành chính trong chiến tranh nay không còn hợp thời và có thể phản phát triển. Vì tổ chức hành chính vừa trực thuộc trung ương vừa địa phương, thuế, ngân sách, tổ chức nhân sự, tổ chức hành chính không hữu hiệu. Vì có "Đổi mới" cho nên các cơ chế cũ không thích hợp nữa.

Tổ chức hành chính gồm ba cấp: Tỉnh (53 tỉnh trong đó có ba thành phố); Huyện (564); Xã (10,084). Tỉnh và các thành phố thuộc trung ương. Ở trung ương, QH bầu Ban Thường Vụ QH và Thủ Tướng. Ở địa phương, HĐND bầu BTV và UBND. UĐND là cơ quan hành chính của địa phương.

Quan hệ giữa chính phủ và các bộ trong điều kiện kinh tế thị trường, quan hệ giữa chính phủ và các chính quyền địa phương [UBND, HĐND] vẫn chưa hữu hiệu. Trong thời kỳ bao cấp [trước "Đổi mới"], các bộ phải đặt chỉ tiêu kế hoạch qua các xí nghiệp của họ. Các bộ lo cung cấp nhiên nguyên liệu cho xí nghiệp trực thuộc họ và phải trình lên UBKHNN để xin vốn đầu tư, vốn luân chuyển, vv. Nay với việc giải tư các xí nghiệp quốc doanh, vai trò của các bộ khác hẳn. Tổ chức các bộ cũng phải thay đổi. Vai trò của các cơ quan chuyên môn trong bộ cũng thay đổi. Ví dụ: Trước đây vai trò các viện nghiên cứu trực thuộc bộ Canh nông là ra chỉ thị kỹ thuật cho các Hợp Tác Xã (HTX) và các Nông Trường (NT) để sản xuất đúng chỉ tiêu. Nay việc quyết định trồng trọt, sản xuất là do nông dân. Vậy vai trò các viện đó ra sao?

Chưa có luật định rõ quyền hạn của chính phủ và của địa phương. Theo HP 1992, chính quyền địa phương [UBND hay hành chính tỉnh] còn chịu sự kiểm soát của QH, HĐND, CP, do đó Chủ tịch UBND [Tỉnh trưởng] phải nghe lệnh ai, và ai trước, ai sau? Điều này cho thấy là những người viết HP 1992 hoặc không thâm hiểu về luật hoặc

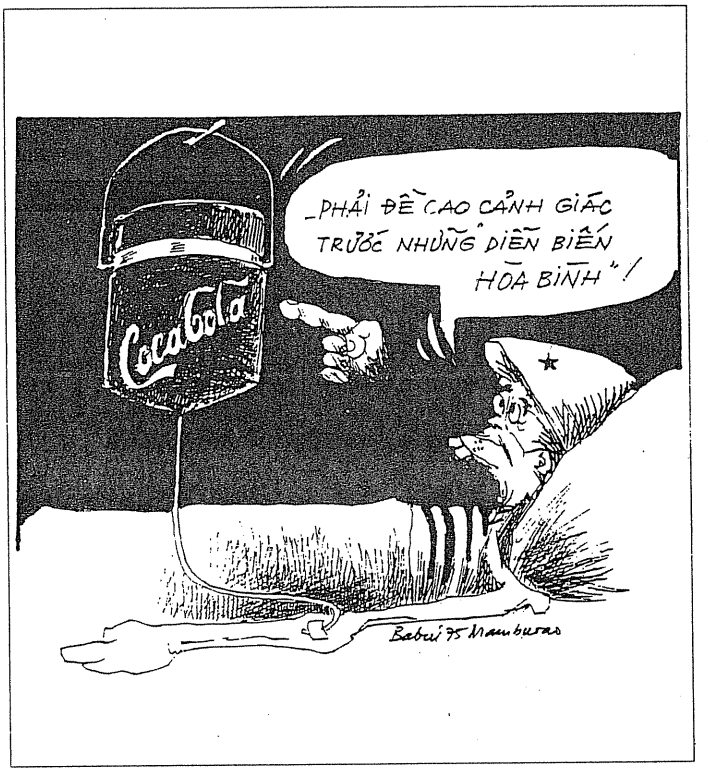

cố tình giữ nhiều điều mâu thuẫn gây tình trạng Hành Pháp (CP) không thể làm việc một cách hữu hiệu.

Việc lập ngân sách địa phương rất khó khăn vì thiếu chuyên viên. Thuế là thẩm quyền của trung ương, và địa phương phải thi hành. Nhưng công chức địa phương tùy thuộc vào ngân sách địa phương. Quyền hạn của chủ tịch UBND về chi tiêu không được ghi rõ ràng trong bộ một luật hành chính [chưa có], do đó có nhiều lúng túng và nhiều lạm dụng. Thời VNCH Tỉnh Trưởng chỉ có quyền sử dụng ngân sách có chừng mực, đến một mực nào thì có sự kiểm tra của luật, của tổ chức hành chính, của điều luật về ngân sách, vv...

Công chức các bộ thì tùy thuộc trung ương và chưa có việc quản trị về công chức toàn quốc. Quy chế công chức [chỉ rõ nhiệm vụ và quyền hành] chưa có. Công chức được thăng thưởng ra sao, trên những tiêu chuẩn nào, chính trị hay chuyên môn? Vẫn còn lẫn lộn công chức xí nghiệp quốc doanh, đảng viên [vẫn do ngân sách quốc gia đài thọ], công chức các bộ hay các tổ chức CP. Các kỹ thuật quản trị nhân viên, kế hoạch hóa và quản lý nhân sự, việc xây dựng và quản lý bộ máy chính quyền địa phương, vv. là những đề tài còn phải học tại VN.

Việc lẫn lộn đảng và nhà nước gây nhiều phiền hà. Nếu đảng lãnh đạo thì thành phần CP cũng có nhiều thành viên Bộ Chính Trị (BCT). Như vậy ai lãnh đạo ai khi mà trong chính phủ có nhiều thành viên BCT hay Đảng? Công chức phải thi hành lệnh của CP hay của Đảng? Trong các nước tân tiến, muốn có một nền hành chính hữu hiệu và có thể thống thì phải có sự phân công rõ ràng giữa "Đảng và Nhà Nước". HP phân biệt việc phân công rõ ràng. Ngoài ra công chức có quy chế độc lập đối với các chính phủ.

Đầu tư ngoại quốc và việc tiếp thu viện trợ nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn vì thiếu luật lệ, nhất là các luật áp dụng, và vì công chức thiếu trình độ kỹ thuật để áp dụng luật lệ một cách rõ ràng. Do đó khả năng hấp thụ [viện trợ và đầu tư] của VN còn thấp kém. VN nay chỉ thực hiện 30% số đầu tư được chấp thuận và được chi tiêu 20-25% số viện trợ được hứa mà thôi.

VN đã thấy là cơ cấu hành chính hiện nay đã lỗi thời và đang lúng túng trong việc đặt một cơ chế pháp luật và hành chính đứng đắn, hiện đại và có thể áp dụng cho kinh tế thị trường. Việc này cũng chỉ là hậu quả của HP 1992 thiếu rõ ràng, thiếu phân chia trách nhiệm giữa đảng và nhà nước, thiếu nhân sự có trình độ hành chính và luật pháp cao.

3. Kinh nghiệm hành chính của các nước láng giềng

Trước mắt có những kinh nghiệm của các nước láng giềng như Trung Quốc (TQ), Singapore, Nam Hàn vv. Những yếu tố thành công về hành chính và công vụ là gì?

3.1 Kinh nghiệm Trung quốc

Kinh nghiệm TQ cho thấy là TQ đã cố gắng (1) Cởi trói kinh tế; (2) Vừa học vừa thay đổi luật lệ và cải tổ nền hành chính.

TQ đã cởi trói kinh tế từ giữa thập niên 70 qua việc cởi trói cho nông nghiệp, lập các công nghiệp nông thôn, cởi trói cho ngoại quốc đầu tư sản xuất qua các khu và vùng kinh tế đặc biệt,vv..

Vì TQ rộng lớn cho nên họ sử dụng một số tỉnh ven biển [ba tỉnh] làm thí điểm, rồi rút kinh nghiệm lan rộng ra một số tỉnh phía trong [14 tỉnh] nội địa. Đầu tư ngoại quốc nay lên đến hơn 60 tỷ US$. Nói tóm TQ "cởi trói" cho kinh tế phát triển và thay đổi luật lệ và hành chính dần dần để cho phù hợp với kinh tế thị trường. TQ có quy chế công vụ rõ ràng phân biệt giữa công nhân viên các xí nghiệp quốc doanh, các công chức chính trị của đảng và công chức hành chính. TQ đã bắt đầu tuyển người theo trình độ văn hóa kỹ thuật và đặt nhẹ vấn đề lý lịch chính trị. Việc này là việc thay đổi căn bản lớn, khổng lồ vì TQ là nước có hơn một tỷ người. Ngoài ra TQ cũng đã gởi rất nhiều sinh viên đi du học tại ngoại quốc về các ngành chuyên môn kể cả về hành chính. Năm 1994 TQ có 40,000 sinh viên tại các Đại Học Mỹ.

TQ có thể chế kinh tế ngày càng thay đổi, có thể chế chính trị ổn định nhưng chưa có khung cảnh luật lệ tốt, chưa cải tổ hệ thống ngân hàng, tiền tệ, các công ty quốc doanh,v.v và từ đó phát huy được một nhà nước "pháp trị". TQ chưa có một thể chế hành chính, luật pháp có "standard" quốc tế.

3.2. Kinh nghiệm Singapore

Singapore là một nước nhỏ có trình độ phát triển cỡ VNCH vào những năm 70. Singapore có luật lệ và tòa án theo kiểu Anh. Họ dùng tiếng Anh trong việc giao dịch ngoại giao và trong các công ty ngoại quốc. Singapore đã khôn ngoan mở kinh tế cho ngoại quốc đến đầu tư, tạo dịp cho mình thâu nhập các kỹ thuật tân tiến hàng đầu trên thế giới. Họ đầu tư rất nhiều để đào tạo nhân sự có trình độ kỹ thuật cao. Đại Học Singapore cũng có trình độ học vấn và kỹ thuật rất cao.

Hành chính Singapore có một số đặc điểm như sau: nhân sự được tuyển trên căn bản trình độ học và sau đó chính phủ đầu tư vào họ bằng cách gởi họ đi học. Trình độ học vấn của công chức rất cao và đa số là tốt nghiệp tại Singapore hay các Đại Học danh tiếng trên thế giới. Nền công vụ Singapore không tùy thuộc vào đảng phái chính trị. Ngoài ra quy chế, luật hành chính, thẩm định công chức rất khắt khe và thường xuyên, công minh và rõ ràng.

Để giữ nhân sự tốt, Singapore có chính sách đãi ngộ công chức một cách đặc biệt, lương bổng không thua khu vực tư và không thua gì các nước

tân tiến trên thế giới. Nay một ông bộ trưởng Singapore lãnh 300-450,000 US$ /năm trong khi Tổng Thống Mỹ chỉ mới lãnh US$ 200,000/năm. Việc này giúp công chức Singapore trong sạch, không tham nhũng. Có thể nói là Singapore có một chính sách ưu đãi công chức bậc nhất trên thế giới và nền hành chính thanh liêm trên thế giới.

Do đó mức phát triển kinh tế của Singapore nay vượt cả Anh hay Ý về phương diện GDP/đầu người. Singapore cũng được coi là nước làm việc hữu hiệu bậc nhì trên thế giới.

3.3 Kinh nghiệm Nam Hàn

Nam Hàn (NH) có HP, luật lệ và tòa án theo kiểu Âu Mỹ. Họ đã khôn ngoan phát triển kinh tế, xây dựng các xí nghiệp lớn, hợp doanh với các nhà đầu tư ngoại quốc và đầu tư rất nhiều về giáo dục và đào tạo nhân sự.

Hành chính Nam Hàn có một số đặc điểm sau đây: nhân sự được tuyển trên căn bản các cuộc thi tuyển rất khó. Mỗi năm các cuộc thi tuyển hành chính được công bố trên toàn quốc. Nền công vụ Nam Hàn không tùy thuộc vào chính trị và Quy chế công vụ rất rõ ràng. Trình độ học của công chức rất cao và 2/3 công chức có trình độ đệ tam cấp. Để giữ nhân sự tốt, NH cũng có chính sách tuyển chọn công chức đặt nặng về chuyên môn và mặt khác có một chính sách đãi ngộ đặc biệt, không thua gì nhiều khu vực tư. Có thể nói là NH có một nền công vụ hữu hiệu (rất ít nhân sự và công chức có trình độ học cao) và không tùy thuộc vào đảng phái chính trị.

4) Rút kinh nghiệm cho Việt Nam

VN còn nhiều khó khăn ngăn cản việc phát triển kinh tế một cách nhanh chóng trong cơ cấu thị trường: cần phải phát triển cơ cấu về luật lệ, cải tổ cơ cấu hành chính-nhân sự, phân chia trách nhiệm giữa đảng và nhà nước và sau là cải tiến ngân sách.

3.1 Phát triển cơ cấu luật lệ

VN nay đã hòa bình và tiến lên một nấc do đó các vấn đề quản trị vĩ mô ngày một thay đổi, một khó. Dựa trên một số kinh nghiệm về phát triển kinh tế tại các nước Á Châu láng giềng thì muốn phát triển phải "cởi trói" cho kinh tế nhưng cũng phải có một khung cảnh luật lệ rõ ràng và cần nhất là phải có nền hành chính tốt.

Muốn có một khung cảnh luật pháp tốt thì việc đầu tiên là thay đổi HP 1992. VN phải có một HP tân tiến, thích hợp với cơ cấu thị trường tách rời chính trị ra khỏi công vụ, giúp cho dân chúng tin tưởng vào cơ cấu. Phải quy trách nhiệm rõ ràng giữa Quốc Hội, Chính Phủ, Tòa Án và Đảng. Nói tóm phải có sự độc lập giữa ba quyền Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp và phân quyền rõ ràng cho ba quyền này.

Việc thứ hai là phải có các bộ luật ăn khớp với nhau. Có Hiến Pháp thì phải có những luật áp dụng, các luật cho phép thi hành HP. Hiện nay các luật áp dụng Hiến Pháp không có hay rất mập mờ cho nên HP chỉ là cái"vỏ rỗng".

Việc thứ ba là có một hệ thống Tòa Án (TA) [Tư pháp, Hành Chính, Quân sự] độc lập với Hành pháp và Lập pháp. Hệ thống tòa là để phân chia trái phải, khi có những trường hợp không rõ ràng. Nhân sự trong hệ thống TA cũng phải có trình độ cao về chuyên môn. Việc tổ chức hệ thống TA phải có tiêu chuẩn quốc tế. Do đó nội dung chương trình học tại các Đại Học Luật sẽ phải thay đổi nhiều để hợp với cơ cấu mới về thị trường.

3.2 Gây dựng nền Hành Chính/nhân sự

Có luật lệ tốt mà không có tổ chức hành chính và công vụ tốt thì chính phủ không thể làm việc một cách hữu hiệu. Muốn có hành chính tốt thì phải đặt vị trí của Đảng một cách đứng đắn, phân công trách nhiệm giữa "Đảng và Nhà Nước". Việc này sẽ dễ nhiều nếu HP rõ ràng trong việc phân chia trách nhiệm.

Kinh nghiệm các nước cho thấy là một nền hành chính tốt phải dược tuyển chọn trên căn bản trình độ khả năng kỹ thuật và nghiệp vụ chứ không phải trên căn bản chính trị. Công vụ phải tách rời chính trị và công chức phải được trả lương một các xứng đáng, đủ sống thì mới tránh được nạn tham nhũng.

Cải tổ hành chính phải đi đôi với nhân sự. Công chức phải được đào tạo kỹ càng trong các trường chuyên môn về hành chính. Các kỹ thuật quản trị nhân viên, kế hoạch hóa, quản lý nhân sự, xây dựng bộ máy quản lý trung ương và địa phương, vv. là những đề tài cần giải quyết gấp để hữu hiệu hóa bộ máy hành chính. Nói đến việc này thì phải nhắc đến nền giáo dục VN nay không còn hợp thời nữa vì không đào tạo con người cho kinh tế thị trường, có kỹ thuật cao, thông minh và năng động. Do đó nội dung các chương trình học và ban giảng huấn các trường Quốc Gia Hành Chính sẽ phải thay đổi nhiều để hợp với cơ cấu mới về thị trường, có kỹ thuật quản trị cao, có luật lệ và thể thống trong việc quản trị một nước theo pháp trị. Việc dạy ngoại ngữ cũng phải được sắp xếp để có thể tạo ra một số cán bộ có thể làm việc trực tiếp với quốc tế và có thể bên vực quyền lợi VN tại các nghị trường thế giới.

Việc sắp xếp các đơn vị hành chính chưa ổn vì nay VN thay đổi nhiều. Hơn 30% dân ngày nay ở các tỉnh lỵ. Huyện là đơn vị hành chính trong thời kỳ chiến tranh nhưng nay vì tự do đi lại, chuyển vận hàng hóa dễ dàng, đơn vị hành chính căn bản Tỉnh [cỡ một triệu người] cũng còn nhỏ. Ví dụ có nên đặt Tòa án hành chính [TAHC] ở mỗi tỉnh không vì việc này sẽ bắt buộc đặt 53 TAHC tại 50 tỉnh và ba thành phố? Vậy phải có những đơn vị hành chính lớn hơn tỉnh (vùng?) để tiện việc đặt màng lưới hành chính một cách tốt, để tiện việc sắp xếp đầu tư vào một số hạ tầng cơ sở hành chính.

Việc thay đổi cơ cấu hành chính là một việc làm lâu dài, cần có nhiều sự hỗ trợ từ ngoại quốc. Các cộng đồng VN trên thế giới, trong việc này, sẽ có dịp đóng góp trực tiếp và nâng trình độ hành chính trong nước. Hiện nay có hai cách đóng góp: qua các chương trình viện trợ song phương [chuyên gia Pháp gốc Việt đã bắt đầu có mặt tại VN và đóng góp về kế toán công] hay là qua các chương trình của LHQ hay các cơ quan tài trợ quốc tế. Trong chương trình của LHQ có chương trình TOKTEN. Chương trình sử dụng chuyên viên gốc bản xứ, làm việc "volunteer" (tự nguyện) từ vài tháng đến một năm. LHQ bảo trợ vé may bay và tiền ăn ở. TOKTEN được LHQ sử dụng rất thành công tại Cao Miên và nhiều nước khác. Tại VN đã được dùng cho các giáo sư gốc Việt ở các Đại Học Pháp về VN dậy.

3.3 Quá trình lập ngân sách.

Cải tổ hành chính là để có cơ cấu tốt. Trong việc phát triển kinh tế, việc lập và sử dụng ngân sách là tối quan trọng vì nó quyết định đầu tư, *savings*, lạm phát, vay mượn, của một quốc gia. Ngân sách cũng sẽ đặt ưu tiên trong việc thu chi, đầu tư phát triển... và do đó là một công cụ tốt để kiểm soát lạm phát và quản trị vĩ mô. Lạm phát thấp thì hối suất mới vững, hối suất vững thì đầu tư mới có hiệu quả và gây niềm tin trong dân chúng và các nhà đầu tư ngoại quốc vào kinh tế VN.

VN nay chưa có một hệ thống ngân sách trung ương và địa phương tân tiến. Các viên chức địa phương phải mất rất nhiều thì giờ đến Hà Nội bàn với Bộ Tài chính về việc tăng giảm ngân sách của các bộ hay của địa phương. Việc cắt giảm chi, cách phân phối ngân sách chưa được đặt trên những tiêu chuẩn rõ ràng, tinh vi và có hệ thống. Việc dùng máy vi tính còn rất ít trong việc lập và dùng ngân sách. Các kỹ thuật mới trong việc quản trị ngân sách còn rất hiếm. Hiện nay có hai dự án giúp VN cải tổ ngân sách: Thụy Điển và IMF. Nay IMF đứng đầu trong việc giúp cải tổ về ngân sách. Trong việc này, khi nào có độc quyền [mặc dù là của một cơ quan tài trợ quốc tế (QT) hay của một xí nghiệp] thì nên tránh. Các cơ quan QT viện trợ kỹ thuật cho một nước nhưng hậu quả xấu đều do nước nhận viện trợ lãnh. Ngoài ra IMF giúp ở trung ương nhưng còn ở các tỉnh hay tại địa phương thì sao? Trong việc cải tổ ngân sách, LHQ có nhiều chương trình giúp các nước cải tổ ngân sách trung ương hay địa phương. Việc tốt là dùng nhiều cố vấn và quốc gia khác nhau trong việc cải tiến ngân sách trung ương và địa phương. Các cơ quan này sẽ tranh nhau giúp và VN có thể học nhiều cách làm việc khác nhau.

Việc điện tín hóa quá trình lập ngân sách và các cơ quan trực thuộc như Thuế (Thụy Điển), Quan Thuế (Pháp), vv. nay mới bắt đầu qua những dự án viện trợ của LHQ, Pháp, Thụy Điển v.v. Các cơ quan này chưa có thể liên lạc với nhau bằng máy qua trung gian các màng lưới [network] tín học. Việc điện tín hóa còn ít cho nên mang kỹ thuật vào đời sống hàng ngày là việc cần.

Kết luận

VN đã thành công phần nào trong việc "Đổi mới" kinh tế. Hậu quả là việc thay đổi cơ cấu để hữu hiệu hóa khả năng làm việc. Phát triển kinh tế ngày càng đa dạng, càng khó khăn. Muốn phát triển lâu dài và bền bĩ thì cần phải có một khung cảnh, cơ cấu luật pháp, kinh tế, hành chính, tổ chức ... thích hợp với môi trường mới.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh hành chính lẫn lộn với chính và chính trị. Nay các cơ cấu luật lệ, hành chính, được gây dựng cho thời kỳ chiến tranh không thích hợp nữa và phải cần thay đổi nhanh chóng.

Các suy tư, các thay đổi tại VN như "Đổi mới, Nhà Nước Pháp Quyền, Cải Tổ Hành Chính, v.v" là những dấu hiệu tốt trong việc tìm và suy nghĩ các cách để thay đổi cơ cấu, hiện đại hóa,vv. cho thích hợp với tình trạng mới gây nên bởi "Đổi Mới".

Các cuộc thay đổi và chuẩn bị thay đổi từ 1989 đến nay và các cuộc thay đổi và nghị quyết trong năm 1995 sẽ đưa đến những quyết định quan trọng nhân dịp Đại Hội Đảng thứ 8 vào 1996? Việc thay đổi HP, thay đổi luật lệ, thay đổi cơ cấu, thay đổi nhân sự vv.. cho thích hợp với tình trạng mới sẽ được mang ra thảo luận chăng? Nếu việc thảo luận và quyết định cho một cơ cấu mới được chấp thuận theo chiều hướng "cởi mở" thì việc này sẽ giúp VN phát triển mạnh hơn và nhích gần lại cộng đồng các quốc gia tân tiến và dân chủ trên thế giới.

VN là nước nhỏ bên cạnh TQ khổng lồ. Việc thay đổi cơ cấu về luật pháp và về hành chính sẽ giúp VN cạnh tranh tốt hơn, tiến nhanh hơn trong việc thu hút đầu tư, hiện đại hóa đất nước và bắt kịp các nước láng giềng. Chiến tranh và các tranh chấp Việt- Trung nay ít dựa trên vũ lực như xưa [vì tình hình thế giới đã thay đổi, vì ASEAN sẽ không chấp nhận chiến tranh gây bất ổn định trong vùng,vv] mà sẽ dựa nhiều trên sức mạnh kinh tế. Vậy việc có một cơ cấu mới thích hợp với môi trường cạnh tranh là hợp lý.

Trong hòa bình, việc phát triển và nâng cao trí tuệ và mức sống kinh tế và tinh thần của dân là chính. Muốn phát triển phải có kỹ thuật, có tổ chức, có nhân sự tốt. VN đã dám "Đổi mới" về kinh tế, giải quyết phần nào mức sống cho dân, thì nay thử thách mới là phải dám "đổi mới về cơ cấu". VN ngày nay cũng như trường hợp nước Nhật thời Minh Trị bắt đầu mở cửa du nhập các kỹ thuật tân tiến và hiện đại hóa nước họ. Liệu VN có dám làm thử thách này hay không?■

VIỆT NAM THẾ KỶ 21: ĐI TỚI HAY TỤT HẬU?

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

Kể từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ rồi vòng đai của đế quốc Liên Xô bị bung cho tới nay, thế giới đã trải năm năm nhiều biến động nhất sau Thế chiến II. Những cơn hậu chấn vẫn kéo dài chưa dứt sau trận động đất như toàn cầu đó: thế giới hiện có 100 vụ xung đột võ trang mà chỉ gần 30 vụ mới được quốc tế coi là "chiến tranh" về mặt pháp lý. Trong có năm năm, người ta đã nhiều lần vẽ lại bản đồ thế giới, và một số chân lý ngỡ là trường cửu đã bị đào thải, trong khi một số vấn đề mới thì chưa có giải đáp.

Nhân loại còn một khoảng cách năm năm như vậy nữa, trước khi đi qua thế kỷ 21. Từ những gì tiếp nhận được trong thời gian qua, ta có thể nhìn ra một vài khuynh hướng mạnh cho năm năm sắp tới, và cho thời gian sau đó nữa. Những vấn đề của riêng Việt Nam trở thành nổi bật và bức thiết khi được đối chiếu với những khuynh hướng trên.

Sự suy thoái của trật tự Tây phương

Khuynh hướng mạnh thứ nhất là sự đảo lộn của tương quan kinh tế thế giới.

Trong tương quan mới, các nước kỹ nghệ Tây phương (chủ yếu là Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Anh, Ý và Gia Nã Đại) đang mất dần vị trí bá chủ kinh tế. Kể từ năm nay trở đi, sản lượng của các nước "đang phát triển", trong đó có cả các nước cộng sản cũ, bắt đầu đuổi kịp thất hùng. Trong một thế hệ nữa họ sẽ chiếm hơn 60% sản lượng thế giới. Theo dự đoán của Ngân hàng Thế giới (Global Economic Prospects, 1993), trong số 15 nước đứng đầu về kinh tế vào quãng 2020, có chín nước hiện thuộc loại nghèo, bảy nước ở Á Châu. Cũng theo dự đoán đó, đứng đầu thế giới về sản lượng kinh tế trong 25 năm tới sẽ là Trung Quốc. Trên Mỹ và Nhật.

Ngay trước mắt, ta cũng không thể quên gần 55 triệu người Hoa tại Đài Loan, Hong Kong, Singapore và vài nước khác. Cùng với 1.250 triệu dân lục địa, họ đang mở ra một "Đại Trung Hoa Kinh Tế Khuyên" quanh Việt Nam, và là một trong bốn thế lực kinh tế thế giới, bên cạnh Hoa Kỳ, Nhật Bản và Âu Châu.

Kết hợp những biến đổi kinh tế cùng chính trị, thế giới sẽ gồm có những nước hậu công nghiệp Tây phương, với vai trò tương đối bị suy yếu trong tương quan quốc tế; những nước tân hưng vừa công nghiệp hóa, có sức sung mãn của những thế lực kinh tế mới, trong đó đa số ở trong vùng Á Châu Thái Bình Dương ("Thái-Á"); những nước tân tòng theo kinh tế thị trường, là những nước cộng sản cũ đang chuyển hướng sang kinh tế tự do, đã hay chưa có dân chủ, hoặc với trình độ dân chủ cao thấp khác nhau; và những nước chậm tiến về kinh tế vì chưa phát triển từ cơ cấu nông nghiệp lên công nghiệp khi thiên hạ đã bước qua giai đoạn hậu công nghiệp. Trong thế giới đó, ý niệm các nước Đệ tam ở giữa hai khối đã thành lỗi thời.

Ảnh hưởng của Tây phương, nổi lên từ giữa thế kỷ trước, lên tới cực thịnh vào những thập niên hậu chiến trong tương quan hai khối, đã bắt đầu suy thoái và phải tương nhượng với các nước tân hưng. Một sự hoán chuyển ngôi vị như vậy thường không xảy ra một cách yên ổn. Nguy cơ xáo trộn kinh tế, chính trị và chiến lược, thường xuyên và trầm trọng hơn, là điều khó tránh. Cũng trong hoàn cảnh chưa từng thấy từ 150 năm trở lại, Tây phương ngày nay mà có mặc cảm bị bao vây, trở thành ích kỷ, hoặc đây đó có nổi lên chủ trương tự cô lập, bảo hộ mậu dịch, kỳ thị chủng tộc, cực hữu, hoặc bài ngoại... cũng là điều ta có thể hiểu được và sẽ phải đối phó. Đồng thời, một số nguyên lý và giá trị xuất phát từ Tây phương cũng bị đào thải; cả cách suy luận rập khuôn Tây phương của nhiều phần tử ưu tú ở các nước "nghèo" cũng cần phải duyệt lại.

Trở về hoàn cảnh nước ta: với lợi tức trung bình hàng niên một đầu người ở khoảng 200-240 Mỹ kim, Việt Nam hiện là một trong 20 nước nghèo nhất địa cầu. Với chủ trương xây dựng "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", Việt Nam có thể được liệt vào loại "tân tòng". Nhưng, theo những tiêu chuẩn về cơ chế tự do kinh tế - một trong những thành tố của phát triển - Việt Nam vẫn thuộc vào hàng ngũ có chỉ số thấp nhất thế giới, ở giữa Cuba, Bắc Hàn là hai nước xã hội chủ nghĩa cuối mùa và Mozambique, Angola, Sudan, Haiti (the Heritage Foundation, Index of Economic Freedom). Nằm trong trung tâm sinh động nhất về kinh tế, bên cạnh hai siêu cường kinh tế Hoa Nhật của thế kỷ tới, và đang hội nhập vào luồng trao đổi với các nước Thái-Á (80% ngạch số đầu tư ngoại quốc tại nước ta và có sức cạnh tranh sắc bén nhất), Việt Nam không thể lầm lẫn trong

chánh sách và phải có những chọn lựa can đảm, để không ra khỏi loại chậm tiến hoặc gặp nguy cơ "tụt hậu" như cách nói trong nước.

Bị tụt hậu bên cạnh Trung Quốc là điều nguy hiểm: họ thống nhất trong tư thế siêu cường kinh tế chưa hẳn đã vô hại cho ta, mà họ bị phân hoá thành năm bảy nước có võ khí chiến lược càng không là điều bình yên.

Phân quyền và phân hóa

Khuynh hướng mạnh thứ hai là sự phân quyền trong cách tổ chức và sinh hoạt của loài người.

Trong địa hạt kinh tế, xu hướng phân quyền đưa tới hai hiện tượng tưởng như mâu thuẫn, đó là hội nhập toàn cầu xảy ra song song cùng sự phân tán mỏng các đơn vị sản xuất. Trao đổi kinh tế trên thế giới sẽ ngày một mở rộng hơn và phân công sản xuất cấp toàn cầu sẽ hội nhập các nền kinh tế cùng nhau trong thế liên lập. Hội nhập kinh tế toàn cầu và công nghệ tin học khiến người ta có thể kết hợp những yếu tố sản xuất thuận lợi nhất từ mọi nơi để sản xuất ở mọi chỗ và bán cho mọi loại thị trường ngày một chuyên biệt tinh tế hơn những sản phẩm nói chung nhỏ, nhẹ và có giá trị cao hơn. Điều kiện sản xuất then chốt từ nay không còn là đất 164ai, thiết bị, nguyên vật liệu hay sức lao động nữa, mà là thông tin, kiến thức và năng lực kỹ thuật.

Hậu quả là thời của các đại tổ hợp quản lý những nhà máy quy mô, sản xuất theo phương pháp dây chuyền (mẫu mực về "xây dựng xã hội chủ nghĩa" cho Lenin và Stalin) đã kết thúc và các đại công ty đều phải phân tán thành những đơn vị nhỏ có quyền tự quản và khả năng thích ứng cao hơn. Ý niệm có mùi thiên tả và mị dân theo đó các công ty đa quốc của Tây phương sẽ chia nhau khuynh đảo kinh tế toàn cầu cũng hết giá trị. Thời của những đơn vị quản lý nhỏ linh động dung hợp điều kiện kinh doanh từng nơi và hợp tác trong mạng lưới trao đổi bao trùm lên biên giới chính trị, đã bắt đầu. Thời của hình thái chỉ huy nhờ đầu cơ thông tin (gạn lọc dữ kiện từ trên xuống và lưu giữ thông tin cho thiểu số điều hành ở trên) cũng đã hết. Ngày nay, người ta phải giải phóng thông tin, nếu không muốn bị mù. Ngày nay, người ta lãnh đạo doanh nghiệp hay chính trị "như giữa bồn cá trong vắt". Nghĩa là công khai rõ ràng, với những dữ kiện thông tin hầu như mọi người cùng biết: thị trường hoặc dư luận có khả năng theo dõi và tác động vào tiến trình lấy quyết định mà khó ai có thể gạn lọc hoặc ngăn ngừa được.

Trong hoàn cảnh mà phân quyền là tất yếu và kiến thức là quyền lực, việc tập trung quyền hành vào một thiểu số và hạn chế tự do thông tin cho đại đa số là nẻo đường ngắn nhất dẫn đến lạc hậu và bại vong.

Tổng hợp hai yếu tố hội nhập và phân tán trên, trào lưu chung sẽ là những thay đổi trong phương thức tổ chức quản trị từ hàng dọc sang hàng ngang, là tính chất "phi quốc gia" của các doanh nghiệp và sản phẩm, là sự thắng thế của sách lược tiếp thị liên ngành và là sự phân công sản xuất tinh vi hơn, thâm dụng công nghệ hơn lao động. Trong tình thế mới, nếu có kiến năng (biết và biết làm, *know-how*), các đơn vị quản lý nhỏ của những nước tân hưng cũng vẫn giữ được vị trí chủ động trong luồng giao thương thế g ới.

Sang địa hạt chính trị, trong thế phân quyền về tổ chức và trao đổi đó, sự cá biệt hóa hay phân tán các đơn vị chính trị cũng là chiều hướng tất yếu. Xuất phát từ nguyên nhân kỹ thuật, xu hướng phân quyền là động lực thúc đẩy hiện tượng phân tán trên, khi các tổng giám đốc bao biện, tổng thống độc tài hoặc nhà nước bao cấp đều bị thị trường hoặc thực tế qua mặt. Một động lực thứ hai là khoa

học kỹ thuật khi áp dụng vào kỹ nghệ chiến tranh cũng giúp người ta có võ khí nhiều và rẻ hơn, dễ phòng thủ và đủ gây tổn thất để gián chỉ những đại cường hay chính quyền trung ương muốn áp đặt một trật tự tôn giáo, văn hóa, chính trị hay kinh tế không hợp ý cộng đồng địa phương. Sau cùng, phản ứng ngược chống lại hội nhập kinh tế và chống lại sự đồng đạng văn hoá cũng là một động lực của nhu cầu cá biệt hóa và khát khao tự trị. Cuộc cách mạng tín học đã cộng hưởng tác dụng của các ngành điện toán, viễn thông và truyền thông và chi phối sinh hoạt văn hóa toàn cầu, khiến đồng dạng văn hoá tạo ra mối họa vong căn (mất bản sắc văn hóa) và trực tiếp đe dọa những giá trị truyền thống hay sự thuần nhất của nhiều hệ thống tôn giáo hoặc văn hóa. Từ đó mới có phản ứng tự cô lập hoặc bài ngoại để bảo vệ truyền thống và bản sắc riêng.

Biên giới chính trị vì vậy sẽ thu hẹp thành những đơn vị cá biệt ngày một nhỏ, phát triển song song với sự mở rộng của trao đổi kinh tế. Tận cùng phản ứng phân tán là nguy cơ phân hoá, là tinh thần kỳ thị, là sự khai trừ tha nhân. Càng bị đàn áp, những phản ứng trên càng bùng nổ dữ dội, thành chủ nghĩa chủng tộc hoặc bộ lạc đi đôi cùng nạn khủng bố, du kích bạo động. Tiệp Khắc là ngoại lệ lý tưởng, nội chiến Nam Tư, vụ Waco đối với nhà chức trách Texas hay vụ Somalia đối với Mỹ, vụ Chiapas đối với Mễ hay Chechnya đối với Nga là những trường hợp phổ biến hơn.

Trở về hoàn cảnh nước ta: các nước tân hưng đã hội nhập vào kinh tế thị trường thế giới và du nhập kỹ thuật từ bên ngoài vào (chuyển giao công nghệ) để thu ngắn giai đoạn công nghiệp hoá của họ vào ba mươi năm thay vì hai trăm năm như Tây phương. Giải pháp của họ cũng là một tất yếu cho Việt Nam. Nhưng, trong khi hội nhập kinh tế và canh tân kỹ thuật với những đơn vị sản xuất dùng kiến năng hơn bắp thịt để đưa Việt Nam vào thời đại công nghiệp có thể là một ước mơ, dù còn xa vời, thì những lực ly tâm tiềm ẩn trong xã hội sau nhiều thập niên chiến tranh và phân hóa xã hội là những nguy cơ trước mắt. Mâu thuẫn Nam Bắc cùng chênh lệch đào sâu giữa các địa phương và các thành phần xã hội — hậu quả tất yếu của kinh tế tự do — và những xoay trở chính trị sau sự phá sản của phương thức tập trung... sẽ càng thúc đẩy các sức ly tâm trên.

Ở bên Trung Quốc có ước mơ bá quyền, có triển vọng siêu cường và cũng có nguy cơ nội loạn, và ở giữa những tiến bộ dồn dập của các nước Thái-Á, trong một thế giới đã đổi thay và phân hoá, một Việt Nam chậm tiến về tự do thông tin, lạc hậu về kiến thức và băng hoại về chính trị quả là cơn ác mộng.

Tự trị, dân chủ và văn hoá

Khuynh hướng thứ ba là sự phôi thai của hình thái dân chủ trực tiếp trong bối cảnh chính trị liên lập bất ổn.

Từ 51 hội viên khi thành lập, Liên Hiệp Quốc có 100 hội viên sau thập niên "giải thực" 1960, rồi 160 hội viên mươi năm về trước. Sau khi khối Xô viết tan rã, trong có ba năm L.H.Q. nhận thêm 25 hội viên mới. Khi chuẩn bị Thế Vận Hội năm tới tại Atlanta, người ta dự trù chào đón hơn 200 nước tham gia. Sang thế kỷ tới, địa cầu sẽ có hơn 300 nước... Xu hướng ly khai và tự trị sẽ còn tiếp tục, sắc dân nào cũng muốn có ngôn ngữ, lãnh thổ, hiến pháp và tiền tệ riêng. Nhìn theo khía cạnh quyền lợi, sự phân tán mỏng các đơn vị chính trị là một hiện tượng tích cực vì bảo vệ quyền lợi cho tới những đơn vị nhỏ nhất, và tăng cường quy ền hạn của cá nhân người dân. Đây là khuynh hướng sẽ dẫn tới hình thái dân chủ trực tiếp. Nhưng, sự phân tán chính trị từ lớn xuống nhỏ thường không xảy ra một cách yên ổn. Chủ nghĩa quốc gia nổi lên từ thế kỷ trước có thể sẽ thoái trào trước chủ nghĩa bộ lạc trong một thế giới đang trở thành đại đồng nhờ hội nhập kinh tế.

Loài người như chưa được chuẩn bị cho mâu thuẫn trên. Sự tan rã của hai khối tự do và cộng sản đã vô hiệu hóa một số quy ước và làm một số giá trị của Tây phương — như phản diện của hệ thống cộng sản — bị hụt hẫng, trong đó có cả các ý niệm tả hữu hoặc dân chủ như nhiều phần tử trí thức thành phố vẫn thường hiểu và đề cao một cách tuyệt đối. Đây là một "hội chứng Tiêu Viễn Sơn", khi đương sự bị mất "động lượng" và "động hướng" vì tử thù không còn.

Mặt khác, sự hình thành của ngày càng nhiều đơn vị chính trị tự trị cũng đảo lộn các quy ước về tương quan quốc dân và quốc tế. Nhu cầu chung sống và hợp tác giữa các cá nhân hay các nước sẽ đòi hỏi những quy ước mới về dân chủ, về quyền tự trị của nhiều quần thể trong những cơ chế có tính liên bang hơn quốc gia. Được hỗ trợ bởi tiến bộ kỹ thuật, hình thái dân chủ trực tiếp trong những đơn vị ngày càng nhỏ sẽ phát triển nhanh hơn khả năng hệ thống hoá những quy ước sinh hoạt của loài người, và rối loạn vì vậy sẽ khó tránh.

Bài toán tự trị là vấn đề đối ngoại, phân quyền là vấn đề nội trị. Cả hai bài toán này đều đặt ra một lúc và ý niệm dân chủ không là chìa khoá thống nhất cho cả hai. Là sự bình đẳng giữa mọi cá nhân của một tập thể trước hệ thống luật pháp do tập thể tự do thiết lập nên, dân chủ là một nguyên tắc ít tệ hại nhất để giải quyết nhu cầu ủy quyền trong nội bộ. Nhưng việc định nghĩa sự căn thuộc vào tập thể là một vấn đề khác, nhiều khi văn hoá và tôn giáo hơn là thuần túy chính trị.

Hình thành từ nửa thế kỷ nay, các tổ chức quốc tế sẽ phải cải tổ mục tiêu và phương hướng hoạt động vì những hiện tượng nói trên. Các quốc gia

cũng sẽ có nhu cầu phân định quyền lực của chính quyền trung ương (hay liên bang), địa phương (hay tiểu bang) xuống tới quyền lực của cá nhân. Từ luật hiến pháp cho tới những chánh sách kinh tế liên quan tới ngân sách trung ương và địa phương, mậu dịch hay hối đoái, sẽ phải được cải sửa, và trong ngắn hạn sẽ bị thường xuyên thách đố. Khủng hoảng Mễ Tây Cơ, từ chính trị sang tài chánh và hối đoái là một thí dụ gần gũi nhất. Gần gũi không kém là Gia Nã Đại, với Québec đòi tự trị và với hệ thống công chi bấp bênh có thể lâm khủng hoảng trong thời gian tới và sẽ gây chấn động từ Bắc Mỹ ra khắp nơi.

Trong bài toán tự trị và định nghĩa quần thể, phương trình dân chủ cổ điển chưa thể giải quyết mọi vấn đề khi ta chưa minh định ra được một mẫu số chung, một nền tảng đồng thuận, nói theo chữ thông dụng ở hải ngoại. Dân chủ giữa các đảng viên hay trong một giáo phái là một tiến bộ tương đối, khi giảm bớt sự tập quyền của một tổng bí thư hay một giáo chủ vạn năng, nhưng vẫn không là dân chủ đối với người ngoài đảng, ngoại đạo. Việc định nghĩa một quần thể trong đó có sự bình đẳng của các thành viên thường dẫn tới sự phân biệt "trong" với "ngoài", "ta" với "người", để xác định quyền dân chủ bên trong và quyền tự trị đối ngoại. Trong việc định nghĩa đó, tiêu chuẩn thông dụng nhất là văn hoá sẽ thường xuyên bị thách đố. Xuống đến vị trí một cá nhân, bài toán rõ ràng thành phức tạp hơn mà chủ nghĩa cá nhân của Tây phương chưa chắc đã là giải pháp hoàn hảo. Đây cũng là một vấn đề cho Việt Nam.

Trở về trường hợp nước ta: sau một trăm năm tranh đấu vì hai nhu cầu độc lập dân tộc và canh tân quốc gia, dân ta đã có độc lập nhưng bị kiệt quệ và lạc hậu khi giao tiếp với một thế giới thịnh vượng hơn, mà nội dung của độc lập lại đã thay đổi. Cũng trong một trăm năm đó, yếu tố kết hợp của dân ta đã bị rạn nứt vì những đối nghịch trong phương thức tranh đấu, trong khi nền tảng văn hoá của dân tộc vừa bị thách thức bởi văn minh kỹ thuật Tây phương vừa bị chi phối bởi chính trị nên mất dần tác dụng hợp quần. (Việt tính có quan trọng hơn Việt tịch hay đảng tịch không? Mà Việt tính đó là gì?)

Trong khi chiều hướng chung của các quốc gia, cộng đồng sắc tộc hay bộ lạc là tìm cách gom lại những đồng thuận căn bản để từ đó xây dựng một đơn vị chính trị độc lập, Việt Nam chưa kịp gom có khi đã rã: Mẫu số chung của toàn dân thì còn mơ hồ mà các mẫu số chung rất nhỏ thì lại gia tăng rất nhanh. Vì vậy mà người ta đua nhau viết gia phả, lập từ đường và đề cao tông tộc làng xã, hoặc các hội đoàn nghề nghiệp, tương tế, đồng hương được mở ra rất đông, trong khi đoàn kết toàn dân vẫn là một điều ai ai cũng kêu gọi, vì chưa có. Ta vẫn chưa giải quyết được các xung khắc của thế kỷ và còn bước qua thế kỷ tới với nhiều sức ly tâm hơn xưa, với khả năng khai trừ cao mà kết hợp thấp. Có lẽ đây là vấn nạn phức tạp nhất của ta trong xu hướng phân hoá chung của thiên hạ.

Mấy thập niên trước, khi công nghệ điện toán bắt đầu chuyển mình, Tây phương đã đầu tư mạnh vào việc thiết kế những hệ thống điện toán "gốc", (cường dịch từ *mainframe*) nối kết các chi nhánh vào một bộ não tập trung. Mươi năm qua, cuộc cách mạng tin học đã đẩy công nghệ điện toán sang hướng khác, với sự xuất hiện của máy điện toán cá nhân (cường dịch chữ PC) và gia dụng, ngày một nhỏ, nhẹ, rẻ và mạnh hơn. Từ vài năm nay, tập hợp các máy vi tính đã nối kết với nhau trong một mạng lưới, đang trải rộng khắp địa cầu, tương tác gần như lập tức (*real time*). Trong một tương lai không xa, cả hệ thống *mainframe* và máy vi tính sẽ được kết hợp để đẩy xa hơn nữa những khả năng tác động của con người trên thiên nhiên và với nhau. So sánh với hệ thống cũ, ta như có cả triệu bộ óc độc lập liên kết và hợp tác hàng ngang với nhau trong không gian trải rộng hơn và với thời gian thu hẹp lại.

Hình ảnh đó cũng phản ảnh quan hệ kinh tế chính trị toàn cầu trong thời đại tới. Nhìn về Việt Nam, sau nửa thế kỷ đấu tranh kịch liệt và xoay vần trong những sai lầm liên tiếp, dân ta bắt đầu mở ra thực tại thì cái thực tại đó lại thay đổi từ căn bản. Người ta cần điều chỉnh lại một số nhận thức của mình vì, vào lúc dân ta giong buồm qua thế kỷ 21, hải bàn của ta đã bị lệch lạc mà hải đồ thì chưa được vẽ sẵn.

Khi các *mainframe* kiểu tập trung đang bị đào thải trong một trật tự mới và khi các mô thức cá nhân đang có tự do xuất hiện từ mọi nơi để hợp tác với nhau trong một thế kinh tế hội nhập, Việt Nam có nhiều triển vọng học hỏi và nhảy vọt, như các nước Đông Á đã làm. Việt Nam cũng có hy vọng trở thành một bộ não độc lập mà hợp tác với bên ngoài trong thế liên lập nếu định nghĩa được cái chung để phát huy được cái riêng của người dân. Nhưng nước ta cũng có nguy cơ tụt hậu và sẽ bị phân hoá trong đà tụt hậu này nếu không nhận thức được những thay đổi căn bản của thế giới và có can đảm từ bỏ trật tự lỗi thời để xây dựng một nền tảng hoà đồng và tích cực hơn. Người ta không thể trì hoãn việc thay đổi nhận thức và chọn lựa chính trị vì thế giới biến đổi rất nhanh, tiến rất mạnh và mầm mống rối loạn cũng nhiều hơn.

Dân ta chỉ còn năm năm trước khi bước qua một thế kỷ mới, "thế kỷ của Châu Á", "thế kỷ Quang diệu Trung Hoa", "kỷ nguyên hậu công nghiệp", "thời đại tín học"... Một số nhà nghiên cứu về đầu tư thì cho nước ta một thời hạn quyết định ngắn hơn, chỉ vỏn vẹn hai năm sắp tới thôi. Nếu không, tụt hậu sẽ là hiện thực và hỗn loạn là tất yếu theo sau.■

Xuân Ất Hợi

KINH TẾ VIỆT NAM MẤT CHẤT XÁM

VƯƠNG HỮU BỘT

Cuối cùng, những người nắm sinh mạng của 73 triệu dân Việt Nam đã nhận ra rằng nền kinh tế một nước cũng cần đến trí thức, chúng ta thường gọi là chất xám. Tờ báo *Quân Đội Nhân Dân* lên tiếng báo động nạn mất chất xám, khi giới chuyên viên và cán bộ trí thức bỏ nhà nước đi làm cho các công ty ngoại quốc. Nạn "xuất não" có thật. Nhưng tờ báo QĐND đặt không đúng vấn đề, và giải pháp đề ra thì thiếu sót.

Tờ *Quân Đội Nhân Dân* nhìn vào vấn đề chất xám với lối tư duy thời chiến — một thói quen chúng ta có thể hiểu được nhưng sai lầm thì vẫn phải vạch ra là sai lầm. Sự kiện các cán bộ trí thức đi làm cho lãnh vực tư và công ty ngoại quốc được báo động vì báo QĐND sợ những người này sẽ tiết lộ các bí mật quốc gia, bí mật về chính sách và quyết định của nhà nước. Bài báo trên trang nhất tờ QĐND ngày thứ Ba 14 tháng Hai 1995 cho rằng đây là mối hiểm nguy quan trọng nhất khi nhà nước để mất đội ngũ chuyên viên trí thức. Có hai sai lầm trong cách lập luận trên.

Trong cách đặt vấn đề, chúng ta thấy báo QĐND đã vẽ ra một chiến tuyến, chia đôi một bên là nhà nước (chuyên chính của đảng Cộng Sản) và bên kia là tất cả lãnh vực kinh doanh tư, người Việt hay người ngoại quốc. Khi một nước đã thiết lập nền kinh tế thị trường thì động lực chính của nền kinh tế là lãnh vực tư. Chính lãnh vực tư tạo ra của cải, tạo ra công ăn việc làm, và đóng thuế để nhà nước tiêu dùng cho việc công. Còn vai trò của nhà nước là làm trọng tài vô tư cho sinh hoạt tranh đua của các thành viên trong lãnh vực tư, như giữa các xí nghiệp cạnh tranh với nhau, hay là giữa chủ vốn và lao động, theo mô thức nền kinh tế thị trường kiểu Anh, Mỹ. Trong nền kinh tế thị trường kiểu Nhật, nhà nước đóng vai trò vừa là thành viên tham dự vào việc hoạch định và thúc đẩy kinh tế quốc gia, vừa là trọng tài cho cuộc tranh đua kinh tế.

Nhà nước không thể coi lãnh vực tư là đối thủ để chinh phục hoặc tiêu diệt như thói quen thời chiến tranh. Suy nghĩ sai lầm đó sẽ chỉ chuốc lấy hại, vì sẽ đưa tới tình trạng kinh tế giở giăng giở đèn. Những người có vốn không ai muốn đến đầu tư ở một nơi mà chính quyền ở đó coi họ là "đối phương." Trừ khi họ chỉ tới để hối lộ và chụp giựt cho lẹ.

Hậu quả của cách tư duy sai lầm trên là coi chính sách kinh tế của nhà nước như những bí mật quân sự, phải che đậy không cho các nhà kinh doanh biết. Trong một nền kinh tế thị trường, các chính sách và quyết định của nhà nước là những thông tin kinh tế cần phổ biến công khai. Những người đầu tư chỉ tham dự vào nền kinh tế khi họ biết luật lệ minh bạch của cuộc chơi, không có điều gì phổ biến riêng cho xí nghiệp này (quốc doanh), và che đậy đối với xí nghiệp khác (tư). Tại các nước theo kinh tế thị trường, việc sử dụng tin mật (*inside information*) thường là một tội hình. Khi người Mỹ đòi người Nhật mở cửa thị trường cho các nhà thầu xây cất của Mỹ, thì điều họ than phiền không phải là những tin mật về chính sách xây cất của nhà nước Nhật, mà chính yếu là than phiền về những điều kiện khắt khe khi gọi thầu, khiến cho chỉ các công ty Nhật thỏa mãn được — mà những điều kiện đó công khai, ai cũng có quyền biết.

Vậy vấn đề mất chất xám phải đặt ra như thế nào? Khi những người có khả năng trí thức của một nước đi ra nước khác làm việc, đó là chất xám bị mất. Khi những chuyên viên và trí thức còn làm việc trong xứ, như vậy chưa phải là mất chất xám. Tại Singapore chỉ riêng các công ty Hoa Kỳ đã sử dụng vài trăm ngàn người bổn xứ, trong đó có rất nhiều chuyên viên cao cấp — hãng IBM là một xí nghiệp dùng hàng chục ngàn công nhân có chất xám. Nhưng Singapore không hề mất đội ngũ trí thức trên, vì họ sản xuất và làm tăng của cải cho xứ này, đóng thuế cho chính phủ xứ này. Những người làm việc cho xí nghiệp ngoại quốc ở Singapore đóng góp vào nền k inh tế xứ đó không khác gì những người làm trong các công ty bổn xứ hay trong chính phủ. Đó là quan niệm đứng đắn trong khung cảnh kinh tế thị trường liên quốc. Nếu Việt Nam muốn gia nhập cộng đồng kinh tế thế giới thì phải tập lối tư duy như vậy.

Nhưng hiện tượng mất chất xám ở nước ta quả là trầm trọng. Những người yêu nước phải tìm cách nào để không những giữ chất xám khỏi bị mất, và còn phải nghĩ cách thâu hồi các chất xám hiện đang lưu vong khắp bốn phương.

Thâu hồi các chất xám đang lưu vong khó hơn là gìn giữ các chất xám đang ở trong xứ. Có hai nguồn chất xám lưu vong. Một là những người chuyên viên và trí thức gốc miền Nam đã bị cưỡng bách ra đi vì không chịu nổi chế độ áp bức và thái độ thù nghịch của Cộng Sản. Hai là những người thanh niên gốc miền Bắc du học trước, sau năm 1975 ở cả Đông Âu lẫn Tây Phương, sau đó không muốn trở về, cũng vì không thể sống trong chế độ

Cộng sản. Đối với cả hai lớp người này, khi chế độ chưa cải tổ toàn diện thì thật khó đưa họ trở về.

Tờ báo *Quân Đội Nhân Dân* gợi ý muốn bảo vệ chất xám thì "điều quan trong là thỏa mãn những yêu cầu hợp lý của cán bộ chuyên viên, trí thức." Nhưng thế nào là những yêu cầu hợp lý?

Đối với các chuyên viên ở trong nước thì những yêu cầu hợp lý là lương bổng và điều kiện làm việc. Lương bổng tương đương với các xí nghiệp tư hay công ty ngoại quốc sẽ có thể giữ được các nhân viên ở lại với các xí nghiệp quốc doanh. Nhưng ngay cả khi điều kiện khó khăn về lương bổng thỏa mãn được thì những chuyên gia và trí thức ở hải ngoại cũng chưa thể trở về. Vì khi nói đến điều kiện làm việc người ta phải nói đến cả hệ thống quản lý trong đó các quy tắc dân chủ được thể hiện. Tinh thần trách nhiệm, việc ủy nhiệm phân minh, chế độ thưởng phạt công bằng, tinh thần trọng pháp ngay trong nội bộ của một xí nghiệp, dó là bầu không khí mà các chuyên gia sống ở ngoại quốc 4ang được hưởng. Khi về tới Việt Nam họ sẽ phải chịu đựng một bầu không khí khác trong đó liên hệ chính trị lấn át thành quả kỹ thuật và chuyên môn, tham nhũng và hối lộ lan tràn, và họ sẽ thấy hệ thống đó vừa thiếu hiệu quả vừa làm mất phẩm giá con người.

Nhưng trong số những điều kiện làm việc của chuyên gia còn một điều kiện là bầu không khí tự do trong sinh hoạt trí thức, trong suy tư và trong việc phát biểu những suy tư, trong việc trao đổi các ý kiến. Bản chất của công việc trí thức đòi hỏi tự do. Chất xám chỉ nẩy nở, chỉ phát triển có hiệu quả cao, trong tự do. Điều kiện này không thỏa được thì chất xám còn tiếp tục thất thoát. Và điều kiện này vượt ra ngoài phạm vi của mỗi xí nghiệp. Tự do không thể chia cắt. Không thể hưởng tự do trong cơ xưởng, trong văn phòng còn ngoài đường thì tạm nghỉ, không có tự do. Không thể nói chỉ tự do trong giờ làm việc còn ra khỏi giờ làm việc thì tạm mất tự do.

Nền kinh tế thế giới hiện nay chính là nền kinh tế của chất xám. Để công nhân trí thức ra đi, hay không trở về, là làm hại nền kinh tế, là hại dân, hại nước. Nhưng muốn ngăn ngừa chứng xuất não hiện nay thì không phải chỉ thay đổi kinh tế mà phải thay đổi cả chính trị. Đây là thử thách không phải của một đảng cộng sản Việt Nam mà của toàn dân Việt Nam. ■

Qua các biến cố Phật Giáo gần đây tại Việt Nam, thử đưa ra một vài ý kiến về vai trò của

PHẬT GIÁO TRONG DÒNG VẬN ĐỘNG LỊCH SỬ DÂN TỘC...

HUỲNH HÙNG

Phần kết luận của Tuyên cáo giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn của Hoà Thượng Thích Huyền Quang ngày 20/11/1993 khẳng định như sau:

- Đảng và nhà nước CHXHCN phải khởi sự ngay tiến trình dân chủ hoá chế độ bằng cách để cho xã hội công dân hình thành, thông qua quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do lập hội...

- Chủ trương "xoá bỏ mặc cảm, xoá bỏ hận thù, hướng về tương lai" của Đảng và Nhà nước không thể ngủ lì trên diễn văn mang tính chiến thuật hầu đánh lừa dư luận quốc tế về cái gọi là "đổi mới kinh tế" và ổn "định chính trị". Một quốc gia tôn trọng nhân quyền và dân chủ lành mạnh là một quốc gia có đối lập. Đối lập để xây dựng, để ngăn ngừa các khuynh hướng cực đoan độc tài, tạo sự tham gia bình đẳng và đồng đẳng của toàn dân...

-...Yêu cầu Nhà Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVM) thực hiện nền dân chủ pháp trị bằng ba hành động cụ thể. Bỏ điều 4 trên căn bản Hiến Pháp hiện hành...Bầu lại Quốc hội với sự tự do tham gia ứng cử và bầu cử của toàn dân...Viết lại bản Hiến Pháp phù hợp với nguyện vọng về nhân quyền và dân chủ của toàn dân qua các đại biểu độc lập của họ, và cũng để thích nghi với xu thế tiến bộ của thế giới ngày nay, mà phương châm đang thực hiện khắp năm châu là cộng tác để cộng sinh...

Từ ngày đó, một số dữ kiện hoặc biến cố đã xảy ra gần đây tại Việt Nam liên quan đến Phật Giáo đã cho thấy Nhà Nước đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn không thay đổi đường lối và chính sách.

A/ Phong trào hoà hợp Tăng.

Gần đây có tin đồn Hoà Thượng Huyền Quang chủ trương đưa ra Phong trào Hoà Hợp Tăng, hoà giải Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN, thân chính phủ) và GGPGVNTN, do Hoà Thượng Huyền Quang lãnh đạo.

Sự thật đó là tin đồn thất thiệt do Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương tung ra để lung lạc Phật tử và hàng Tăng Ni. Thật ra, Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương đã nhờ Thầy Trí Quang hiện nay đang trú tại chùa Ấn Quang làm trung gian để hai Giáo Hội ngồi lại với nhau. Nhưng Thầy Trí Quang đã viện cớ đau ốm không chấp nhận.

Ngày 29/4 âm lịch, một buổi lễ được tổ chức tại chùa Quan Thế Âm (Phú Nhuận) để tưởng niệm cố Hoà Thượng Quảng Đức do Hoà Thượng Thích Thông Biểu chủ trì. Có mặt tại buổi lễ nầy có Thầy Thích Đức Nhuận đại diện GHPGVNTN. Thầy Thích Thiện Hào, đại diện GHPGVN và một số chức sắc Nhà Nước. Thầy Thích Quảng Liên đọc diễn văn khuyên nên có sự ngồi lại giữa hai Giáo Hội và nếu được như vậy thì rất hoan nghinh. Trong khi đó Thầy Thích Đức Nhuận thì đề cao những giá trị truyền thống, một cách gián tiếp nhắc khéo, trước sự có mặt của quan chức Nhà Nước, sự hiện hữu và giá trị của GHPGVNTN.

Lập trường của GHPGVNTN đối với GHPGVN rất hoà giải hoà hợp, nhưng được xác định rõ là chỉ hoà giải hoà hợp với các đồng sự của Giáo Hội truyền thống, và hoàn toàn không qua sự trung gian hay chi phối của Nhà Nước hay đảng Cộng Sản vì quan niệm độc lập giữa tôn giáo và thế quyền.

Hai quan điểm trên của lập trường của GHPGVNTN đã được xác định trong các văn thơ chính thức dẫn chứng sau đây:

Trước hết là trong Thông Bạch Vu Lan gần đây, Hoà Thượng Huyền Quang gởi đến các vị lãnh đạo GHPGVN những lời tâm huyết như sau:

-"Trước chủ ý và cố tình của Nhà Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa trong việc bức tử Giáo Hội dân lập có truyền thống lâu đời để thay thế bằng một Giáo Hội Nhà Nước nhất thời do đảng Cộng Sản chỉ đạo, quý vị (trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam) vì hoàn cảnh hay lý do đặc biệt nào đó đã phải buộc ngã theo để tự tồn và giữ đạo. Tuy nhiên quý vị đã xem nhẹ khía cạnh căn bản và thể thống của Phật Giáo Việt Nam có 20 thế kỷ tuổi hành thế.

Tự cổ chí kim, chính quyền có mặt là để phục vụ dân, qua đó phục vụ nền văn minh, tôn giáo và tín ngưỡng của dân. Chưa hề có chuyện một tôn

giáo dân tộc hạ mình phục vụ thế quyền. Ngày xưa, vua đến chùa là để xin quy y, chứ không phải để sai bảo Tăng đoàn. Hiện nay, Nhà Nước áp đặt Tăng đoàn và xem Phật Giáo như một công cụ. Hành động ấy đi ngược lại với truyền thống dựng đạo của chư Lịch Đại Tổ Sư và các Thánh Tử Đạo, đồng thời trái chống với nguyện vọng toàn dân trước kỷ nguyên mới của Dân Chủ và Tiến Bộ. Vậy:

-Hội Đồng Lưỡng Viện tha thiết yêu cầu quý vị hãy nhìn lại dấu tích tiền nhân, nhớ nghĩ tới lớp đồng đạo đã cùng mình tu học dưới mái chùa xưa, và trải biết bao gian nguy duy trì mạng mạch của Chánh Pháp. Từ ý thức cảnh giác này, quý vị sẽ thấy ngay chí nguyện cao thâm và con đường sáng truyền thống của hàng trưởng tử Như Lai.

-Cùng chung dưới Phật đài cử hành lễ Vu Lan báo hiếu năm nay, xin quý vị hãy rủ lòng từ bi lân mẫn phác tay làm một nghĩa cử cụ thể trong ngày rằm xá tội, cùng viết thỉnh nguyện thư yêu cầu nhà nước trả tự do tức khắc cho những người đồng đạo hiện đang chết dần chết mòn trong các ngục thất hay nơi quản thúc hẻo lánh. Dù lý do viện dẫn nào, cũng không xoá được mối ân sâu của người con Phật đối với kẻ đồng môn. Ngoài đạo tình còn nghĩa đồng bào phải trả. Vì sao thương được người dưng nước lã, mà lại hững hờ với kẻ trong nhà."

Mặt khác, điều 3 của Thông Cáo Báo Chí của Giáo Hội PGVNTN Các Châu, trong phiên họp đặc biệt ngày 16 17 tháng 3 năm 1994, Phật Học Viện Quốc Tế, Hoa Kỳ đã khẳng định như sau:

"Các Tăng Ni và Phật Tử hiện đang sinh hoạt trong Giáo Hội của Nhà Nước, trừ một thiểu số là cán bộ được gài vào và hoạt động vì lợi ích cho Đảng và Nhà Nước Cộng Sản, đại đa số vẫn là đồng sự của Giáo Hội truyền thống, do đó nên được liên lạc, trao đổi và giúp đỡ trong đạo tình, tạo cơ hội để các vị phục vụ Dân Tộc và Đạo pháp."

Hoà Thượng Thích Đức Nhuận, Việt Nam, nhân mùa Báo hiếu, Phật lịch 2538, trong bài "Bằng đôi chân của mình, mời người hãy đi lên" có viết:

"Tôi viết những dòng chữ dưới đây thân gởi những tâm hồn luôn luôn thao thức đến tiền đồ Dân Tộc và Đạo Pháp, dù là bạn hiện ở trong nước hay ở ngoài nước, xin hãy phát tâm nguyện cầu cho Tổ quốc và Đồng bào thân thương sớm thoát nghịch cảnh, chung sức góp phần xây dựng đất nước Việt Nam tương lai quang vinh.

Các tôn giáo nói chung đều cùng một cứu cánh là: Phục vụ con người, giúp con người trở thành tốt lành, sống trong sạch công bằng và tôn trọng lẫn nhau để tất cả làm đẹp quê hương, làm tốt thế giới.

Chỉ có như vậy các tín hữu của các tôn giáo mới biểu hiện được lòng tin Phật, tin Chúa và tôn kính đối với đấng Giáo Chủ của mình. Còn cứ mãi vùi đầu vào sự mê lầm xung đột lẫn nhau thì chúng ta đã phụ lòng đối với các Ngài rồi vậy.

Tại Việt Nam (hiện nay) đối với các tôn giáo thì trên danh nghĩa các nhà thờ và các chùa được mở cửa. Nhưng các Giáo Hội lại đều phải xếp hàng trong một mặt trận chính trị của nhà nước. Mà ngặt nỗi là dân chúng Việt Nam từ lâu nay đã có một thành kiến thật khó sửa: "Hễ cái gì thuộc về Quốc Doanh" thì khó là thứ tốt được. Bởi vậy, bất kể tôn giáo nào dù có muốn làm tốt hơn đối với việc chấn chỉnh đạo đức cũng chẳng dễ dàng gì. Bao giờ các nhà đổi mới tại Việt Nam thấy được rằng khi người dân hiểu được việc làm của mình thế nào là tội phúc, thế nào là phạm vào luật nhân quả của trời đất, thì những tội phạm của xã hội theo đó mà giảm đi. Hãy can đảm để nhận thẳng vào vấn đề. Chẳng ai hãnh diện được khi phải cai trị một nước mà ở trong đó những tội phạm xã hội đầy đặc chỉ có chiều tăng, không có chiều giảm.

...Chia rẽ cắt nhỏ khối Phật tử ra làm nhiều mảnh vụn. Để rồi tất cả cùng hoạt động cho một mục đích mà chẳng thể nào bao dung nỗi nhau. Thậm chí ứng dụng cả cách xử sự thông tục là tìm cách phá phách nhau nữa mới thật thảm. Để được gì kia chứ? Chắc chắn là chẳng được gì, ngoài mỗi một việc là tự cho rằng mình đã có công làm việc này việc khác cũng thật là thảm. Xin hãy chắp tay sám hối."

B/ Đàn áp Phật Giáo.

1/ Ngày 28/5/94, Đại Đức Thích Huệ Thâu, 48 tuổi, trụ trì chùa Ngọc Phật, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã tự thiêu để đòi hỏi ba điều mà trước đó thầy cùng 47 tăng ni Phật tử kéo đến trụ sở Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Vĩnh Long biểu tình yêu sách:

-Yêu cầu Nhà Nước CSVN tôn trọng tự do tôn giáo, như tự do sửa chữa chùa viện, tự do tu học giáo lý mà không pha lẫn chánh sách và chỉ thị của đảng...

-Yêu cầu Nhà Nước CSVN hãy để cho GHPGVNTN phục hồi sinh hoạt trở lại như trong quá khứ.

-Yêu cầu Nhà Nước CSVN giảm sưu cao thuế nặng mà đồng bào nhân dân đang phải khốn khổ chịu đựng.

Đại Đức Huệ Thâu tuyên bố: "Nếu chính quyền tỉnh Vĩnh Long không giải quyết được thì cho phép chúng tôi đưa phái đoàn đi Hà Nội gặp Trung Ương Đảng và chính phủ". Nhưng chính quyền tỉnh Vĩnh Long cứ phớt lờ yêu cầu và mặt khác còn cho lịnh công an đàn áp, giải tán đoàn biểu tình. Ba ngày sau lễ Phật Đản , (28/5/94) Đại Đức Thích Huệ Thu tẩm xăng tự thiêu tại Vĩnh Long, để lại một số thỉnh nguyện thư.

2/ Ngày 9/7/94, chùa Sơn Linh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa bị một lực lượng hùng hậu của bộ độ và công an có xe tăng yểm trợ tấn công 18 Tăng Ni và gần 100 Phật tử, và bắt đem đi. Đại Đức Thích Hạnh Đức, trụ trì chùa này. bị

đánh đập rồi bị đem biệt giam. Sau đó, Đại Đức bị xử án ba năm tù. Trong một bức thư từ nhà tù gởi ra cho các đệ tử, thầy đã viết: "... ai cũng chết một lần, hãy làm hết sức mình để khỏi hổ thẹn và ân hận sau này..."

3/ Ngày 4/8/94 Đại Đức Thích Giác Nguyên dẫn một phái đoàn gồm chín Tăng Ni và 15 Phật tử từ Trà Vinh lên Sài Gòn đến trước trụ sở Ủy Ban Nhân Dân để đạt những nguyện vọng sau:

-Xin hãy cho phép sửa chữa tịnh xá.

-Xin cho phép thu nhận đệ tử xuất gia.

-Xin cho phép in và phát hành kinh sách Phật giáo.

-Xin được phép mở trường Hạ.

Được biết Đại Đức, năm nay 30 tuổi, là con một gia đình đại liệt sĩ, hiện là trụ trì tịnh xá Long An, huyện Càng long, tỉnh Trà Vinh. Do chính sách kềm kẹp của chính quyền Cộng Sản đối với tôn giáo nói chung và đối với tịnh xá Long An nói riêng nên mới đưa ra những nguyện vọng trên để xin giải quyết. Chờ mãi không được, phái đoàn đã lên Sài Gòn đến trước Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố ngồi đưa ra yêu sách. Trong suốt ba ngày 1, 2, 3 tháng 8, số người tham gia cuộc "tọa kháng" lên đến cả trăm. Chính quyền Cộng Sản tìm cách tránh né, nhờ ba "tu sĩ nhà nước" là ba thầy Hiến Pháp, Giác Toàn và Nhật Huệ đến thương lượng. Nhưng không có kết quả gì. Cuối cùng công an đã đem xe đến "hốt".

4/ Nhân ngày Phật Đản (1994), một buổi lễ được tổ chức tại chùa Liên Trì (xã An Khánh, Thủ Đức) do thầy Không Tánh (thuộc GHPGVNTN) đứng ra tổ chức. Khoảng 2000 người dự và 500 tăng ni, có sự hiện diện của Thầy Thích Đức Nhuận. Sau buổi lễ, công an đã kêu Thầy Không Tánh, Thầy Trí Lực và cư sĩ Nhật Thường (vốn là cựu Đại Đức hoàn tục sau 1975) đến "làm việc". Thầy Không Tánh không đi, các vị khác đã đi "làm việc" với công an.

5/ Nhân vụ bão lụt tại miền Nam Việt Nam vừa qua, GHPGVNTN kêu gọi đồng bào cùng Phật tử hải ngoại giúp đỡ. Giáo Hội Phật Giáo (Viện Hoá Đạo 2) nhân dịp đại hội thường niên đã họp liên tiếp trong ba ngày 20, 21, 22 tháng mười năm 1994 tại Houston (Texas) đã hưởng ứng lời kêu gọi, đã quyên góp được 27,000 USD và chuyển về Việt Nam cho Thầy Thích Nguyên Lý, chùa Từ Lý, gần cầu chữ Y. Một Ủy Ban Cứu trợ nạn lụt được thành lập. Thầy Thích Long Trí, trụ trì tại Quảng Nam, Chánh văn phòng của Hoà Thượng Huyền Quang làm trưởng ban. Thầy Thích Long Trí đi vào Sài Gòn lãnh nhiệm vụ thì bị công an bắt, đưa về Quảng Nam quản thúc. Thầy Không Tánh thay thế, đứng ra tổ chức một phái đoàn đi miền Tây cứu trợ, tụ tập tại Ngã Sáu Sài Gòn. Công an đã can thiệp, bắt một số người và tịch thu các đồ cứu trợ. Trong số các người bị bắt có các thầy Không Tánh, Trí Lực, Nhật Ban, cư sĩ Nhật Thường và nữ Phật tử Động Ngọc. Các vị này bị bắt giam, không biết ở đâu. Trong khi đó, Hà Nội phủ nhận là đã có vụ can thiệp của công an cũng như việc bắt bớ trên.

6/ Hoà Thượng Quảng Độ, hiện nay bị quản thúc tại Thanh Minh thiền viện, đường Trần Huy Liệu (Trương Tấn Bửu cũ) ra thông cáo hoạt động trở lại, lập văn phòng Tổng thư ký lưu vong tại Sài Gòn, thừa lệnh của Hoà Thượng Huyền Quang.

7/ Tại Sài Gòn, Ủy Ban Tôn Giáo được cán bộ tên là Ba Lực bí danh B 12, tổ A 16 kiểm soát chặt chẽ. Những người này không những lo việc bắt bớ Tăng ni Phật tử, đàn áp Phật giáo, còn nhúng tay vào việc đào tạo các tu sĩ. Các tổ chức giới đàn để các tu sĩ thọ giới tỳ kheo trên nguyên tắc trực thuộc thẩm quyền hoàn toàn của Giáo Hội, chỉ có hàng giáo phẩm chấm (ban Giám luật). Tại Sài Gòn, các tu sĩ được ban Giám luật chấp nhận, phải qua tổ A 16 chấm lý lịch là "công dân tốt" mới được xem là đậu, lên lớp.

C/ Nhận định

Không phải gần đây Phật Giáo mới có những đóng góp quan trọng vào dòng vận động lịch sử, dưới thời đô hộ của Trung Quốc, Phật Giáo đã có những đóng góp đáng kể.

Trước khi Phật Giáo đi vào Trung Quốc, Văn hoá nước này đã thấm nhuần Nho Giáo một cách sâu đậm. Các nhà cầm quyền đương thời cũng như giới Nho sĩ cho rằng đạo Phật là học thuyết của giống man di mọi rợ. Tập luận thuyết đầu tiên về đạo Phật, tên là Lý Hoặc Luận, được sáng tác bằng chữ Hán tại Giao Châu Bởi Mâu Tử (tức Mâu Bác) sinh vào khoảng 165-170, có viết:

"Khổng Tử nói: Các giống di dịch ở miền tây và miền bắc dù vào thời bình có vua cũng không bì được với nước ta trong thời loạn không vua... Mạnh Tử chê Trần Tương đi học theo phép Hứa Hành và nói: Ta từng nghe dùng học thuyết nước lớn để giáo hoá di dịch, chưa từng nghe thấy lấy học thuyết di dịch để giáo hoá nước lớn bao giờ. Hồi 20 tuổi, ngài đi học Nghiêu, Thuấn, Chu Công và Khổng Tử, tại sao bây giờ lại bỏ đi để học những thứ của các giống di dịch miền tây và bắc".

Mâu Tử gốc người Hán, sinh sống ở Giao Châu, học Phật tại đây, đã viết cuốn sách trên để đáp lại những lời khích bác Phật Giáo của những nho gia Trung Quốc chạy qua Giao Châu để lánh nạn nội chiến thời Tam Quốc.

Trong khi đó, ảnh hưởng Nho giáo tại Việt nam vào thời này rất yếu kém. Các quan đô hộ, trừ một số ít như Tích Quang, Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp, chỉ nghĩ đến bóc lột nhân dân và đàn áp cuộc khởi nghĩa chống lại người Hán. Sự giáo dục quần chúng đã không phải là những ưu tư hàng đầu của họ. Những người đô hộ đã không muốn đem Nho giáo để khai hoá. Dân Việt Nam, vào thời điểm này, có thể nói là còn "trinh nguyên" về mặt tư tưởng và văn hoá. Họ dễ dàng hấp thụ tất cả những

tư tưởng hay lạ từ mọi nơi đến. Phật giáo đã đến với họ bằng ngõ dân gian, bằng những sự tiếp xúc với các tăng sĩ Ấn Độ, chứ không phải do sự áp đặt của những người đô hộ. Hơn thế nữa, hấp thụ Phật Giáo, có lẽ là một hình thức kháng chiến bất bạo động của nhân dân đối với Nho giáo vốn là văn hoá của chính quyền đô hộ.

Như trên đã nói, Mâu Tử, với cuốn Lý Hoặc Luận, đã có tham vọng trả lời những khích bác đạo Phật của những Nho gia người Hán lánh nạn ở Giao Châu. Tinh thần đại đồng đó của Mâu Tử đã đánh đổ được phần nào cái mặc cảm tự tôn của Hán tộc và đã đóng góp vun xới tinh thần dân tộc tự cường của nhân dân Việt Nam đang bị nô lệ vào thời bấy giờ.

Các thiền sư trong thời Bắc thuộc có thể xem là những nhà trí thức dân tộc độc nhất. Họ đã tự tu, tự học và đã tạo một uy tín lớn trong quảng đại quần chúng. Khi đất nước thoát khỏi ách đô hộ của người Hán, những vị lãnh đạo đất nước từ Ngô Quyền đến Đinh Bộ Lĩnh đã mời các vị sư tham gia chính sự, hoặc tham khảo ý kiến của họ. Đó cũng là một điều dễ hiểu. Thứ nhất, các vị vua này vốn là những người áo vải xuất thân, hoặc là những nhà quân sự, do đó những kiến thức về trị dân, trị nước của họ có phần nào bị khiếm khuyết. Thứ hai, khi guồng máy cai trị của người Hán bị lật đổ, Việt Nam chưa có đủ thời giờ để đào tạo những người có đủ khả năng điều khiển làm chạy bộ máy nhà nước. Những người có kiến thức vào thời này đại đa số là các vị sư.

Cuốn Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục, một tác phẩm hoàn thành đời Trần có chép lại những lời bàn của Quốc Sư Viên Thông với vua Lý Thần Tôn về việc trị nước:

''...Nước trị hay loạn còn là ở các quan, được người tốt thì trị, không được thì loạn. Thần trải xem các đế vương thời trước, chưa từng có ai không dùng quân tử mà hưng, không dùng tiểu nhân mà vong. Nhưng nguồn gốc dẫn đến hưng vong không phải là cái có một sớm một chiều, mà đến dần dần. Trời đất theo mùa xuân mùa thu. Vua chúa cũng không thể hưng vong đột ngột, mà phải dần dần do việc thiện việc ác. Các bậc thánh vương thời trước đều biết như thế nên bắt chước trời không ngừng trau đức để yên dân. Sửa mình thì cẩn thận trong lòng, run sợ như dẫm lên băng mỏng. Yên dân thì kính trọng người dưới, hãi hùng như nắm dây cương sờn. Làm đúng thế thì không thể không hưng, làm trái thế thì không thể không vong. Hưng vong đến dần dần là ở chỗ đó.''

Cuộc tranh đấu hiện nay, ngoài việc đòi tự do, dân chủ nhân quyền và tự do tôn giáo, còn là một đóng góp vào việc xây dựng một xã hội Việt Nam trường tồn. Thật vậy, người Cộng Sản hiện nay, cũng như phần đông những người Việt Nam đối lập khi nói đến xây dựng đất nước hậu Cộng sản, chỉ đặt nặng vấn đề kinh tế và giáo dục, y tế. Nhưng một vấn nạn cũng vô cùng khẩn cấp và khó khăn gấp vạn lần, đó là xây dựng một hệ thống đạo lý cho xã hội Việt Nam, một hệ thống đạo lý phù hợp với tinh thần dân tộc Việt Nam và phù hợp với những tư tưởng tự do, dân chủ và nhân quyền phổ cập trên thế giới.

Trong thư ngỏ gởi các bạn trẻ nhân Ngày Họp Mặt Chuyên Viên, Cán Bộ trẻ Công Giáo VN Hải Ngoại tháng 8, 1994 tại Hoà Lan, Đức Ông Trần văn Hoài cho rằng:

''...Tinh thần dân tộc Việt Nam được đúc kết bằng những giá trị trường tồn của các tôn giáo cổ truyền:

-Đạo thờ cúng Tổ Tiên đặt nền tảng cho cuộc sống gia đình và mối tương giao hàng xóm.

-Đạo Khổng đặt nền tảng cho mối tương giao giữa người với người trong xã hội rộng lớn hơn. Đó là đạo lý Tam Cương Ngũ Thường. Nền tảng đạo lý xã hội này đã tạo nên một xã hội lành mạnh lấy phúc lợi của người dân làm cứu cánh: Dân vi quý, và đặt nhà lãnh đạo vào trọng trách của kẻ làm cha mẹ đối với dân: Dân chi phụ mẫu.

-Đạo Phật, Đạo Lão cho chúng ta một cái nhìn siêu việt về thân phận con người, về ý nghĩa thật tại trần thế để chúng ta đừng say đắm trong ''chấp ngã'', mà phải tìm đường ''siêu thoát'', ''vô vi'', như thế tránh được mọi tranh giành quyền lợi, hận thù chiến tranh để sống hiền hoà an cư lạc nghiệp.

-Đạo Công Giáo với điều răn Bác Ái, cũng như đạo Phật với lòng Từ Bi, tạo cho chúng ta một tấm lòng bao dung, quảng đại để yêu thương đùm bọc tha nhân trong tình người, tình huynh đệ đồng bào.''

Ngoài ra, Phật Giáo cũng phù hợp với những lý tưởng tiến bộ phổ cập của nhân loại. Đó là ý kiến của Giáo sư Trần Như Hảo, tại Hoa Kỳ, cho rằng, trong 30 điều của ''Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền'' của Liên Hiệp Quốc có 18 điều mà giáo lý nhà Phật đã chủ trương, giảng dạy. Đó là những điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 22, 23, 24, 25 và 26.

Paris tháng 12 năm 1994

Đọc và giới thiệu

THẾ KỶ 21

(mẫu phiếu mua báo dài hạn in nơi trang 2)

Liên lạc:

Cô **Phan Mỹ Sương**

11022 Acacia Parkway #A

Garden Grove CA 92640 USA

(714) 638-9510

"Ai đem con sáo sang sông, để cho con sáo..."

SÁO BAY, SÁO ĐẬU

NGÔ ĐÌNH VẬN

Sáo hót từ muôn dặm xa

Cùng với đoàn người chạy giặc đầu tiên ra hải ngoại, giới nghệ sĩ là thành phần quan trọng nhất đã cưu mang dân nhạc Việt Nam đưa vào lòng thế giới.

Ở đây chúng tôi trình bày một số hoàn cảnh "di tản dân nhạc" của các nghệ sĩ mà do cơ duyên chúng tôi được biết về sinh hoạt riêng tư của họ.

Đây chỉ là những nét khái quát, điển hình cho rất nhiều hoạt động của giới nghệ sĩ Việt Nam đã may mắn "sổ lồng" bay vào các vùng trời tự do để tiếp tục công việc trình diễn phổ biến, phong phú hóa dân nhạc Việt Nam.

Nghệ sĩ Lữ Liên, một người chịu ảnh hưởng sâu đậm của ngành chèo cổ, các sáng tác của ông thường mang tính cách trào phúng, hài hước, đã cho biết rằng "cái gia sản cổ nhạc" cụ thể mà ông đem ra đảo Phú Quốc rồi leo lên tầu Mỹ là cây đàn cò mà ông đã đặt làm ở Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương, năm 1952.

Ông Lữ Liên kể tiếp: "Tôi đeo hộp đàn trên lưng, từ chiếc xà lan leo thang dây lên tàu Mỹ suýt té, những người thân trong gia đình còn cho mình là quê mùa nữa."

Nhưng cái gia sản tinh thần thì nghệ sĩ Lữ Liên đã đem theo đầy ắp trong tâm khảm. Ông Lữ Liên nhớ được rất nhiều điệu hát ru của bà chị ruột ông là Ni Sư Lã Thị Yến, từ lúc ông mới lên bốn, lên năm. Từ gánh hát chèo gia đình mang tên Hưng Công là tên làng ông ở Hà Nam, cho tới những ngày tháng cộng tác với ban ca Bắc của Văn Thuật. Nhớ được 36 giọng của các bạn nghệ sĩ Kim Bản, Kim Nhung, Hồ Điệp. Nhớ được tiếng đàn đáy độc đáo của hai tay đàn lừng danh là anh em ông Pháo, ông Mã.

Ông Lữ Liên tâm sự "tiếng đàn đáy nó lạ lùng lắm, tiếng đàn có lúc rất thanh nhưng có lúc lại rất rè, đánh được cái thanh trầm, rè rè ấy mới là đạt tới nghệ thuật của giới nhà nghề."

Ông Lữ Liên còn nhớ được cả các làn điệu ca Huế của các nghệ sĩ Vĩnh Phan, Bửu Lộc, tiếng đàn cò của Chín Trích, đàn kìm của Sáu Tửng, các danh ca miền Nam như Năm Phỉ, Tám Thưa, Phùng Há... và ban cổ nhạc Thành Công.

Ngay từ những ngày đầu tháng Năm 1975 khi vừa tới đảo Guam, cây đàn cò của miệt Lái Thiêu đã được nghệ sĩ Lữ Liên mang ra sử dụng trong các cuộc họp mặt cuối tuần ở nơi đất lạ cùng với Vũ Huyến, Thúy Liễu...

Sau này nghệ sĩ Lữ Liên còn ôm cây đàn cò đi trình diễn với nghệ sĩ Việt Hùng, Ngọc Quí ở Los Angeles, với Hoàng Thi Thơ ở nhiều nước Âu Châu.

Gần nhất trong dịp Tết Giáp Tuất (1994), nhạc sĩ Lữ Liên đã thực hiện cuốn băng cổ nhạc trào phúng "Đánh Đu". Ông nói: "Trong cuốn băng này tôi đã dùng nhiều làn điệu của phường Chèo và mượn ý trào phúng của nữ sĩ Hồ Xuân Hương để sáng tác."

Ngày 8 tháng Năm năm 1975, tiếng hát dân ca của Sài Gòn được cất lên ở đảo Guam trên Thái Bình Dương, đó là giọng ca Tuyết Hằng. Người nữ ca sĩ lưu vong này đã hát bài *Lý Con Sáo* và một số bài khác trong một thính phòng ở Guam, quy tụ trên hai trăm thính giả Mỹ. Tuyết Hằng hát thay vì khóc vì nhớ bạn, nhớ nhà.

Tuyết Hằng xuất thân từ trường Quốc Gia Âm Nhạc, là "đệ tử" của nhạc sĩ Hùng Lân, một nhạc sĩ đã có một thời nghiên cứu về dân ca cổ truyền. Tuyết Hằng rất mê dân ca, chọn dân ca làm chính trong sinh hoạt trình diễn nghệ thuật.

Là trưởng ban của ban tam ca Đông Phương được thành lập năm 1970 gồm Thu Hà, Hồng Vân, Tuyết Hằng. Ban tam ca Đông Phương chuyên trình diễn các bài dân ca cổ truyền, đã làm cho giới sành điệu ái mộ. Sân khấu Đêm Màu Hồng đã ký hợp đồng để ban tam ca Đông Phương trình diễn độc quyền cho họ.

Tới định cư ở tiểu bang Pennsylvania, Lễ Độc Lập Hoa Kỳ năm 1975, Tuyết Hằng cất tiếng hát trên một sân khấu ngoài trời của vùng Đông-Bắc Mỹ. Từ đó, khi có cơ hội, Tuyết Hằng tiếp tục trình diễn để quảng bá dân nhạc Việt Nam.

Dù có tên là Tuyết Hằng nhưng người ca sĩ này đã không chịu thấu những mùa tuyết rơi, băng giá của Pennsylvania. Tuyết Hằng đã từ biệt Đông-Bắc Mỹ về cư ngụ ở Pasadena, California.

Tuyết Hằng cho biết "ban tam ca Đông Phương một thời đã thành công là nhờ ở sự hợp tác chặt chẽ của ba người ca sĩ, bây giờ Thu Hà đang hành nghề bác sĩ ở San Jose, Hồng Vân ở lại trong nước.

Một điều đáng nhớ là cuốn băng dân ca của ban tam ca Đông Phương đã đoạt giải nhất về dân nhạc trong một cuộc thi của nhiều nước Á Châu được tổ chức tại Đại Hàn năm 1971.

Trong các tháng Năm và Sáu năm 1975, nhiều họ đạo Cơ Đốc ở Hawaii đã ân cần tiếp đón nhạc sĩ Lê Văn Khoa đến nói chuyện về dân nhạc Việt Nam.

Nhạc sĩ Lê Văn Khoa năm nay 61 tuổi, sinh quán ở Cần Thơ, là một nghệ sĩ đa năng trong các sinh hoạt văn nghệ. Giáo hội Cơ Đốc của California đã giới thiệu ông với các họ đạo Tin Lành Hawaii, vì thế trong những ngày đầu tiên tới Hoa Kỳ là khoảng thời gian bận bịu nhất của ông Khoa trong việc giới thiệu dân nhạc Việt Nam với những người bạn mới thuộc nhiều sắc tộc. Kể từ những khởi đầu đó, nhạc sĩ Lê Văn Khoa là người đã có những nỗ lực thường xuyên trong việc đem các làn điệu Việt Nam vào sinh hoạt nghệ thuật đa văn hóa ở Hoa Kỳ. Liên tiếp trong nhiều năm qua, ông Khoa đã tổ chức các buổi trình diễn nhạc Việt Nam theo lối hòa tấu ở một số tiểu bang Mỹ.

Một điều đáng chú ý là trong mọi chương trình trình diễn, nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã dùng rất nhiều chất liệu của dân nhạc Việt Nam để soạn các liên khúc dân ca, hay dùng những làn điệu dân ca làm nhạc đề cho các tấu khúc của dàn nhạc đại hòa tấu.

Cũng ngay từ tháng Năm năm 1975, tại trại tạm cư Pendleton, California, nghệ sĩ cải lương Việt Hùng đã cất tiếng ca bản vọng cổ mang tựa đề là "Tâm sự người viễn khách ly hương" của soạn giả Viễn Châu. Nghệ sĩ Việt Hùng năm nay 74 tuổi, hiện cư ngụ tại El Toro, California, ông là người đã sống chết với nghiệp cải lương từ 50 năm qua. Ông tâm sự rằng "Tôi còn sống và còn sức thì tôi còn ca hát, ca hát để giữ gìn những sắc thái đặc thù của dân tộc Việt Nam bởi vì trong Cải Lương đã chứa đựng không biết bao nhiêu thể điệu dân nhạc. Cải Lương mãi mãi tồn tại trong tâm hồn của quảng đại quần chúng Việt Nam. Cải lương chính là tiếng hát chất phác đầy tình tự của những tâm hồn bình dị."

Trên đây chỉ là những sự kiện cá biệt khởi đầu của các nghệ sĩ tị nạn cộng sản trong rất nhiều khởi đầu của giới nghệ sĩ, nhưng phần nào các hoạt động đó đã mở ra cả một sinh hoạt văn nghệ rộng rãi của lớp người tị nạn mà bây giờ đã trở thành một yếu tố thực tế mang tính cách thế giới của dân tộc Việt Nam.

Trong khi đó tại quê hương Việt Nam, vào những năm đầu cộng sản thống trị thì sinh hoạt của giới nghệ sĩ dân gian đã bị nhà nước cộng sản dẹp bỏ hẳn.

Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn đổi tên là nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh, cán bộ cộng sản Quang Hải thuộc thành phần tập kết, đã được cử làm giám đốc nhạc viện này. Riêng về ngành quốc nhạc, nhà nước vẫn để giáo sư Nguyễn Văn Đời làm Trưởng khoa Âm nhạc truyền thống với khoảng hơn hai mươi giáo sư thuộc giới nghệ nhân để dạy dỗ "các con em thuộc gia đình cách mạng."

Giáo sư quốc nhạc Nguyễn Hữu Ba được nhà nước cộng sản điều qua Viện Nghiên Cứu Âm Nhạc và ít lâu sau cho ông hưu trí. Mọi hoạt động trình diễn văn nghệ đều do nhà nước xã hội chủ nghĩa chỉ đạo.

Một số lớn các văn nghệ sĩ ở miền Nam thuộc thành phần quân đội Việt Nam Cộng Hòa thì đã bị đày đi các trại "cải tạo". Đối với thành phần văn nghệ sĩ dân sự thì nhà nước Việt Cộng năm 1976 đã mở cả một chiến dịch "Tiêu diệt biệt kích văn hóa phản động, đồi trụy" vào các tháng Ba và tháng Tư năm đó. Trong đợt thanh trừng qui mô này, nhà nước Việt Cộng có cả một danh sách trên 200 "đối tượng" thuộc các ngành sinh hoạt nghệ thuật dân sự ở miền Nam, chỉ trừ một số nghệ sĩ nằm vùng hoặc "có liên hệ tốt với cách mạng" là

không bị bắt như Vũ Hạnh, Sơn Nam, Thế Nguyên, Trịnh Công Sơn, Phạm Trọng Cầu, Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, Nguyễn Văn Khánh...

Ký giả Như Phong Lê Văn Tiến hiện cư ngụ ở Santa Ana, California, là một nạn nhân của đợt khủng bố này. Ông cho biết "tất cả anh chị em văn nghệ sĩ bị bắt vào những nơi tạm giam, sau đó chuyển tới các khám Phan Đăng Lưu (Gia Định) và Chí Hòa (Saigon) rồi mới phát vãng từng nhóm đi các trại cưỡng bách lao động.

Ông Như Phong kể tiếp rằng "có khoảng 20 người được thả ra sau một năm tù, số văn nghệ sĩ còn lại bị giam từ bảy đến 12 năm."

Bốn người con trai của nhạc sĩ Phạm Duy trong đó có Duy Quang, Duy Cường đã bị kẹt lại trong nước. Họ đã biến căn nhà của gia đình ông ở cư xá Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận, làm trại nuôi heo, mà Duy Quang nói là "nuôi heo để tránh khỏi phải đi kinh tế mới." Năm 1978, Duy Qung được đi đoàn tụ với gia đình ở Pháp, sau khi tới Ba Lê, Duy Quang đã ca hát trở lại. Hiện nay Duy Quang ở Orange County, California. Quang nói rằng "ba năm ở lại sống với chế độ Cộng Sản là một kinh nghiệm sống quý báu để biết cái giá trị của tự do." Duy Cường và hai người em thì tới năm 1979 mới vượt biên bằng đường biển tới Mã Lai Á, sau đó đoàn tụ với gia đình ở California, Hoa Kỳ.

Nữ ca sĩ Thái Thanh, một giọng hát hàng đầu tại miền Nam đã kẹt ở lại trong nước 10 năm. Trong suốt thời gian này Thái Thanh không một lần cất lên tiếng hát. Thái Thanh đã cắn răng nuốt những bài hát mà chị yêu thích vào lòng như nuốt trăm điều cay đắng về sự đổi đời của cả một xứ sở.

Tháng Tám năm 1985, Thái Thanh theo chương trình ra đi có trật tự tới California, Hoa Kỳ, đoàn tụ với gia đình và chỉ vài tháng sau khi thở không khí tự do, Thái Thanh đã ca hát trở lại. Thái Thanh hiện cư ngụ ở Westminster, California. Chị cho biết là những năm kẹt ở lại dưới chế độ cộng sản, chị không thể hát được, "tôi thấy tất cả mọi thứ không còn gì thuộc về mình nữa nên tôi đã nín lặng 10 năm, những năm sau lúc tôi sắp bỏ nước ra đi thì có nhiều đoàn hát tới mời tôi hợp tác nhưng tôi viện cớ là nhớ thương các con tôi ở nước ngoài nên quên hết bài bản để từ chối cho xong chuyện."

Thái Thanh kết luận "tự do là điều kiện căn bản của cuộc sống con người, mất tự do thì không còn hứng khởi để làm bất cứ chuyện gì được nữa."

Đi xa hơn nữa vào quá khứ, các trường hợp ray rứt của người nghệ sĩ miền Bắc cũng vô cùng khắc khoải. Trường hợp điển hình là nhạc sĩ Văn Cao, tác giả của bài *Tiến Quân Ca* được nhà nước cộng sản dùng làm quốc ca. Tháng Tám năm 1981, trời Hà Nội vào thu đầy sương mù hiu hắt, nhạc sĩ Văn Cao hẹn tiếp một vài nghệ sĩ trẻ miền Nam ra thăm. Nhà của Văn Cao lúc này không ở "bên chiếc cầu soi nước" mà ở gần ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Một trong những người trẻ tới thăm nhạc sĩ Văn Cao hiện cư ngụ ở Anaheim, California, kể rằng "nhạc sĩ Văn Cao ở trên lầu của ngôi nhà này, ở dưới là gia đình khác, lúc chúng tôi tới thăm ông cụ thì gặp cảnh nhà đang được quét vôi trở lại, nhạc sĩ Văn Cao ngồi trong nhà uống rượu trắng với đậu phộng, đám trẻ có người lên tiếng *chà nhà bác quét vôi lại sạch sẽ quá*, nhạc sĩ Văn Cao đáp *tôi đang bị người ta quét đấy.*"

Trong câu chuyện sau đó mọi người được biết sở dĩ nhà nước CS cho người tới quét vôi nhà của nhạc sĩ Văn Cao vì có phóng viên Truyền hình Liên Xô sẽ tới phỏng vấn ông về vụ nhà nước CS khi đó có ý định bỏ bài "quốc ca" của họ.

Nhà nước CS đã yêu cầu nhạc sĩ Văn Cao tới tòa Đại sứ Liên Xô cho phóng viên truyền hình phỏng vấn nhưng ông từ chối. Sau đó họ đề nghị nhạc sĩ tạm dời đến một ngôi biệt thự sang trọng ở Hà Nội để tiếp ký giả nước ngoài nhưng ông vẫn từ chối. Cuối cùng nhà nước đành phải cho người tới quét vôi lại căn nhà cũ để làm cảnh quay phim.

Nhạc sĩ Văn Cao lúc đó chỉ thích uống rượu và khi ông uống thì vợ ông từ buồng trong hay chạy ra cản lại. Bà Văn Cao nói "ông đừng có uống lắm vào rồi nói bừa nữa thì chỉ khổ vào thân."

Nhưng nhạc sĩ Văn Cao trấn an "Bà biết rõ tôi biết xem tướng người, mấy cậu này trong Nam ra chơi đâu có như bọn kia."

Sau đó qua các câu chuyện ở Hà Nội, người ta được biết rằng nhạc sĩ Văn Cao sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, đã bị quản thúc nhiều năm, trong thời gian đó ông luôn bị công an theo dõi, có khi còn giả làm nhạc sinh hay người ái mộ để theo dõi, lại còn tính để cho du đãng đánh ông để triệt hạ uy tín cá nhân ông nữa.

Nói về nhạc sĩ Việt Nam, ông Văn Cao phát biểu "trong giới nhạc sĩ Việt Nam chỉ có hai người tôi nể là Dương Thiệu Tước và Phạm Duy." Đề cập tới Tố Hữu, Văn Cao tỏ ý miệt thị, còn Đỗ Nhuận thì ông chỉ tặc lưỡi cho qua.

Trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát có lên tiếng chỉ trích nhạc sĩ Văn Cao, và từ đó hai người kỵ nhau, nhưng dư luận nói là hai ông không chơi đòn bẩn để hạ nhau như những người khác ở Hà Nội. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát hơn 80 tuổi, đã qua đời cách đây vài năm, là một nhà mô phạm kín đáo hơn là một nghệ sĩ.

Cả hai nhạc sĩ lão thành Văn Cao và Nguyễn Xuân Khoát vẫn được giới trẻ nể trọng, họ hay đến thăm để xin ý kiến, để học hỏi. Điều mà nhạc sĩ Văn Cao thường nhắc nhở đám trẻ là "các cậu phải biết quý cái tự do, cái độc lập, đừng để mình rơi vào khuôn khổ, trường phái nào cả, phải can đảm nói lên cái bản chất đích thực của mình, tại sao lại sợ hãi, sợ hãi cả mình nữa thì còn làm gì được."

Về chuyện nhạc sĩ Văn Cao "mượn rượu tiêu sầu" đã gây thành một cái "mốt" của giới "nghệ sĩ bất mãn". Nhạc sĩ Văn Cao chỉ bóc lạc, uống rượu trắng chứ không thích hành động như lời lẽ của bài *Tiến Quân Ca* "thề phanh thây uống máu quân thù", lời lẽ man rợ như vậy không thể là văn phong của tác giả *Thiên Thai*. Ít năm sau đó có anh cán bộ hô hoán trên báo rằng lời của bản *Tiến Quân Ca* là thơ của anh ta. Thật may mắn cho nhạc sĩ Văn Cao!

Chế độ CSVN có truyền thống thích dàn cảnh để bịp bợm dư luận, không phải chỉ có nhạc sĩ Văn Cao là nạn nhân trong vụ "quét vôi lại nhà ở" mà trước đó năm 1980, nhà văn Đặng Đình Hưng, thân phụ của danh thủ dương cầm Đặng Thái Sơn cũng đã từng nếm mùi cay đắng của tấn tuồng "dàn cảnh nhà cửa" để nói lên "sự ưu ái của chế độ ta đối với nghệ sĩ."

Năm 1980, nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn đã được một nhạc sĩ Liên Xô của Viện Âm nhạc Tchaikovsky đặc biệt để ý. Ông nhạc sư người Nga này muốn đưa Đặng Thái Sơn đi dự thi giải dương cầm Chopin ở Ba Lan. Ông này đã đề nghị với tòa đại sứ VNCS ở Mạc Tư Khoa chính thức cử Đặng Thái Sơn đi nhưng tòa đại sứ đã từ chối. Cuối cùng vị nhạc sư Liên Xô này phải đứng ra đỡ đầu cho Đặng Thái Sơn đi thi với tư cách là một nhạc sinh của Viện Âm nhạc Tchaikovsky.

Với tài năng nhạc sĩ dương cầm Đặng Thái Sơn đã đoạt giải Chopin, mang danh dự về cho trường học, tới lúc đó thì đảng và nhà nước lại khai thác tên tuổi Đặng Thái Sơn để tuyên truyền. Xưởng phim của chế độ đã dàn dựng cả một bộ phim tài liệu để nói về sinh hoạt của danh thủ dương cầm Đặng Thái Sơn.

Nhà văn Đặng Đình Hưng là thân phụ của nhạc sĩ Đặng Thái Sơn lúc bấy giờ đang ở nhờ trong gầm cầu thang nhà một người bạn, nhưng trong bộ phim tài liệu lại quay cảnh một tòa biệt thự nguy nga, có vườn cây rộng rãi và giới thiệu đây là tư thất của nhà văn Đặng Đình Hưng gây cho khán giả xem phim nghĩ rằng chế độ cộng sản rất lưu tâm và đãi ngộ xứng đáng những tài năng trong giới nghệ sĩ.

Trở vào miền Nam, từ sau 1975, Việt Cộng đã cai trị với đường lối gay gắt, cứng rắn, mọi hoạt động văn hóa văn nghệ đều do các cán bộ cộng sản từ ngoài Bắc vào chỉ đạo mặc dù bề ngoài vẫn dùng cái đám nhạc sĩ phản chiến trong Nam trước 75 làm bình phong.

Ngành nhạc của thành phố Hồ Chí Minh luôn luôn họp hành, điều động các chiến dịch sáng tác, trình diễn, với đề tài tùy theo từng đợt, từng mùa rất khăng khít với các nhu cầu giai đoạn của đảng. Đám nhạc sĩ phản chiến trở thành một thứ công cụ để tuyên truyền cho chế độ qua các đề tài ca tụng đảng, tung hô lãnh tụ, cổ võ các đường lối chính sách rập khuôn mẫu mực của Cộng Sản quốc tế. Tới năm 1977, CSVN đem quân qua đánh Cam Bốt thì đám nhạc sĩ phản chiến lúc trước bây giờ đổi giọng cổ võ cho chiến tranh, cho các "nghĩa vụ quân sự", "nghĩa vụ quốc tế".

Giải thích về việc chế độ đã gạt bỏ thành phần nghệ sĩ miền Nam, một cán bộ cao cấp của ngành "văn hóa" VC đã phát biểu rằng "Nhà nước cách mạng rất quý trọng văn nghệ sĩ vì họ là những hạt kim cương nhưng chỉ tiếc rằng những hạt kim cương của miền Nam đã bị dùng để lót ở cầu tiêu, đã bị ô nhiễm không thể dùng lại được." Dư luận từ phía dân chúng miền Nam đã trả lời ngay rằng "điều đáng tiếc nhất là anh cán bộ cao cấp của CS đã không biết rằng kim cương là một vật thể miễn nhiễm, kim cương dù để ở đâu thì vẫn là kim cương, chỉ có loại kim cương giả thì mới bị ô nhiễm."

Về phía văn nghệ sĩ miền Nam, kể từ năm 1975 đến nay thì một số người đã chết trong các nhà tù cộng sản, một số khác qua đời vì bệnh, vì già. Số còn lại thì kẻ trước người sau bằng nhiều cách đã bỏ nước ra đi để tìm tự do, trừ một số những vị lão thành quyết định ở lại trong nước.

Tới được các phần đất tự do rồi thì các nghệ sĩ Việt Nam lại đụng đầu ngay với các thực tế khó khăn khác. Một số đông nghệ sĩ đã phải bỏ nghề cũ để kiếm sống bằng nghề khác, vì người Việt tỵ nạn ở tản mát nhiều nơi, nghệ sĩ lưu vong không còn sân khấu và khán giả để trình diễn thường xuyên nữa. Chỉ có một số rất ít sống được với nghề ca hát nhờ vào khả năng và tài nghệ đặc biệt, còn số đông chỉ coi việc sáng tác, trình diễn làm cái thú tiêu khiển, lâu lâu mới có dịp đi diễn. Tuy nhiên vì trình trạng tiến bộ kỹ thuật của thế giới, các nghệ sĩ Việt Nam cũng còn một thứ "sân khấu gián tiếp" để trình diễn ca nhạc, đó là thực hiện các băng nhạc, băng video hay các CD. Sinh hoạt của ngành "sân khấu gián tiếp" này vì lý do thương mại đã luôn luôn ồn ào và có lúc rơi vào cảnh lạm phát các loại băng và video.

Nhiều người quan ngại rằng sự lạm phát này sẽ làm giảm đi rất nhiều tính chất nghệ thuật. Nhưng có dư luận lạc quan lại cho rằng những sản phẩm nào thực sự mang giá trị nghệ thuật thì sẽ tồn tại với thời gian.

Trình bày khái lược về sinh hoạt văn nghệ trình diễn ở hải ngoại là một điều rất khó khăn vì khối người Việt tị nạn cộng sản ở tản mát khắp nơi trên thế giới.

Trên một năm qua, chúng tôi đã phỏng vấn một số nghệ sĩ, cũng như sưu tầm các tài liệu, sách báo; nhưng trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi thấy rằng còn quá nhiều thiếu sót. Việc mô tả các sinh hoạt văn nghệ của người Việt ở hải ngoại chỉ có thể có tính cách khái quát mà thôi.■

(còn tiếp)

HỘT MÍT VÀ THUỐC CHỮA BỆNH SIDA/AIDS

VÕ QUANG YẾN

Mít mật, mít gai, mười hai thứ mít (ca dao)

Ai đi xa nhà mà không nhớ trái mít ngọt lịm, hương tỏa ngạt ngào, chưa cắt ra mà bầu không khí đã nhuốm mùi thơm phức, nhất là khi ta đi vào góc chợ bán mít hay lạc vào vườn trồng đầy cây mít. Trên đường từ Sài Gòn lên Đà Lạt tôi thấy nhiều cây nặng trĩu cả trăm trái, lủ khủ trên thân, cành, xen lẫn với lá. Múi mít khô ăn dòn, múi mít ướt cần phải bốc, có khi nhễ nhại cả bàn tay. Chỉ có mít tố nữ, nhỏ con, có thể cầm cùi đưa ngay lên miệng. Kho cá với xơ mít thì mùi vị tuyệt vời, không có rau đậu gì thay thế được. Tôi còn nhớ hồi nhỏ đi học xa, mỗi lần về quê nghỉ lễ, mẹ tôi thường kho cho một trách lớn...

Trong đông y, lá mít được chưng thành thuốc cho phụ nữ uống để có thêm sữa. Lá mít còn dùng để làm thuốc an thần, chữa áp huyết cao, bệnh co quắp, ỉa chảy, táo bón hay ăn không tiêu. Hột mít luộc ăn ngon, bùi, đem nướng thì còn thơm hơn, khẩu vị gần giống trái lật thường bán trước cửa vườn Luxembourg ở Paris. Vào độ thu về, khi trời lành lạnh, nắm quả lật nóng hổi trong lòng bàn tay, tôi nhớ lại mãi những hột mít nướng của cả một thời thơ ấu. Hồi ấy tôi không khi nào dè là ngày nay hột mít được khảo cứu sâu rộng vì một lẽ giản dị là nó có khả năng cống hiến chất thuốc chữa trị chứng bệnh của thời đại: SIDA, theo danh từ Pháp, hay AIDS, theo cách gọi Anh Mỹ.

Trong số các protein đã được xác định cấu tạo, một loại có tính chất liên kết với các polysaccharid (tức là những phân tử carbon hydrat rất lớn) và dính trết với các tế bào động vật. Người ta gọi nó là lectin, từ động từ La Tinh *legere* (chọn lựa) vì nó có khả năng thức biệt máu người. Chất lectin đầu tiên được chiết xuất từ hạt thầu dầu (Ricinus communis) từ năm 1868! Lúc ban đầu lectin chỉ tìm ra được từ hạt, củ, lá, thân cây. Dần dần người ta còn trích chiết nó từ nấm, vi sinh, địa y, thú vật hạ cấp (ốc, sên) và ngay cả từ động vật có xương sống (gà, chuột, lươn). Vai trò của lectin trong thảo mộc chưa xác định được rõ ràng nhưng người ta nghĩ nó có nhiệm vụ chống vi trùng, sâu bọ, song song với vai trò trong công tác tích trữ. Ứng dụng lectin càng ngày càng nhiều, trong khắp các lãnh vực huyết học (thức biệt các nhóm máu), miễn dịch học (làm mẫu kháng chất), sinh vật học tế bào (khảo cứu về cấu tạo các màng tế bào), ung thư học (thức biệt các tế bào ung thối và các tế bào lành mạnh).

Lectin của trái mít

Chất lectin chiết xuất từ hột mít là jacalin, từ các danh từ jacque hay jack fruit (mít). Từ hơn mười năm nay, jacalin đã được ngành miễn dịch học để ý đến nhờ những hoạt động của nó trong quá trình phân chia tế bào. Nó có khả năng kích thích cuộc sinh sản bạch huyết bào, đặc biệt loại T. Gần đây người ta lại khám phá ra nó kết dính dễ dàng với các màng tế bào cũng như với protein CD4 trên mặt bạch huyết bào.

Ngang đây cần phải tìm biết cơ chế phá hoại của virus gây bệnh HIV (human immunodeficiency virus) mới hiểu rõ vai trò của jacalin. SIDA hay AIDS gồm toàn bộ những bệnh lý gây ra một sự suy nhược trầm trọng hệ thống miễn dịch của cơ thể. Virus gây bệnh HIV thật ra có hai loại, HIV1 và HIV2, loại thứ nhất thường dễ gặp hơn. Khi lọt vào cơ thể, nó tấn công lên những lymphocyte gọi là T4, túc là những bạch huyết bào chủ chốt trong cuộc bảo vệ chống chỏi các tác nhân gây bệnh. Bệnh càng tăng thì số lượng T4 càng sụt vì nó bị HIV phá hoại. Thường trong một mililit máu có khoảng 1000 T4, nếu số lượng này sụt xuống dưới 200 thì cơ thể hết còn biết chống cự lại những vi khuẩn, virus, vi trùng căn bệnh, ngay cả các loại thường được xem là yếu ớt.

Để chống chỏi chứng bệnh, ngoài việc tìm kiếm vaccin để vô hiệu hóa virus, người ta thường áp dụng khoa liệu pháp hóa học, dùng hóa chất ngăn chặn không cho HIV nảy nở. HIV không tự mình sinh sôi, nó cần một môi trường thuận lợi là bạch huyết bào. Để lọt vào bên trong bạch huyết bào, chất glycoprotein trên vỏ HIV, gọi là gp120, kết dính với phân tử protein CD4 trên mặt bạch huyết cầu. Vì vậy ý nghĩ đầu tiên của những nhà khảo cứu là dùng protein CD4 làm bẫy gài bắt virus. Biến chế protein CD4 thành dạng dễ hòa tan, dùng số lượng lớn ở phòng thí nghiệm (in vitro) , họ đã thành công cải dạng nó thành nhân viên gác cổng, ngăn chặn không cho HIV xâm

nhập bạch huyết bào. Tuy vậy, khi đem ứng dụng (in vitro) thì có vấn đề vì những phản ứng phụ.

Loạt hóa chất thứ nhì được đem dùng là các thuốc polysulphat, polycarboxylat có khả năng phá hoại cuộc nẩy nở virus từ lúc đầu, khi nó vừa mới dính ngay vào mặt bạch huyết cầu. Rủi là các thuốc loại này làm nhiễu loạn sự đông máu, lại còn phải xác định chính xác phục lượng nên khó dùng.

Mít chống HIV

Thật chất di truyền của HIV là ARN (hay RNA: ribonucleic acid). Khi virus lọt vào được trong lòng bạch huyết bào thì một enzym (ITE: inverse transcritase enzyme) biến hóa ARN thành ADN (hay DNA: desoxyribonucleic acid), sau đó ADN mới sinh sôi được. Mục tiêu của loại thuốc thứ ba là tác dụng vào các enzym đó để ngăn ngừa không cho nó làm nhiệm vụ biến hóa kia. Các thuốc loại này thường được nghe nói đến nhiều nhất là AZT, DDC, DDI cùng các chất tương tự. Nhược điểm của chúng là rất độc cho cơ thể. Cũng dễ hiểu thôi: nếu chúng có ái lực với enzym ITE thì chúng tác dụng dễ dàng với các polymerase enzym mà nhiệm vụ là tổng hợp ADN cho tế bào ta! Thêm vào đó, HIV có khả năng biến dị để chống lại thuốc nên các chất này cũng bị hạn chế tác dụng.

Song song với các thuốc nầy còn có các thuốc acyclic nucleoside, phosphonat PMEA, hay một dẫn xuất là FPMEA, cũng tác dụng lên ITE, nhưng cũng cùng lý do, rất độc cho cơ thể. Ngoài ra còn có các thuốc acyclouridine HEPT, benzodiazepine TIBO đặc biệt ức chế HIV1 song còn phải khảo cứu thêm, cũng như các thuốc tương tự dipyridodiazepinone, pyridinone...

Các thuốc vừa nói trên nhắm mục tiêu phá hoại sự sinh sôi của HIV trong lòng bạch huyết bào. Một chiến lược khác là tác dụng lên virus ngay khi nó muốn kết dính vào mặt bạch huyết cầu, hay nói một cách khác, ngăn chặn không cho virus lọt vào lòng bạch huyết cầu, gần như phương pháp dùng protein CD4 đã thấy. Người ta biết muốn lọt vào lòng tế bào, trước hết virus phải kiếm cách gắn vào màng bạch huyết cầu, nghĩa là, như trên đã nói, cho kết dính glycoprotein gp120 trên vỏ virus với protein CD4 của bạch huyết bào. Bây giờ nếu biết là jacalin cũng kết dính dễ dàng với protein CD4 ấy làm thành phân tử lớn thì có thể phá hoại cuộc dung hợp giữa virus và bạch huyết bào. Theo dõi bạch huyết bào bị nhiễm HIV thì người ta thấy rõ một tương quan giữa số lượng CD4 và mức độ bệnh tình. Từ những nhận xét ở phòng thí nghiệm (in vitro), những nhà khảo cứu đã đi đến kết luận jacalin đình chỉ HIV thâm nhập vào bạch huyết bào.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu tường tận, người ta phát hiện ra là jacalin chẳng kết hợp với vỏ virus như đã tưởng mà cũng chẳng có một bằng chứng gì chỉ rõ jacalin đã ngăn chặn không cho vỏ virus dung hợp với protein CD4 của bạch huyết bào. Như vậy nghĩa là mục tiêu đã đạt được nhưng cơ chế tác dụng thì chưa biết rõ. Đằng khác, một khám phá cũng rất quan trọng là trong jacalin có một đoạn 14 amin acid, gọi là dãy alpha, giống hệt peptide ở vỏ virus. Chính dãy alpha này chống chỏi có hiệu quả tác dụng HIV, nhưng chưa ai tìm hiểu được thế nào. Các phòng thí nghiệm hiện đang khảo cứu về mặt cơ chế đình chỉ nầy.

Ở các Viện Đại Học Việt Nam, nhiều lectin đã được chiết xuất từ cây trái cũng như từ động vật. Một thực tập sinh Hà Nội hiện đang công tác trong một phòng thí nghiệm Pháp để xác định cấu tạo jacalin không những của mít thường (Artocarpus heterophyllus hay Artocarpus integrifolia) mà còn của mít tố nữ (Artocarpus champeden), chay (Artocarpus tonkinensis) và vài mẫu mít hoang dại khác (Artocarpus masticata, A. asperulus, A. petelotti, A. parva, A. melinoxylus...) trong số một chục loại ở Việt Nam (trên thế giới có khoảng 50 loại mít). Những khảo cứu này phần lớn đang còn ở cấp hóa học (xác định cấu tạo), một phần nhỏ ở giai đoạn sinh vật học ở phòng thí nghiệm (in vitro). Còn cần phải qua giai đoạn ứng dụng (in vitro) mới đánh giá được tầm mức quan trọng của nó.

Cũng cần biết thêm là jacalin có tính chất diệt trùng, nhất là chống sâu Diabrotica undecimpunctata phá hoại bắp, và tính chất ngừa thai. Nếu một ngày mai đây, jacalin được dùng nhiều trong ngành y khoa, đặc biệt để chữa trị chứng bệnh hiểm nghèo nhất của cuối thế kỷ 20 nầy thì ít nhất ta đã sẵn có nguyên liệu dồi dào!■

Hắc ký ni sơn mùa tuyết 1994

Mua sách có quà tặng và
được trừ tiền!
Độc giả của *Thế Kỷ 21*
mua sách do nhà
Xuất bản và Phát hành
Thế Kỷ
được bớt 10% giá sách
và được tặng
một cát-xét nhạc.
Thư về:
Cô **Phan Mỹ Sương**
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640
USA
(714) 638-9510

CHUYỆN MỘT NGƯỜI VỢ

VI LÔ

Tôi được gặp chị Trần Thị Thức, vợ anh Đoàn Viết Hoạt, trong một buổi họp mặt thân hữu tại Hội trường nhật báo *Người Việt* trong dịp chị đến Quận Cam đầu năm dương lịch vừa rồi. Chị đã gây một ấn tượng sâu đậm nơi tôi. Vì là buổi họp mặt giữa những người bạn cũ, các lời trao đổi giữa chúng tôi thành thật và thân tình. Chị Thức, dáng dấp thoải mái trong bộ quốc phục nhã nhặn, đã kể cho chúng tôi nghe những bước đường gian khổ chị đã trải qua: chèo chống gia đình và thăm nuôi anh Hoạt suốt 12 năm anh Hoạt bị bắt giam ở Chí Hòa (1976-1988) (bản thân chị cũng có lần bị bắt trong thời gian này) và nhất là cuộc tranh đấu không ngừng của chị với chính quyền cộng sản trong lần anh Hoạt bị bắt trở lại với vụ Diễn Đàn Tự Do.

Chỉ với tư cách một người vợ lo lắng cho chồng bị bắt thôi, chị đã luôn luôn làm nhịp cầu thông tin cho thế giới bên ngoài về tình trạng của anh Hoạt, tìm cách chuyển gởi các bài viết của anh từ trong tù ra thế giới, đánh động được lương tâm của bao người về việc nhân quyền bị chà đạp tại Việt Nam. Chị là một người vợ hoàn toàn gương mẫu của một nhà hoạt động cách mạng, nhưng đồng thời chính chị hành xử như là một chiến sĩ cách mạng. Chị đã sử dụng vị thế của mình một cách tài tình, can đảm và đầy bản lĩnh để vừa nuôi chồng, vừa làm sáng tỏ chí hướng của chồng, cũng là nhu cầu bức thiết của dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện tại, là *tự do và nhân quyền.*

Rõ ràng là chính quyền Cộng sản ngày càng gờm chị khi họ cứ chuyển anh Hoạt ngày càng xa thành phố Sài Gòn. Từ Chí Hòa họ chuyển ra Hàm Tân, cách Saigon độ hơn 100 cây số. Rồi từ Hàm Tân chuyển ra Xuân Phước (thuộc vùng núi tỉnh Phú Yên, một trại thuộc loại trừng giới của miền Nam). Chị vẫn đi theo, thăm nuôi đều đặn, thế giới vẫn được biết tin anh Hoạt, thỉnh thoảng còn được đọc những lời nhắn gửi của anh. Bực quá, họ chuyển anh Hoạt tuốt ra trại Ba Sao ở Nam Định ngoài Bắc. Ở chưa ấm chỗ, nghĩa là chị Thức chưa kịp "chạy theo" thăm nuôi lần nào, thì họ lại đã vội vã đẩy anh Hoạt lên tuốt trại Thanh Cẩm huyện Cẩm Thủy miền thượng du tỉnh Thanh Hóa.

Nghe chị kể cái đoạn đi thăm anh Hoạt ở miền Bắc, ai cũng thấy xót xa và căm giận. Hai mẹ con lặn lội gian nan từ Sài Gòn ra đến trại Ba Sao thì được cho biết anh Hoạt đã được chuyển đi trại Thanh Cẩm. Lại từ Ba Sao ra Phủ Lý, tay xách nách mang, lấy xe lửa vào Thanh Hóa, từ đây đi xe đò ngược lên miền núi gần 100 cây số đến huyện lỵ Cẩm Thủy, từ Cẩm Thủy lặn lội 20 cây số đường núi nữa mới đến trại. Nhưng Công an của trại Thanh Cẩm không cho chị gặp anh Hoạt, với lý do anh Hoạt bị kỷ luật vì "chống đối lao động." Lập trường của anh Hoạt là, với tư cách một người tù chính trị, không chấp nhận khổ sai. Chính tôi, người đang viết những dòng này, đã có kinh nghiệm đi thăm nuôi chồng ở vùng Thanh Hóa, nên tôi cảm nhận một cách sâu xa nỗi đau khổ, hụt hẫng, thất vọng của một người vợ lặn lội cực khổ từ trong Nam ra tới nơi, với chỉ một mục đích được gặp mặt chồng thôi, mà cuối cùng nhận được một lời từ chối lạnh lùng. Cả cái bất nhân nằm trong sự lạnh lùng ấy. Cả cái ngược ngạo của chế độ nằm trong sự lạnh lùng ấy. Phản ứng của một người đàn bà bình thường gặp cảnh ấy là kêu gào, khóc lóc, van xin, nhưng chị Thức đã cắn răng giữ bình tĩnh dắt con ra về. Lại phải trải qua cảnh đày ải của những chuyến xe gọi là xe đò, từ miền ngược về miền xuôi, lại phải đụng độ với khung cảnh đầy bất trắc ghê người của những bến xe vùng Thanh Nghệ, những chụp giựt chen chúc trên tàu lửa, mới về lại đến miền Nam.

Nhưng về đến nhà chị không sờn lòng, bắt tay ngay vào một cuộc tranh đấu mới. Chị lại "làm toáng" lên, không phải theo lối ăn vạ của các bà xưa nằm lăn ra mà kêu gào khóc kể, mà theo phương thức trí tuệ và hữu hiệu hơn: viết thư cho Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam Đỗ Mười, cho Thủ tướng nhà nước CSVN Võ Văn Kiệt, trình bày sự vụ; hay nói cách khác, chị "kiện" họ vì cái cách họ đã đối xử với anh Hoạt và với chị. Chị thừa

biết "kiện" cái đám ấy cũng chỉ là kiện củ khoai thôi, nên cùng lúc chị *fax* những thư từ ấy ra quốc tế, và chính áp lực quốc tế đã tạo điều kiện cho chị được đi thăm anh Hoạt một lần trước khi rời Việt Nam đi Mỹ, vào tháng Bảy 1994. Trong lần đi thăm sau cùng tại trại Thanh Cẩm ấy, chị được gặp chồng trong 15 phút với sự canh giữ kè kè của công an. Mười lăm phút, kết quả của những văn thư kiện cáo đến cấp cao nhất của đảng và nhà nước CSVN, của sự lên tiếng từ các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền quốc tế!

Nghe chị kể đến đây tự nhiên tôi nghĩ đến hai câu Kiều:

Ở ăn thì nết cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

mà theo tôi đó đúng là hình ảnh chị Thức. (Dĩ nhiên ai cũng biết hai câu thơ này là để tả Hoạn Thư, nhưng là Hoạn Thư ở mặt tích cực của bà ấy thôi, không dính gì đến khía cạnh ghen tuông, thành ra nếu nghĩ là tôi có ý ví chị Thức với Hoạn Thư thì là sai lầm lắm.)

Thật ra chị Thức làm tôi nghĩ đến một người đàn bà Việt Nam khác, vào đầu thế kỷ này, là bà Phan Bội Châu. Nhưng ngày xưa cụ bà Phan Bội Châu chỉ là một hiền phụ cam chịu, tận tụy gánh vác đời sống gia đình để chồng yên tâm lo việc lớn. Nhưng bà Phan Bội Châu thời đại Trần Thị Thức có tầm vóc lớn lao hơn nhiều. Chị không chỉ quán xuyến để anh lo việc lớn, chị còn hỗ trợ anh. Chị can đảm khi phải hy sinh cả tình yêu hạnh phúc của mình. Biết anh như cá nằm trên thớt, hiểu tất cả những đòn thù của bạo quyền, chị vẫn gồng mình để anh đảm đương vai trò của một nhân vật lịch sử. Bản lĩnh và khả năng của một phụ nữ trí thức của chị đã giúp anh quảng bá được tư tưởng, công khai hóa tình trạng tù tội phi lý của anh, đánh thức lương tâm nhân loại. Trong câu chuyện, có khi giọng chị thao thao kể lại những màn đấu trí với cán bộ CS, có lúc giọng trầm xuống nhắc đến những gian khổ, thất vọng khi không được thăm nuôi anh, có lúc chị nghẹn ngào rơi lệ khi lo lắng tình trạng sức khỏe của chồng.

Tôi tưởng tượng những lúc chị tỉnh bơ đốp chát đấu trí với bọn công an chắc "đáo để" lắm, đừng hòng thấy chị khóc lóc van vỉ. Nhưng nói chuyện với bạn bè, đồng bào, chị thoải mái bộc lộ mọi tình cảm rất người, rất thiết tha như sóng nước, như thủy triều khi lên khi xuống. Cụ bà Phan Bội Châu chỉ được vinh danh sau khi mất, như người vợ hiền của một nhân vật lịch sử. Tôi muốn vinh danh chị Trần Thị Thức bây giờ, như một bà Phan Bội Châu của thời đại, xông xáo, tỉnh thức, tài trí, cơ mưu, dũng cảm hơn nhiều.

Anh Đoàn Viết Hoạt và chị Trần Thị Thức đã cùng có một may mắn lớn, *anh chị là bạn đời, bạn đường của nhau đúng nghĩa nhất.* Dù kẻ trong tù, người ngoài tù, dù anh ở đất Việt, chị ở Mỹ, họ vẫn bên nhau và cùng nhìn chung một hướng, ý hợp tâm đầu, chia sẻ và trợ lực cho nhau. Họ hợp lực, sức mạnh đó không nhân đôi mà phát sinh một nguồn lực lớn lao gấp bội, truyền đạt sang mọi người.

Qua câu chuyện của chị, tôi chỉ có độc nhất một thất vọng: chị cho biết, một mai khi cuộc tranh đấu thành công, chế độ CSVN tan rã, anh sẽ lui về nghiên cứu giáo dục chứ không đi vào chính trường. Tôi nghĩ chính trường Việt Nam lúc bấy giờ rất cần những người như anh Hoạt, chị Thức, những người có phẩm chất cao vời, đã được thử thách hẳn hoi qua quá trình tranh đấu.

Phải có những người như thế trong chính trường để tránh cái tai họa tràn ngập những kẻ xôi thịt, những kẻ cơ hội, những kẻ nói nhiều mà rỗng tuếch... Phải có những bà vợ như chị Thức để tránh cảnh các bà lớn ăn diện thời trang ngất trời đi làm công tác ủy lạo, những cái lòng tham không đáy luôn luôn lèo lái thôi thúc chồng đục khoét của công để giềng mối đất nước ngày càng rệu rã. (Cái quá khứ sụp đổ đau thương 20 năm trước đây há không có sự góp tay của các bậc "phu nhân" đó hay sao?)

Dù vai trò của người phụ nữ trong thời đại này đã được xem bình đẳng với người đàn ông đến thế nào, ta cũng không thể phủ nhận vai trò to lớn của người vợ trong việc xây dựng sự nghiệp cho chồng, nhất là đối với người Việt Nam. Vai trò truyền thống của người vợ, người mẹ Việt Nam vẫn rất lớn lao. Sau năm 1975 cả xã hội miền Nam đã chứng kiến bao tấm gương nhẫn nhục, kiên trì đáng khâm phục của người đàn bà trong cảnh "quốc phá gia vong." Các bà đã biến thành các hòn vọng phu sống, xông ra đời lo mưu sinh, nuôi chồng con ở tù, lo liệu cho chồng con vượt biên... vẫn luôn luôn với cung cách nhận bao cay đắng, khó khăn, thiệt thòi về phần mình, các ưu tiên vẫn là thuộc phần chồng con.

Chúng ta lại có vô số các bà Phan Bội Châu âm thầm, vô danh. Chị Thức là một trong số đó. Nhưng vì anh Hoạt không chọn con đường dễ, nên chị lại vào một nỗi gian truân mới, giữa lúc đã tưởng "khổ tận, cam lai." Có những người không đặt sự khổ, sự sướng của bản thân mình cao hơn sự sướng khổ của đồng bào. Vì thế ngày nay anh Hoạt vẫn còn bị cùm trong phòng giam kỷ luật ở trại Thanh Cẩm mịt mù, và chị Thức vẫn đang "thao thức" bao nhiêu thứ: việc học hành của các con tại đây, phong trào đòi tự do nhân quyền cho Việt Nam tại nhiều nước trên thế giới, việc về lại Việt Nam để tiếp tục hỗ trợ anh, nuôi sống anh. Nuôi sống anh cũng tức là nuôi sống tinh thần đấu tranh cho tự do của xứ sở mà anh, và cả chị nữa, đã phát động và làm ngời sáng như một ngọn đuốc, soi rọi vào những đầu óc hẹp hòi tối tăm của Hà Nội, soi rọi vào tâm hồn của người Việt Nam trong nước và hải ngoại, và soi rọi vào cả lương tâm của loài người.■

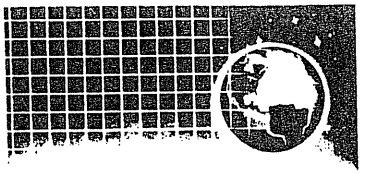

SỔ TAY KÝ GIẢ

LTS.— Mục này đã có trên *Thế Kỷ 21* từ lâu, nhưng không đều, và thường đăng rải rác trong các khung chen lẫn các bài dài. Kể từ số này, Vương Hữu Bột và Lê Đình Điểu sẽ phụ trách biên tập hoặc chọn đăng những ghi chép và nhận định về những biến cố thời sự hoặc lịch sử trong tháng — ghi chép thì khách quan, nhưng nhận định dĩ nhiên nhiều phần chủ quan — để một mặt thông tin, mặt khác khơi gợi những suy nghĩ của bạn đọc và mời gọi góp ý. Một số đoạn trong "Sổ Tay" là những đoạn trích của những bài thời sự hoặc bình luận đã được đăng trên nhật báo hoặc đọc trên các đài phát thanh.

NHỚ MỘT THỜI "CÁCH MẠNG NGHĨA LÀ TRONG SÁNG"

Ngày 10 tháng Hai năm 1930 cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã bùng nổ. Mười ngày sau, Nguyễn Thái Học bị bắt. Ông và các đồng chí của ông đã đền nợ nước ngày 17 tháng Sáu năm 1930. Nhớ lại cuộc khởi nghĩa Yên Bái chúng ta không phải chỉ ngậm ngùi thương tiếc những trang anh hùng đã bỏ mình vì nước. Chúng ta còn sót sa vì sau cuộc khởi nghĩa của những con người cách mạng trong sáng, tươi trẻ và hồn nhiên đó thì chính phong trào cách mạng của dân ta đã qua một ngã rẽ. Đó là một ngã rẽ lớn, vì sau cuộc khởi nghĩa bất thành của Việt Nam Quốc dân đảng thì những nhà cách mạng của ta, và cả tâm thức cộng đồng của dân ta, không thể hồn nhiên, không còn được phép trong sạch, tươi sáng và hào hùng như tinh thần các nhà hành hiệp thời xưa nữa.

Những Nguyễn Thái Học, Ký Con, Nguyễn Thị Bắc, Nguyễn Thị Giang, Nguyễn Khắc Nhu, Sư Trạch... đều là những thanh niên chưa đầy ba mươi tuổi. Họ quả thực đã đứng lên đáp lời sông núi. Họ không tính toán lợi hại cho bản thân, họ không nghĩ chuyện làm cách mạng là để mưu đoạt quyền hành cho mình hay cho đảng phái của mình. Khi việc thất bại các đồng chí khuyên Nguyễn Thái Học trốn ra ngoại quốc thì ông khẳng khái từ chối. Ông không thể bỏ rơi các đồng chí đã tin tưởng nơi ông mà liều mạng cho việc nghĩa lớn.

Nhớ lại các anh hùng Yên Bái chúng ta nhớ thuở dân ta còn chia sẻ với nhau niềm tin lớn hơn là những nỗi nghi ngờ, đố kỵ. Khi những anh hùng Yên Bái kêu gọi thanh niên vùng lên đánh đuổi thực dân Pháp để cứu nước thì ai cũng tin họ thực tâm chỉ nhắm một mục đích đó thôi. Trong tâm hồn đất nước là cả một niềm tin chung. Sống trong niềm tin chung, người ta không nghĩ đến chuyện dùng thủ đoạn, không cần tập lấy thói quen xảo trá khi đối đãi với nhau. Niềm tin chung đó còn đủ sáng để soi tới chúng ta cho đến bây giờ. Trong vở kịch "Còn Lại Tình Yêu," Nguyễn Huy Thiệp đã dựng lên một nhân vật Nguyễn Thái Học kết tinh tinh thần hành hiệp trong sáng nhất của những người làm cách mạng đầu thế kỷ này.

Ngày nay đọc lại những trang sử khởi nghĩa Yên Bái, chúng ta còn thấy chính tâm hồn mình thấm nhuần ánh sáng của một thời mà chúng ta đều hãnh diện. Đó là thời mà trong lòng dân ta còn nghe sang sảng những tiếng ca chính khí của Hoàng Diệu, của Nguyễn Cao, và còn nhớ thái độ thung dung tựu nghĩa của Phan Thanh Giản, của Thủ Khoa Huân. Thời đó, những người muốn làm việc nước đương nhiên là những con người đầy nghĩa khí, những tấm gương soi về đạo làm người, một nền đạo lý của toàn dân. Thời đó, con người và sự nghiệp chính trị không tách rời, việc nắm chính quyền chỉ là phương tiện chứ không phải cứu cánh. Thời đó người ta không nghĩ rằng có thể dùng phương tiện ác để đạt tới cứu cánh thiện, người ta còn tin ở lời nói, ngôn ngữ chưa bị ô nhiễm vì các kỹ thuật tuyên truyền, trí xảo.

Sau này các sử gia và những người bình luận chính trị thường chê bai thái độ và hành động của các anh hùng Yên Bái. Họ gọi đó là cách mạng lãng mạn, hoặc chê là ngây thơ, nếu không nói là dại dột, thiếu chín chắn. Có hai loại người chê bai như vậy. Một là những người Cộng Sản hãnh diện vì học được các lý luận và kỹ thuật khéo léo của Stalin và Đệ tam quốc tế và đã áp dụng các thủ đoạn đó thành công trong việc tiêu diệt các phe đối lập. Hai là những người không cộng sản đã thất bại vì không tàn nhẫn và không gian xảo bằng phe Đệ tam quốc tế.

Những vị anh hùng Yên Bái quả đã thất bại về chính trị. Họ không cướp được quyền bính. Người làm chính trị thì phải coi quyền bính là mục tiêu. Nhưng các nhà cách mạng vốn chỉ coi quyền bính là một trong những phương tiện. Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại về chính trị. Nhưng các anh hùng Yên Bái đã nuôi dưỡng ngọn lửa cách mạng trong lòng dân tộc. Ngọn lửa đó còn sáng đến nay, còn là một phần của nền văn hóa Việt, của linh hồn dân tộc Việt Nam.

Mười lăm năm sau đó những người Cộng Sản cướp được quyền hành, và đã sử dụng quyền hành như thế nào? Đảng Cộng Sản đã thành công về chính trị, nhưng đã mang lại những hậu quả nào cho nước Việt Nam?

Sau khi các vị anh hùng Yên Bái đền nợ nước, cuộc vận động cách mạng chống thực dân và canh tân đất nước đã thay đổi. Sự ra đời của đảng Cộng sản đánh dấu việc nhập cảng vào nước ta không phải chỉ một ý thức hệ của Marx và Lenin mà cả việc du nhập những thủ đoạn tranh quyền tàn nhẫn của Stalin và Đệ tam quốc tế. Trước đó, người Việt Nam chỉ thấy một kẻ thù là thực dân Pháp. Sau đó, Xô viết Nghệ An đã cho họ biết những người thuộc giai cấp khác mới là kẻ thù chính, dù là Pháp hay Việt. Cách mạng Việt Nam đã được quốc tế hóa. Hậu quả là sau đó, từ 1946 đến 1975, dân Việt Nam đã được đưa vào tuyến đầu tàn khốc trong cuộc chiến tranh lạnh.

Khi Đệ Tam Quốc Tế vào nước ta, thời kỳ cách mạng kiểu Đông Du, Duy Tân, Yên Bái, ... đã chấm dứt. Như một thanh niên đã đi qua giai đoạn "hồn nhiên vô tội," cách mạng Việt Nam đã biến thành chính trị. Đối đầu lại với các kỹ thuật, bạo lực và thủ đoạn của Đệ Tam, những đảng phái khác cũng phải dùng các thủ đoạn ít hay nhiều bá đạo. Sự ô nhiễm từ chính trị lan sang cả văn hóa. Người ta bắt đầu nghĩ rằng ngây thơ là tội lỗi!

Chúng ta nhìn lại cuộc khởi nghĩa Yên Bái và tiếc thương cả một giai đoạn lịch sử trong đó dân ta tất cả một lòng. Tất cả chỉ nghĩ đến việc nước, đấu tranh mà không cần dùng thủ đoạn để tiêu diệt lẫn nhau. Những năm đó người Việt đã cùng đi biểu tình đòi trả tự do cho Phan Bội Châu. Chúng ta đã cùng để tang Phan Châu Trinh. Chúng ta đã cùng tranh đấu bãi thị đình công với Nguyễn An Ninh. Thuở đó dân ta chung một lòng và lòng ta tươi sáng như mặt trăng mặt trời.

Chúng ta sẽ để tang Nguyễn Thái Học và để tang cả một thời kỳ trong sáng của lịch sử đã qua. Niềm tiếc thương thuở cách mạng hồn nhiên trong sáng đó thể hiện trong một vở kịch viết tại ngay Hà Nội. Trong vở kịch đó một nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp đã ca ngợi Nguyễn Thái Học: "thật là một viên ngọc trong suốt!" Phải chăng trong tâm thức cộng đồng, sau những năm sống với bạo lực, thủ đoạn và tuyên truyền mị hoặc, dân tộc Việt Nam đang thấy thiếu và chỉ mong được gần gũi trở lại với tâm hồn nhiên không vẩn đục, với những tâm hồn trong suốt?

CHẬM VÀ BUỒN

Những ngày trước Tết Ất Hợi, tin tức về việc hai bên Mỹ - Việt Nam Cộng Sản lập "văn phòng liên lạc" được đưa ra dồn dập. Việc ký kết đã thực sự xảy ra trước cả những dự đoán của các quan sát viên quốc tế — thay vì ngày 3 tháng Hai, thì đôi bên đã ký ngay ngày thứ Bẩy 28 tháng Giêng, tại Hà Nội.

Điều đáng chú ý nhất trong biến cố chính trị này là nó (việc ký kết) không được chú ý. Báo Mỹ ở vùng quận Cam này có hai tờ lớn là *Los Angeles Times* (với số phát hành trên 1 triệu số một ngày) để đến ngày hôm sau mới đi tin, trong khi báo *Register*, mặc dù đang có loạt bài lớn về Việt Nam, cũng chỉ chạy tin một cột. Báo Việt ngữ, ngoại trừ *Người Việt* ra hàng ngày, không có tờ nào loan tin (ấy là chưa kể nhiều báo ra xong số tất niên là nghỉ Tết một lèo đến đầu tháng Hai).

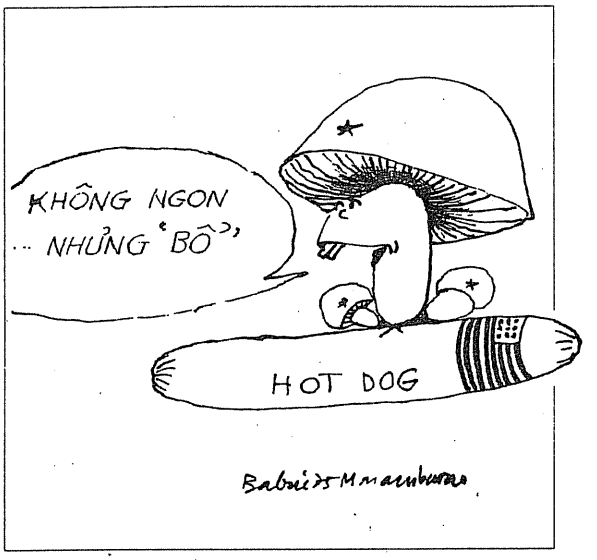

Nhiều người cho rằng tin này ít được chú ý vì xẩy ra vào dịp bà con người Việt chuẩn bị đón Tết — nhất là năm nay vùng quận Cam có tới ba cái Chợ Tết —, còn phía Mỹ thì tâm trí dồn hết vào vụ án O.J. Simpson rồi.

Thực ra, sự lơ là của mọi phía trước tin Việt-Mỹ mở văn phòng liên lạc có thể có những lý do sâu xa hơn là những điều kiện khách quan vừa nói ở trên: văn phòng liên lạc này không đủ sức giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế giữa hai nước. Ấy là chưa kể ngay trước khi ký kết, phía Mỹ vẫn còn phải đương đầu với sự chống đối khá "nặng ký" của một số lãnh tụ dân cử, cũng như các tổ chức cựu chiến binh và gia đình lính Mỹ mất tích.

Tuần báo *The Economist* mô tả cái bắt tay của James Hall và Nguyễn Xuân Phong (hai đại diện, Mỹ và Việt, chỉ ở vào hàng giám đốc) sau khi ký, tại Hà Nội, là "cái bắt tay không chặt." Và một ngày sau khi ký, James Hall đã tuyên bố Mỹ lập văn phòng liên lạc ở Hà Nội chỉ với mục đích làm dễ dàng hơn việc tìm kiếm lính Mỹ mất tích. Xem thế, người ta hiểu rằng việc tiến tới giai đoạn bình thường hóa ngoại giao cấp đại sứ quán chắc chắn còn lâu mới tới.

Kinh nghiệm bang giao Hoa - Mỹ cho thấy: từ lúc Trung Hoa Cộng Sản và Mỹ lập văn phòng liên lạc cho tới lúc hai bên đặt tòa đại sứ phải mất bẩy năm. Trung Hoa và Mỹ chỉ đối đầu về ý thức hệ trong "chiến tranh lạnh," trong khi Mỹ và Việt Nam Cộng Sản còn có "nợ máu" với nhau. Hẳn là những vết thương vật chất cũng như tinh thần

của cả đôi bên chưa thể lành hết được. Phía Mỹ còn có một trở ngại nữa là... ông tổng thống. Tổng thống Mỹ Bill Clinton dù có muốn tái lập bang giao Việt-Mỹ cũng khó đặt bút ký vào bản thỏa hiệp cuối cùng khi trên lưng ông còn mang nặng cái quá khứ cồng kềnh của một thời sinh viên phản chiến, trốn lính và ủng hộ Hà Nội.

Phía Việt Nam coi bộ cũng không sốt sắng trong việc đẩy nhanh tiến trình bình thường hóa quan hệ ngoại giao, vì sợ Mỹ vào sẽ đem theo "diễn biến hòa bình." (Nhưng dường như "diễn biến hòa bình" đã vào rồi, và không cách chi đảo ngược được!). Ngoài ra, còn phải kể yếu tố Trung Quốc trong bài toán bang giao Việt Mỹ: Việt xích lại gần Mỹ bao nhiêu càng làm "người anh em" phương Bắc khó chịu bấy nhiêu. Khó chịu thì sẽ tìm cách phá. Nhưng nếu thuộc bài (lịch sử) thì người ta biết rằng lúc này là lúc thuận tiện nhất để "qua mặt" Trung Quốc. Ấy là "nhân lúc bên Tầu có loạn," Việt Nam... mở cửa mời Mỹ vào. Bên Tầu đang lóng ngóng chờ Đặng Tiểu Bình "băng," không loạn to cũng loạn nhỏ.

Cái không khí "chậm và buồn" trong việc thiết lập văn phòng liên lạc, thực ra, thể hiện ở chỗ không thấy các cơ sở kinh doanh lớn của Mỹ nhào vô Việt Nam — như nhiều người tin rằng sẽ xảy ra một khi Việt Mỹ có liên lạc chính thức. Ở đời, nhất là những tay buôn bán có sạn trong đầu, người ta "trông giỏ bỏ thóc" cả. Cái giỏ Việt Nam còn bung cạp, thủng đáy vì tham nhũng hối lộ, còn rối tinh rối mù vì luật lệ chưa minh hoặc luật còn nằm trong tay một thiểu số người toàn quyền quyết định, thì thóc bỏ vào chỉ có đi đời nhà ma — kể cả thóc giống.

ĐỘNG ĐẤT Ở NHẬT BẢN

Trận động đất ở Kobe (tiếng Việt là Thần Hộ) làm hơn 3,000 người chết và hơn 200,000 người mất nhà mất cửa, nhưng cũng làm cho cả nước Nhật bừng tỉnh. Họ đang mải mê làm giầu, tiêu pha, cạnh tranh ráo riết, bỗng nhiên họ nhận ra hơn một trăm triệu người cùng chịu chung một số phận vô cùng nhỏ bé trước thiên nhiên hung bạo và vô tình. Một trăm triệu người chợt cảm thấy một sợi dây ràng buộc, gắn bó lại với nhau. Trong lúc đó một phong trào phục hưng văn hóa dân tộc cũng đang dâng lên trên quần đảo Phù Tang. Trận động đất này tạo cơ hội cho người Nhật đặt những câu hỏi có tính căn bản về xã hội Nhật.

Trong tiếng Nhật có từ *oyakusho shigoto*. Tiếng này xưa giờ khi nói lên chỉ gợi lòng tôn kính. Nó có nghĩa là hệ thống công quyền. Niềm tôn kính giờ đã bị trận động đất làm cho lung lay. Công cuộc cứu trợ đến quá trễ, chính quyền từ trung ương đến địa phương phản ứng quá chậm chạp. Người dân Nhật, mà ai cũng tưởng là luôn luôn tuân phục cấp trên, nay đã nêu lên những câu hỏi mới. Một bà nạn nhân động đất đứng giữa công chúng hỏi: "Chúng tôi đóng thuế để làm gì?" Trong tiếng Anh, mỗi khi người Mỹ hay người Anh đòi hỏi quyền của người dân họ tự xưng là *tax payers*, người đóng thuế. Đó là dấu hiệu kể từ nay người dân Nhật sẽ thay đổi, họ không ngửa mặt nhìn lên chính quyền tìm các câu trả lời cho các vấn đề của họ nữa.

Một vấn đề của xã hội Việt Nam cũng như Nhật Bản là vai trò tương đối của cá nhân người dân và cộng đồng hay nhà nước. Đó là vấn đề phân nhiệm giữa lãnh vực công và lãnh vực tư. Người Việt Nam tuy không chia sẻ những tai họa do trận động đất gây ra, nhưng những câu hỏi căn bản đó chúng ta cũng nên suy ngẫm.

Văn hóa Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng với văn hóa Việt Nam. Xã hội được tổ chức theo những quy tắc của Khổng giáo, coi trọng gia đình và quan niệm cả xã hội như một gia đình lớn. Trong cuộc sống đại gia đình này, hai giá trị được đề cao là trật tự và sự hòa đồng. Trên nền tảng văn hóa đó nước Nhật đã phát triển đến mức cả thế giới phải kính trọng như ngày nay. Trong khi đó những nước Á Đông nào từng lấy đấu tranh giai cấp làm cơ bản cuộc sống xã hội, triệt tiêu tính hòa đồng, thì chỉ đưa dân tộc vào đường cùng khổ.

NHẬT BẢN ĐI TÌM LẠI TRUYỀN THỐNG

Người Việt Nam chúng ta có thể rút được nhiều bài học về kinh nghiệm Nhật Bản. Trước hết chúng ta ghi nhận một số sự kiện văn hóa đang diễn ra tại nước Nhật.

Giới văn nghệ, trí thức Nhật đang tìm trở về nguồn. Nhà văn Kenzaburo Oe, giải Nobel văn chương năm 1994 là một biểu tượng của phong trào trí thức đang lan rộng này. Trước đây trí thức Nhật thường chia hai phe, phe kỹ thuật gia hăng hái tìm học văn hóa Tây Phương, trong đó có tinh thần duy lý, chủ nghĩa thực dụng và chủ trương cá nhân hưởng thụ. Ngược lại, các nhà trí thức bảo thủ muốn nước Nhật giữ trọn vẹn các truyền thống cổ, kể cả tinh thần ái quốc cực đoan, óc tôn thờ Thiên Hoàng biểu tượng của dân tộc, và họ phủ nhận khuynh hướng duy lý và duy lợi của Tây phương.

Ngày nay giới trí thức Nhật đã đủ tự tin để nhận thức rằng dân tộc Nhật Bản không cần phải phủ nhận tất cả các giá trị Tây phương mới biểu lộ được các truyền thống cao đẹp của họ. Chính trong lúc đang học hỏi, mô phỏng Tây phương, họ vẫn có thể tỉnh táo và gìn giữ được các nét đặc thù của dân tộc. Và thay vì chủ nghĩa Đại Đông Á xưa kia khi giới quân phiệt ôm mộng nô lệ hóa các xứ lân bang, bây giờ nước Nhật đang xuất khẩu hàng hóa,

kỹ thuật, định chế tổ chức và nhất là tư tưởng. Trên phạm vi tư tưởng kinh tế, họ đã bắt đầu. Và họ muốn nước Mỹ và thế giới lắng nghe. Họ đã thành công về kinh tế thật và họ đã có những cố gắng suy tư thật giá trị.

Trong những năm 1986-89, hơn 150 giáo sư đại học được bộ giáo dục mời tham dự một công trình nghiên cứu về nguyên nhân gây nên sự phát triển nhanh chóng của các nước Á Đông — một số báo cáo của công trình này đã được đại học Stanford ở Hoa Kỳ ấn hành năm 1992 dưới nhan đề *The Political Economy of Japan*. Năm 1991 chính phủ Nhật đã thiết lập một Viện Nghiên Cứu Các Nền Kinh Tế Đang Phát Triển (*Institute for Developing Economies*.) Và viện này đã mở các lớp huấn luyện, cấp học bổng cho nhiều giáo sư, viên chức kinh tế của những nước khác, từ Indonesia, Ba Lan đến Nigeria.

Một đặc điểm là tư tưởng kinh tế Nhật không chấp nhận chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối (*laissez faire*). Trong sinh hoạt kinh tế, thị trường là chủ yếu nhưng nhà nước có bổn phận điều hợp. Ông Eisuki Sakakibara, một nhân viên bộ tài chánh tiêu biểu cho khuynh hướng này. Trong cuốn sách nhan đề Vượt Tư Bản (*Beyond Capitalism*) ông mô tả nền kinh tế Nhật Bản trong đó lợi nhuận không phải là mục đích tối hậu, các cổ đông không có quyền tối cao. Thay vì đề cao lợi nhuận, ông Sakakibara nói, các nhà kinh doanh Nhật coi con người là quan trọng hơn cả. Vì vậy các xí nghiệp Nhật tránh sa thải nhân viên, và chính phủ Nhật nâng đỡ các doanh nghiệp cũng như các ngành kỹ nghệ yếu kém. Lối làm ăn đó ngược lại với tinh thần mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết, của chủ nghĩa cá nhân, và chủ nghĩa tư bản thời sơ khai.

Nước Việt Nam hiện nay đang đứng ở ngã ba đường. Người Việt có thể học hỏi những gì qua cuộc phục hưng văn hóa mới của Nhật Bản? Giới trí thức Việt Nam đang làm gì để đóng vai trò sĩ phu trong truyền thống giữ gìn hồn tính dân tộc trước cơn động đất "kinh tế tư bản rừng rú" đang diễn ra trên đất nước ta?

Chúng ta có thể học hỏi gì trong những cố gắng tìm hiểu và công trình tư duy của các nhà trí thức Nhật kể trên? Nước Việt Nam đã lầm lỡ mất gần hai trăm năm — từ thời Minh Mạng, Thiệu Trị giết đạo, bài ngoại, bế quan tỏa cảng, đến thời Cộng Sản khi nhà cầm quyền nhắm mắt chạy theo Tây phương (từ chủ nghĩa của Marx đến băng nhạc của Madonna, và nước Coca Cola của Mỹ, tất cả đều là những sản phẩm Tây phương). Với truyền thống tam giáo đồng nguyên thời Lý Trần, đáng lẽ chúng ta phải tiến tới tứ giáo hòa hợp, ngũ giáo dung thông, thì ngày nay chủ trương độc tôn và độc đảng vẫn còn ngự trị. Đã tới lúc chúng ta cũng phải cùng suy tư và tìm lối thoát.

BIẾT VẬY, PHẢI TỰ PHÒNG

Câu chuyện xảy ra ở "thành phố thiên thần," tức Los Angeles, California. Hai thanh niên chơi trò vẽ chữ lăng nhăng trên tường, tiếng Mỹ kêu bằng "taggers", nửa đêm leo lên cây cầu bắc ngang một xa lộ xịt sơn vẽ chữ. Một "công dân" đi dạo... nửa đêm, trông thấy, rút giấy bút ra ghi số xe của hai cậu "taggers." Hai cậu thấy có vẻ sẽ bị phiền to, bèn đòi hủy bỏ tờ giấy ghi số xe. Một trong hai cậu có cầm trên tay một cái tuộc-nơ vít (dùi xoáy đinh ốc, *screw driver*). Không biết có giằng co, xô xát hay không, nhưng kết quả là một cậu bị... bắn chết, đạn ghim từ sau lưng; và một cậu bị đạn vào mông đít. Người "công dân" đã dùng súng không có giấy phép bắn chết người và làm bị thương một người. Ra tòa, tòa tha bổng tội sát nhân, vì lý do "tự vệ," mà chỉ "sẽ" truy tố tội mang súng không giấy phép thôi.

Gia đình nạn nhân giận dữ. Nhưng, theo báo chí Mỹ thì lại có nhiều người hoan hô ông "công dân" dùng súng (không có giấy phép) bắn chết anh vẽ bậy trên tường.

Gạt ra ngoài yếu tố người dùng súng trái phép là da trắng, và người bị bắn chết là một thanh niên gốc Mễ (để không đặt nặng vấn đề kỳ thị chủng tộc), chỉ xét riêng việc người dân này dùng súng trái phép bắn chết một người dân khác, người ta cũng đã phải đặt ra rất nhiều dấu hỏi về luật pháp và dân quyền.

Vẽ nhăng trên tường (*graffiti*)nơi nhà người khác, hay nơi công cộng, là một việc làm sai trái. Không ai cổ võ hay bênh vực (ngoại trừ những người... lập dị cho rằng *graffiti* cũng là một loại hình nghệ thuật (sic).) Những khu nhà ở mà có *graffiti* là bị xuống giá. Những khu buôn bán mà có loại hình "nghệ thuật" này xuất hiện cũng không sớm thì muộn trở thành nơi lui tới của những tay tứ chiếng; người tử tế trông thấy là đi chỗ khác chơi ngay. Nạn vẽ nhăng đang hoành hành, không chỉ ở Los Angeles, mà ở nhiều thành phố khác trên nước Mỹ và các nước kỹ nghệ tiền tiến. Luật pháp ở những nước này thường "nhẹ tay" với các "can phạm." Có lẽ chỉ ở xứ Singapore, với vụ án Michael Faye vì vẽ bậy vào xe người khác mà bị sáu roi quất đít và mấy ngàn mỹ kim tiền phạt, mới không là đất dụng võ của dân "taggers."

Nhưng chỉ vì vẽ nhăng mà bị "tử hình" thì quá đáng! Tòa án ở Los Angeles tha bổng người dùng súng trái phép gây chết người đã gửi đi một thông điệp sai lầm, vì như vậy là cho phép sửa một cái sai này bằng một cái sai khác. Dù không kết án cố sát hay ngộ sát, nhưng cũng cần có hình thức kỷ luật tức thì với người dùng súng trái phép.■

NGUỒN GỐC CHỦNG LOẠI

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Sự sống bắt đầu từ đâu? Câu trả lời thông thường là bào thai trong bụng mẹ. Đó là vì câu trả lời muốn nhắm trước tiên đến sự sống của con người. Nhưng con người cũng chỉ là một loài trong muôn vạn chúng sinh trên thế gian này.

Ở đây chúng tôi xin tạm gác sang một bên những quan niệm triết lý, đạo đức và tôn giáo, để đi hẳn vào lãnh vực khoa học thuần túy mà tìm câu tả lời có tính cách bao quát hơn: nguyên thủy của sự sống trên Trái Đất này.

Môn địa chất học và vật lý thiên thể ngày nay có những bằng chứng xác đáng để có thể quả quyết rằng Trái Đất đã thành hình từ khoảng 4.5 tỷ năm trước đây, thoạt kỳ thủy là một trái cầu nóng rực, rồi vỏ bên ngoài nguội dần và thành hình dạng như ngày nay, để muôn vàn sinh vật có thể sinh sôi nảy nở.

Trong tiến trình đó, sự sống thành hình vào lúc nào?

Đây là một câu hỏi quan trọng, vì thời đại khoa học ngày nay, người ta còn thắc mắc với một câu hỏi lớn hơn nữa: Có sự sống trong vũ trụ bao la ngoài Trái Đất hay không, có những loài thông minh sống trong vũ trụ hay không? Muốn tìm hiểu, việc đơn giản nhất là hãy tìm xem sự sống trên Trái Đất bắt đầu như thế nào sau khi một trái cầu nóng rực đã được nguội dần để đón nhận sự sống.

Nhưng thế nào là sự sống? Câu hỏi có vẻ giản dị, nhưng đem lại câu trả lời không giản dị chút nào.

Hòn đá cố nhiên không phải là sự sống, nhưng cái cây ngọn cỏ là sự sống, và dĩ nhiên các sinh vật, từ những con vi khuẩn, vi trùng, cho đến các con khủng long thời xưa là sự sống. Vậy phải định nghĩa sự sống như thế nào?

Các nhà khoa học nói sự sống có nghĩa là những vật có sinh có tử, có hấp thụ năng lượng và có sinh sản những thế hệ kế tiếp. Mọi sinh vật, từ lúc sinh đến lúc diệt, đều qua những thời kỳ tăng trưởng, từ lúc phôi thai cho đến lúc già lão, và trong suốt giai đoạn của cuộc sống này đều phải hấp thụ năng lượng để nẩy nở và để sinh sản.

Mọi sinh vật mà chúng ta biết - kể cả loài người - đều nằm trong định nghĩa này. Thế nhưng nếu nói như vậy, một ngôi sao cũng là một sinh vật, bởi vì ngôi sao rõ rệt là có sinh có tử, có trưởng thành và có sinh sản. Sự sống nói chung là một hệ (system) phức tạp và bao quát. Trong ý niệm này, người ta đã đưa ra giả thuyết Gaia để nhận định rằng Địa Cầu với hệ môi sinh duy trì sự sống, tự nó cũng là một sự sống rồi.

Và mở rộng thêm tư duy về mặt này, các nhà khoa học còn nhận định cả vũ trụ cũng là một hệ sống, vì vũ trụ có sinh có tử, có hấp thụ và bài tiết năng lượng, và có sinh sản.

Thuyết lựa chọn tự nhiên

Chúng ta hãy trở lại đề tài tương đối đơn giản là sự sống trên Trái Đất mà chúng ta biết. Khi Trái Đất mới thành hình khoảng bốn tỷ rưỡi năm trước đây, đó là một nơi không có sự sống và cũng chẳng phải chỗ thuận lợi để phát triển sự sống như ta biết hiện nay. Vậy làm thế nào có sự sống, và sự sống ở đâu đến?

Cho đến giữa thế kỷ 17, phần lớn các dân tộc trên thế giới đều có một ý nghĩ đơn giản: Thượng Đế đã tạo ra loài người và các loại sinh vật nhỏ bé con sâu cái kiến, côn trùng ếch nhái v.v... đều tự nhiên sinh ra từ bùn lầy hay các loại vật chất mục nát.

Thế nhưng từ khi khoa học phát triển, người ta đã đào sâu thêm vào nguồn gốc của sự sống, và vào giữa thế kỷ 19, hai phát triển quan trọng của khoa học đã tạo ra một diễn đàn nòng cốt cho các cuộc tranh luận hiện đại về nguyên nhân của sự sống.

Một khám phá của nhà bác học Pháp Louis Pasteur đã đánh đổ giả thuyết sự sống tự nhiên phát sinh. Đó là phương pháp khử trùng ngày nay mang tên ông. Một khi không khí và nước được khử trùng kỹ lưỡng, để trong một bình kín, cách ly với bên ngoài, dù để lâu đến bao nhiêu, cũng không thể có một loài sinh vật dù nhỏ nhất như vi trùng phát sinh. Điều đó có nghĩa là nếu không có sẵn một mầm mống, sự sống không thể nào tự nhiên mà có. Câu hỏi mà Pasteur đặt ra là: Vậy làm thế nào để thế hệ đầu tiên của một chủng loại sinh vật xuất hiện trên Địa Cầu?

Bước tiến thứ hai về mặt này gọi là lý thuyết về sự lựa chọn tự nhiên (natural selection) đã đưa ra một ý niệm để trả lời câu hỏi trên. Hai nhà bác học Charles Darwin và Alfred Russel Wallace lập ra tiến hóa luận của muôn loài và theo lý thuyết lựa chọn tự nhiên, một vài sự khác biệt trong những cá thể của một tập thể chủng loại, là những sắc thái được di truyền. Khi môi sinh thay đổi, những cá thể mang những đặc tính có khả năng thích ứng nhất với môi sinh mới là những cá thể có nhiều cơ may nhất để sinh sản ra thế hệ kế tiếp. Nói cách khác, chính những áp lực của môi sinh

đã lựa chọn những cơ năng thích hợp cho một loài để tồn tại.

Vì thế, từ thế hệ này qua thế hệ khác, liên tục tiếp diễn hoài hoài, sự lựa chọn tự nhiên đem lại những chủng loại đa dạng, ngày càng phức tạp hơn. Như vậy nếu tính ngược trở lại, các thế hệ trước phải ít phức tạp, và nói cho cùng tất cả đều bắt nguồn từ một chủng loại thật đơn giản.

Lý thuyết nói trên ám chỉ rằng mọi chủng loại sinh vật ngày nay đều do một sinh vật đầu tiên có cấu trúc hết sức đơn giản sinh ra. Sinh vật đầu tiên này được gọi là Ông Tổ sau chót của sự sống.

Gọi là "Ông tổ chót" chứ không phải "Ông tổ đầu tiên" của sự sống, bởi vì "vị chót" này có những sắc thái đặc thù gần gụi nhất với những sự sống ngày nay. Còn ở trên ông tổ chót đó là những ông tổ tổ nữa... chưa kể đến vị thủy tổ đầu tiên.

Nhà bác học Darwin, vì những thành kiến tín ngưỡng của thời đại ông, đã ghi trong đoạn chót của cuốn sách lừng danh "Nguồn Gốc Của Muôn Loài" mà ông là tác giả, rằng "Đấng Tạo Hóa" thoạt kỳ thủy đã thổi sinh khí vào "một vài hay một dạng sống duy nhất." Để rồi từ đó sự tiến hóa bắt đầu: "Từ sự khởi đầu hết sức đơn giản, một sự tiến hóa bắt đầu, đã và đang đem lại những dạng vô cùng mỹ lệ và vô cùng kỳ diệu của sự sống."

Tuy nhiên trong những thư từ viết riêng, Darwin cho rằng sự sống có thể đã phát khởi qua những nguyên lý của hóa học (chemistry), chẳng hạn như ông viết sự sống có thể nảy sinh "từ một vài nơi nước ấm, với đủ mọi chất liệu như chất amoniac và lân tinh, ánh sáng, hơi nóng, điện lực v.v..."

Trong hầu hết thế kỷ 20 này, cuộc khảo cứu về nguồn gốc của sự sống đã nhằm vào một mục tiêu ưu tiên là chứng minh giả thuyết nói trong riêng tư của nhà bác học Darwin, nghĩa là làm cho sáng tỏ lập luận làm sao, khi không có bàn tay huyền diệu của một đấng Vạn Năng nào đó, mà ở một thời đại hoàn toàn chưa có sinh vật, những tương tác ngẫu nhiên giữa những phân tử đơn giản, trong một loại đại dương nào của Trái Đất thời đó, đã làm nảy sinh ra sự sống của ông tổ sau chót của muôn loài?

Hệ thống tổ chức sinh học

Để tìm một giải đáp cho câu hỏi này, điều cần thiết trước tiên là phải biết một cái gì đó về những đặc tính của ông tổ. Hiển nhiên vị tổ của sự sống này phải có những thông tin di truyền liên quan đến sự điều hành cơ cấu và tái sinh sản, cũng như những phương pháp để tạo ra sinh sản và thi hành những chỉ thị nói trên, nếu không, vị tổ này chẳng thể nào có con nối dõi. Ngoài ra điều quan trọng là hệ thống lập lại nguyên bản theo di truyền này phải chừa ra một chỗ nhỏ, cho phép có sự biến đổi ngẫu nhiên, chớ không phải bản sao (sinh ra) lại đúng hệt như bản chính mà không có chút thay đổi nào. Nếu bản sao cứng nhắc đúng như bản chính, làm sao có thể biến hóa để thích ứng với môi trường. Như vậy thiên nhiên mới có thể làm một sự lựa chọn để rồi hàng tỷ năm sau đưa đến muôn loại của sự sống ngày nay. Lội ngược lại giòng tiến hóa của các sinh vật, người ta sẽ tìm thấy một "mẫu số" chung của muôn loài, và như trên đã nói, đó là ông tổ sau chót của sự sống. Ở đây các nhà sinh-hóa học có tiếng nói.

Nếu từ một mẫu số chung sinh ra, tất nhiên muôn vàn chủng loại sinh vật ngày nay cũng phải có một cái gì giống nhau. Thí dụ ta tìm thấy hai bản văn viết tay và nhận thấy hai bản văn này hoàn toàn khác nhau, nhưng lại có tuồng chữ giống nhau, ta phải quyết đoán hai bản văn đó chắc chắn do một người viết ra.

Các chủng loại sinh vật ngày nay đều có một "nét chữ" giống nhau: đó là những hợp chất gọi là hữu cơ trong đó nguyên tử carbon là nhiều nhất. Một nét khác là các chất protein trong tế bào sống của sinh vật đều được hợp thành bằng 20 loại amin acid tiêu chuẩn. Và đặc biệt là trong tế bào đều có những bộ máy thông tin di truyền gọi là DNA.

Các sinh-vật ngày nay đều thuộc loại đa tế bào rất phức tạo sau hàng ngàn triệu năm tiến hóa theo luật lựa chọn tự nhiên. Nếu vậy

đi ngược lại thời gian tiến hóa đó, chúng ta càng thấy những sinh vật ít phức tạp, ít tế bào và vị tổ sau chót phải là một vật đơn tế bào, có nghĩa chỉ có một tế bào duy nhất.

Từ ngữ tế bào (cell) đã được phát sinh từ năm 1665, do một nhà khoa học Anh, tên là Robert Hooke mô tả hình dạng tế bào lần đầu tiên, khi ông quan sát một lớp vỏ của một cổ thụ bằng một kính hiển vi đơn sơ thời đó, chỉ có sức phóng đại đến 30 lần.

Ông Hooke nhìn thấy vỏ cây thực sự là gồm những cái "hộp" nhỏ li ti dính chặt vào nhau kết thành và ông tin rằng những hộp đó (gọi là *cell*) chỉ là đặc tính duy nhất của vỏ cây. Ông không ngờ sự khám phá của ông có một ý nghĩa sâu xa vô cùng quan trọng hơn nữa.

Gần đồng thời với ông Hooke nhưng nhiều năm sau, có nhà bác học Hòa Lan tên là Anton Van Leeuwenhoek sử dụng một loại kính hiển vi có sức phóng đại đến 300 lần, đã khám phá thấy những sinh vật mà ta quen gọi là vi trùng ở trong một giọt nước. Vi trùng theo từ ngữ khoa học gọi là *bacteria*, và cố nhiên đó là những sinh cơ (organism) tức là những "vật" ở vào giai tầng thấp nhất của cấu trúc có khả năng thực hiện mọi hoạt động của sự sống. Nhờ kính hiển vi nói trên, ông Leeuwenhoek còn tìm thấy những tế bào sống ở trong máu và tinh dịch của các loài động vật.

Năm 1839, gần hai thế kỷ sau những khám phá tiên khởi của hai ông Hooke và Leeuwenhoek, tế bào rốt cuộc được xác nhận chắc chắn là đơn vị cơ bản của sự sống, do công trình của hai nhà bác học người Đức Matthias Schleiden và Theodor Schwann. Các công cuộc nghiên cứu và khảo sát rất công phu của hai ông này đưa đến kết luận mọi sinh vật trên thế gian đều do các tế bào họp thành. Đó là lý thuyết tế bào (cell theory).

Lý thuyết này sau được phát triển đưa đến quan niệm cho rằng những tế bào lại do những tế bào khác phát sinh. Khả năng của tế bào có thể tự phân chia thành những tế bào mới là điều căn bản cho sự sinh sản, sự trưởng thành và kết hợp lại thành những sinh cơ đa tế bào, trong đó có loài người chúng ta.

Câu hỏi kế tiếp tất nhiên là: Tế bào đầu tiên do từ đâu mà ra?

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng ta không thể tránh việc điểm qua những khái niệm về những môn vật lý hóa học phân tử, cũng như những hiện tượng quen thuộc có tên là phản ứng hóa học.

Kỳ tới: **Phản ứng hóa học.**

Tìm đọc:

HOA VÀNG CỮ

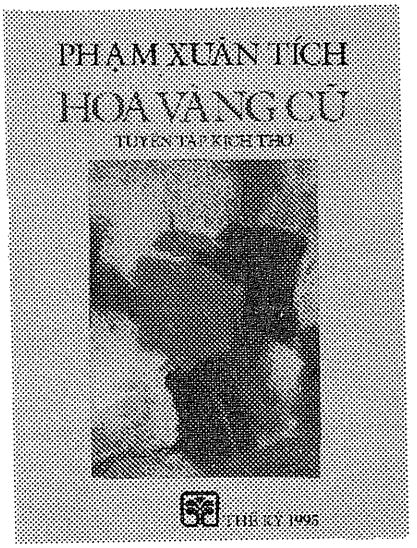

Tuyển tập kịch thơ của Phạm Xuân Tích

Tựa: Trần Thanh Hiệp
Bìa: Lê Tài Điển (tranh) -
Nguyễn Đồng (trình bày)
Phụ bản: Đới Ngoạn Quân, Thái Tuấn,
Ngọc Dũng, Đinh Cường

104 trang khổ lớn. Giá $12.00

THẾ KỶ 11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 USA (714) 638-9510

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

THE KỶ 21

A source for Vietnamese studies

Group in charge of publication:
Do Quy Toan, Do Ngoc Yen, Ha Tuong Cat, Hoang Ngoc Tue, Le Dinh Dieu, Ly Van Chuong, Ngo Manh Thu, Pham Phu Minh, Phan Huy Dat, Tong Hoang and Tran Dai Loc

Publisher, English Section Editor:
Le Dinh Dieu
Editor:
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)
Assistant Editor:
Pham Phu Minh
Managing Editor:
Nguyen Xuan Hoang

ADVISORS & CONTRIBUTORS:
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Ruth Talovich

THE KY 21
(The 21st Century)
is published monthly, distributed worldwide. Subscription: see form printed on page 4. Send check or money order, inquiries to:
Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944
E-MAIL 75504,3510
Compuserve

ADMINISTRATION
Office Manager:
Vu Duy Tu
Account Executive:
Phan My Suong

ISSN 1056-4640

THE WAR IN VIETNAMESE IMAGINATION: THE SOUTHERN PERSPECTIVES

By NGUYEN NGOC BICH

The Vietnam War evokes different images in people and based on these images, the creative artists develop different imaginations about the conflict. To the Americans, I take it, the Vietnam War means essentially the period of direct American involvement, roughly from 1960 to 1975. To the French it tends to mean the French episode, usually known as "*la guerre d'Indochine*," also dubbed "*la sale guerre*" -- the "dirty war," as if there were some wars that were not. But to the Vietnamese it seems like one of those Hundred Years War -- one that goes on forever, the origins of which are lost in the mist of time and which, in some Vietnamese imaginations, still goes on today.

That is why, in my presentation, it is necessary to outline a brief chronology of the Vietnam War as understood by Vietnamese so that what follows can be put in its context. Back in the thirties, in fact 1930 to be exact, the Vietnamese had two aborted attempts to overthrow French rule in Vietnam. One was led by a nationalist faction and the other was led by the communists. This marks the beginning of the dichotomy known as "*Quoc Cong*" ("Nationalists as opposed to the Communists") in the struggle for Vietnamese independence. Both rebellions were savagely repressed by the French. Participants who did not get killed or condemned to long years of hard labor fled abroad -- mostly to China -- and for the next 15 years operated in a sort of uneasy truce among the various factions, sometimes coalescing for a short period of time and for specific purposes but always keeping a wary eye on one another. This murky period is dealt with only recently, usually in the form of personal reminiscences -- such as Hoang Van Hoan's *Giot nuoc trong bien ca* ("A Drop of Water in the Ocean"). And the omly large-scale fictional treatment I know of the period is Nhat Linh's trilogy, *Giong song Thanh-thuy* ("The Thanh Thuy River," 1961).

The First Flowering of War Fiction in South Vietnam

The next period, the one usually referred to as the War of Resistance Against the French (1946-1954), was dominated by the Communists but yielded a number of fine works by northern writers transplanted in the South, such as Mai Thao, Thanh Tam Tuyen, and especially Doan quoc Sy whose tetralogy *Khu rung lau* ("The Reed Forest," 1962) is an ambitious narrative of what happened to a family and their circle of friends during the French-Vietnamese war, which is why it is sometimes compared to Leo Tolstoy's *War and Peace*. While in length the two works are comparable, I still believe that Doan Quoc Sy's volumes suffer from unevenness: the first volume, for instance, *Ba sinh huong lua* ("Fire and Incense Through Three Generations"), is superb but the last volume, *Dam thoai doc thoai* ("Discussions and Monologues"), is a bit argumentative and not substantive enough.

Recreating the heady days of Vietnamese independence, freshly reclaimed in 1945 after a century of French colonial rule, Nguyen Manh Con wrote under the pseudonym of Nguyen Kien Trung *Lac duong vao lich su* ("Lost in the Pathways of History"). He also had another work couched in epistolary form, *Dem tam tinh viet lich su* ("Writing History, with Heart and Soul," 1964), recalling what he saw as the betrayal of the Vietnamese revolution by the communists when they abandoned Hanoi in December 1946, at the beginning of the French Resistance War, to let the Vietnamese nationalists be exterminated by the French. Later, in the maquis, people like the putative author were not trusted, which was why they had to leave the Resistance. Also covering this period and showing "the triumph and tribulation, excitement and danger, hope and disillusion of a whole generation of Vietnamese youth in their struggle for independence and revolution" is the powerful work *Khoi song* ("Smoke and Waves") by Ly Thang (pen name of Nhu Phong Le Van Tien).

It was the communist hijacking of the Vietnamese revolution which led (or forced) many to leave the maquis and join the French-occupied zone, much against their inner wishes. Too clairvoyant not to realize that the communists were after more than mere independence from France, these people who took refuge in the French-held cities could not, of course, collaborate with the French to help in their attempted reconquest of Vietnam. They were thus caught in-between and eventually joined the increasingly large ranks of so-called "*attentistes*" ("wait-and-see artists"). This mood of despair, one that was later to provide fertile ground for existentialism -- with its "nauseas" -- to develop in South Vietnam, is captured quite effectively in Thanh Tam Tuyen's short novel *Bep lua* ("The Hearth," 1964), which tells of his last days as a teacher in Hanoi and in a neighboring province just before the division of Vietnam in 1954 which forced many to move south with hardly any hope of ever going home.

In 1954 the Geneva Agreement divided Vietnam into two zones: a communist-ruled North and a so-called Free South. The National army, which was created four years earlier to serve as no more than an adjunct to the French troops, regrouped south of the seventeenth parallel, joined by a million refugees. Defeated and poorly led, this Army soon gave a measure of its worth by overcoming the armed bandits Binh Xuyen and religious sects (Cao Dai and Hoa Hao), which controlled Saigon and large parts of South Vietnam. After this, the French were asked to leave Vietnam. For the first time, there was meaning and reality to the term "Free Vietnam."

The resumption of terror tactics by the communists (starting around 1957), however, created a deep sense of distrust in people -- southerners who by nature were extremely hospitable suddenly clammed up and refused to take in a lost traveler, something that very much goes against the grain of the Vietnamese Buddhist tradition. This is the gist of the story, *Doc duong* ("Along the Road"), by Thanh Tam Tuyen which was brought out as part of a story collection of the same name (1966).

The Civil War Phase

The Americans did not come in earnest into the War until 1960 and their presence as "advisors" never topped 21,000 until 1964. So for a period the war was essentially a civil war between the government of Saigon and the insurgents, mostly southerners but led from the North. This civil war aspect was to create a dilemma in the Vietnamese participants up to this very day: on the one hand, it is a murderous, no quarter given type on conflict among blood brothers; on the other hand, it is an ideological war whose roots go well beyond Vietnam -- certainly well beyond the confines of South Vietnam and reaching into world capitals like Moscow, Beijing and Washington. In this sense the Vietnam War is very much comparable to the Spanish Civil War of 1936-1939. This dilemma is treated by such authors as Nhat Tien ("A Gift From the River," short story), and Minh Quan, a communist sympathizer ("When My Milk Runs Dry," short story), and lesser known writers like the ones gathered in a collection edited by Ly Qui Chung and published in the U.S. under the title *Between Two Fires: The Unheard Voices of Vietnam* (Praeger, 1970). One can see that this title is a harkening back to the theme developed by Don Luce and John Sommer in their 1969 work, *Vietnam - The Unheard Voices* (Cornell University Press).

But the best treatment of this theme is probably to be found in a short novel, *Gia tai nguoi me* ("A Mother's Heritage," 1965), by Duong Nghiem Mau and a very well known short story by Thao Truong, translated by Vo-Dinh Mai as "The Bullet" (*Vien dan ban vao nha Thuc*). The first work, a full-length narrative, tells of a Vietnamese mother who only has her love to give her children yet she is caught in-between a son, who is an ARVN (Army of the Republic of Vietnam, i.e. of the Saigon regime) soldier, and another, who is a Vietcong infiltrator from North Vietnam. She does not know what to do, she does not have the intellect to understand their different positions, especially she cannot comprehend why they have to try to kill each other. The different crises of the novel are punctuated by the cries of a half-retarded younger brother, who is even less intelligent than the mother and who only reacts emotionally to the

quarrels of his older brothers by shouting out in fear. Duong Nghiem Mau also has a famous short story dealing more or less with the same theme, "The Day the Milk-Breast Tree Was Cut Down." This story is symbolic treatment telling of the fears and premonitions of an old couple who see in the cutting of the "milk-breast tree" a presage of impending disaster. The beauty of Duong Nghiem Mau and Thao Truong is that they are full of lyricism and symbolism yet are not given to any exaggeration.

Other aspects of the war are covered by authors like Nha Ca whose *Dem nghe tieng dai bac* ("At Night Listening to the Pounding of Artillery Fire," 1968) became an instant bestseller when it came out, going through something like nine printings in a matter of months. This work tells of the effect of the war on a middle-class family in Saigon whose interest in the conflict previously was limited to listening to the news and whose primary concern was simply to raise a fine bunch of young people about to go out into the world. A son gets drafted and so does the fianc of one of the grownup daughters. With the intensification of the fighting the family soon finds itself trying to follow as much as they can all the battle news that might affect the new soldiers: strange geographical names, unheard of before, become household words; every rythm of life is affected by what may or may not be happening to the young men; the family has to postpone time and again a big dinner in anticipation of the young men's coming home on a furlough; finally, a ceasefire is announced, the family gets ready for the big welcome home party when they receive news that one of the two young men had died. This is a superb treatment because it is extremely realistic, the novel is not all darkness, in fact it is sprinkled with many moments of levity -- which only makes it more true to life.

The American Phase

The massive involvement of American troops starting in March 1965 brought a whole new dimension to the war. In the first couple of years the Americans, being freshly involved, were full of gungho and a can-do spirit. They did not care about Vietnamese sensitivities believing, as they did then, that they were sent in for a quick cleanup

PHAN THI THANH NHAN

SECRET SCENT

The windows of two houses at the end of the street
never close softly, I don't know why.
Two friends in the same class before
The grapefruit tree behind the house gives a fragrant scent.

Hiding a bunch of flowers in her handkerchief, the girl hesitates to go next door.
Over there, tomorrow, someone will go away to fight.
Over there, tomorrow, someone will go far away.

They sit in silence not knowing what to say, glancing at each other and turning away.
Has neither once dare to speak?

The fragrant grapefruit flower leads to feelings of unease.
He doesn't dare to ask,
she doesn't dare to give.
Only the sweet and noble perfume,
still softly spreading, cannot be disguised.

The girl, secret like the bunch of flowers, lets the scent tell of her love.
They part,
still saying nothing,
but the scent, sweet and discreet, follows his step forever.

operation. Battlefirld victories followed one after the other and for a time, the North Vietnamese and Viet Cong were clearly off-balance. The South Vietnamese army, the supposed allies, were relegated to second rank and pushed into the wings.

The dislocation caused by the American presence, not only their poor understanding of Vietnamese psychology but also the overwhelming effect of greenbacks on an already frazzled society and economy, brought about a seething situation which the communists were quick to exploit -- almost to devastating effect. The Vietnamese see "the cause" slipping from their hands as they no longer seem to be the masters of their fate -- the Americans are now "in charge." American dollars were buying their houses and women and taxis and pedicabs and services. In fact, they were buying even their government. Disaffection with the government cause was what made possible the careful infiltration of Viet Cong cadres and weapons into the cities over a period of many months, which culminated in the Tet attacks of 1968. But the communists misread the situation and overplayed their hands: people may be unhappy with the government and the American presence, it did not mean they were for the Viet Cong side. No "general uprising" took place anywhere and the communist frustration with the people's reactions was later translated into an act of vengeance in Hue, where they killed nearly 6,000 civilians, men, old men, women and children, even infants, whom they were eventually to bury in shallow mass graves.

This tragedy, the greatest horror story of the Vietnam War, one that dwarfed the My Lai massacre by a factor of at least 40/1, is one that to this day still keeps the writers busy analyzing its causes, magnitude and effects (Cf. Bui Tin/Thanh Tin's autobiography, *Mat that* ['The Real Face'], 1994). But at the time of its discovery it became the subject of a powerful indictment by the woman writer, Nha Ca, *Giai khan so cho Hue* ("A Mourning Band for Hue," 1969). Nha Ca also collected her stories about what happened in Hue while it was under communist occupation for several weeks in a book published the same year, *Tinh ca cho Hue do nat* ("A Love Song for Hue Lying in Ruins," 1969). The most powerful selection in the book, "A Story for Lovers," has been translated by more than one hand, among whom James Banerian (in *Vietnamese Short Stories*, 1986) and Vo-Dinh Mai (in *War and Exile*, 1989).

Other aspects of the war were also dealt with by other writers of fiction, among whom some of the more eloquent are women, such as Nguyen Thi Thuy Vu, who described the lot of women in *Meo dem* ("Night Cats," 1967) and *Lao vao lua* ("Flinging Into Fire," 1967), not shrinking even before the topic of prostitution. A series by Chu Tu, *Yeu* ("Loving," 1963), *Song* ("Living," 1964), *Loan* ("War," 1964), *Ghen* ("Jealousy," 1964), and *Tien* ("Money," 1965), through the pithiness of its titles, can also give one a feeling for the brusqueness of the time, for its total lack of sentimentality. The first title, *Yeu*, went through many printings and can be said to be indicative of the fashionable philosophy of the moment known as "*yeu voi, song voi*" ("loving quickly, living quickly") as if there was no tomorrow.

Phan Nhat Nam's "Battlefield sketches"

But the one name that constantly comes to mind when one wishes to study the war in Vietnamese literature is Phan Nhat Nam who almost singlehandedly made "battlefield sketches" (the Vietnamese term is "but ky chien truong") into a major genre in modern Vietnamese literature. A paratrooper who graduated from the eighteenth officer class of the Dalat Military Academy, Phan found himself almost at once sent to crucial battlefields all over the country, not only in South Vietnam but also in Cambodia in 1970 and into Laos, during the disastrous Lam Son 719 operation. He took advantage of that to take copious notes, which later he would edit into a series of battlefield reports of the first importance, including:

- *Dau binh lua*
("Traces of War," 1969)
- *Doc duong so 1*
("Along National Highway No. 1," 1970)
- *Ai tran gian*
("Hell on Earth," 1970)
- *Mua he do lua*
("The Summer of Fire," 1972)
- *Dua lung noi chet*
("Backs Against Death," 1973)
- *Tu binh va Hoa binh*
("POWs and Peace," 1974)

All these works, taken cumulatively, amount to an "oeuvre" which is totally unprecedented in Vietnamese literary history, and it would be hard to find a similar production anywhere else in world history -- even among the so-called advanced literatures of the world. Because the observations are noted on the spot, sometimes in the very heat of the battle, they have an immediacy and eyewitness quality which is impossible to reproduce if written later in recollection. Practically every page of Phan Nhat Nam is redolent with the sounds and sights and smells of the battlefield action, comparable to the best pages of Louis Dalapre (who reported for *Paris-Soir*), Herbert L. Matthews (*New York Times*), or Jay Allen (*Chicago Tribune*), with their famous reports from Spain (Guernica, Badajoz, etc.). Even Hemingway, as Anthony Burgess observed, "was never a very good war correspondent." This was because "his

fiction-writer's talent impelled him to invent, organize reality into aesthetic patterns, cultivate the 'impression' which Ford Madox Ford encouraged writers to carry over from fiction to real life." (Burgess, *Ernest Hemingway and His World*, New York: Scribner's, 1978, page 79) Phan Nhat Nam never tries to embellish on his story. But at the editing stage, Phan does fill out missing episodes which he tried to learn from other participants in the same event. He also researches or puts himself in the shoes of some of the commanders in order to find out how they thought at the moment and had to make split-second decisions that could affect the lives of many others. His stories are therefore full of drama and passion, which kept and still keep -- as I have the occasion to experience in writing this paper -- the reader spellbound.

It is a measure of Phan Nhat Nam's honesty that he does not shrink from reporting losing battles, even major ones. He also has an unmistakable ear for the grunts' language, which is full of military jargon and never far from profane language. His stories are also peppersed with witticisms and jokes and blasphemies which could not be invented after the fact. His information is solid battlefield intelligence information which could be checked against standard military histories (produced many years afterwards) and battlefield formations revealed later by the enemy. His characters are real people with names, personal histories, their likes and dislikes, their qualities and defects: those who did not die can still be consulted today for accuracy of Phan's reports. In other words, because Phan Nhat Nam's major characteristic is his honesty and genuineness he can be trusted also when he sings something, as he does the Battle of An Loc (Second chapter of *Mua he do lua*). And because he does not shrink from giving vent to his own frustrations and outrage, giving full and undisguised opinions about friends and foes alike, he can be said to invent all by himself what is claimed to be the originality of the New Journalism of the late sixties and early seventies in the U.S. Michael Herr's *Dispatches* (Knopf, 1978) and Tim O'Brien's personal narrative, *If I Die in a Combat Zone* (Delacorte, 1973), and novel, *Going After Cacciato*, which are considered like emblematic of the New Journalism, are all later productions than Phan Nhat Nam's works, so cannot be said to have any influence on our Vietnamese writer.

The aftermath

For his pain -- and his courage -- Phan Nhat Nam underwent more than ten years of reeducation when the Communists came into town (1975). Put under intense pressure to recant, he never did saying that he described nothing but the truth, and if he were to deny it now the truth would still not change. The Americans left at the end of 1972, leaving a war unfinished, which the South Vietnamese army fought on for almost another three years before surrendering.

To the Americans, the Vietnam chapter closed in 1975 but to the Vietnamese in many ways the war can be said to be still going on, even today. Nearly 50,000 Vietnamese asylum seekers are still in Southeast Asian and Hong Kong camps 20 years after to seek a better life abroad, free from communist repression and persecution. Many of the best Vietnamese minds are still in jail in communist Vietnam for the simple crime of speaking up. The American pullout revealed the shallowness and hypocrisy of communist internationalism as Vietnam went to war almost immediately with Cambodia and China chose to give Vietnam "a lesson" in 1979. The whole literature about the communist "reeducation camps," in reality nothing more than concentration camps, and about the Vietnamese "boat people" can be said to be also part of the literature about the Vietnam War. Nowadays, reminiscences and autobiographical works by Vietnamese in exile also add new information or new angle of vision to what is already in print. This is the case of Le Tat Dieu's *Ngung ban ngay thu 492* ("Ceasefire Day 492," 1977) or Duyen Anh's *Saigon: Ngay dai nhat* ("Saigon: The Longest Day"), which describes the day Saigon fell (April 30,1975). About the retreat and eventual debacle of the South Vietnamese army, Cao Xuan Huy had *Thang Ba gay sung* ("Broken Guns in March") and Hoang Khoi Phong has *Ngay N+* ("Day N+"). Even a fictional work like Nguyen Mong Giac's *Mua bien dong* ("Season of Stormy Seas," 4 volumes, 1984-87), which treats the history of a couple of families from the Buddhist crisis of 1963 to their years in exile, should be considered also a work on the Vietnam War. Totally left out also are the works of someone like Xuan Vu (Le My Huong), a very popular, original and prolific writer who is totally absorbed in and obsessed by what communism has done to Vietnam and its people, including the War: he should know since he himself was a highly regarded author (in North Vietnam) before he defected to the South. And, of course, writers like Nguyen Ngoc Ngan, a very gifted novelist, have to be left out because he did not become a major writer until after 1975 and since he came West to elect residence in Canada.■

PMLA Conference
San Diego
December 28, 1994

By DANCHI NGUYEN

A CONCERT IN MEMORY OF DO THE PHIET

Do The Phiet, one of Vietnam's well-known violinists and conductors, was born in North Vietnam in 1926. He began his early violin lessons with a Russian musician in 1938 and in 1950, studied with professor Firman Touch at the International Conservatory of Paris. He later received the Highest Medal and the First Prize of Violin Performance from the Conservatory.

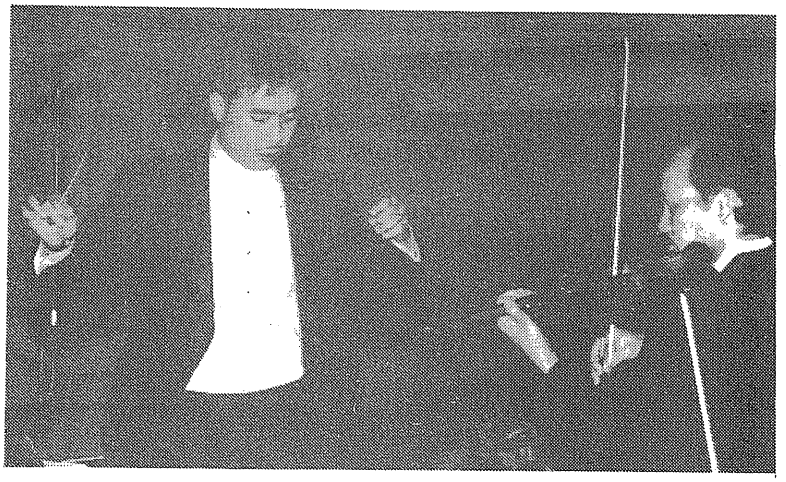

Conductor Vu Ton Binh and the Vietnamese American Philharmonic Symphony Orchestra. Violonist Nguyen Khanh Hong is concert-master.

In 1952, he studied with professor Roland Carmy and graduated from the National Conservatory of Paris in violin performance. Two years later, he received a degree in conducting from the same institute and was honored with the Grand Prize for Violin. Do The Phiet was awarded the Grand Prize of Chamber Music in France in 1957.

From 1958, he taught violin and became director of the National Conservatory of Music and Drama in Saigon. He was also one of the conductors of the Saigon Symphony Orchestra. Do The Phiet died in 1970 in Saigon at the age of 44. Saturday (Feb.4), the Vietnamese-American Philharmonic Symphony Orchestra, with conductor Vu Ton Binh, violinist Nguyen Khanh Hong, soprano Bich Lien, and the Ngan Khoi Chorus Quartet gave an unforgettable concert in honor of Do The Phiet at the Ebell Theater in Santa Ana.

The program began with Beethoven's Overture to "Egmont", Op.84. Next was the Allegro molto appassionato movement from Mendelssohn's Violin Concerto in E Minor, Op.64. This movement with its rich melodic inventiveness was played with brilliant virtuosity by violinist Nguyen Khanh Hong.

Soprano Bich Lien sang the aria "Voi, Che Sapete" from Mozart's beloved opera, The Marriage Of Figaro. Her sweet voice conveyed a feeling of ease and grace. Bich Lien is one of the few Vietnamese singers to perform both Western classical and Vietnamese music.

Conductor Vu Ton Binh returned to the stage to conduct the Allegro con brio movement from Beethoven's Symphony No. 3, the "Eroica."

The second part of the program featured mainly Vietnamese traditional music such as: Nuoc Non Ngan Dam Ra Di (Leaving Homeland For A Thousand-Mile Journey) from Pham Duy's popular song cycle "Con Duong Cai Quan" (The National Main Road), arranged by Tran Chuc and performed by the Vietnamese-American Philharmonic Symphony Orchestra under the direction of Vu Ton Binh; Le Ngoc Chan's arrangement of Van Cao's and Pham Duy's "Ben Xuan" (Spring Scene) sung by Bich Lien. The Ngan Khoi Chorus Quartet performed a delightful medley arranged by Le Van Khoa: "Ly Ao Va Quang" from South Vietnam, "Ly Tinh Tang" from Central Vietnam , and "Se Chi Luon Kim" from North Vietnam.

The concert concluded with the Allegro molto movement of Mozart's Symphony No.40 in G Minor. The Vietnamese-American Philharmonic Symphony Orchestra and its promising young Vietnamese conductor Vu Ton Binh received several standing ovations.

There were two encores: the Allegro movement from Mozart's "Eine Kleine Nacht Music," then the "Radetzky March" by Johann Strauss to ring in the Vietnamese New Year.

Mrs. Do The Phiet attended the concert. She came on stage to thank everyone for coming, as well as the people who made it possible, and the performers for making it a memorable event.

VIETNAMESE PROFILE: ARTIST HUONG

Huong comes from a family of writers. She herself studied Journalism in Vietnam. Her father, a filmmaker and writer, brought from Paris a print of Picasso's "Three Musicians". Although she was not expose to art at an early age, that particular cubist painting by Picasso made a deep impression on her and later, influenced her style.

Huong, in front of her work, "Can I Play," oil on canvas

When Huong immigrated to the United States in 1976, she lived in Kodiak, Alaska. Unable to continue her work as a journalist because she was not fluent in the English language, yet inspired by the primitive, colorful and peaceful scenery of Alaska that surrounded her, she taught herself how to paint and interpreted everything that impressed her on canvas. First in water color, later in oil.

Her first paintings caught the attention of the people in Alaska. In the beginning, she traded her art works for food for herself and her infant son, Gene. Later, she traveled across the U.S. in a station wagon to find a market for her work. Years of hard work and determination, finally led to many exhibitions in New York, Los Angeles, Seattle, Dallas, Houston, New Orleans, and Montreal which were all received with high praise from art critics. Huong is now considered to be one of the most recognized figures in the Alaska art scene today. In Washington D.C., she gave a one-woman art show and her works were on display at the 1986 World Expo in Vancouver, Canada.

Huong's paintings are exhibited in galleries across the country. She has also been featured on National Public Radio, Voice of America, Alaska Public Television and Broadcasting. When Huong moved from Alaska to Florida, she established her first studio, and in 1992, became the principal artist of the Ryals Gallery in Boca Raton, Florida.

Landscape, flowers and women are the main subjects in her early and most recent works, but it is her signature paintings of interlocking human figures that have gained her recognition in the world of art. One can detect a playfulness with colors, which gives her paintings a sense of love, happiness and natural beauty.

For the next two years, Huong plans to work on a mural that is to represent the Vietnam War. In May and August of this year, Huong will give exhibitions in Zimbabwe, South Africa and the South Pacific.

Because of the Vietnam War, Huong moved to the United States in search of a better life. In doing so, she has discovered her talent and love for painting. She has painted her life story on canvas with a brush as effectively as a writer would on paper with a pen.■

REST AREA

By ĐÌNH-HOÀ NGUYỄN

Trương Anh Thuy. *Trạm Nghỉ Chân.* Võ Đình Mai, ill. Arlington, VA. Cành Nam. 1993. 203 pages, ill. $10.

The author of the novel *Trạm Nghỉ Chân* (Rest Area) previously won acclaim for her verse collections *Của Mưa Gửi Nắng* (From the Rains for the Sunshine; 1984) and *Trường Ca Lời Mẹ Ru* (A Long Lullaby; 1989). Trương Anh Thuy, who comes from a family of artists and poets, was Vice President of Overseas Vietnamese PEN in 1991-93. The title page of her new volume tells us that it is the first part of a lengthy work to be called *Chuyển Mùa* (Seasonal Changes), although at first she intended to write only a short love story.

Nga is a Vietnamese girl from Hanoi who receives a Ford Foundation grant to study at Georgetown University. There she meets Tường, a refugee doctoral candidate working as a graduate assistant. As they start dating, this boy-meets-girl story, under the author's skillful pen, evolves into a realistically complex psychological novel about two human beings, two young Vietnamese souls simply interacting in the free collegiate atmosphere of the young man's country of asylum, an atmosphere that the young woman soon learns to envy.

Their relationship happily develops through meetings in the library, then at a Thanksgiving party. The telephone calls grow more and more frequent, and Nga's roommates at the boarding house quickly learn that she has changed from a quiet, reserved girl from socialist Vietnam into an observant admirer of American society, possessed of both an inquiring mind and a great sense of humor.

Gradually the young couple share serious thoughts and ideas about their native land. He is a strongly anticommunist intellectual who escaped in 1982 with his mother and siblings (after his father, a former South Vietnamese army officer, had died from lack of nutrition and medication in reeducation camps); she is a student who underwent a thorough brainwashing, growing up under the communist regime.

Once when he sees her off at Grand Central Station for a trip to New York City, she assures him that nowadays the young people in Vietnam can criticize their leaders. He insists, however, the entire leadership will have to be changed. On visits that they make together to the D.C.-area museums, memorials, and monuments, they talk at length about their country's enormous problems and often discuss how they and their peers can help change their homeland.

The book's itinerary takes the reader to the Vietnamese Lunar New Year (Tết) celebrations, to the Presidential Inauguration, and to different tourist spots in and around the nation's capital. Nga marvels at every sight and sound and enjoys them all very much.

Before she left for the States, a famous Vietnamese writer had wanted to marry her, and in America another student has tried to seek her favors. But, as she confides in letters to her sister back home, Nga has found in Tường someone she can love and understand.

In discussions about refugee children lost in Southeast Asian camps, about the events of 1975 (whose anniversary was observed near the Lincoln Memorial), and about the Vietnam Veterans Memorial, where the names of 58,183 U.S. soldiers are engraved, Tường shows his obsession that Vietnam must have free elections, since the people have lost their faith in both the "executioners" in the North and the "mediocre clowns" in the South. He tells Nga that the future lies in the new generation, *their* generation, working together to save Vietnam. He later reveals his dedication to that ideal, which takes him to Moscow, where he spends three weeks contacting young Vietnamese students and workers, including Nhàn, a former classmate of Nga's. This young woman, a disillusioned card-carrying member of the Vietnam Communist Party, subsequently works with Tường under a pseudonym.

In an easy-flowing style, Trương Anh Thuy keeps the reader in suspense regarding how those young overseas Vietnamese, well trained and well motivated, will work together for national salvation. Her volume ends with a letter that the homebound Nga sends to Tường from Bangkok, where she is waiting for an entry visa from the authorities in Hanoi; she finds it ironic that a citizen of Vietnam needs an entry visa to return home. ■

(From *World Literature Today.* Autumn 1994. U of Oklahoma, Norman, OK)

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

- Nhãn khoa tổng quát
  - Khám mắt
  - Đo độ làm kính, contact lens
  - Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
  - Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt
- Contact Lens
  - Đủ mọi loại: trong hay màu
  - Daily và Flexiblewear
  - Soft
  - Disposable
  - Gas Permeable
  - Toric
- Kính
  - Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
  - Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
  - Kính mát kiểu mới nhất

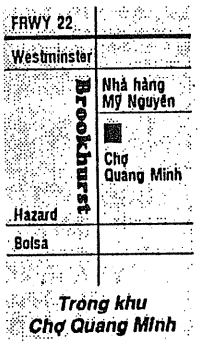

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

- ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
- ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ▫ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải.

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM
SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 1995:

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương
nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
東西貿易超市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

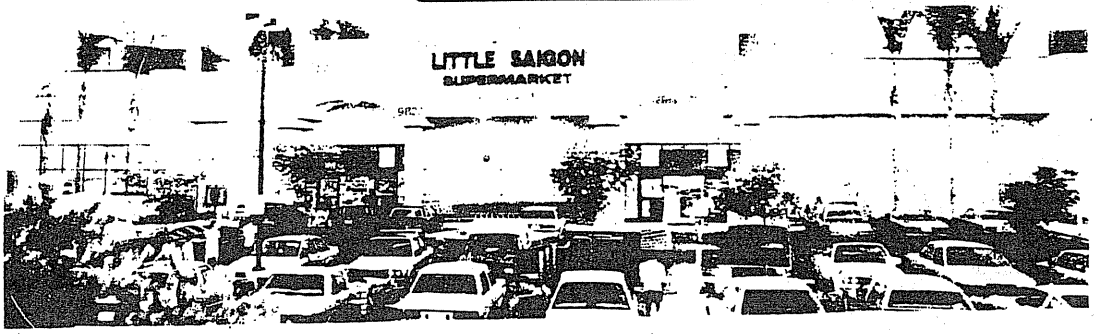

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

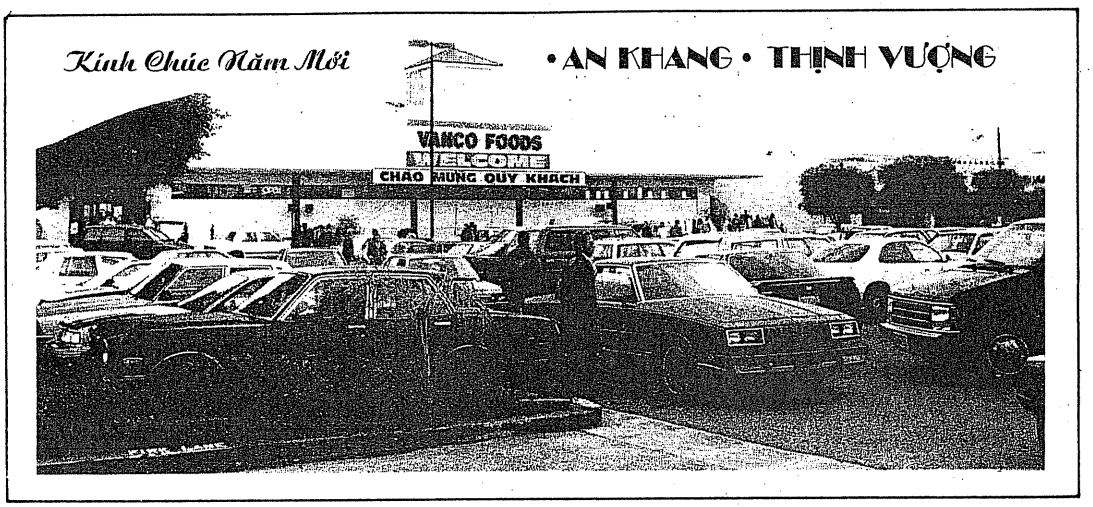

ĐI CHỢ VANCO FOODS TIẾT KIỆM THỜI GIỜ VÀ TIỀN BẠC CHO GIA ĐÌNH

SALES ĐẶC BIỆT TRONG THỜI GIAN KHAI TRƯƠNG VÀ NĂM MỚI

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÍ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CUNG CẤP CÁC LOẠI THỰC PHẨM TƯƠI NGON
CHO NHÀ HÀNG NHƯ Ý MUỐN

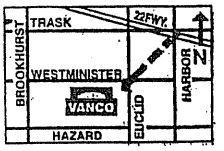

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA VÀ GIA DỤNG
NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT

● CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỢ ● NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECK WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE, GARDEN GROVE, CA 92643, TEL (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM - 8:30 PM

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ
☑ đọc Văn Học để theo sát sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Mua dài hạn Văn Học trong tháng 1 và 2, 1995 được hai nhà xuất bản Văn Nghệ và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%)

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 PHONE (714)894-8535

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277 Garden Grove, CA 92643. USA
Tél: (714) 537-2468

- Hình thức trang nhã, bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, với đóng góp của những cây bút tên tuổi trong và ngoài nước.

•

- Qua HỢP LƯU, độc giả có thể cập nhật đầy đủ sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam đương đại
- Qua HỢP LƯU, độc giả có cơ hội theo sát những khai phá mới của thế hệ cầm bút trẻ.
- Qua HỢP LƯU, văn chương, nghệ thuật thực sự có được chỗ đứng độc lập: vượt trên mọi tranh chấp có tính cách giai đoạn.

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR + $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe dâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đáng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE

VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE

VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

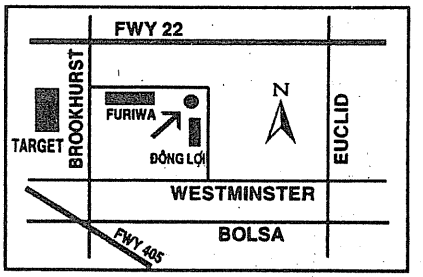

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs).
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

ARC

KC TRAVEL & TOURS
(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- **INCOME TAX**
- **BOOKKEEPING**
- **BUSINESS CONSULTANT**

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....$640.00
- Inside (front/back):.....$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....$460.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....$200.00
- 1/2 page:.....$110.00
- 1/4 page:.....$60.00
- 1/8 page:.....$40.00

† Add-on color (red/blue) any size:.....$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

THẾ KỶ
XUẤT BẢN • ẤN LOÁT • PHÁT HÀNH

11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

PHIẾU MUA SÁCH

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

.....

Điện thoại: .....

Tôi đặt mua (các) cuốn: .....

.....

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền $. .....

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

PHẠM NGỌC PHƯƠNG CHI, D.D.S.

9039 Bolsa Ave., # 103, Westminster, CA 92683

(Ngã tư Magnolia và Bolsa, phía sau tiệm 7-Eleven)

Phone: (714) 379-1322

SĂN SÓC HÀM RĂNG QUÝ VỊ VỚI KỸ THUẬT TỐI TÂN NHẤT

DỤNG CỤ ĐƯỢC KHỬ TRÙNG TỐI ĐA ĐỂ TRÁNH BỆNH TRUYỀN NHIỄM

* *Tốt nghiệp Tiến Sĩ Nha Khoa tại University of Oklahoma*
* *Tốt nghiệp Cử nhân Hóa Học tại Texas*
* *Bằng hành nghề chính thức tại California và Oklahoma*
* *Đã hành nghề tại Oklahoma và cộng tác với nhiều Trung Tâm Nha Khoa danh tiếng tại miền Trung nước Mỹ*
* *Hội viên của American Dental Association - California Dental Associaton và Oklahoma Dental Association*

NHA KHOA TỔNG QUÁT

* ***Bệnh nướu răng, bị sưng nhức, chảy máu khi đánh răng***
* ***Làm sạch và đánh răng trắng***
* ***Lấy gân máu, root canal, Treatment***
* ***Bọc răng, làm răng giả đủ loại***
* ***Nha khoa phòng ngừa định kỳ***

NHA KHOA NHI ĐỒNG

* ***Phòng ngừa sâu răng***
* ***Chữa trị răng mọc lệch và săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên***

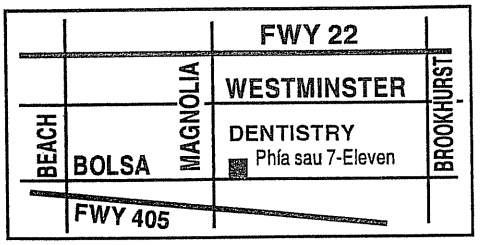

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

NHA KHOA THẨM MỸ

* ***Tẩy trắng răng (Bleaching)***
* ***Chữa răng thưa, sứt mẻ, đổi màu...thành răng đều đặn, trắng, tiệp với màu răng thật (Cosmetic bonding)***
* ***Sửa hàm hô, móm, răng mọc lệch lạc***

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai tới Thứ Bảy:

từ 10 AM - 7 PM

Trường hợp khẩn cấp không cần hẹn, xin cứ đến.

Đ.T: 379-1322

Ai ơi muốn đẹp nụ cười
Hé răng ngà ngọc cho đời mê ly
Xin tìm Bác Sĩ Phương Chi
Tận tình chữa trị chuyên nghề nha khoa

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, CASH, VISA - MASTER CARD

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH

(PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch MIỄN PHÍ để GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về LỊCH SỬ và CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình MIỄN PHÍ này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyện địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

- *Garden Grove (4 trung tâm)*
- *Santa Ana (2 trung tâm)*
- *Westminster (4 trung tâm)*
- *Anaheim (2 trung tâm)*

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ*.**

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097

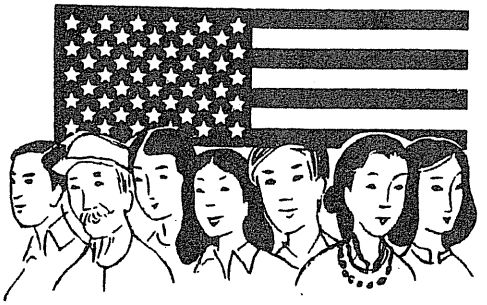

Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St.Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

** Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt MIỄN PHÍ cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.*

ĐÀN BÀ

14 truyện ngắn của
PHẠM VĂN HẢI và HẢI VÂN

"Từ nhỏ, hắn đã sợ đàn bà. Sợ lắm!"
Hắn là ai? Ai là đàn bà? Ai không phải là đàn bà?
Tại sao "Đàn Bà" bị nhiều người gào thét đến mê sảng ngay khi có mặt trên *Thế Kỷ 21* số Ra Mắt? Như Cúc có thực ở ngoài đời không? Thực bao nhiêu phần? Ai có thực? Ai không có thực?
Tìm đọc ngay... "ĐÀN BÀ"!

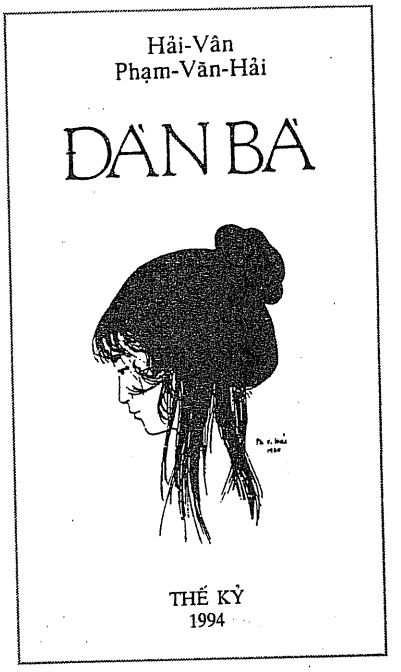

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

COPIER HƯ? HẾT TONER?

MUA
ĐỔI
MƯỚN

COPIER và máy FAX

Gọi NGAY: ABC (Advance Business Copiers)

1-800-513-COPY

PHÙNG QUÁN

ĐÊM NGHI TÀM ĐỌC ĐỖ PHỦ CHO VỢ NGHE

LTS: Người ta thường nhận xét rằng người nghệ sĩ thường nghèo và gặp nhiều cay đắng trên đời, và các tác phẩm lớn thường bắt nguồn từ các khổ đau lớn.

Nhà thơ Phùng Quán cảm nhận và xác định lại điều ấy trong bài thơ Đêm Nghi Tàm Đọc Đỗ Phủ Cho Vợ Nghe ông viết năm 1969.

Có lẽ đó là điều Phùng Quán cũng cảm nhận từ chính cuộc đời ông. Phùng Quán vừa qua đời cuối năm qua tại Việt Nam, những nỗi đau mà ông phải chịu suốt đời, và đã tỏ lộ ra trong thơ ông, là chứng liệu của một nỗi quằn quại chung của dân tộc Việt Nam trong một giai đoạn đen tối vì bị những áp bức phi nhân vào bậc nhất trong lịch sử của mình.

Ngoài trời trăng như tuyết
Trăng lạnh đến thấu xương
Trong nhà vách trống toang
Gió ra vào thỏa thích...
Hồ khuya sương tịch mịch
Trộn nước lẫn cùng trời
Con dế chân bờ dậu
Nỉ non hoài không thôi...
Tựa lưng ghế cành ổi
Vai khoác áo bông sờn
Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ
Vợ vừa nghe vừa đan...
Đỗ Phủ tự Tử Mỹ
Thường xưng già Thiếu Lăng
Sinh ở miền đất Củng
Cách ta hơn ngàn năm
Thơ viết chừng vạn trang
Chín ngàn trang thất lạc
Người đời sau thu nhặt
Còn được hơn nghìn bài
Chỉ hơn nghìn bài thôi
Nỗi đau đã Thái Sơn

Nếu còn đủ vạn trang
Trái đất này e chật!
Thơ ai như thơ ông
lặng im mà gầm thét
Trang trang đều xé lòng
Câu câu đều đẫm huyết.
Thơ ai như thơ ông
Kể chuyện mái nhà tốc
Vác củi, làm chuồng gà...
Đọc lên trào nước mắt!
Thơ ai như thơ ông
Mỗi chữ đều như róc
Từ xương thịt cuộc đời
Từ bi thương phẫn uất!
Giữa tuyết trong đò con
Đỗ Phủ nằm chết đói
Đắp mặt áo bông sờn
Kéo hoài không kín gối
Ngàn năm nay sông Tương
Sóng còn nức nở mãi
Khóc chuyện áo bông sờn
Đắp mặt Thơ - Chết - Đói...
Giật mình trên tay vợ
Bỗng nảy một hạt sương
Hạt nữa... rồi hạt nữa...
Tôi nghẹn dừng giữa trang
Kéo áo bông che vai
Ngồi lặng nghe sương rơi
Con dế chân bờ dậu
Nỉ non hoài không thôi...
Vụng về tôi dỗ vợ:
-Em ơi... đừng buồn nữa
Qua rồi chuyện ngàn năm
Bao nhiêu nước sông Tương...
Miệng nói như lòng nghĩ
Ôi thân phận nhà thơ
Khác nào thép không rỉ
Ngàn năm cũng thế thôi!
Đã đi với nhân dân
Thì thơ không thể khác
Dân máu lệ khốn cùng
Thơ chết: áo đắp mặt!

Em ơi... nếu Đỗ Phủ
Vai khoác áo lông cừu
Bụng no đến muốn mửa
Viết sao nổi câu thơ
Ngàn năm cháy như lửa!
Cửa son rượu thịt ôi
Ngoài đường xương chết buốt
Em ơi nếu Tử Mỹ
Nhà ở rộng mười gian
Cổng sắt với lầu son
Thềm cao đá hoa lát
Chắc ông không thể làm
Mưa thu mái nhà tốc!
Em ơi nếu Thiếu Lăng
Cặp kè vợ béo nứt
Một bước là ngựa xe
Đứng đi quân hầu chật
Đời nào ông lắng nghe
Tiếng gào và tiếng nấc
Bà cụ xóm Thạch Hào
Gái quê Tân hôn biệt...
Đã đi với nhân dân
thì thơ không thể khác
Dân máu lệ khốn cùng
Thơ chết áo đắp mặt!
Chính vì thế em ơi
Nhân loại ngàn năm qua
Máu chảy như sông xiết
Cũng là để cho thơ
Sẽ không còn phải viết:
Những Hành qua Bành Nha
Vô gia thùy lão biệt...
Cũng là để cho thơ
Sẽ không còn phải chết
Giữa tuyết, trong đò con
Đắp mặt áo bông sờn...
Đừng buồn nữa... Em ơi
Chuyện ngàn năm ngàn năm...

Hồ Tây 1969

TÌNH TỰ DÂN TỘC

THÁI TUẤN

Do tính chất sáng tạo, nghệ thuật không chỉ là sự lưu giữ ghi chép một cách thụ động những giá trị của một nền văn hóa đã hình thành, mà còn có khả năng chuyển hóa để tạo nên những giá trị mới.

Sự thăng trầm của một nền văn hóa, đôi khi có ảnh hưởng đến sinh hoạt văn học nghệ thuật, song không thể chi phối được toàn bộ công việc sáng tác của người nghệ sĩ. Sự kiện đó đã được chứng minh qua sự xuất hiện của rất nhiều tác phẩm danh tiếng, dù là dưới thời phong kiến, thời lệ thuộc hay dưới những chế độ độc tài. Nhà cầm quyền ở mỗi chế độ có thể tùy tiện ca ngợi phổ biến những tác phẩm phù hợp với chủ trương đường lối của họ; tuy nhiên sự lưu truyền dài lâu một tác phẩm lại tùy thuộc sự đánh giá của đám đông người thưởng ngoạn. "Tác phẩm vượt thời gian", như người ta thường nói, và nếu đủ sức mạnh, tác phẩm sẽ vượt mọi không gian.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử với những thời kỳ thịnh suy, dân tộc Việt Nam đã hình thành được một nền văn học nghệ thuật phong phú rực rỡ lưu truyền lại tới ngày nay. Nền văn học nghệ thuật ấy không chỉ được lưu giữ bởi tác phẩm mà còn ảnh hưởng sâu đậm trong tâm tư con người Việt, tạo nên nguồn mỹ cảm của nhiều thế hệ cùng sinh sống trên một mảnh đất.

Cảm hứng của nhà thơ, nghệ sĩ nếu không nảy sinh từ cuộc sống của dân tộc chắc hẳn chẳng thể có được:

Qua đình ghé nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu

Người thợ nào đã tạo nên hình sắc viên ngói mái đình để nhà thơ cảm thấy niềm yêu thương gói ghém nơi sự vật vô tri, để có thể kể lại với người yêu mến.

Vòng chuyển hóa của sự sáng tạo từ mái đình viên ngói đến sự yêu thương hay từ yêu thương đến viên ngói mái đình? Điều đó trong cuộc nhân sinh khó mà luận giải, đâu là nơi khởi đầu và đâu là chỗ chấm dứt. Những dân tộc sống ngoài văn hóa "Mái Đình" có thể hiểu được ý nghĩa câu thơ, song khó có thể xúc động như chúng ta.

Sự khác biệt ở mỗi dân tộc về màu da, hình vóc không đáng kể bằng ngôn ngữ. Chính ngôn ngữ đã nhào nắn tâm tư và cảm nghĩ của con người. Một dân tộc có thể mất hết đất đai bờ cõi, song nếu vẫn duy trì được ngôn ngữ thì dân tộc ấy vẫn tồn tại và gìn giữ được những nét đặc thù.

Ngôn ngữ âm thanh hình sắc trong tác phẩm nghệ thuật ngoài vai trò thông tin với trí óc, còn vai trò truyền cảm đối với tâm tư người thưởng ngoạn. Tình tự dân tộc không gì khác hơn là những giá trị đạo đức, giá trị thẩm mỹ của một nền văn hóa được sự chuyển hóa của nghệ thuật thành ngôn ngữ hình sắc âm thanh.

Trong sinh hoạt nghệ thuật chẳng thể có một quốc gia dân tộc nào nắm giữ được độc quyền về cái đẹp. Cái đẹp chung cho cả nhân loại không nằm trong một khuôn mẫu nhất định. Và nếu có thể tìm được một công thức cho cái đẹp, không phải là điều đáng mừng. Song thật là may mắn, cho đến nay chưa có dân tộc nào tự nhận là đã nắm giữ được bí quyết về nghệ thuật.

Đối với người họa sĩ khi hắn ngồi trước giá vẽ, tình tự dân tộc thuộc về lý luận. Vấn đề chính là phải làm cách nào để thể hiện được những xúc động từ cuộc sống, những tình tự từ con người và từ mảnh đất mà hắn đã trưởng thành.

Tình tự dân tộc là sự tự hào của người nghệ sĩ đối với những giá trị của nền văn hóa mà hắn đã được nuôi dưỡng. Đối với hắn nghệ thuật không hiện diện với lịch sử, như một trào lưu chính trị do trí óc hướng dẫn con người vào cái vòng luẩn quẩn của phạm trù trí thức, như một bát quái trận đồ không sao tìm ra lối thoát. Ngôn ngữ của nghệ thuật không phải là ngôn ngữ của trí óc mà chính là ngôn ngữ của tâm thức.

Thật ra ngôn ngữ của tâm thức không còn là ngôn ngữ mà chỉ là sự lặng ngắm đời sống vũ trụ bao quanh con người cùng sự vật thiên nhiên, không lời phê phán. Dù sao thì những điều con người biết được vẫn ít hơn những điều chưa biết. ■

Orléans Mùa đông 95

THUẬT CHIẾU TƯỚNG TRONG THỜI ĐIỆN TỬ CHIẾN

Bàn về sách lược GIÁO DỤC VÕ THUẬT và GIÁO DỤC KỸ THUẬT

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

25 năm sau bom nguyên tử

Năm 1945 bom nguyên tử đã chấm dứt thế chiến thứ hai nhưng lại mở ra cuộc chiến tranh lạnh với cuộc thi đua vũ trang hạch tâm giữa các đại cường Mỹ, Nga, Anh, Tàu, Pháp... Tới năm 1969 khi Mỹ đưa được người lên mặt trăng, cán cân kỹ thuật bắt đầu nghiêng về Mỹ và thế giới bắt đầu một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên kỹ thuật điện tử có tầm quan trọng ngang với cuộc cách mạng kỹ nghệ thế kỷ 18. Điều đáng ghi nhận ở đây là cả hai cuộc cách mạng kỹ nghệ, thế kỷ 18 và thế kỷ 20, đều do Anh Mỹ dẫn đạo; so với Pháp, Đức, Nga..., xã hội Anh Mỹ sản ra nhiều kỹ sư và kinh tế gia hơn là triết gia và văn thi sĩ, đầu óc thực tiễn Anglo đã tránh được những tranh chấp vô bổ về ý thức hệ và ý thức chính trị, chính trường Anh Mỹ rất sát với quản trị kinh tế và phát triển kỹ thuật, không trói buộc cá nhân trong ý hệ hay tín điều, vì thế căn cơ tự do dân chủ rất vững chắc. Lịch sử Anh Mỹ trong mấy trăm năm nay không có độc tài, không có sát phạt đổ máu phe phái, đáng gọi là xã hội thịnh trị hiếm có của nhân loại.

Tuy bị vướng mắc vào hai cuộc chiến ngăn chặn làn sóng đỏ ở Triều Tiên và Việt Nam, Hoa Kỳ đã biết chuyển đổi chiến lược từ 1970 bằng ba phương cách:

- Xẻ đôi thế giới Cộng Sản, vận động ngoại giao với Tầu Cộng,
- Kết hợp các nước kỹ nghệ Âu Châu và Nhật Bản, tiếp viện phát triển các nước ven Thái Bình Dương, tạo khối kinh tế thị trường phồn thịnh toàn cầu vây bọc Cộng Sản,
- Nghiên cứu phát triển kỹ nghệ điện tử điện toán, áp dụng vào vũ khí...

25 năm sau cuộc chinh phục mặt trăng

Chiến lược mới khởi đi từ thập niên 1970 đã toàn thắng. Đây là chiến thắng không đổ máu do ưu thế kinh tế và kỹ thuật đem lại. Tiến bộ vượt bực trong vũ khí điện tử Starwar đã làm kho vũ khí Nga Hoa trở thành lỗi thời, Trung Cộng đã sớm chuyển hướng từ đầu 1980 để cứu vãn kinh tế và giữ thăng bằng chính trị. Nga Xô chậm chạp đổi mới nên tan vỡ từ đầu 1990, vì kinh tế quá trì trệ nên mất thế đứng chính trị ngoại giao.

Nói khác đi trên bàn cờ quốc tế, Hoa Kỳ đã dùng ưu thế kỹ thuật để "chiếu tướng" Nga Xô. Hiểu rõ tương quan lực lượng hẳn là trùm KGB Andropov, ông này đã sửa soạn cho Gorbachev lên làm một thứ Đặng Tiểu Bình của Nga Xô. Nhưng đã quá trễ, ngôi nhà mục rữa 70 năm không đổi mới kịp nên đã sụp đổ. Trung Cộng may mắn hơn, ông Mao triết nhân chết từ 1976, họ Đặng rất thực tế và dân Tàu cũng rất thực tiễn nên ngôi nhà Cộng Sản mục rữa 30 năm (1949 - 79) được canh tân đúng lúc.

Thuật "chiếu tướng" đã làm Xô Viết tan rã, làm con cọp Trung Cộng nằm yên, ưu thế kỹ thuật chiến tranh một lần nữa tiết kiệm được xương máu ở Trung Đông (1991): trước vũ khí tinh anh và máy bay tàng hình Stealth có thể chọn cửa sổ bên phải hay bên trái để phóng hỏa tiễn, Iraq đã không dám động thủ và phải đầu hàng.

Gần đây nhất, thuật *"chiếu tướng"* lại thành công trong việc đẩy Iraq khỏi biên giới Kuwait và đẩy quân phiệt Haiti khỏi chính quyền. Phái đoàn Hoa Kỳ chỉ cần trình bầy tác dụng kinh khủng của vũ khí điện tử cũng đủ làm đối thủ lặng lẽ thu quân cởi giáp (1994).

Xem thế ưu thế quân sự phụ thuộc vào ưu thế kỹ thuật, và ưu thế kỹ thuật lại phụ thuộc vào ưu thế kinh tế. Hai mươi năm trước Nga Xô đã "hụt hơi" trong cuộc đua vũ trang và kỹ thuật, tuy có khả năng sáng chế nhưng kinh tế yếu kém không cung phụng nổi các dự án khoa học, tới mức Nga Xô không thể tiếp tục thi đua được nữa. Từ giữa thập niên 80, chỉ còn Hoa Kỳ giữ thế quán quân, nhưng trong tương lai, Trung Cộng vẫn có thể là mối đe dọa vì Trung Cộng là nước độc nhất có tiềm năng vô tận kinh tế, và do đó, có tiềm năng kỹ thuật và quân sự để đương đầu với Mỹ.

Việt Nam trước thuật chiếu tướng của đại cường

Các nước Đông Á đã và đang trở thành một đại khối kinh tế tiến bộ của thế kỷ 21. Trong vòng 25 năm tới, dân số lên tới 100 triệu, Việt Nam sẽ không còn là một nước nhỏ nhưng vẫn còn là nước nghèo và yếu. Đài Loan và Đại Hàn đi đúng đường

VIÊN PHONG

KHÔNG CẦN NHỚ

Hôm nay chủ nhật phải không ông?
Tôi hỏi một người đi cùng đường.
Dẫy phố, nhiều nhà còn đóng cửa,
Xe qua trên lộ cũng chưa đông.
Cà phê mấy quán riêng từ sớm,
Sắp ghế, kê bàn, đón khách ghiền;
Tôi cũng là người quen, mỗi sáng,
Quán kia đến nhấp một ly đen.
Từ độ không làm công sở nữa,
Thời gian tôi chẳng dõi theo chi;
Thứ hai, chủ nhật hay ngày bẩy,
Có nhớ lầm chăng, chẳng hại gì!
Nhưng, tuy tôi chẳng thời gian nhớ,
Từng phút thời gian vẫn nhớ tôi;
Năm, tháng vẫn làm tròn nhiệm vụ,
Đều ghi thành tích trên muôn người.
Em bé [illegible] thành cô thiếu nữ,
Thanh niên dần tiến tới trung niên,
Tuổi già tiếp đến theo thiên định,
Phá cái thân hình đã đắp nên.
Mái tóc đang xanh dần điểm bạc,
Má đang căn mịn hóa nhăn nheo;
Theo nhau hư mẻ, răng đòi sửa,
Mắt yếu yêu cầu được kính đeo;
Rồi tai bỏ sót lời nghe nói,
Rồi gặp người quen chẳng nhớ tên,
Chữ viết run tay thành mạo chữ,
Chân đi đôi lúc tựa say men.
Thôi thì cứ việc thời gian nhớ,
Ta cứ thời gian chẳng nhớ chi,
Để mỗi sớm mai bình thản đến
Quán kia vui nhấp ly cà phê.

Sài Gòn, 1989

lối phát triển cũng phải mất 25 năm (1950 - 1975) mới bắt đầu bắt nhịp được với các cường quốc kinh tế. Dù có kế hoạch đốt giai đoạn hay nhảy vọt ta cũng không thể bắt kịp Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan, cũng như Thái Lan, Phi, Mã Lai... Việt Nam sẽ ở thế phụ thuộc vào các cường quốc kinh tế Âu Á.

Số vũ khí hiện tại của Việt Nam đã lạc hậu 25 - 30 năm, kinh tế yếu kém không có khả năng mua vũ khí mới hoặc chế tạo quân nhu, vì thế Việt Nam không có móng vuốt quân sự trong hiện tại và tương lai. Lập luận cho rằng Hoa Kỳ có thể bắt tay với Việt Nam để chặn Trung Hoa ở mặt Nam cũng khó vững bởi lẽ chiến lược quân sự từ thập niên 90 trở đi là chiến lược "chiếu tướng" kinh tế, kỹ thuật hơn là chiến tranh diện địa. Với sức tàn phá kinh khủng của vũ khí mới, các đại cường không dại gì nướng quân phí người như trước. Nếu có chiến tranh, Trung Hoa sẽ không tấn công như kỳ 1979 và sẽ dùng vũ khí điện tử phóng vào Việt Nam, chiến cuộc Iraq 1991 là mô thức của loại chiến tranh kiểu mới này. Giả dụ Hoa Kỳ muốn chặn sức bành trướng của Trung Hoa, họ cũng sẽ dùng các loại vũ khí tân kỳ không cần tới bộ binh tiền phong và cũng không nhất thiết cần tới nhân sự Việt Nam.

Cho tới năm 1994, có nhiều lý do để tin rằng thế giới đang bước vào kỹ nguyên hòa bình, điểm nóng cuối cùng ở Trung Đông cũng sẽ dần dần được giải quyết. Trung Hoa cần ít nhất 10 năm nữa để phát triển kinh tế và cải tiến kỹ thuật, nhưng 25 năm nữa hòa bình hay chiến tranh ở Á Đông sẽ nằm trong tay Trung Hoa, một khi Trung Hoa đã trở thành đại cường kinh tế và đạt mức kỹ thuật điện tử cao.

Trong 25 năm tới, trong chiến lược "chiếu tướng" của kỹ nguyên điện tử, Việt Nam chẳng còn lá bài nào để đánh ngoại trừ quay lại thế "sâu rễ bền gốc" của Trần Hưng Đạo, nghĩa là "cha con một lòng" mà kiến quốc, cứu quốc.

Kỹ thuật, kỹ thuật, và kỹ thuật

Kỹ thuật là chìa khóa của văn minh và là bảo đảm cho sinh tồn nòi giống.

Những cao điểm của văn minh Việt đều gắn liền với cao điểm kỹ thuật: văn minh trống đồng, kỹ thuật nỏ thần mũi tên đồng gần 3000 năm trước, đời nhà Trần kháng được Mông nhờ kỹ thuật chế tạo vũ khí (tại trung tâm Vạn Kiếp), thuật đóng cọc xuống lòng sông... nhà Hồ chú rọng tới thực học, nhà Mạc coi trọng công thương...các nhà khác từ Hậu Lê chỉ thiên về từ chương nên Việt Nam cả ngàn năm kỹ thuật vẫn ở mức "con trâu kéo cầy", máy móc không có, dụng cụ nghèo nàn. Nguyễn Ánh không có tàu chiến của người Tây giúp thì không đánh bại được

Tây Sơn, súng Cao Thắng không cản được quân Pháp, trận Điện Biên không thể thắng nếu thiếu 200 cỗ pháo dặt quanh núi. Cho nên nhìn lại lịch sử, xã hội Việt Nam *chậm tiến cính là chậm tiến về kỹ thuật* mặc dù ta vẫn cứ tự hào xưng là văn hiến cao. Các cụ rung đùi ngâm thơ đọc phú nhưng không có kẻ sĩ nào biết chế ra mực tầu giấy hoa, đừng nói tới việc chế biến dụng cụ máy móc. Giới công thương rất hiếm hoi và không được văn hóa Tống Nho chú trọng.

Thế kỷ 20 tuy ảnh hưởng khoa học kỹ thuật Âu Tây có lan rộng nhưng hệ thống giáo dục vẫn coi nhẹ giáo dục kỹ thuật. Số kỹ sư rất ít, số thợ có huấn luyện rất hiếm, ở miền Nam trước 1975 có dăm trường trung học kỹ thuật và một trường kỹ thuật cao đẳng. Nếu cứ nhìn vào tỉ lệ chín lớp Toán và Khoa học thực nghiệm mới có một lớp Văn chương (Trung học đệ nhị cấp) người ta có thể nghĩ kẻ sĩ Việt Nam hướng hẳn về khoa học. Nhưng khoa học và kỹ thuật tuy gần mà xa nhau. Khoa học vẫn nghiêng về luận lý, có khi trừu tượng, kỹ thuật mới đúng là "làm" bằng óc và tay. Từ khoa học nguyên tử tới kỹ thuật chế bom là một chặng đường rất dài, đòi hỏi các loại chuyên môn khác nhau. Việt Nam từ mấy thế hệ nay có khoa học gia nhưng thiếu hẳn kỹ thuật gia, cấp cao, cấp trung, và cấp thấp.

Viện Kỹ Nghệ, Kinh Tế và Thương Mại Đại Hàn (KIET) đưa ra con số sau đây: cứ 100,000 người Đại Hàn thì có 80 kỹ sư, ở Nhật là 41/100,000. Nhờ khối kỹ sư đông đảo, Đại Hàn đã đủ nhân lực để vận chuyển guồng máy đại kỹ nghệ ngang hàng với các cường quốc kinh tế khác.

Nhưng ở Việt Nam vì tinh thần từ chương đã bén rễ quá lâu nên cần có một cuộc CÁCH MẠNG GIÁO DỤC mới mong chuyển hóa được xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Cuộc CÁCH MẠNG GIÁO DỤC có thể bắt đầu bằng cách *biến ít nhất 50% các trường tiểu học và trung học thành trường tiểu học và trung học kỹ thuật*, chương trình học nhằm huấn luyện trẻ em và thiếu niên biết nghĩ chính xác, biết nhìn chính xác, và biết làm chính xác. Hãy tập cho trẻ em biết đóng một cái đinh cho chắc, biết cắt một tờ giấy cho ngay... giờ **thủ công** coi nhẹ khi xưa phải được đặt nặng, từ đấy lên tới trung học kỹ thuật học sinh có thể vừa học vật lý vừa tập chế xe đạp, bàn là, quạt điện v.v..., và dĩ nhiên có các chương trình huấn luyện về điện tử, điện toán. Số học sinh khổng lồ này học lên thành kỹ sư các ngành, bỏ ra đi làm có nghề trung cấp trong các ngành công kỹ nghệ. Trong khoảng hai mươi năm, không những có đủ số kỹ sư, số thợ, số cai thợ, mà còn chuyển hướng xã hội về công kỹ nghệ là hướng tất yếu để tồn tại và cạnh tranh trong thế giới mỗi ngày kỹ thuật tràn ngập đời sống hàng ngày, từ thành thị đến thôn quê.

Số trường còn lại 50%, cũng phải được chuyển sang thực học, khoa học nhân văn hoặc khoa học thực nghiệm với *chủ hướng huấn nghiệp* hơn là cung cấp kiến thức tổng quát trên trời dưới đất. Giáo dục thực tiễn này sẽ đào tạo ra một lớp trí thức thực tế, trọng lao động, những "con ong thợ", những con kiến xây đắp, hơn là những trí thức xa lông, viển vông tranh cãi, chỉ đưa xã hội tới loạn động hoặc bất động vì ai cũng nghĩ mình là "ong chúa" trong tháp ngà.

Ảnh hưởng từ chương của Tàu, ảnh hưởng trí thức Pháp, đã không giúp Việt Nam tiến bộ. Ngược lại ảnh hưởng Anh, Mỹ đã giúp nhiều nước thoát cảnh chậm tiến, nguyên do là nền giáo dục Anh Mỹ trọng làm hơn nói, trọng tay hơn đầu, đó là nền giáo dục cộng đồng đại chúng uyển chuyển theo nhu cầu thời đại và địa phương. Kết quả là xã hội có những bàn tay xây dựng, từ trên xuống dưới đều lao động trí óc và tay chân, không mấy ai còn thì giờ để hí luận vọng động. Xã hội vì thế được ổn định, ai cũng an cư lạc nghiệp nên sự ghen ghét sân hận giai cấp được giảm thiểu tối đa, *tầng lớp trung lưu chuyên nghiệp (professionals, middle class) càng lớn thì xã hội càng bớt xáo trộn, tầng lớp trí thức không tưởng và chính trị gia chuyên nghiệp càng ít thì xã hội càng bớt phiêu lưu.* Những xáo trộn của chính trường Pháp, Ý trong những năm 60, 70 đã bớt dần dần từ thập niên 80 chính là nhờ ở sự chuyển hướng xã hội sang nền kinh tế đại thị trường với kỹ thuật điện tử, tạo ra một lớp chuyên viên và trung lưu đông đảo. Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan... và gần đây, Trung Cộng, đã và đang đi theo chiều hướng ổn định này. (Tầng lớp trung lưu ở Mỹ, Tây Âu được ước lượng là 80% dân số, ở Viễn Đông và Nam Á là 8 - 11%).

Để chuyển hướng xã hội chậm tiến Việt Nam

Sức mạnh của xã hội Việt phụ thuộc vào sức mạnh thể xác và tinh thần của người dân, vì thế trọng tâm đại kế kiến quốc phải là:

1.**Quốc sách Dưỡng Sinh và Giáo dục Võ Thuật**

Bồi dưỡng cơ thể thiếu dinh dưỡng, chú trọng tới dinh dưỡng mẫu nhi để bảo đảm sức khỏe cho thế hệ tương lai. Nâng cao y tế đại chúng, vệ sinh thành thị và nông thôn, diệt trừ ô nhiễm môi sinh.

Thể dục và VÕ THUẬT cần trở thành môn học bắt buộc từ lớp một tới lớp 12. Chính tinh thần thể thao và tinh thần võ đạo là chìa khóa lành mạnh hóa xã hội, là động cơ chuyển vận con người về hướng thiện, thẳng thắn, trung thực, khác hẳn với tinh thần "cạo giấy, mọt sách, mưu mô thủ đoạn..." Thể xác lành mạnh tạo trí lự lành mạnh, nâng cao năng suất làm việc... Xã hội trọng võ thuật đời Lý, Trần, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ (thể thao)... có thể minh chứng cho lập luận trên.

2. **Quốc sách Giáo dục kỹ thuật**

Chuyển 50% các trường tiểu học và trung học (từ lớp 1 đến lớp 10) thành trường Kỹ Thuật, 50% còn lại thành trường Huấn nghiệp Cộng đồng dựa trên nhu cầu địa phương. Kiến thức tổng quát được giảng dạy song song nhưng phần áp dụng thực tế phải là trọng điểm sư phạm.

Lớp 11, 12 dành cho các môn học nhiệm ý dự bị Đại Học, nhờ thế chương trình Đại Học có thể rút ngắn và tập trung vào các môn chuyên khoa chuyên nghiệp. Một số trường nhỏ có thể dành riêng cho các học sinh có năng khiếu thiên tài.

Giáo dục kỹ thuật là trường kế để chuyển đổi sang kinh tế thị trường, là thế "sâu rễ bền gốc" nếu muốn có một xã hội vững chắc để sản xuất và cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật điện tử toàn cầu. Ngoài ra nền giáo dục kỹ thuật cũng tạo được một thế hệ mới, có đầu óc thực tiễn lành mạnh tri hành hợp nhất hơn là không tưởng từ chương.

a/ Các nước Á Đông hiện tại đang ở thời điểm thuận lợi để hợp tác phát triển. Các nước đều hiểu rằng đại thị trường chỉ phồn thịnh nếu các nước đều có hàng hóa trao đổi, nước nghèo quá lấy đâu ra mãi lực tiêu thụ. Vì thế Việt Nam sẽ có bàn đạp để đồng tiến, thoát dần cảnh nghèo khó chậm tiến. Nhưng Việt Nam phải sửa soạn thật kỹ cho giai đoạn sau: Giai đoạn cạnh tranh trên thị trường quốc tế. *Giáo dục kỹ thuật bảo đảm cho giai đoạn cạnh tranh* tất yếu này.

b/ Cuộc cách mạng điện tử có hai đặc điểm là *tốc độ* chuyển biến và thay đổi *nhiên liệu*. Lấy Đại Hàn làm thí dụ: nhờ phát triển vào đúng thời điện tử, Đại Hàn đã tiến rất nhanh, chỉ cần 20 năm đã trở thành cường quốc kỹ nghệ trong khi Nhật Bản mất 100 năm (1860 - 1960) để canh tân kỹ thuật. Tiến nhanh mà không nhất thiết phải giàu nhiên liệu vì kỹ thuật điện tử mở ra một chân trời mới với *"nhu liệu" làm mất thế độc diễn của nhiên liệu.* Nguyên tử năng, xe hơi chạy điện... trong những thập niên tới sẽ làm dầu khí bớt tầm quan trọng huyết mạch trên trường kinh tế thế giới. Giả dụ kỹ thuật tân tiến thế kỷ 21 có thể dùng năng lượng vô tận từ mặt trời, từ nước biển... thì hệ thống tư bản dựa trên mỏ dầu/vàng đen sẽ bị thay đổi từ gốc rễ và có thể tan rã.

Giáo dục kỹ thuật toàn diện sẽ giúp Việt Nam nắm được tốc độ cải tiến và nắm lấy chiều hướng kỹ thuật tân kỳ tạo thế đứng quốc tế.

c/ Các cuộc cách mạng xã hội xưa nay trong lịch sử phần nhiều là các đột biến tranh giành phe phái, thay chúa đổi ngôi hơn là cải hoán gốc rễ xã hội. Nước Anh không cần hủy bỏ quân chủ mà vẫn có dân chủ trước nước Pháp, nước Nga thay thế phong kiến này bằng loại phong kiến khác, nước Tàu cách mạng văn hóa để thụt lùi... Xét ra chỉ có *cách mạng giáo dục kỹ thuật mới tạo được lớp người mới, xã hội mới*, vừa hợp với trào lưu thế giới, vừa hợp với khung cảnh phức tạp của chính trị nước nhà. Cuộc cách mạng này không nhằm triệt tiêu cơ cấu nào, không cần phá đổ hệ thống nào, mà là cuộc chuyển hoán trường kỳ, tự nhiên, thúc đẩy mọi xu hướng, toàn dân vào lề lối sinh hoạt mới trong vòng 20 năm. Đây không phải là xu hướng tôn thờ máy móc cơ tâm, đây là trào lưu thế giới giúp con người thoát ly bệnh mọt sách, tôn thờ giáo điều, tôn thờ lãnh tụ. Càng hướng về "làm" bao nhiêu, óc khoa bảng và không tưởng càng bớt đi bấy nhiêu; càng hướng về "kỹ thuật" bao nhiêu, tri thức càng bén nhậy và chính xác bấy nhiêu. *Đạt tới mức xã hội kinh tế phát triển, kỹ thuật tân tiến, những căn bệnh chậm tiến tự nó sẽ bớt dần và xã hội sẽ được ổn định lâu dài.*

*

Nếu theo đúng triết lý giản dị thực tiễn của tổ tiên: "tay làm hàm nhai", "có thực mới vực được đạo", lo việc "ăn ở" trước lý này thuyết kia, thì ta cũng chẳng thua gì óc thực tiễn của người Anh, người Mỹ. Đằng này ta cứ mê mải những lý rắc rối, những thuyết cao siêu, rút cục bỏ mất cái óc bình dị (common sense) chỉ đạo cho kinh tế, chính trị, xã hội. Chìa khóa của văn minh là phát triển kỹ thuật, đó là kế "chiếu tướng" và "phản chiếu tướng" trong kỷ nguyên điện tử và đấy cũng là *con đường sinh tồn* của dân Việt trong thời đại khoa học máy móc tân kỳ này.■

Thanksgiving 1994

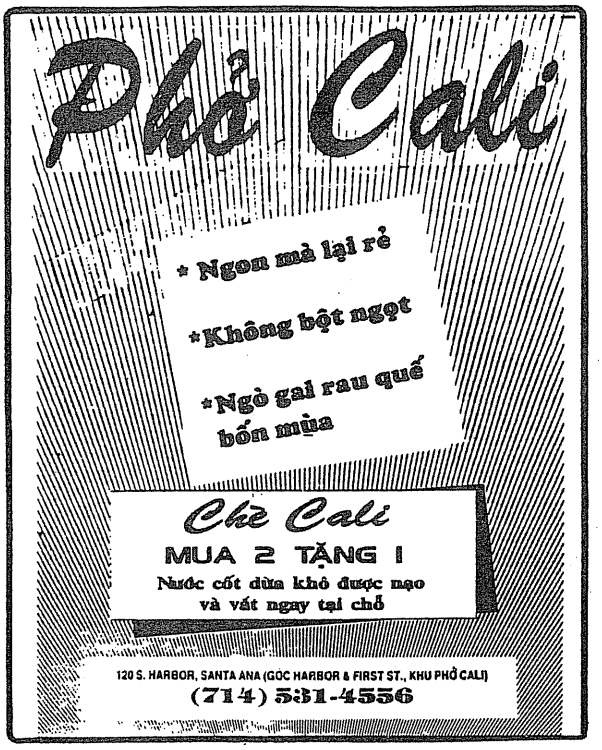

GIẤC MỘNG CON NĂM 2000

NGÔ THẾ VINH

Khung cảnh nhân vật chỉ là cái cớ và là hư cấu của tiểu thuyết.

CÂU CHUYỆN CUỐI NĂM. Người đàn ông nông dân ấy gốc lính cũ, hai mươi năm sau đã bước vào tuổi trung niên, chưa tới tuổi năm mươi nhưng cuộc sống lao động lam lũ khiến anh ta trông xanh xao và già xọm. Anh mất một bàn chân trái khi đã mãn lính do đạp phải mìn ngay trên ruộng nhà. Không cần là bác sĩ cũng biết là anh ta mang trên người đủ thứ bệnh tật: thiếu ăn suy dinh dưỡng, sốt rét kinh niên và thiếu máu. Tất cả sinh lực và nhân cách của anh là nơi đôi mắt sáng tuy hơi buồn nhưng luôn luôn nhìn thẳng vào mặt người đối diện.

Hôm nay anh tới đây vì một lý do khác. Một mảng đen bầm nơi lưng không đau rỉ nước vàng từ bấy lâu, trị cách gì cũng không hết. Chầu trực lên trạm y tế huyện được y sĩ cách mạng cho ít viên thuốc tây, rồi đến thầy đông y cho bốc thuốc nam và cả châm cứu nữa mà bệnh thì vẫn không chuyển trong khi người anh cứ gầy rốc ra. Nay nghe có đoàn y tế thiện nguyện ở ngoại quốc về, anh cũng muốn tới thử coi, biết đâu anh lại được gặp ông thầy cũ — người y sĩ trưởng của anh năm nào. Và rồi anh chỉ gặp toàn những khuôn mặt trẻ lạ, nhưng anh vẫn cứ đưa lưng ra cho người ta khám.

Một tiếng ồ rất đỗi kinh ngạc của cả toán. Tim người bác sĩ trẻ trưởng đoàn như lạc một nhịp. Không cần một chẩn đoán phức tạp Toản nhận ra ngay đây là một dạng ung thư mêlanin ác tính — malignant melanoma, chắc chắn với di căn đã tràn lan. Dĩ nhiên căn bệnh có thể trị khỏi nếu phát hiện sớm; nhưng trường hợp này cho dù với phương tiện tiên tiến nhất trên đất Mỹ cũng đành bó tay. Chẳng phải là người bệnh mà là người thầy thuốc trẻ nói giọng buồn bã: Oạng tới trễ quá, lẽ ra bệnh có thể trị khỏi...

Bệnh nhân không tỏ vẻ bối rối, anh vẫn nhìn thẳng vào mặt người thầy thuốc, ánh mắt tím thẫm xuống vừa giận dữ vừa nghiêm khắc: Tới trễ? Chỉ có bác sĩ các ông là NHỮNG NGƯỜI TỚI TRỄ chứ tôi cũng như mọi người dân vẫn ở đây từ bao giờ... Dứt khoát không chờ đợi một điều gì thêm ở đám thầy thuốc xa lạ ấy, anh quay lưng bước ra khập khễnh trên đôi nạng tre mắt vẫn nhìn thẳng về phía trước, khắc khổ cam chịu và vẫn can trường như một người lính thuở nào.

*

Hội nghị Y sĩ Thế giới lần thứ 5 sẽ là một Đại hội Y Nha Dược. Với Chính đó là một tin vui biểu hiện sức mạnh đoàn kết của ngành y ở hải ngoại. Buổi họp cuối cùng ở Palo Alto kết thúc quá nửa khuya, sáng hôm sau như thói quen của người có tuổi, Chính vẫn dậy rất sớm chuẩn bị cho một ngày đi Las Vegas thăm con. Chỉ còn mấy tháng nữa Toản — đứa con trai lớn của Chính, hoàn tất bốn năm Thường trú Giải phẫu tổng quát. Sau đó nó sẽ đi New York học tiếp thêm 4 năm về giải phẫu bổ hình. Một ngành mà đã có lần Toản cho là một số các bác bạn của ba đã tha hóa — *prostitution of plastic surgery*, biến thành kỹ nghệ sửa sắc đẹp nâng mũi đệm mông.

Toản khỏe mạnh, cao lớn hơn bố, sống như một thanh niên sinh đẻ ở Mỹ, rất năng động xông xáo trong công việc cũng như giải trí vui chơi; suy nghĩ và hành động đơn giản. Không phải chỉ cách suy nghĩ mà cách đặt vấn đề của tụi nó cũng khác xa với thế hệ của Chính. Sinh đẻ ở Việt nam sống ở nước ngoài, là công dân hạng nhất hay hạng hai, chưa bao giờ là một "issue" đối với nó.

Tuy chỉ có một ngày để cho hai bố con gặp nhau hàn huyên, nhưng Toản vẫn lái xe đưa bố lên một khu trượt tuyết rất xa khu giải trí Las Vegas. Toản tâm sự với bố là không phải tình cờ mà nó chọn đi về chuyên khoa bổ hình mà chủ yếu là phẫu thuật bàn tay. Chẳng phải chỉ vì Toản có tâm hồn nghệ sĩ, là tay chơi guitare classique có hạng mà nó biết quý bàn tay của nó. Với Toản chức năng đôi bàn tay là một biểu tượng vô cùng quý giá của cuộc sống lao động và nghệ thuật. Khác với bố và các bạn đồng lứa, Toản may mắn được trời cho đôi bàn tay vàng. Oạng giáo sư dạy Toản đã phải thốt ra như vậy. Trong mọi trường hợp từ thông thường tới những "cas" mổ đầy thử thách, qua từng nét rạch đường cắt rất tiết kiệm, trường hợp nào cũng được đánh giá như là đạt tới mức nghệ thuật — "*state of art*".

Từ lâu Toản đã bị thuyết phục bởi tên của một bác sĩ chỉnh hình Anh Paul Brand, phục vụ tại Aãn độ, người mà không phải chỉ với tài năng mà còn cả với niềm tin và sự tận tụy can đảm đã có nhiều cống hiến to lớn trong lãnh vực phẫu thuật phục hồi bàn tay cho người bệnh Hansen, đem lại hy vọng cho hàng triệu người bệnh trên khắp thế giới. Toản đã thích thú theo dõi các công trình của Brand trong suốt bốn thập niên qua. Gần đây Toản cũng đã vô cùng xúc động khi lần đầu tiên được đọc một cuốn sách tiếng Việt xuất bản ở hải ngoại của một linh mục nói về thực trạng bi thảm của những những trại cùi ở quê nhà nhất là ở miền Bắc. Toản tâm niệm sẽ không phải Brand hay một bác sĩ ngoại quốc nào khác mà là chính Toản và các bạn sẽ là thành viên của Chiến dịch Phục hồi Hy vọng — Mission Restore Hope. Toản mơ một giấc mơ năm 2000, bệnh Hansen không còn là vấn đề y tế công cộng nơi quê nhà.

Toản tâm sự với bố là gần đây đã liên tiếp nhận được những thư và các cú điện thoại mời mọc từ Colorado, Boston, Houston để về làm việc tại Á châu, ưu tiên là ở Việt nam với những điều kiện hết sức là hấp dẫn: lương khởi đầu 6 digits nghĩa là trên trăm ngàn đô la một năm, đi kèm theo bao nhiêu những bảo đảm quyền lợi khác kể cả không phải đóng thuế khi làm việc ở hải ngoại. Toản có thái độ dứt khoát: nếu chỉ vì mục đích làm giàu, con chẳng cần phải trở về Việt nam. Họ cũng cho con biết đã có những phái đoàn Bác sĩ Mỹ gốc Việt, không phải chỉ có nhóm lớn tiếng ồn ào như Lê Hoàng Bảo Long mà còn những toán khác "có đầu óc hơn" âm thầm lặng lẽ đi về chuẩn bị cho mạng lưới y tế thị trường này. Cơ sở đầu tiên sẽ là bệnh viện Thống Nhất, sẽ được tân trang và up-grade đúng tiêu chuẩn Mỹ và bác sĩ hoàn toàn được đào tạo tại Mỹ. Không có gì thay đổi là bệnh viện ấy vẫn ưu tiên điều trị cho các cán bộ cao cấp. Chỉ có khác và "đổi mới" cho phù hợp với kinh tế thị trường, đây còn là nơi chữa trị cho khách ngoại quốc có bảo hiểm giàu tiền bạc thuộc bốn biển năm châu. Nam Triều tiên có, Tàu Đài Loan có Tàu Hồng kông có, Mỹ Pháp, UÔc Gia nã đại, có đủ cả. Làm sao bảo đảm sức khỏe cho họ với tiêu chuẩn cao nhất để họ yên tâm khai thác làm ăn và cả hưởng thụ trên khắp ngõ ngách của Việt Nam từ ải Nam quan cho đến mũi Cà mau . Và đây cũng là món lợi nhuận béo bở không phải chỉ có các hãng bảo hiểm Mỹ đang muốn nhảy vào mà phải kể tới đám bác sĩ Mỹ gốc Việt cũng đang nao nức rất muốn "về giúp Việt Nam."

Chưa qua tuổi 30, Toản suy nghĩ trong sáng độc lập và tự tin trên bước đường dấn thân của nó. Không hẳn là Chính đã đồng ý , nhưng lại rất hiểu tính cứng cỏi độc lập của con, Chính không muốn có lần đụng độ thứ hai giữa hai bố con. Chính tạm yên tâm khi thấy con mình cho dù với chọn lựa nào cũng thôi thúc bởi những động lực trong sáng, nó không thể lẫn vào đám bọn người cơ hội. Và theo một nghĩa nào đó, Chính thấy hơi ganh tỵ với tuổi trẻ và sự cả tin đến trong suốt của con; rồi cho đó như một ý nghĩ kỳ quái anh lắc đầu tự mỉm cười khi một mình lái xe đổ dốc trên con đường về...

Hơn một lần viếng thăm Cali, nhưng mỗi chuyến đi đều đem lại cho Chính những cảm tưởng đổi mới của những cộng đồng Việt nam rất sinh động. Thay vì chỉ hơn một giờ bay, Chính đã quyết định thuê một chiếc xe của hãng Hertz từ phi trường, đích thân lái từ Palo Alto về tới Little Saigon. Chuyến đi hướng về một thành phố trẻ trung của tương lai nhưng cũng lại là một cuộc hành trình ngược về quá khứ nhìn lại khoảng thời gian đã mất. Anh nghĩ cho dù trong bối cảnh lạnh lùng của thực tế chính trị, đương đầu với những vấn đề của Việt nam tương lai ở ngưỡng cửa thế kỷ 21, không phải chỉ có vận dụng bộ óc mà phải là sự hoà hợp với rung động của con tim. Quỷ dữ không chỉ là bóng ma cộng sản mà ngay chính cõi lòng sao vẫn cứ chai đá của chúng ta.

Tuy chỉ là câu nói đùa của Thiện nhưng sao vẫn cứ ám ảnh Chính mãi. Rằng nếu có tên quá khích điên khùng bắn chết Lê Hoàng Bảo Long, chắc Little Sài gòn sẽ buồn bã biết chừng nào. Chắc rồi cũng phải tìm cho ra một Lê Hoàng Bảo Long thứ hai.

Không có chống cộng thì còn đâu là sự sinh động của Little Saigòn. Chỉ có điều cộng sản thì ẩn hiện, lúc nào mục tiêu cũng di động và xảo quyệt, vô hình chung bọn chúng đã khiến các tay xạ thủ chống cộng cũng di chuyển để rồi tự nguyện sắp theo đội hình vòng tròn tự lúc nào và dĩ nhiên ngay từ loạt súng đầu tiên tổn thất có thể kiểm kê được là nơi chính các đồng bạn... Chính có dự định sẽ gặp Thiện — tác giả của Project 2000, nhằm kết hợp toàn y giới ở hải ngoại mà Chính cho là táo bạo và hấp dẫn với quan niệm "vận dụng và chuyển hoá tài lực của thế giới thành tài lực của Việt Nam, khai thông những hưng thịnh của thế giới chuyển đổ về quê hương, thực hiện vận mạng

Việt nam bằng những phương tiện của thế giới''...

Dự trù hình thành một tổ hợp vô vị lợi, mỗi y nha dược sĩ đóng 2000 mỹ kim như một phần khấu trừ thuế rất nhỏ trong phần thuế khóa rất lớn mà họ đóng góp hàng năm trên các vùng đất tạm dung đang cưu mang họ, thì với một ngàn người tham gia số tiền hành sự đã lên đến 2 triệu đô la tiền mặt, với tiềm năng ấy thì không có việc gì mà Hội y nha dược Thế giới không làm được, từ đáp ứng tức thời như cứu trợ đồng bào nạn nhân trong bạo loạn ở Los Angeles, nạn nhân bão lụt thiên tai ở đồng bằng sông Cửu Long, đến các công trình dài hạn như xây dựng Convention Center - Nhà Văn hoá Công viên Việt Nam cạnh thủ đô Little Sài gòn, tham gia dứt điểm một dự án y tế của OMS thanh toán bệnh Hansen ở Việt nam vào năm 2000...

Chính thấy rằng chỉ ngay trong trái tim Tiểu Sài gòn ấy giữa đa số thầm lặng đã có biết bao nhiêu người có lòng có cái tâm thành: ông Đại tá chỉ huy đơn vị cũ với thành tích 14 năm tù mới sang được tới Mỹ trong tình trạng sức khỏe suy kiệt chẳng biết lo thân đã ngồi viết ngay thư đầu tiên liên lạc với Chính yêu cầu anh với uy tín sẵn có giúp ông vận động dựng lại được bức tượng Thương Tiếc để mọi người không quên những người lính đã chết. Tiến, người bạn đồng môn, gốc tráng sinh Bạch Mã chỉ có hai niềm say mê: phục hồi phong trào Hướng Đạo Việt nam tại hải ngoại cho giới trẻ và thiết lập một bệnh viện Việt nam đầu tiên trên đất Mỹ. Nguyễn lớp đàn anh của Chính, tuổi ngót 60 rồi mà vẫn còn độc thân, vẫn bền bỉ trong bấy nhiêu năm liền là người bạn thiết tận tụy của thuyền nhân và cũng là thầy thuốc miễn phí của giới văn nghệ sĩ các gia đình HO. Liên một bác sĩ muộn màng mới từ đảo qua đang sống mái ngày đêm đèn sách để trở lại hành nghề nhưng vẫn tích cực mơ ước thực hiện một tượng đài vĩ đại Mẹ Bồng Con lao vào đại dương theo nước non ngàn dặm ra đi — biểu tượng cho một cuộc di dân khổng lồ của 2 triệu người Việt đi khai sinh một siêu Việt nam trong lòng thế giới... và còn biết bao nhiêu, bao nhiêu những điển hình và ý nghĩ tốt đẹp khác nữa, vậy mà — Chính tự hỏi, tại sao anh và các bạn vẫn lạc nhau trong bóng đêm của ''kiêu khí, đố kỵ và mê chướng,'' lại vẫn theo ngôn từ của Thiện.

TRẦN HỒNG CHÂU

ANH CÒN GÌ CHO EM?

Lãn Ông có mua nổi chiếc áo quan
Vàng tâm
Cho người tình xưa cũ?
Từ Hồng Châu đến
Bốn mắt nhìn nhau...

Anh còn gì cho em?
Mấy vần thơ
Cánh hoa chết
Từ sóng thần yêu mê

Nơi em ở ngoài xa vắng
Chiếu chăn có lạnh không
Bếp nước có đỏ lửa không
Hồ Gươm liễu có còn xanh
Em có còn khóe mắt nhung mềm
Em có còn mái tóc dài chảy xuôi?

Người ta bảo bên kia đèo Ngang
Chẳng còn lấy một bàn tay búp măng!
Chẳng còn gì!

Hôm nay đốt đuốc đi tìm
Nổi trôi định mệnh
Hạt cát biển đông
Cuồng lưu
Cuồng phong
Bến bờ lịch sử
Anh cúi đầu
Nuốt từng giọt đắng!

Nghĩ đến bình minh nụ cười em
Cổ tích
Vùi sâu
Mùa gió bụi
Dưới lớp địa tầng hồi tưởng
Anh thầm xót thương cho ánh trời hồng

Anh còn gì cho em?

Ghi chú: Trong *Thượng Kinh Ký Sự*, Lãn Ông Lê Hữu Trác có tâm sự về một mối tình xưa rất riêng tư, điều thường ít khi được các tác giả cổ điển đề cập tới. Khi tái ngộ ông đã hỏi thăm cố nhân có cần gì giúp đỡ thì nàng cho biết nếu sau này gửi cho được một cỗ hậu sự bằng gỗ tốt châu Hoan thì xin đội ơn.

Hồng Châu nay là một phần Hải Dương và Hưng Yên, thuộc Sơn Nam Thượng, vốn là quê Lê Hữu Trác, nhưng ông lại sống nhiều ở quê mẹ, nơi ông qui ẩn, vùng Hương Sơn, Hà Tĩnh.

Bao nhiêu chục năm rồi, Chính vẫn là con người trăn trở, vẫn là trí thức chứng nhân của những bi kịch của một thời nhiễu nhương và lừa dối hào nhoáng. Giữa rất nhiều ồn ào và tiếng động của ngôn từ sa đọa và những thực tế chính trị giả dối, nhiều lúc Chính cũng muốn tĩnh lặng, từ bỏ những suy nghĩ khúc mắc, chỉ làm khổ chính anh và cảm tưởng như cũng chẳng ích gì cho ai; nhưng như vậy thì anh đâu còn là Chính nữa. Trước sau anh vẫn là anh, con người của xác tín. Dùng ngôn từ cu 80a điện toán, thì con người anh đã được thảo chương - programmed, chẳng thể nào mà nói đến chuyện đổi thay, chỉ có thể anh sẽ nhạy cảm hơn, chấp nhận đối thoại với những khác biệt mà anh tin rằng vẫn có thể có đoàn kết, cho dù đó là một liên kết nhiều màu sắc — rainbow coalition, và theo anh sự đa dạng chính là chất men của sáng tạo.

Anh hiểu rằng số người còn theo và ủng hộ anh ngày càng ít đi. Không ra mặt chống anh nhưng họ tách ra và mỗi người chọn đi theo hướng riêng của họ. Riêng anh chắc hẳn rằng trong suốt phần cuộc đời còn lại, anh sẽ vẫn cứ đi trên con đường thẳng băng đã vạch ra cho dù quạnh quẽ. Sự mau quên và thỏa hiệp của những người Việt hải ngoại — mà anh cho là thương tổn tới nhân cách chính trị và quyền tỵ nạn của họ, cộng thêm với sự vui mừng quá độ của người dân trong nước trước những điều được gọi là "đổi mới" chỉ làm cho anh thêm đau lòng. Rồi ra ai thì cũng tìm cách thích nghi để mà tồn tại, cuộc sống ngổn ngộn bản năng thì vẫn cứ dễ dàng thay da đổi màu và bừng bừng đi tới. Số rất ít người cứng rắn nguyên tắc và nhất quán như anh hình như đang có nguy cơ trở thành một chủng loại hiếm hoi sắp bị tiêu diệt — endangered species. Chính còn lại bà mẹ già bên Việt nam, mái tóc đã trắng bạc như sương. Anh mơ một giấc mơ đơn giản, cũng chỉ mong đất nước thanh bình để kịp về thăm mẹ, về thăm ngôi làng cũ, ngắm đàn trẻ thơ nô đùa nơi sân trường làng, và hạnh phúc biết bao nhiêu khi được trở lại khám bệnh chăm sóc cho những nông dân thân thuộc bao giờ cũng đôn hậu và chất phác mà y phí có khi chỉ là một nải chuối ít trái cây hay mấy hột gà tươi. Ước mơ có gì là cao xa đâu nhưng sao vẫn ở ngoài tầm tay và có vẻ như còn rất xa vời. Bởi vì anh vẫn dứt khoát tự nhủ lòng mình anh sẽ không thể và không bao giờ trở lại quê hương như một kẻ bàng quan, một khách du lịch hay tệ hơn nữa như một tên mại bản với vênh vang áo gấm về làng. Mặc dầu rất muốn gặp mẹ nhưng anh vẫn không thể na 179o về với tâm cảnh và ngoại cảnh bây giờ.

Kể từ giữa thập niên 70, cùng với sự xụp đổ của miền Nam, là một làn sóng ồ ạt dân tỵ nạn Đông Dương rải ra khắp nước Mỹ, nhưng đông đảo nhất vẫn là tiểu bang Cali. Khó khăn của những người tới sớm không phải là ít. Từ ngoài các căn cứ Pendleton, Fort Chaffee không phải chỉ có những bảo trợ người Mỹ giàu lòng bác ái tới giúp đỡ họ mà cả không thiếu những người địa phương kỳ thị thù ghét trù ẻo và muốn đuổi họ về nước. "We Don't Want them, May They Catch Pneumonia And Die.....". Và trong đám người tỵ nạn ấy đã có các đồng nghiệp của Chính. Cho tới nay con số bác sĩ Việt nam lên tới 2000 chỉ riêng ở Mỹ, chưa kể một số không ít khác sống ở Canada, Pháp và Úc châu và một số nước khác. Hơn 2500 bác sĩ trên tổng số 3000 của toàn miền Nam đã thoát ra khỏi xứ, không khác một cuộc tổng đình công của toàn ngành y tế, liên tục kéo dài từ 75 tới nay.

Chính cũng biết rất rõ anh là một trong số ít người đã vận động và lãnh đạo một cách có hiệu quả cuộc đình công dài bất tận một cách không tiền khoáng hậu ấy. Chính sẽ lần lượt ghé thăm: San Jose thung lũng điện tử hoa vàng, Los Angeles thành phố thiên thần nhưng lại sắp kết nghĩa với thành phố mang tên Hồ chí Minh, Orange County thủ đô tỵ nạn chống cộng với Sài gòn Nhỏ và San Diego nơi nổi tiếng khí hậu tốt nhất thế giới — đều là những nơi có đông đảo người Việt, và con số ấy tiếp tục gia tăng không phải chỉ bởi những người mới tới; mà còn do hiện tượng "di dân lần thứ hai" của những người Việt đã tới sinh sống ở những tiểu bang khác, cuối cùng rồi cũng lựa chọn trở về Cali nơi có nắng ấm, có khí hậu nhiệt đới giống Việt Nam như ở Đà lạt, họ nói với nhau như thế.

Tiêu chuẩn hoá, đó là đặc tính rất Mỹ. Thành phố lớn nhỏ nào ở Mỹ thì cũng rất giống nhau, với những trạm săng, các siêu thị và những tiệm fast food Mac Donald. Đi vào những phố chợ Việt nam sầm uất ngay trên đường Bolsa là thấy những tiệm phở, các siêu thị lớn nhỏ, phòng mạch bác sĩ, hiệu thuốc tây, các văn phòng luật sư và dĩ nhiên cả những tòa báo.

Các đồng nghiệp của Chính đã có mặt ngay từ đầu trong số đông đảo những người tới sớm. Họ biểu tượng cho một tập thể trí thức khoa bảng, được sự giúp đỡ của chương trình tỵ nạn như mọi người, đa số đã mau chóng trở lại hành nghề trong những điều kiện hết sức thuận lợi. Sau đó phải chi ai cũng có trí nhớ tốt về những cảm xúc đầu tiên khi dứt bỏ hết mọi thứ bất kể sống chết ra đi. Chính còn nhớ như in về những ngày ở trên đảo, Ngạn đã nhiều lần tâm sự là chỉ mong có ngày đặt chân tới Mỹ anh chẳng bao giờ còn mơ ước tới một nơi nào xa hơn nữa, cũng chẳng hề có cao vọng trở lại nghề cũ mà hạnh phúc nếu có là được hít thở không khí tự do, được sống như một con người và được khởi sự lại từ đầu, gây dựng mái gia đình bằng sức lao động của tay chân, hy sinh cho tương lai thế hệ những đứa con. Nhưng sự thể lại tốt hơn với mong đợi, chính Ngạn bằng trí thông minh nghị lực làm việc và dĩ nhiên cả may mắn nữa, chỉ trong một thời gian ngắn anh là một trong số những người trở lại hành nghề rất sớm.

Là bác sĩ ở Mỹ có nghĩa là đã thuộc vào thành phần xã hội trung lưu trên cao, địa vị hoàn cảnh của họ là ước mơ ngay cả đối với rất nhiều người dân Mỹ bản xứ. Nhưng Ngạn và một số người khác đã không dừng lại ở đó. Và điều gì phải đến đã đến. Hậu quả là một cuộc ruồng bố được mệnh danh là "gian lận y tế lớn nhất trong lịch sử tiểu bang Cali". Để trở thành tin tức hàng đầu nơi trang nhất của báo chí và các đài truyền hình khắp nước Mỹ.

Mới chín năm từ ngày sụp đổ cả miền Nam đang còn là một cơn ác mộng chưa nguôi, biến cố tháng Hai 84 là một cơn mộng dữ thứ hai nhưng với bản chất hoàn toàn khác. Chưa bao giờ hai chữ Việt Nam lại được nhắc tới nhiều như thế trong suốt tuần lễ. Cũng chưa bao giờ quá khứ bị đối xử tàn nhẫn đến như thế. Cảnh tượng hàng loạt bác sĩ dược sĩ trong đó có Ngạn bị các cảnh sát sắc phục còng tay ngoài đường, bêu trước nắng gió đã bị báo chí Tivi Mỹ khai thác triệt để. Ai cũng cảm thấy bị thiệt hại về mặt thanh danh, cộng thêm với những cảm giác bất an và sợ hãi. Rõ ràng sau đó đã có một làn sóng nguyền rủa của người dân bản xứ nhắm chung vào người Việt tỵ nạn.

Trong các xưởng hãng bọn sỗ sàng trực tiếp thì xách mé gọi các đồng nghiệp Việt Nam là đồ ăn cắp, hoặc gián tiếp hơn họ cắt những bản tin với hình ảnh đăng trên báo Mỹ đem dán lên tường chỗ có đông các công nhân Việt Nam làm việc. Những người dân Việt bình thường lương thiện, tới Mỹ với hai bàn tay trắng, đang tạo dựng lại cuộc sống từ bước đầu số không, bằng tất cả ý chí và lao động cần mẫn của đôi bàn tay nay bỗng dưng trở thành nạn nhân oan khiên của kỳ thị và cả khinh bỉ. Có người uất ức quá đã phải la lên: hỡi các ông trí thức khoa bảng ơi, ngay từ trong nước bao giờ và ở đâu thì các ông cũng là người sung sướng, sao các ông không có mặt ở đây để nhận lãnh sự nhục nhã này...

Chuyện xảy ra đã hơn mười năm rồi mà vẫn tưởng như mới hôm qua, như một flashback nặng nề diễn ra trong đầu óc Chính. Hiện giờ anh cố chủ động thoát ra khỏi những ngưng đọng của ký ức về một giai đoạn bi ai quá khứ.

Đưa tay bấm nút tự động hạ mở kính xe, gió biển thổi cuộn vào trong lòng xe vỗ phần phật. Trời xanh biển xanh, vẫn màu xanh thiên thanh ấy, có gì khác nhau đâu giữa hai bờ đại dương này. *Khổ hải vượng dương, hồi đầu thị ngạn.* Ở đâu thì nỗi khổ cũng mênh mông, nhìn lại chẳng thấy đâu là bờ. Con đường 101 dọc theo bờ biển Thái Bình dương lúc này lại gợi nhớ Quốc lộ 1 bên kia đại dương trên đất nước thân yêu của chàng. Vẫn những giọt nước ấy là nước mắt và làm nên biển cả, những dải cát sáng long lanh như thủy tinh, những ruộng muối trắng, những hàng dừa xanh. Quê hương của trí nhớ đó sẽ đẹp đẽ biết bao nhiêu nếu không có những khúc phim hồi tưởng của "dọc đường số 1", của "đại lộ kinh hoàng", của "những dải cát thấm máu" ở những ngày cuối tháng Ba 75.

Little Saigon vẫn được coi là thủ đô của những người Việt tỵ nạn. Theo nghĩa nào đó là một Sài gòn nối dài. Nếu khảo sát về địa dư chí, thì như một điều trớ trêu của lịch sử, tên người Việt Nam đầu tiên đến ở quận Cam rất sớm này lại là một người Việt xấu xí — có tên là Phạm Xuân Ẩn, một đảng viên cộng sản. Bề ngoài anh ta là một ký giả của tuần báo *Time* trong suốt 10 năm, nhưng điều mà không ai được biết là từ lâu anh vốn là một điệp viên cao cấp của Hà nội. Ẩn đã từng được học bổng của Bộ ngoại giao đi du học tại Mỹ vào cuối những năm 50, học xong Ẩn đi tham quan khắp nước Mỹ rồi trở về sống ở quận Cam; sau đó trở lại Sài gòn làm cho hãng thông tấn Reuters của Anh, rồi tuần báo *Time* của Mỹ cho tới những ngày cuối của miền Nam. Mãi sau này người ta mới được biết Ẩn đã gia nhập phong trào Việt Minh rất sớm từ những năm 40, khởi từ vai trò một giao liên chẳng có gì là quan trọng để rồi cuối cùng trở thành một điệp viên chiến lược qua mắt được bao nhiêu mạng lưới CIA với danh hiệu phóng viên rất an toàn của một tờ báo Mỹ uy tín...

Hiện giờ đã có tới khoảng ba trăm ngàn người Việt đang chiếm chỗ của Ẩn trước kia. Còn riêng Ẩn thì lại đang sống lặng lẽ ở Sài gòn, tiếp tục là chứng nhân cho cuộc cách mạng thất bại mà Ẩn đã trung thành và toàn tâm phục vụ trong suốt hơn 40 năm.

Trở về với thực tại của quận Cam hôm nay, nếu Ẩn có dịp trở lại đây chắc cũng chẳng thể nào nhận ra chốn cũ. Biến từ một khu phố chết với những vườn cam xác xơ, nay trở thành một Sài Gòn Nhỏ trẻ trung và sầm uất. Con em của những người Việt mới tới, ngay từ thế hệ di dân thứ nhất đã rất thành công trong học vấn và nâng tiêu chuẩn giáo dục địa phương cao thêm một bước mới. Chúng tốt nghiệp từ đủ khắp các ngành. Hơn cả giấc mộng Đông du, chỉ trong khoảng thời gian chưa đầy hai thập niên, nước Việt Nam tương lai có cả một đội ngũ chuyên viên tài ba để có thể trải ra cùng khắp.

Trong kiếp sống lưu dân, chưa làm được gì trực tiếp cho quê hương nhưng, Chính vẫn có thể mơ một Giấc Mộng Con Năm 2000. Trải qua bao nhiêu hội nghị, Chính có cảm tưởng anh và các bạn vẫn như những người không nhà cho dù các nơi tạm trú đều là những đệ nhất khách sạn không dưới bốn sao. Chuyến đi thực tế này, dự định rằng là bước khởi đầu vận động hình thành không phải chỉ là một mái nhà cho hội y sĩ, mà bao quát hơn là một convention center, một toà Nhà Văn hoá, một viện Bảo tàng một Công viên Việt Nam. Đó phải là công trình biểu tượng có tầm vóc, sẽ được thực hiện ưu tiên qua từng giai đoạn. Nếu nghĩ rằng ngôi Đình là biểu tượng cho cái thiện của làng, thì khu Công viên Văn hoá ấy là biểu tượng

cho cái gốc tốt đẹp không thể thiếu của các thế hệ di dân Việt Nam từ những ngày đầu đặt chân tới lục địa mới của cơ hội này, nó sẽ như một mẫu số chung rộng rãi cho một cộng đồng hải ngoại đang rất phân hóa, giúp đám trẻ hãnh tiến hướng Việt tìm lại được cái căn cước đích thực của tụi nó.

Dự phóng rằng Công viên Văn hóa sẽ được thiết lập trong vùng tây nam Hoa kỳ, tọa lạc trên một diện tích rộng lớn phía bờ nam của xa lộ 22 và 405 tiếp ráp với khu Little Saigon. Đó là nơi có khả năng giới thiệu một cách sinh động những nét đặc thù của văn hóa Việt qua những bước tái thể hiện các giai đoạn lịch sử hào hùng và cả bi thảm của dân tộc Việt từ buổi sơ khai lập quốc. Đây không phải thuần chỉ là công trình của một Ủy ban Đặc nhiệm, gồm tập hợp những tinh hoa trí tuệ của mọi ngành sinh hoạt. Đó phải là một công trình của toàn thể những người Việt tự do ở hải ngoại, không phân biệt màu sắc cá nhân phe nhóm.

Bước khởi đầu đơn giản chỉ một đô la cho mỗi đầu người mỗi năm, thì chúng ta đã có hơn một triệu mỹ kim cộng thêm với hai triệu mỹ kim nữa của Hội y nha dược, Hội chuyên gia và các giới doanh thương. Sẽ không phải là nhỏ với ba triệu đô la mỗi năm để làm nền móng khởi đầu cho Dự Án 2000 ấy. Ngũ niên đầu là giai đoạn sở hữu một khu đất đủ lớn cho nhu cầu quy hoạch Công viên Văn hoá với một convention center là công trình xây cất đầu tiên: đó như một cái nôi cho sinh hoạt cộng đồng văn hoá và nghệ thuật.

Chính cứ vẫn phải nghe một điệp khúc đến nhàm chán rằng người Việt Nam không đủ khả năng tạo dựng những công trình lớn có tầm vóc. Viện cớ rằng do những cuộc chiến tranh tàn phá lại cộng thêm với khí hậu ẩm mục của một Á châu nhiệt đới gió mùa, đã không cho phép tồn tại một công trình nhân tạo lớn lao nào.

Nhưng bây giờ là trên đất nước Mỹ và Chính muốn chứng minh điều đó không đúng. Yếu tố chính vẫn là con người. Làm sao có được một giấc mơ đáng gọi là giấc mơ. Để rồi cái cần thiết là chất xi măng hàn gắn và nối kết những đổ vỡ trong lòng...

Chính đã hơn một lần chứng tỏ khả năng lãnh đạo một tập thể trí tuệ nhất quán không làm gì trong suốt hai thập niên qua; bây giờ thì anh đang đứng trước một thử thách ngược lại, vận dụng sức mạnh cũng của tập thể ấy để phải làm một cái gì nếu không phải ở trong nước thì cũng ở hải ngoại, trong một kế hoạch ngũ niên cuối cùng của thế kỷ trước khi bước sang thế kỷ 21. Một ngũ niên có ý nghĩa của kế hoạch và hành động thay vì buông xuôi.

Chỉ qua một vài bước thăm dò Chính cảm nhận được ngay rằng quả là dễ dàng để mà đồng ý với nhau khỏi phải làm gì nhưng vấn đề bỗng trở nên phức tạp hơn nhiều khi bước vào một dự án cụ thể đòi hỏi sự tham gia và đóng góp của mỗi người kéo theo bao nhiêu câu hỏi "tại sao và bởi vì" từ ngay chính những người bạn tưởng là đã rất thân thiết của anh đã cùng đi với nhau suốt một chặng đường.

Hội nghị Palo Alto sẽ là một trắc nghiệm thách đố không phải của riêng anh mà là của toàn thể y giới Việt Nam hải ngoại. Thay vì đứng ngoài bàng quan hội Y sĩ Thế giới sẽ tiên phong trực tiếp tham gia ngay từ bước đầu hình thành Công viên Văn hoá ấy. Đó là một chuẩn bị thao dượt, như một ấn bản gốc cho mô hình của viện bảo tàng chiến tranh Việt Nam của ISAW.

Người Mỹ có dự án ISAW (Institute of Study of American Wars) thiết lập một Quảng trường Hào hùng tại Maryland gồm một chuỗi viện bảo tàng liên quan tới bẩy cuộc chiến tranh, mà người Mỹ đã trực tiếp can dự kể từ ngày lập quốc. Dĩ nhiên trong đó có chiến tranh Việt nam, cũng là cuộc chiến tranh duy nhất có chính nghĩa mà miền Nam Việt Nam và Mỹ đã bị thua. Cung cấp dữ kiện đi tìm đáp số cho những câu hỏi vấn nạn tại sao sẽ phải là nội dung của viện bảo tàng tương lai này.

Hai triệu người thoát ra khỏi nước bằng một cuộc di dân vĩ đại, họ không thể chấp nhận cuộc thất trận lần thứ hai khác lâu dài và vĩnh viễn tại Valor Park với lặp lại những gian dối lịch sử cũng vẫn do người cộng sản chủ động sắp xếp. Không phải chỉ là vấn đề ai thắng ai; nhưng đó là nhân cách chính trị của hai triệu người di dân tỵ nạn đang phấn đấu cho một thể chế chính trị tự do nơi quê nhà. Và Chính quan niệm những bước hình thành khâu viện bảo tàng Việt Nam tại ISAW phải được khởi đầu từ dự án khu Công viên Văn hoá Việt Nam năm 2000 ngay giữa thủ đô tỵ nạn. Đó là một phác thảo và chọn lọc tất cả các hình ảnh tài liệu và chứng tích của các giai đoạn Việt Nam tranh đấu sử. Đó là nơi giúp thế hệ trẻ hướng Việt tìm lại khoảng thời gian đã mất, giúp chúng hiểu được tại sao chúng lại hiện diện trên lục địa mới này.

Giữa hai bố con Chính đang âm thầm diễn ra tranh chấp về trận địa của những giấc mơ. Giấc mơ của Toản thì xa hàng vạn dặm mãi tận bên quê nhà. Giấc mơ nào là không thể được, bên trong hay bên ngoài? Hiện thực của giấc mơ nào đi nữa không phải chỉ do hùng tâm của một người mà là ý chí của cả một tập thể cùng nhìn về một hướng, cùng trông đợi và ước ao niềm vui của sự thành tựu. Riêng Chính thì đang ao ước không phải để có một ngôi đền thờ phụng, mà là một mái ấm của Trăm Họ Trăm Con, nơi ấy sưu tập và lưu trữ những giá trị của quá khứ, nơi hội tụ diễn ra sức sống sinh động của hiện tại, và là một điểm tựa thách đố hướng về tương lai, chốn hành hương cho mỗi người Việt nam đang sống bất cứ ở đâu trong lòng của thế giới.■

Little Saigon 01/95

DỊ KHUYỂN

Nguyên tác: Dạ Đàm Tùy Lục
Tác giả: HÒA BANG NGẠCH
Bản dịch của: PHẠM XUÂN HY

Có vị thiếu niên tập tước hầu nọ, tuổi mới mười bẩy mà phong tư mỹ mạo, mặt đẹp như ngọc. Nhưng lại có bệnh mê đá gà và nuôi chó săn. Trong nhà có sẵn một con chó vàng, rất được chàng yêu thích, vẫn với chàng cùng ăn cùng ngủ.

Một ngày mùa hạ, Hầu đắt chó theo lối đông môn ra ngoài thành dạo chơi. Thình lình, trời đổ mưa to, lũ lụt, chàng phải vào nép dưới cửa một ngôi cổ mộ. Trước cửa, nước ngập đến vài ba mẫu. Trông xa chỉ thấy cỏ lau nghiêng ngả bình bồng.

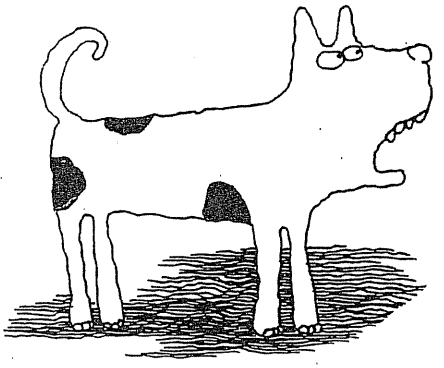

Hầu ngồi chưa yên, thì có ba gã côn đồ ác thiếu, đứa mang chim ưng, đứa đeo cung tiễn, từ đâu tiến lại. Bọn chúng nhìn thấy Hầu, ghé tai nhau thì thầm những gì không nghe rõ.

Hầu vốn trắng trẻo, mắt lại bồ câu, trông khả ái dễ yêu. Một trong ba đứa côn đồ, nhìn thấy chàng, bèn cao hứng nhanh miệng buông ra mấy lời trêu cho:

"Đen thì đen như sắt, hồng thì hồng như huyết, trắng thì trắng như tuyết..."

Hai đứa kia cùng tùy thanh phụ họa, rồi nhìn nhau cười khoái trá.

Hầu nhà tuy đã suy vi, nhưng vốn giòng giõi thế phiệt nên bình thời ít ra khỏi cửa, chỉ ở trong nhà đọc sách, lại thêm tính tình yếu đuối, cô lẻ, khi nghe bọn côn đồ buông lời bất nhã, biết ngay chúng không phải bọn người lương thiện, lòng thật lo lắng, muốn liều đội mưa bỏ chạy, nhưng chàng bị ba đứa côn đồ ra sức cản lại, không cho đi.

Chàng thế quẫn, mới hỏi:

"Mấy người định làm gì ta đây?"

Cả ba đứa côn đồ đều nhăn nhăn nhở nhở, mặt dầy mày dạn, không nói năng gì. Một đứa ôm chặt lấy chàng. Một đứa đưa tay sờ lần mò mẫm khắp người. Một đứa hôn vào mặt chàng chầm chập. Hầu biết là ba đứa côn đồ này đã quen thói lưu manh, cố sức dẫy dụa chống trả. Con hoàng khuyển của chàng thấy chàng bị như vậy, liền xông vào cắn bọn côn đồ để cứu chủ. Cả ba đứa sợ chó cắn, vội vàng buông Hầu ra. Giữa lúc chàng tưởng được thoát nạn, thì chính là tên côn đồ đã buông lời bất nhã, lượm một viên đá thật to, ra sức thẳng cánh ném vào đầu con hoàng khuyển. Chỉ nghe được hai tiếng kêu "ẳng, ẳng" thảm thiết, con vàng đã nằm im bất động dưới đất.

Hầu thấy bọn côn đồ giết mất con chó yêu của chàng, bèn khóc rống lên:

"Vàng ơi! Vàng ơi! Tại sao bọn ngươi lại giết chết con vàng của ta."

Ba tên côn đồ chẳng cần giải thích gì, vội vội vàng vàng, xúm nhau lột phăng hết áo quần của Hầu ra, chỉ một thoáng, trên người Hầu không còn một mảnh vải. Trần như nhộng. Bọn chúng lại dùng thừng cột chân cột tay Hầu rồi đẩy Hầu nằm giữa một bụi cỏ, tính dở trò dâm đãng. Hầu chỉ còn biết gào khóc, lăn lộn để chống đỡ. May sao, lúc đó có mấy người lính thuộc lục doanh binh cưỡi ngựa từ trong rừng đi ra. Cả ba tên côn đồ nghe có tiếng người đi tới, vội vã hò nhau bỏ chạy.

Những người lính lục doanh đến chỗ Hầu đều xuống ngựa, cởi trói cho chàng, hỏi han nguyên ủy. Ai nấy đều tỏ ý thương hại Hầu, giúp chàng mặc lại y phục, rồi đưa về nhà.

Con vàng bị đánh ngất đi từ nãy, giờ cũng tỉnh lại, cà thọt chạy theo đằng sau Hầu. Nhưng về nhà được vài ba hôm, con vàng bỏ ăn bỏ uống, vết thương ác hóa mưng mủ rồi chết. Hầu đau lòng khóc thương thảm thiết, lại chẳng đành đem chó vứt đi, mới lấy táng lễ của người chết, thắp hương khấn vái, cầu chúc như đối với một người bạn thiết.

Đêm ấy, Hầu nằm ngủ, lòng đau như dao cắt, trằn trọc không sao chợp mắt được, đầu óc mông lung thiếp đi, mộng thấy con vàng về đùa vui với chàng như lúc còn sống.

Nó bảo:

"Chủ nhân đối đãi với tôi quá tử tế. Ân dầy nghĩa trọng ấy nguyện xin có ngày báo đáp. Từ nay chủ nhân có đi đâu, tất phải tiểu tâm đề phòng, nhưng đừng lo lắng quá. Giả như có chuyện gì nguy hiểm, tôi sẽ đến cứu chủ nhân."

Nói xong thì biến mất.

Hầu tỉnh dậy, lòng còn nhớ rõ lời chó. Một hôm, Hầu có việc phải xuống Thông Châu. Lúc trở về, thuê thuyền theo lối Đại Thông Hà để đi cho nhanh. Không ngờ, lại gặp phải ba tên côn đồ ngày nào, có thêm hai tên đồng bọn nữa cũng xuống cùng thuyền. Chúng thấy Hầu, đều đưa mắt nhìn chàng cười gian trá, khiến chàng vô cùng lo sợ.

Thuyền đến Áp Thượng thì đình lại. Hành khách đều lên bờ. Tứ tán mỗi người một đường. Riêng Hầu vì sợ hãi, hoảng hốt không biết đi đâu, bèn vội vã lẩn trong đám đông, đến nép dưới một ngôi đình, lén nhìn bọn côn đồ đi đã xa, chàng mới rẽ vào một con đường nhỏ vừa vắng vẻ, vừa yên tĩnh mà đi.

Đi chừng được già một dặm, thình lình Hầu lại thấy ba tên côn đồ từ ruộng lúa hiện ra. Chúng bắt được chàng, ép chàng phải rẽ vào lối vắng vẻ không có bóng người, và lấy một nắm rẻ rách nhét kín miệng Hầu lại, sau đó mới lột hết áo quần chàng ra. Chỉ một thoáng, người Hầu đã lại trần như nhộng. Gã côn đồ lẻo mép ý muốn dở trò bất quĩ. Thình lình, xuất hiện một con chó cực lớn, nhảy qua bức tường đổ, lao tới cắn vào hạ bộ tên côn đồ. Chỉ nghe gã kêu được một tiếng "Ối" rồi ngã lăn đùng bất tỉnh. Sau đó, chó lại quay sang tấn công hai tên côn đồ khác. Một đứa bị nó cắn mất một bọng chân. Còn tên kia bị mất một mảng mông.

Nhờ chó cứu, Hầu may mắn thoát nạn, mặc lại quần áo, giầy dép, rồi cứ theo đường dưới ruộng mà chạy.

Thấy con chó cũng chạy cùng hướng với mình, Hầu vừa theo phía sau vừa hô gọi:

"Vàng ơi! Vàng ơi!"

Chừng đến một ngôi nhà tranh, con chó đột nhiên lăn quay ra chết dưới chân bờ rào.

Hầu hổn hển tới nơi, nhìn xem. Té ra không phải chó của chàng. Chỉ là một con chó vàng già chết bệnh. Lòng ngơ ngẩn không rõ đầu đuôi nguyên cớ ra sao.

Một bà lão đang quét thóc ngoài sân, cười bảo Hầu:

"Đó là con chó nhà lão. Bệnh cả nửa năm, mới chết đêm qua, chưa kịp chôn. Chú em đứng nhìn chi vậy, không ngại mùi hôi hám tanh tưởi à?"

Hầu chỉ ậm ừ khe khẽ đáp lại, lòng buồn tha thiết, rồi quay trở về nhà.

Đêm ấy, chàng mộng thấy con hoàng khuyển hiện đến bảo chàng:

"Chủ nhân ơi! Ân xưa nghĩa cũ chưa đủ báo đền. Chỉ cầu sao Đức Diêm Vương xét thấu lòng trung thành của tôi đối với chủ nhân mà cho tôi được thác sinh làm người, thì sau này ắt cũng có ngày gặp gỡ. Nay tôi xin từ giã chủ nhân."

Nói xong, hai hàng châu lệ đầm đìa, liên tiếp hướng về Hầu khấu đầu mấy cái rồi biến mất.

Riêng Hầu, lòng thâm cảm tấm tình của con nghĩa khuyển, ghi nhớ ngày chết của nó, cứ mỗi tuần lại đến trước mồ, bầy hương hoa cúng tế, mãi đến tận ngày nay.

Còn ba đứa côn đồ, sau này hai đứa thành phế nhân, đứa bị mất hạ bộ, chỉ qua một đêm thì chết.

Câu chuyện trên đây, ông Ân Mậu Tiên là nội huynh của Hầu biết rất rành. Khi Hầu tập tước được ba năm, ta cũng từng được gặp khi đến ăn cỗ ở nhà ông Ân Mậu Tiên.

Thật là một con người đáng quý.

Lời bàn hẹp: Người ta thường hay dùng những từ ngữ "đồ chó", "đồ chó má" hoặc tục tĩu hơn như "đ... chó", "chó... đ", để chửi bới và nguyền rủa lẫn nhau, coi chó như một tượng trưng của sự xấu xa, ghê tởm. Nhưng theo câu truyện con chó trung thành của họ Hòa kể trên đây, thì hóa chẳng là oan uổng cho loài chó lắm ru!

Thế tình ngày nay trắng đen điên đảo, trung thành phản trắc như nhau. Có kẻ từng hưởng lộc chủ ngập miệng, áo cao mũ dài, ngựa xe nghênh ngang, thầy thầy con con, nhưng chủ vừa mới chết, cỏ chưa xanh mồ, đã dở trò Lã Bố, lên tiếng chửi bới kể tội. Như thế, há được bằng loài chó hay sao?

Riêng người dịch, những lúc buồn đời, lại chẳng có tài làm thơ gãi háng, đành lấy những chuyện ma quỷ của ông Bồ, ông Hòa, kể lại cho vợ con nghe cho khuây khỏa.

Mua vui cũng được một vài tích tắc.■

TÌM ĐỌC:

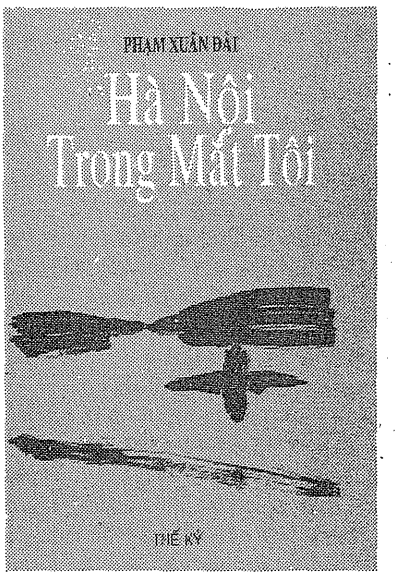

QUỶ ÁM

VŨ HẠ

Kịch, dựa trên truyện ngắn Anh Lính Tô-Ny Đ
của Lê Minh Khuê trong tập truyện ngắn Bi Kịch Nhỏ.

NHÂN VẬT

(Theo thứ tự xuất hiện trên sân khấu)
XÉT : 40 tuổi
HOA : 25 tuổi
LÃO THIẾN : 60 tuổi
GÃ ĐÀN ÔNG : 35 tuổi
THÁN : 20 tuổi
MỤ PHÀN : 40 tuổi
TÊN MỸ ĐEN

Sân khấu được chia ra làm hai phần rõ rệt. Bên phải chiếm một phần ba sân khấu, có một cái giường ọp ẹp và đủ thứ táp nham. Bên trái một giường bố, một bàn thấp trên để điếu cầy, bát nhang và đủ thứ linh tinh. Nơi cuối góc trái là một đống cao gồm có: quần áo dơ, báo cũ, giẻ rách v.v...

Khi màn mở lên, bóng chiều vàng ệch chiếu chếch vào phía giường bố bên gian trái. LÃO THIẾN - to, khỏe - đang nằm ngủ ngáy pho pho, nhưng lâu lâu lão lại giật mình một cái, rồi gãi xồn xột hay đập muỗi chí chát, xong lại nằm im ngáy tiếp. Bên phải, XÉT - béo tròn, với vẻ mặt đần độn - đang đùa nghịch với vợ là HOA, trẻ đẹp.

XÉT: *(nói ngọng)* "Lày", của "lỡm" của tớ ơi!

HOA: *(giọng đặc sệt miền Nam)* Nè, có gì thì nói đi... Làm cái gì mà cứ "lày" với "lỡm" hoài vậy?

XÉT: "Lày", "nại" đây cho thơm một quả đi...

HOA: Hứ! Hễ gặp mặt là đòi thơm một quả... Chỉ thơm thôi nghe không. Không được đòi cái khác nghe.

XÉT: Hì! Hì! Thơm một quả rồi "tho" một quắn cho vui vẻ cả "nàng". "Lào", "nại" đây... cho thơm một quả rồi tớ cho đàng ấy xem cái "lày lày"...

HOA: Cái gì vậy? Nói lẹ đi chớ úp úp, mở mở hoài, ai mà chịu được.

XÉT: *(Rút từ túi quần ra một cái xú-chiêng quơ quơ trước mặt Hoa).* "Lày", thích không?

HOA: *(Chụp lấy)* A, đồ ngoại đây... *(Ướm lên ngực)* Mà sao anh mua cái bự quá vậy?

XÉT: Tiền chó đâu mà mua... Xoáy đấy *(Cười)* Hì. Hì... thì cái của đàng ấy cũng to to "nà"...

HOA: *(Ném cái xú-chiêng trả lại Xét)* Đi kiếm cái khác đi... Bự vậy làm sao mà bận... *(Xét không thèm bắt lấy cái xú-chiêng, chạy xấn lại Hoa. Hai đứa đuổi bắt nhau rầm rầm và la cười đã thỏa).*

LÃO THIẾN: *(Ngồi vùng dậy, hét to)* Tiên sư bố chúng mày... Có rửng mỡ thì cũng vừa vừa thôi... *(Xét và Hoa im lặng đột ngột)*

HOA: Ông già lại cự nự rồi... Ông ấy làm em sợ quá!

XÉT: Sợ, sợ cái đếch gì "não" già điên ấy. Tớ mà "lổi" máu "nên", tớ cạo "não" "náng" như con "nợn" ấy chứ "ni"... Cứ kệ bố "não" điên ấy... *(Xấn đến ôm ngang lưng Hoa)* Ối giời ơi, dạo "lày" béo nhẫy ra... cứ như con "nợn" "lùng lục" ấy... *(Hai đứa lại đuổi bắt nhau, cười hinh hích).*

LÃO THIẾN: Tiên sư cha, quân khốn nạn... Tối ngày chỉ được cái nập nợm là khỏe... Ra đường ăn cắp ăn nẫy cho lắm vào rồi về nhà rửng mỡ... Bố mày nói cho mà biết... Có ngày bố mày nổi máu xung thiên lên, bố mày vặn cổ cả nút chứ ở đó mà nập nợm.

XÉT: Hơ... hơ... Ông kiếm ra tiền... Ông ăn khỏe... Ông "thơm" vợ ông... thì kệ bố ông... Còn thằng "lào" già cóp, già kép, đít teo, bụng ỏng, đói như con chó, thì câm mẹ "ló" mồm "nại" cho người khác nhờ...

LÃO THIẾN: Mày chửi ông đấy phỏng?

XÉT: Ông đếch "lói" đến thằng "lào" cả... Ông chỉ "lói" bông "nông" thế thôi... Ở đây tự "ro" mà... Thằng đếch "lào" cấm được ông.

LÃO THIẾN: Hừ, tự "ro" với chẳng tự "ra"... Chúng mày chỉ giỏi tự do ăn cắp... tự do bố láo... Chứ... chứ...

XÉT: Chứ, chứ cái gì hử? Ông cứ tự "ro" ăn cắp đấy. Thằng "lào" bắt được ông? Ông cứ tự "ro" rửng mỡ đấy... Thằng "lào" khô đét, thiếu mỡ thì cắn răng mà thèm, chứ ngoác mồm ra... có ngày ông "phịt" cho một quả gẫy mẹ "ló" hết răng thì đừng có trách...

LÃO THIẾN: Quân khốn nạn!

HOA: *(Kéo tay Xét)* Thôi anh... mình ra ngoài một lát đi. Kệ lão ta. Đi đi anh. Gây với lão làm gì...

XÉT: Mình không "lói", "ló" tưởng mình sợ "ló". Sống chui trong cái nhà như chuồng chó "lày" thì phải biết điều một chút chứ... Vợ chồng người ta yêu nhau một tí mà "lão" cũng điên "nên". Thế mấy "nần" "não" đánh rắm thối om bên "lày" hít đầy mũi thì sao...

HOA: Thôi mà anh... Mình ra ngoài hóng gió một chút đi...

XÉT: Ừ, đi thì đi. Nhưng "não" già điên thế "lào" cũng có ngày biết tay anh. *(Cả hai ra)*

LÃO THIẾN: Thật là... thời khốn nạn... *(Một lúc)* Thế là mất mẹ nó cả ngủ... *(Định vớ điếu cầy thì Gã Đàn Ông ló đầu vào)* Cái gì? Lại chuyện thằng Thán hử?

GÃ ĐÀN ÔNG: Vâng, sao ông biết?

LÃO THIẾN: Điều đó tính sau. Sao?

GÃ ĐÀN ÔNG: Thằng Thán chết mất xác rồi!

LÃO THIẾN: Vì lẽ gì mà mất xác?

GÃ ĐÀN ÔNG: Xập hầm. Không moi xác được.

LÃO THIẾN: Ba kiểu chết!

GÃ ĐÀN ÔNG: Ông nói gì?

LÃO THIẾN: Ba thằng đến báo ba kiểu chết. *(Đột ngột)*Mẹ chúng mày, đồ bố láo... Thằng thì bảo con ông bị chết đuối. Thằng thì bảo bị chết chém... Còn mày, mày lại bảo con ông chết mất xác...

GÃ ĐÀN ÔNG: Nhưng tôi đã đến đây... Tàu xe tốn kém...

LÃO THIẾN: Tàu xe tốn kém thì mặc mẹ mày... Đồ lường gạt...

GÃ ĐÀN ÔNG: Nhưng... tôi đói!

LÃO THIẾN: Đấy, còn mấy củ khoai... Có gặm được thì lấy đi... Xong thì cút!

GÃ ĐÀN ÔNG: *(Nhìn dáo dác, phóng đến nhặt mấy củ khoai cho vào mồm nhai ngấu nghiến. Xong hắn lục tung đống quần áo, lôi ra một cái quạt thủng).* Xin tạm ông... Trời đang nóng!

LÃO THIẾN: Xéo ngay!... Thằng Thán nhà ông mà về lúc này, nó xin tí huyết thì đừng trách... Xéo! Xéo!... *(Gã Đàn Ông vội vàng bước ra).* Hừ!... Quân lường gạt! *(Ngó ngoáy một lúc).* Thế là mất mẹ nó một buổi... Giờ này thì đi kiếm chác gì được nữa. *(Lửng thửng đi ra. Sân khấu vắng một lúc rồi có tiếng ồn ào ở phía ngoài).*

TIẾNG TRẺ CON: *(Ngoài)* A, anh Thán đã về... Anh Thán đã về... Anh Thán phát tài to, chúng mày ơi! Anh Thán khao tụi em đi.

THÁN: *(Ngoài)* Khao? Khao cái mả bố chúng mày ấy à?

MỤ PHÀN: *(Ngoài)* Ơ hay, cái chú này... Trẻ con chúng nó mừng chú về ...Sao lại... *(Mụ Phàn và Thán vào. Thán vác trên vai một cái ba lô to và nặng).*

THÁN: Đi xa về, mệt bỏ mẹ mà mấy thằng nhãi ranh cứ la oai oải đòi khao... Khao, khao cái củ thìu biu ấy à...

MỤ PHÀN: Ối dào, đi làm ăn xa về thì thế nào mà chẳng phát tài. Thí cho lũ oắt đó tí đỉnh có là bao... Mà này, chú mang cái gì trong ba-lô mà hùng thế?

THÁN: Quần áo thôi!

MỤ PHÀN: Mẹ mày, đừng bẻm mép! Quần áo chó gì mà nặng chình chịch thế. Vàng hử? *(Vừa lúc ấy Lão Thiến bước vào, lên tiếng ngay).*

LÃO THIẾN: Vàng gì? Vàng thoi ấy à? Mụ lại vớ vẩn... Định kiếm chác tí đỉnh hử? Khi nào "mót" ta sẽ gọi mụ đến chia cho ít cục... Thôi cút đi...

MỤ PHÀN: Gớm! Làm như có vàng thật không bằng... Đây thèm vào... Bố con nhà ông quả thật thua cả con chó...

LÃO THIẾN: Này, có xéo đi không thì bảo? Ông lại "quật" cho một quả méo mẹ nó mồm bây giờ.

MỤ PHÀN: Ăn nói hay chửa. Mày dám đánh bà à? Bà lại "tọng" mày vào... vào...

THÁN: Thôi, thôi! Mụ xéo đi cho người ta nhờ.

MỤ PHÀN: Tưởng "báu" lắm dấy! Bà thì ỉa vào cả lũ chúng mày *(Bước ra)*.

LÃO THIẾN: Thán, vàng thật hử? Quấn này vớ bẩm nhẩy?

THÁN: *(Định vất cái ba lô vào góc nhà, nhưng nghĩ lại, ôm khư khư vào lòng)* "Bẩm xù" là đằng khác!

LÃO THIẾN: Vàng thật à?

THÁN: Vàng! Vàng... cái con củ... ấy! Yên nào, làm gì mà cứ nhấn cả lên... Đi xa về mệt bỏ mẹ... Thôi, ông để tôi ngủ một tí đã... *(Lăn kềnh xuống giường bố. Một tay ngoắc vào quai ba lô. Vừa nằm xuống đã ngáy. Lão Thiến đi tới đi lui, bồn chồn. Một lúc, Lão mạnh dạn tiến tới đá nhẹ vào chân giường bố)*.

LÃO THIẾN: Thán! Dậy tao bảo.

THÁN: *(Khẽ cựa mình, nhưng vẫn nằm ngủ)* Gì?

LÃO THIẾN: Mày có của sụ, coi chừng thằng Hùng đấy. Nó về hơn tuần nay rồi!

THÁN: *(Ngồi vụt dậy)* Thế hử? Sao được thả sớm thế?

LÃO THIẾN: Thả? Ai thả nó... Trốn trại đấy.

THÁN: Có bị nã không?

LÃO THIẾN: Chắc có. Bây giờ nó nằm tít trên gác xép. Cả cái khu chuồng lợn náy, cóc có thằng nào, con nào dám hé môi... Động một tí là nó thịt ngay. *(Một lúc)* Này, mày cứ nói thật cái gì trong đó. Rồi cả hai bố con cùng lo. Mình mày tao e không xong đâu. *(Trong khi đó Xét trở về, như tìm kiếm vật gì, nghe lão con Lão Thiến nói chuyện, áp tai nghe)*.

THÁN: Bố phải kín mồm nhá!

LÃO THIẾN: Ừ, tao sẽ câm như thóc.

THÁN: Trong này toàn là xương.

LÃO THIẾN: Mày không đùa đấy chứ?...

THÁN: Đùa thế nào được... Bao nhiêu là mồ hôi, nước mắt mới vớ được... Nhưng bảo cho mà biết... Xương này còn quý hơn vàng... Xương Mỹ đấy!

BÍCH XUÂN

SAU NGÀY GẶP LẠI

Chiều cuối đông này sương bay bay
Lạnh lùng gió trở lạnh chân mây
Bồ câu sà xuống đầy xóm nhỏ
Bối hồi trăm thương mến chiều nay
Paris đèn đã sáng về đêm
Anh đã hẹn em sẽ đến xem
Bài thơ anh viết bên giường lạnh
Mơ màng em nghỉ giấc mộng êm
Em đã gặp anh phút ngỡ ngàng
Một lần năm trước cũng đông sang
Mấy đông em vắng chiều hò hẹn
Để sáng mưa thu cũng lỡ làng
Em nắm bàn tay anh lặng thinh...
Tay anh... em giữ trong tay mình
Để cơn xúc động luồn trong máu
Đôi mắt trầm buồn dưới trán anh
Em xin phép anh vội ra về
Bụi mưa- đổ xuống dài lê thê
Áo em thấm nước mưa từng hạt
Nhưng lòng nghe ấm những đê mê
Bữa ấy mùa đông em như say
Cuối đông ghi xúc cảm từng ngày
Nhìn thấy bồ câu bay trước ngõ
Bao giờ quên được một đông này.

LÃO THIẾN: Xương Mỹ!? Khéo nhầm thì bỏ bố...

THÁN: Nhầm thế nào được... Tôi với thằng Đảo đang đào tìm vàng thì bỗng may cuốc phải đống xương này... Đồ ngoại đấy nhá! Có cả cái thẻ sắt đàng hoàng, nhưng lâu ngày cái tên trên thẻ mất mẹ nó cái đuôi... Chỉ còn mỗi chữ TONY D... Chả biết Tô-ny gì đây... Tô-ny Đếch hay Tô-ny Đác... *(cười lớn)* Ha!... Ha!... Thằng Đảo còn lấy thước đo cả mấy cái xương... Cái nào cái nấy dài như xương voi... Chả lẽ thế nào là xương ta được... Mỹ trăm phần trăm đấy... Thằng Đảo cầm cái thẻ sắt đi chào hàng rồi...

LÃO THIẾN: Nếu bán thì được bao nhiêu?

THÁN: Khối tiền... Bét ra cũng mười triệu.

LÃO THIẾN: Lắm thế cơ à?

THÁN: Hàng Mỹ chứ cứt à... Nhưng còn phải chia chác lung tung... Cánh đào được thối ra cũng còn năm triệu... Tôi với thằng Đảo sẽ "cưa" đôi.

LÃO THIẾN: Ối dà, lắm tiền quá nhỉ! Nhưng làm sao mà bán đây?

THÁN: Bố khỏi lo. Thằng Đảo đã mang tấm thẻ sắt ra cảng để chào hàng. Khối thằng thủy thủ ở bến cảng có đường dây chuyển hàng qua Mỹ... Này, nếu mọi việc trót lọt, tôi "xẻ" cho bố năm

NGUYỄN TẤN HƯNG

GỬI NGƯỜI YÊU TÔI

Tức

Tức mình xuống lũng hét chơi
Nhớ ơi là nhớ, trời ơi là trời!
Xa nhau là dễ quên thôi
Cớ sao lại nhớ thấu trời tận mây?

Giận

Giận người quên hết từ đây
Cứ đem cái xấu phơi bày trong gương
Trời! Càng xấu lại càng thương!
Mới hay muốn ghét trăm đường khó thay!

Hờn Ghen

Hờn ghen chất đống nơi này
Người ươm hạnh phúc, kẻ gầy khổ đau
Thèm ơi ấm áp đêm nào
Một lần mà đã vì nhau trọn đời!

trăm ngàn. Được chưa?

LÃO THIẾN: Tùy mày. Nhưng mày được những ba triệu, mà...

THÁN: A, bố chê ít phỏng? Tôi cho bố năm trăm ngàn là bố lãi to... Bố chả mất giọt mồ hôi chó nào mà "gậm" nửa triệu, bố còn muốn gì nữa?

LÃO THIẾN: Ừ, thì nửa triệu... Thôi mày nằm ngủ tí đi. Để cái ba-lô đó tao trông cho. *(Thán ngáp dài, đến ngả lưng trên giường bố, ngáy ngủ. Trong khi đó, bên kia sân khấu Xét rón rén đi ra. Lão Thiến, dáng điệu bồn chồn, đi tới đi lui, lâu lâu lại liếc nhìn thằng con và cái ba-lô. Cuối cùng, lão kéo điếu cầy hút, xong mệt mỏi tựa cái bàn con lơ mơ ngủ gật. Đèn sân khấu tối mờ một lúc. Bỗng như có tiếng mưa gió, tiếng đạn nổ, tiếng máy bay phản lực hòa lẫn nhau, rồi một bóng đen hiện ra. Đó là một người MỸ ĐEN, chỉ cái đầu là còn nguyên nằm trên một bộ xương trắng hếu. Hắn đứng im một lúc, rồi rón rén đi về phía Lão Thiến, đưa tay lay nhẹ vai lão. Lão Thiến ú ớ, giật mình dậy. Nhìn thấy người Mỹ Đen (TONY D.), lão thảng thốt, vùng vẫy một lúc nhưng chân tay như khúc gỗ, mồm há hốc muốn la thét mà không ra tiếng. Trong khi đó Thán nằm trên giường mà tay chân cũng quơ đạp lung tung, còn Tony D. ngoác mồm ra cười mà không ra tiếng. Cuối cùng Lão Thiến như thoát được mọi kiềm kẹp, đạp mạnh mấy cái vào chân giường bố. Thán choàng tỉnh, ngồi bật dậy thì Tony D. biến mất).*

THÁN: Cái gì thế? Cướp hả?

LÃO THIẾN: *(Lắp bắp)* Thằng... thằng...

THÁN: Thằng Hùng hở bố?

LÃO THIẾN: Thằng Hùng nào?... Không, thằng... thằng...

THÁN: Thằng nào thế?

LÃO THIẾN: Thằng Mỹ đen.

THÁN: Thằng Mỹ đen?

LÃO THIẾN: *(Đập tay vào trán)* Có lẽ tao nằm mơ... *(Một lúc)* Nhưng mà rõ ràng... có thằng Mỹ đen đến lay vai tao dậy rồi đứng cười... Mới đây thôi, nó còn dứng đó...

THÁN: Bố mơ thấy thằng Mỹ đen thực hử? Mẹ kiếp, tôi cũng vừa mơ thấy nó... Hãi quá, tôi định gọi bố mà tay chân cứng đơ, không cựa quậy gì được.

LÃO THIẾN: Hay là nó?

THÁN: Ai?

LÃO THIẾN: Thế nó có nói gì với mày không?

THÁN: Không, nó chỉ đứng nhe hàm răng trắng nhởn ra cười. Mà này, tôi còn ngửi được cả mùi hôi nữa.

LÃO THIẾN: Đích thị nó rồi...

THÁN: Cái gì?

LÃO THIẾN: Thì cái thằng Mỹ đen đó từ đống xương mày mang về chuôi ra chứ còn ai nữa... Thôi mày mang cái ba-lô này đi chỗ khác đi. Để ở nhà hãi bỏ mẹ... Nó cứ đến đòi lại bộ xương thì khốn... Đưa tao mấy que hương.

THÁN: Hương với khói gì, bố chỉ vớ vẩn! Này, bố phải giữ kỹ cái ba-lô. Tiền! Tiền đấy... Đừng để mất đấy nhá. *(Một lúc)*Cái thằng Mỹ đen khốn nạn này, chết rồi mà vẫn còn ngoan cố... Tiên sư cha nó, nó đến đây bắn giết người thì người ta bắn giết lại nó... Chết mẹ nó mấy đời vương rồi, chỉ còn dúm xương chôn vùi tít mãi nơi rừng xanh núi đỏ, hồn đếch biết đường mò về xứ... Tiên sư cha mày, bố mày đã đào thấy mày, bố mày lại còn nhân đức định gửi mày về xứ, đã chẳng biết ơn lại còn dở trò dọa dẫm...

LÃO THIẾN: Mày có im không... Để tao khấn nó mấy câu.

THÁN: *(Cười khằng khặc)* Tội cóc gì mà phải khấn với vái... Mà này bố khấn nó bằng tiếng Việt, nó hiểu đếch gì...

LÃO THIẾN: Thì có khấn có lành... Mày đi tìm thằng Đảo, thằng Đẽo gì đó mà thanh toán gấp cái ba-lô này, chứ cứ để đây có ngày tao phát điên.

THÁN: Ừ, được rồi. Tôi sẽ mang nó đi giao cho thằng Đảo... Ở nhà, bố phải kín miệng đấy nhá... Hở ra là "toi" ngay với tụi đầu trộm đuôi cướp ở vùng này.

LÃO THIẾN: Có im mẹ cái miệng mày lại không! Mày đang chửi bố mày đấy phỏng?

THÁN: Thì tôi nói thế... Thôi, tôi đi đây. Sáng về là mọi chuyện xong cả. *(Vác ba-lô bước ra)*

LÃO THIẾN: Hừ! Đồ con mất dậy... Đầu trộm với đuôi cướp. Bố mày không làm thế thì lấy cứt nhét vào mồm à? Quân chết tiệt... Toàn là một lũ khốn nạn... từ trên xuống dưới mà cứ ngoác mồm ra... Tiên sư bố mày thằng Thán!... Ông đánh một giấc đây... *(Lên giường bố nằm. Bên phải sân khấu, thằng Xét cũng vừa trở về, uống nốt chỗ rượu còn lại trong chai, ngáp dài rồi cũng trèo lên giường nằm ngủ. Được một lúc thì thằng Mỹ Đen lại vụt hiện ra, chờn vờn trước mặt Lão Thiến. Nó vừa định lay vai Lão Thiến thì lão vùng ngay dậy, tụt xuống đất lạy như giã gạo).* Lậy ông, ông sống khôn chết thiêng thì đi theo thằng Thán nhà tôi... Nó đã mang xương ông đi rồi, sao ông còn lẩn khuất ở đây? Trăm lậy, ngàn lậy ông... Ông hãy đi theo nó đi... Ông tha cho con... *(Với bó hương, rút ra ít cây châm lửa đốt)* Xin ông hãy theo khói hương này mà ra khỏi đây... *(Thằng Mỹ đen gật gật dầu như hiểu, đưa tay vẫy vẫy rồi biến mất. Lão Thiến ngồi thu lu bất động dựa chân giường vải. Lão ở trong trạng thái hốt hoảng và kiệt sức. Được một lúc thì ánh nắng hửng lên. Tiếng ồn ào của một ngày mới đang bắt đầu. Phía bên kia, Xét cũng vừa thức dậy, vươn vai ngáp dài, thì Thán bước vào, tay ôm một bọc khá to, có vẻ hơi say. Lão Thiến mừng rỡ, vụt dậy).* Mày về đấy à? May quá! Đêm qua sau khi mày đi thằng Mỹ đen lại hiện ra. Tao còn ngửi được cả mùi hôi của thịt rữa... Khi nó cử động tao nghe cả tiếng xương khua... Hãi quá thể.

THÁN: Tôi đã mang xương nó đi rồi, sao nó còn lẩn khuất ở đây? Bố chỉ nói nhảm.

LÃO THIẾN: Nhảm? Nhảm cái mả mẹ mày ấy! Bố mày chưa già đến nỗi trong gà hóa quốc. Chính mắt tao đây này, tao thấy nó nhe hàm răng trắng nhởn ra cười... Nó còn nhẩy nhót, vung chân vẫy tay loạn xạ... Nó không hiểu tiếng Việt nên cứ nhơn nhơn ra đấy... Lúc ấy tao còn mơ ngủ... chứ bây giờ mà nó hiện ra, tao lại chẳng "ục" cho mấy cái gẫy mẹ nó xương đi ấy à!

THÁN: Ông chỉ được cái nói phét... Lúc nó hiện ra ông không vãi đái ra quần, tôi không làm người. Thôi, bỏ qua chuyện đó đi. *(Phía bên kia, Xét đã tỉnh ngủ, chú ý lắng nghe)* Này, tôi với thằng Đảo đã "quắm" xong vụ đó... Trúng đậm.

LÃO THIẾN: Nhanh thế à? Mà có lấy được tiền không?

THÁN: Không lấy tiền thì lấy cứt à? Ông chỉ vớ vẩn. *(Đập tay vào cái túi)* Đây này, đầy ních một bọc.

LÃO THIẾN: Tiền thật à? Đưa đây tao giữ cho.

THÁN: Đưa cho ông? Ông nhìn xem tôi có phải là thằng ngu không? Này, tôi đã hứa cho ông nửa triệu... Quân tử nhất ngôn... Nhưng gượm đã. Tối qua phải cò kè ngả giá với mấy thằng thủy thủ chết tiệt, mệt quá... Thôi, tôi đánh một giấc đã... Trưa sẽ tính...

LÃO THIẾN: Ừ, con ngủ lấy sức đi. Bố ra quán Mụ Xéo "cuỗm" ít lòng lợn mắm tôm về đưa cay... Con cứ ngủ đi, bao giờ về bố sẽ gọi dậy... *(Vừa quay ra, bỗng quay lại)* Này, nhớ đừng đi đâu nhé.

THÁN: Ừ, bố đi mua gì về ăn trưa... Tôi chỉ ngủ một tí lấy sức... *(Lão Thiến ra, Thán vừa định lên giường bố ngủ thì có tiếng đàn bà léo nhéo ở ngoài).*

TIẾNG ĐÀN BÀ: *(Ngoài)* Anh Thán ơi, mở cửa cho em vào với. Xấu thế, anh về mà chả đến tìm em! Mở cửa đi anh.

THÁN: Em Tủn đấy hử? Ờ... ờ... chờ anh tí! Anh ra ngay đây. *(Lúng túng với túi bạc trên tay. Nhìn quanh quất rồi nhét túi bạc vào đống quần áo cũ ở góc nhà, xong bước ra ngay. Sân khấu vắng một lúc, thằng Xét chạy thoáng qua chỗ đống quần áo cũ rồi mất hút thì Lão Thiến khệnh khạng bước vào, tay cầm túi thức ăn và chai rượu, lẩm bẩm).*

LÃO THIẾN: Mẹ bố chúng mày, chỉ cậy có tí tiền mà lên mặt với ông... Tí nữa ông giẫu to thì chúng mày chỉ bằng cục cứt... *(Nhìn quanh quất)* Thán! *(Cầu nhầu)* Đã bảo ở nhà mà lại biến đi đâu rồi... Thế thì bố mày nhắm một mình... Lòng lợn, mắm tôm, lại có tí cuốc lủi đưa cay thì tuyệt *(Mở gói thức ăn và chai rượu lên cái bàn con, vừa ăn vừa nói)* Hừ... nửa "tê"... Nửa "tê" thì chẳng bõ... Nó có non ba "tê"... Ba triệu bạc... Mình chỉ rút nhẹ vài con "ngan nằm" trong cái túi to tổ bố kia thì mẹ nó có sống dậy cũng không biết nữa chứ là nó. *(Nhỏm dậy, lục lạo lung tung tìm cái túi, nhưng không thấy)* Tiên sư cha nó, đã bảo cứ để cái túi ở đây... thế mà nó lại vác đi... Đồ quân chết tiệt... *(Ngáp dài, ngả người trên giường bố, nhắm mắt ngủ. Được một lúc thì thằng Mỹ Đen lại hiện ra. Lần này nó nhẩy nhót lung tung, tay chân múa may loạn xạ đầu gật gật như có ý nói cám ơn. Nó đi dần đến chỗ Lão Thiến nằm và khẽ lay vai lão. Lão choàng dậy hét to)* Ông?!...Ông đi đi... Tôi lậy ông... Ông có giận ghét gì thì ông tìm thằng Thán nhà tôi mà ra oai... Ông hãy thương tình, tôi tuổi già, sức yếu... vả lại, tôi có dính gì đến ông đâu... *(Thằng Mỹ Đen tỏ một cử chỉ thân thiện bằng cách đưa tay ra bắt nhưng Lão Thiến lại tưởng nó định đưa tay ra bóp cổ. Lão la to)* Cứu tôi! Ai cứu tôi với!... *(Thằng Mỹ Đen tỏ vẻ không hiểu, lắc đầu chán nản, dơ tay chào rồi biến mất. Lão Thiến như mất hồn bước khuất vào cầu tiêu. Tiếng tiểu tiện tồ tồ. Ánh sáng hơi hừng lên. Những tia nắng chiều chiếu xuyên cửa vào sân khấu một màu tím bầm. Thằng Thán chệnh choạng bước vào, có vẻ say, ca hát om xòm. Nó đến đống quần áo lục tung lên rồi giận dữ hét to)*

THÁN: Thằng già đâu rồi?

LÃO THIẾN: *(Trở ra)* Mày nói với ai thế hử, thằng khốn nạn?

THÁN: *(Túm lấy cổ Lão Thiến)* Tiền đâu?

LÃO THIẾN: Cái gì? Tiền mày dấu ở đâu thì mày biết chứ sao lại hỏi tao.

THÁN: Tiền tôi dấu ở đống quần áo bẩn kia, ông mang đi đâu rồi? *(Lão Thiến cố vùng vẫy khỏi tay thằng Thán, lùi dần vào góc tường)* Này, khôn hồn thì nôn ra... Tiền đó là mồ hôi nước mắt của thằng này... Ông nuốt không trôi đâu. Ba triệu đồng chứ không phải là cứt, nôn ra mau, quân ăn cắp!

LÃO THIẾN: Tao không có lấy!

THÁN: Ông không lấy thì chó nó vào đây tha đi à?

LÃO THIẾN: Tao thề với mày là tao không lấy. Tao có lục tìm thật, chỉ định rút ra vài con "ngan nằm" để trả cho mụ Xéo nhưng tìm mãi mà chẳng thấy cái túi tiền mày dấu ở đâu cả... Tao thề với mày, tao mà có nói điêu thì tàu xe chẹt tao nát người ra.

THÁN: Tàu xe nào chẹt chết được ông. Trả lại đây. Ông có nôn ra, ọe ra không thì bảo? Tôi bóp cổ ông đến khi nào ông lè lưỡi ra nói mới thôi, ông nghe rõ chưa? *(Xấn tới đè Lão Thiến xuống, bóp cổ)* Nôn ra ngay... Nói! Nói! Ông dấu tiền ở đâu?

LÃO THIẾN: Tao không lấy! Tao thề!

THÁN: Thề, thề cái con chó! Tôi nói cho mà biết, tôi cần tiền để nộp cho tụi xóc đĩa... Ông mà kkhông lè ra thì cả tôi và ông không xong với tụi nó đâu.

LÃO THIẾN: Tha cho tao...

THÁN: Tôi tha ông thì tụi xóc đĩa tha cho tôi phỏng? Nói ngay, ông dấu tiền ở đâu ông không chịu nói? A, ông cứng đầu. Ông định nuốt một mình à? Được! *(Rút từ lưng quần ra một con dao đưa cho Lão Thiến)* Đã thế, ông đừng trách tôi... Tôi rạch mặt ông, xem ông còn cứng đầu nữa không.

LÃO THIẾN: Tha cho tao. Tao đời nào lại ăn phỗng của mày... Con ơi, bố nỡ nào ăn chận tiền mồ hôi nước mắt của con.

THÁN: Chẳng bố con gì với ông cả... Tôi rạch mặt ông! *(Đưa dao lên định rạch mặt Lão Thiến)*

LÃO THIẾN: Bố lạy con... Đau lắm con ơi... Con tha cho bố...

THÁN: *(Vứt dao xuống đất)* Sợ đau thì cấm lấy dao tự chặt một ngón tay đi... Cầm lấy!

LÃO THIẾN: *(Run rẩy cầm con dao lên, van xin)* Con ơi, con không tin bố sao?

THÁN: Câm! Thời buổi này chỉ còn con chó là đáng tin thôi.

LÃO THIẾN: Bố xin thề là bố không có lấy!

THÁN: Không thề thốt gì nữa. Ông không lấy thì chặt ngón tay đi, có thế tôi mới tin. Nào chặt đi!

LÃO THIẾN: *(Quyết định. Giận dữ)* Tiên sư bố mày! Đồ con bất hiếu, mày không tin bố mày thì mày tin ai? Này chặt! *(Lão Thiến giơ dao lên và đưa ngón tay vào thành giường bố, chặt mạnh. Lão bật ngửa người ra vì đau đớn)* Giời ơi! *(Lão ôm lấy ngón tay, máu chảy xối xả, lịm người, lắp bắp)* Khốn nạn thân tôi... Mày tin chưa, mày sáng mắt chưa... Quân vô đạo!

THÁN: Ông không lấy thật à? Thế thì đứa nào vào đây cuỗm mất cái túi tiền? Bây giờ tiền đâu tôi trả cho mấy thằng xóc đĩa... Bố ơi là bố ơi! *(Ngay lúc ấy Mụ Phàn bước vào).*

MỤ PHÀN: Chuyện gì thế này? Lão Thiến! Lão Thiến! Sao máu me lênh láng thế này? Ối thằng Thán giết bố nó... Làng nước ơi, cứu tôi với, có người bị giết... *(Mụ Phàn định chạy ra cửa thì Thán xô mụ chạy biến ra cửa. Xét và Hoa chạy xộc vào).*

XÉT: Cái gì thế? Có giết người à?

HOA: Mau kêu xe cứu thương...

LÃO THIẾN: Tôi không sao đâu, đừng gọi xe cứu thương...

XÉT: Xe cứu thương "lào" mà đến đây.

MỤ PHÀN: Đứng đó mà léo nhéo... Lấy cái gì băng tạm cho lão... Nhanh lên...

LÃO THIẾN: Nó đâu rồi?

MỤ PHÀN: Thằng Thán hả? Nó chạy đi rồi!

LÃO THIẾN: Không, nó... nó...

XÉT: Ai?

LÃO THIẾN: Thằng Mỹ Đen ấy mà?

MỤ PHÀN: Ông mê sảng rồi... Làm gì có Mỹ đen Mỹ đỏ ở đây.

LÃO THIẾN: Có... có nó mà... Chính nó... Nó đã lấy trộm túi tiền để trả thù...

MỤ PHÀN, XÉT, HOA: *(Cùng kêu lên)* Cái gì?

MÀN HẠ

22 XII 93

Tìm đọc:

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG

Tập truyện *Trần Mộng Tú*
Bìa *Khánh Trường*
Tựa *Nguyễn Xuân Hoàng*
Bạt *Nguyễn Mộng Giác*

200 trang
Giá $10.00

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

CHUYỆN CÁI ĐẦU GỐI

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Tiếp theo và hết)

Vào sáng ngày thứ hai mươi mốt sau tai nạn, Phi bước vào nói:

"Hôm nay tháo băng và anh bắt đầu tập đi."

Phi ngồi xuống bên tôi, cẩn thận gỡ mớ băng và thuốc to sụ trên đầu gối của tôi. Tôi nhớ đến câu *ba bảy hai mốt ngày* Phi nói cách đây ba tuần và hơi lấy làm lạ. Tại sao phải đúng hai mốt ngày? Bội số của số bảy có liên quan một cách huyền bí gì đến sự chuyển biến của cơ thể, hay do khảo sát thường nghiệm lâu đời, người ta biết đó là thời gian đủ để các lệch lạc trong cơ thể phục hồi lại?

Sau mấy tuần ủ kín trong băng, cái chân trái của tôi trông lạ hoắc. Nó gầy hẳn đi, trắng trẻo, khẳng kheo, chỗ xương bánh chè bị vỡ trông rất rõ với một đường da lõm xuống chạy ngang. Mấy hôm trước phòng y tế của trại đã đem đến cho tôi một cặp nạng bằng gỗ, có lẽ do Phi yêu cầu để dùng từ ngày hôm nay trở đi.

Thoạt đầu Phi chưa cho tôi dùng nạng, mà dìu tôi đi. Vừa chạm chân trái xuống đất tôi la lên một tiếng vì một luồng đau buốt đột ngột, tôi vội giở chân lên, níu lấy cổ Phi và lắc đầu quầy quậy như một đứa bé, từ chối không chịu tập tiếp. Trái với tính tình mềm mỏng thường lệ, giờ phút này Phi trở nên rất cương quyết. Phi buộc tôi phải bước đi, mặc dù chỉ là mới chạm nhẹ cái chân ấy xuống đất thôi, phần trọng lượng còn lại của cơ thể tựa hẳn vào người Phi. Cứ thế đi suốt hết chiều dài của dãy nhà, tôi thấy bớt đau, tự tin hơn, và còn cảm thấy thích thích vì mình đang đạt tới một khả năng mới.

Sau một vài buổi tập như thế, tôi có thể dùng nạng để đi lại trong nhà. Nhưng cái chân trái vẫn thẳng như một cây gỗ, chỗ đầu gối không gập lại được vì đã bị bó cứng mấy tuần qua. Tôi ngạc nhiên vì một khám phá lạ về chính cơ thể của mình: sau có vài mươi ngày bị bó không cho nhúc nhích, một cái khớp xương sẽ trở nên cứng đơ, mất hẳn khả năng co duỗi linh hoạt cố hữu của nó. Hôm đầu thấy cái đầu gối không co gập được tôi hoảng sợ nhìn Phi, Phi cười, nói ngoài chuyện tập đi tôi còn phải tập co đầu gối nữa. Và đây là một việc không vui chút nào, mỗi ngày tôi phải ngồi trên giường thõng chân xuống đất, đắp nước nóng lên đầu gối cho gân cốt nó "mềm" ra, rồi "dùng tay bẻ chân". Rất đau. Cái đầu gối cứ thẳng đuột cứng ngắc một cách ngoan cố, như là nó bằng lòng với tình trạng mới này hơn là sự linh hoạt trước kia. Cái chân bây giờ là một đường thẳng, và nếu xem đầu gối là trục để ống chân quay 180 độ — tức có thể gập sát hẳn vào đùi, mục tiêu tôi phải đạt tới — thì sau mỗi buổi tập đau vã mồ hôi, ống chân chỉ nhích vào chừng một độ là nhiều. Khi gặp chuyện mới thấy cơ thể sinh vật, mà trong trường hợp này là cơ thể của chính tôi, thật đầy lạ lùng bí ẩn.

*

Rồi mọi chuyện cũng qua đi, và quen đi. Đến mùa đông năm đó thì tôi có thể đi lại chầm chậm không cần dùng gậy và ống chân đã có thể co gập bình thường. Phi thì sau mấy tháng xuất hiện ở "làng", vừa đủ thời gian để chữa cho tôi, lại tiếp tục vào kiên giam, từ đó về sau tôi không bao giờ còn gặp lại nữa. Tết năm đó tôi kín đáo gởi người gánh cơm cho kiên giam đem lên cho Phi một gói bánh mứt, Phi gởi lời cám ơn và chúc tết tôi, đó là lần liên hệ sau cùng giữa chúng tôi.

Đúng như lời Phi đã nói, cái chân ấy bị yếu đi nhiều, mất đi nhiều khả năng của một cái chân bình thường, bắp thịt ở vế teo lại vì không còn hoạt động nữa. Xương bánh chè là cục đệm, là đầu mối nối kết hoạt động giữa đùi và ống chân, nay nó đã bị đứt làm đôi, làm đứt theo những chức năng liên quan đến nó. Tôi không còn có thể dùng cái chân ấy để đi lên hoặc xuống cầu thang hoặc đường dốc, không thể chạy, nhảy, khi nằm ngửa không thể đưa cái chân ấy lên như ngày trước thường làm trong lúc tập thể dục. Khi đi, cái chân bị nạn phải luôn thẳng, nếu vô ý để hơi cong, chỗ đầu gối sẽ không chịu đựng nổi trọng lượng của cơ thể và quị xuống ngay lập tức. Những yếu kém của tình trạng mới tôi dần dần khám phá ra trong sinh hoạt hàng ngày, và buồn rầu nhận thấy, trong một chừng mực

nào đó mình đã thành một phế nhân.

Nhưng tôi sống với cảm giác ấy không lâu. Một hôm, độ gần một năm sau khi bị tai nạn, tôi đang chầm chậm đi qua sân trại để đến chơi với anh em ở dãy nhà bên kia thì cán bộ trực trại trông thấy, gọi tôi lại và hỏi:

"Anh bị thương cái chân đã được bao lâu rồi?"

"Thưa cán bộ chừng mười một tháng." Tôi trả lời.

Anh ta cười cười:

"Đi lao động trở lại được chưa?"

Dĩ nhiên tôi trả lời chưa, và mô tả cho anh ta nghe tình trạng mới của tôi lúc đó. Chừng vài tuần sau tôi được lệnh chuyển qua *đội lao động nhẹ* và bắt đầu đi làm. Lao động nhẹ là đội gồm những người già yếu hay bị bệnh kinh niên, làm việc trong trại mộc cách trại chỉ một quãng ngắn, công việc chính lúc đó là đan cót. Gọi là đội, thực sự chúng tôi chỉ là một nhóm chưa tới mươi người sức khỏe kém, trực thuộc đội mộc và rèn gồm toàn những người vạm vỡ khỏe mạnh chuyên việc cưa xẻ gỗ, đóng bàn ghế và quai búa rèn đồ sắt.

Ở nhà suốt gần một năm nhàn rỗi thảnh thơi, hàng ngày chỉ sách báo với đàn địch, nay phải "đi làm" lại thoạt tiên tôi thấy không thích tí nào, giống cái cảm giác hồi nhỏ phải đi học lại sau mấy tháng nghỉ hè. Nhưng không khí và công việc ở lao động nhẹ rất dễ chịu, khiến tôi thích ứng khá nhanh với nhịp độ sống của "xã hội" chung quanh. Vì mộc và rèn là một đội có trình độ chuyên môn cao và làm việc trong nhà, chúng tôi đỡ bị sự soi mói của cán bộ bảo vệ và cũng đỡ bị cực nhọc vì nắng nôi. Công việc hầu như hoàn toàn tự giác, không phải bị canh giữ thúc bách, do đó tinh thần anh em cũng vui vẻ.

Trước kia nhìn một tấm cót tôi rất phục tài khéo của người tạo ra nó, và nghĩ mình không đời nào, từ một cây tre hoặc nứa, có thể chẻ một loại nan mỏng đều như thế, đan thành một tấm đẹp đẽ tinh tế như thế, nhưng nay chỉ sau một ngày đầu học cách thức, tôi cũng có thể làm được. Điều làm tôi ngạc nhiên là tất cả những gì tôi tưởng rất khó lại giản dị và dễ thực hiện đến thế, không cần phải có một tài năng đặc biệt gì cả.

Đi lao động tôi lại được tắm sông, và mới khám phá ra rằng với cái đầu gối bị vỡ tôi vẫn bơi lội được một cách bình thường. Khám phá này làm cho tôi rất an lòng và thích thú, vì nếu trên đất liền tôi bị mất rất nhiều khả năng thì khi xuống nước, mọi chuyện vẫn như cũ. À, thì ít nhất cũng có một nơi để tôi còn *vùng vẫy* được như cũ chứ! Nhưng niềm thích thú ấy không kéo dài vì lên khỏi nước, tôi lại "hiện nguyên hình" là một kẻ tật nguyền! Cuộc sống chính của con người là ở trên bờ chứ đâu phải ở dưới nước!

Sáu năm sau đó khi ra khỏi trại cải tạo thì tôi đã quen với cái đầu gối bể lắm rồi, quen đến độ không nhớ đến nó nữa, và ở chỗ đất bằng phẳng thì tôi đi lại thoải mái không có vẻ bị thương tật gì cả. Nhưng khi về đến nhà thì "chuyện cái đầu gối" lại được hâm nóng, vì người thân, bạn bè ai cũng hỏi han về nó. Người lạ, trừ những người tinh ý lắm, nhìn tôi đi không ai biết là tôi bị tật. Điều làm tôi mừng nhất là tôi có thể đi xe đạp được, đó là trắc nghiệm đầu tiên tôi làm khi tôi về với xã hội, vì xã hội "xã hội chủ nghĩa" mà không đi xe đạp được thì kể như là bị què chân. Còn chuyện lái xe hơi thì tôi không có xe để thử nhưng biết chắc là không có vấn đề, vì tôi biết cái nơi tôi đang tìm đến *(Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà)* là nước Mỹ, lái xe hơi chỉ cần dùng chân mặt là đủ rồi.

Gần hai năm sau khi đến Hoa Kỳ thì tôi lên bàn mổ để sửa sang lại cái đầu gối. Đó là kết quả của biết bao khuyến cáo của những vị chuyên môn, của bạn bè quan tâm đến cuộc đời tôi, của anh em lo lắng giúp tôi mua được bảo hiểm để trang trải vụ mổ... Cái đầu gối của tôi, nó im ỉm vô tình là thế, nhưng đã giúp tôi thấy lại được điều quí giá ở đời là sự *quan tâm đến nhau*, chất men làm cho cuộc sống trở nên nồng ấm. Sau khi nhấp chén cay đắng, đã bị *làm cho cho hại, cho tàn, cho cân*, tôi lại tìm thấy lại chất men nồng ấy của cuộc đời, mà cái đầu gối đôi khi cũng chỉ là một cái cớ.

Ba cái đinh vít dài đã được bác sĩ Daniel Stein của bệnh viện Fountain Valley vặn vào để nối hai mảnh vỡ của xương bánh chè ấy lại sau mười ba năm chúng tách biệt nhau. Tôi nhớ lại lời của Phi nói mười ba năm trước: "Trường hợp của anh nếu là ở bên Trung Quốc, người ta sẽ nối hai mảnh vỡ lại bằng sợi ruột mèo." Để phục hồi chức năng đã mất của cái chân, cần thiết là phải nối lại các mảnh vỡ, dù bằng đinh vít hay ruột mèo. Giờ này, khi tôi viết kể lại câu chuyện này — hơn ba tháng sau khi mổ — thì tôi đã đi lại được khá bình thường, cái đầu gối đã trở nên tròn trịa chứ không nhô lên xấu xí mỗi khi co chân như trước nữa, và nhiều khả năng đã mất nay đang dần dần, mỗi ngày một ít, phục hồi trở lại. Một người bạn, sau khi biết tôi hiện mang ba cái đinh vít trong chân, đã cười nói: "Coi chừng, mỗi khi anh đi máy bay, qua cổng kiểm soát vũ khí chuông sẽ reo đấy."

Tôi nghĩ nếu thật như thế thì cũng là điều hay, nó sẽ nhắc cho tôi nhớ lại câu chuyện này, nhớ cái đau đớn, khổ sở, nhớ đến tình bạn bè trong cơn hoạn nạn, nhớ Phi và những người anh em dân tộc thiểu số đã thoáng qua cuộc đời tôi như một ánh chớp, và nhớ đến hơi men nồng ấm của cuộc đời vẫn luôn luôn còn bên tôi... Ba cái đinh trong đầu gối tôi cũng sẽ như cái vòng kim cô trên đầu Tôn Hành Giả, khi qua cổng kiểm soát chuông sẽ reo lên chẳng khác nào hễ niệm chú thì bị đau đầu, cốt để nhắc nhở rằng ở đời có những điều không nên quên. Thỉnh thoảng cũng cần phải nhắc, vì tôi sợ trong cuộc sống hấp tấp này, mọi chuyện rồi sẽ dễ quên lắm!■

Ngày 8 tháng Hai 1995

MẠN ĐÀM VỚI THANG MA

NGUYỄN ANH TUẤN

Tôi đã dùng một buổi tối để đọc bài "Nhân đọc 'So sánh một số từ Việt-Trung-Nhật'" của Thang Ma. Cái tên tác giả này nghe cũng lạ .

Qua bài viết ông Thang Ma đã cung cấp cho chúng ta một số kiến thức ngôn ngữ nhất định. Và cũng chứng tỏ tác giả là người đọc rộng, hiểu sâu, có kiến thức.

Tuy vậy, tôi cũng có những ý kiến muốn bàn bạc về một số vấn đề ngôn ngữ nói chung, và về bài của ông Thang Ma nói riêng.

Theo hiểu biết của tôi, ngôn ngữ là công cụ của tư duy, là phương tiện giao tế của con người.

Ngôn ngữ là vốn quí của một dân tộc và là di sản lưu truyền mãi mãi của dân tộc. Nó sẽ sống lâu trường tồn cùng dân tộc. Tính kế thừa, hội nhập và phát triển cải tiến không ngừng là những đặc trưng của ngôn ngữ. Ngôn ngữ không có tính giai cấp và cũng không phải là công cụ của một giai cấp nhất định. Các giai cấp, các hội đoàn, tổ chức chính trị có thể lạm dụng ngôn ngữ phục vụ cho mục đích tuyên truyền chẳng hạn. Nhưng ngôn ngữ không bao giờ là một tên nô lệ, làm theo ý đồ của một số người, một hội đoàn hay một giai cấp. Bao giờ nó cũng là công cụ tư duy và giao tế của cả dân tộc.

Với nhận thức như trên, tôi không cho rằng trong ngôn ngữ có yếu tố chính trị. Mà chỉ có các hội đoàn chính trị lợi dụng hoặc sử dụng ngôn ngữ, để thực hiện mưu đồ chính trị của mình. Bản thân ngôn ngữ bao giờ cũng vô tư, không thể nói trong ngôn ngữ có yếu tố chính trị.

Những bạo chúa ngày xưa như Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách, giết học trò và trí thức, nhằm thủ tiêu ngôn ngữ viết. Nhưng ngôn ngữ vẫn trường tồn. Vì không ai giết hết được một dân tộc vĩ đại như Trung Quốc. Và nếu dân tộc còn thì ngôn ngữ vẫn còn. Thậm chí, giả như, cả dân tộc bị diệt chủng, nhưng ngôn ngữ vẫn có thể tồn tại như một bảo tàng của kho quý ngôn ngữ thế giới.

Trong phần **Yếu tố chính trị** hai tác giả bàn luận về thuật ngữ kinh tế "Tổng sản lượng quốc dân " và "Tổng sản lượng quốc gia "

Ông Minh cho rằng "Tổng sản lượng quốc dân" đúng hơn.

Ông Ma cho rằng "Tổng sản lượng quốc gia" đúng, và ông giải thích: *"Vì từ 'quốc gia' bao gồm cả dân... Người Tàu gọi 'Quốc dân tổng sản trị' từ thời Tưởng Giới Thạch còn nắm quyền Hoa Lục. Lúc đó bất kỳ từ nào có 'quốc gia', chính quyền Quốc Dân Đảng cố gắng đổi thành 'quốc dân', vì Quốc Dân Đảng là Đảng Quốc Gia (Nationalist Party).*

Sau 1949 Mao Trạch Đông chiếm Hoa Lục, đảng Cộng Sản Tàu rất ghét hai chữ 'Quốc Dân' vì nghe nó 'Quốc Dân Đảng' quá, nên từ nào có 'quốc dân'thì Bắc Kinh tìm cách đổi thành 'quốc gia' cho nó khác. Tuy nhiên, 'Quốc dân tổng sản trị'chỉ bị đổi là 'Quốc dân sinh sản tổng trị'. Vẫn giữ từ "quốc dân"...

Tương tự như Bắc Kinh, CS Hà Nội rất ghét hai chữ 'quốc gia' vì Quốc gia là kẻ thù của CS. Từ nào có 'quốc gia' thì gắng đổi thành 'nhà nước' hoặc 'tổ quốc', nếu được. Trường hợp này Hà Nội chọn 'quốc dân' theo đàn anh Tàu, nếu không thì 'Tổng sản lượng nhà nước' rồi. Nhân đây tôi xin nói về bốn chữ 'chiến tranh Quốc-Cộng.'

Ở TQ mà dùng 'Quốc Cộng chiến tranh'là để chỉ cuộc chiến giữa đảng CS của Mao và Quốc Dân Đảng của Tưởng. Ở Việt Nam thì chỉ cuộc chiến tranh Nam Bắc của phe Cộng Sản-Quốc Gia. Do đó,'quốc dân' là từ cấm của Bắc Kinh, và 'quốc gia' lá từ kỵ của Hà Nội.

Qua đấy ta thấy việc chọn từ do nhiều yếu tố tạo thành, kể cả yếu tố tâm lý chính trị hoặc nhân sinh quan."

Những câu cuối của tác giả trong phần này cũng đã làm sáng tỏ vấn đề của tôi nêu ra. Không có yếu tố chính trị trong bản thân ngôn ngữ, mà chỉ có sự lợi dụng, hoặc lạm dụng, hoặc sử dụng ngôn ngữ, phục vụ cho những mục đích chính trị, của một đối tượng nhất định. Đó là về mặt lý thuyết.

Quốc dân - Quốc gia

Và bây giờ ta xem lại những dẫn chứng cụ thể của ông Thang Ma về vấn đề này.

Tôi cảm thấy bàng hoàng khi đọc những dẫn chứng này. Vì nó không Logic chút nào. Nó thiếu vắng cơ sở lý luận trong phạm trù ngôn ngữ, và cũng không có cơ sở thực tế trong cuộc sống. Tôi e rằng, những nhận định như vậy, sẽ gây nên những đàm tiếu trong giới trí thức hai nước Trung Quốc và Việt Nam.

Về mặt thuật ngữ *quốc dân tổng sản trị* hay *quốc gia tổng sản trị*, đều dùng được theo thuật ngữ TQ. Chữ *national* TQ dịch là

国家的，国民的

Như vậy có cả nghĩa "quốc dân" và "quốc gia".

Ở TQ người ta dùng "quốc dân sinh sản tổng trị"

国民生产总值

là rất đúng. Như vậy so với "Quốc dân tổng sản trị" của thời kỳ Tưởng cũng không khác gì nhau. Chữ "tổng sản" là cách viết tắt của tổng sinh sản,tổng sản xuất mà ra.

Nhưng về thứ tự từ trong câu thì phải có sự sắp xếp lại, cho nó Logic, theo phương pháp tu từ.

Không biết ông Thang Ma căn cứ vào đâu mà nói rằng: "Thời kỳ Tưởng Giới Thạch nắm quyền ở đại lục TQ, bất kỳ từ nào có "quốc gia" chính quyền QDĐ cố gắng đổi thành "quốc dân", vì QDĐ là đảng Quốc Gia (National Party).

Dẫn chứng của tác giả như vậy, có lẽ không logic, và không đúng với thực tế khách quan.

Về mặt thuật ngữ kinh tế "tổng sản lượng quốc dân " hay "quốc gia" người TQ và VN đều dùng cả hai. Không có gì là sai. Nhưng trong ngữ cảnh khác, thì hai từ này là hai từ riêng biệt, có ý nghĩa từ vựng và sắc thái tu từ khác nhau. Không phải lúc nào nó cũng như hệt nhau. Do đó,có lúc ta phải dùng từ "quốc gia" ở ngữ cảnh này ,và dùng từ "quốc dân " ở ngữ cảnh khác. Ai mà cấm được nhân dân và các nhà học giả dùng các từ này. Càng không có ai đủ quyền lực, bắt mọi người làm theo ý mình, trong phạm vi sử dụng ngôn ngữ. Cũng như tiếng Anh , hai từ *state* và *national* là hai từ khác nhau. Ta không thể bắt mọi người gặp từ *state* thì đổi thành *national* được. Trong tiếng Việt cũng thế. Thí dụ như, có người nói "Nhà nước VN là một nhà nước quan liêu và tham nhũng nặng nề". Đây là chỉ bộ máy nhà nước, chứ không phải lên án quốc dân đồng bào. Vậy nếu ta thử đổi là "Quốc dân VN là một quốc dân quan liêu tham nhũng nặng nề" thì có nghe được không?

Trong tiếng Trung cũng vậy thôi.

国家 và 国民

khác nhau trong nhiều cấu trúc ngôn ngữ và cách dùng. Thí dụ như: Ngân hàng quốc gia, hay ngân hàng nhà nước.

国家銀行

Mà không thay được bằng từ "quốc dân" cho cái *language term* này.

Trên cơ sở thực tế ngôn ngữ như vậy, thì không ai lại làm cái chuyện "đổi" từ trong vô vàn cấu trúc và ngữ cảnh khác nhau như vậy. Nó phi lý trong thực tế sử dụng ngôn ngữ. Còn nếu ta cứ khăng khăng nói rằng, vì những người lãnh đạo QDĐ lẩm cẩm nên làm như vậy, thì cũng không đúng .Vì có phải đâu chỉ có họ sử dụng ngôn ngữ. Cả giới trí thức TQ và nhân dân TQ sử dụng ngôn ngữ. Và những trí thức TQ không phải ai cũng lẩm cẩm, như những người cầm quyền lẩm cẩm, nếu có. Và dù cho họ có muốn lẩm cẩm cũng không ai chịu nghe họ.

Còn nói rằng đảng CSTQ rất ghét hai chữ "quốc dân" vì nghe nó "Quốc Dân Đảng" quá, nên từ nào có "quốc dân" thì Bắc Kinh đổi thành "quốc gia",

quả thật đây chỉ có thể là một điều nói khôi hài cho vui thì được thôi. Còn trong phạm trù ngôn ngữ thì sao có thể nói như thế được.

Tôi đã từng ở TQ một năm, được trường đại học London cho sang TQ làm nghiên cứu sinh ở trường đại học Trung Sơn Quảng Châu. Và tôi cũng đã đi du lịch tham quan nhiều nơi ở TQ. Tôi không hề thấy quan chức CS nào tránh dùng từ "quốc dân" cả. Còn nhân dân thì khỏi phải bàn. Họ nói những gì họ muốn.

Nhưng cụm từ "Quốc Cộng chiến tranh" là cụm từ thường thấy, trong nhiều văn bản và sách lịch sử TQ. Nhưng đó chỉ là sự ghi nhận của một giai đoạn lịch sử nhất định, chứ không có ý nghĩa hằn thù gì khác.

Còn tác giả nói ở VN thì chỉ cuộc chiến Nam Bắc của phe CS-Quốc gia. Do đó, "quốc dân" là từ cấm của Bắc Kinh. Và "quốc gia" là từ kỵ của Hà Nội.

Ở đây ,tôi thấy không cần thiết nêu vấn đề học thuật, trong việc sử dụng ngôn ngữ, để bàn về từ "cấm, kỵ" trong sử dụng ngôn ngữ ở CSTQ và VN. Vì nó quá rõ ràng. Nhưng tôi là người đã sống dưới chế độ CSVN ,nên có lẽ có thực tế hơn ông Thang Ma.

Ở miền Bắc VN chưa bao giờ đảng CSVN dám dùng cụm từ "chiến tranh Nam Bắc"hay "chiến tranh giữa Cộng Sản và quốc gia". Họ phải đề cao khẩu hiệu "Chiến đấu chống Mỹ cứu nước" để thu phục nhân tâm. Họ không công nhận có "phe quốc gia, chính phủ quốc gia". Họ gọi chế độ ông Diệm và Thiệu Kỳ bằng những cụm từ, nếu tôi viết ra sẽ làm một số bà con ta khó chịu. Vì vậy xin miễn.

Còn chữ "quốc gia" thì họ dùng thoải mái. CS rất sính dùng các từ nghe rất kêu như: quốc gia,tổ quốc,dân tộc, cách mạng v.v. để khích lệ lòng yêu nước của dân chúng đánh Mỹ. Vì vậy, bảo "quốc gia" là từ kỵ dùng của CS VN thì quả là hài hước.

Không thể Hồ hóa, Mao hóa ngôn ngữ

Tiện đây ,tôi xin dẫn chứng thêm. Ông Hồ Chí Minh, đã từng có thời kỳ nhiều người ở miền Bắc hết sức thán phục, coi ông ta như một vị thánh. Vậy mà khi ông Hồ Chí Minh phát động phong trào "Làm trong sáng tiếng Việt" bằng cách giản hoá từ ngữ và triệt để dùng từ thuần Việt thay cho từ Hán Việt, ông ta đã không thành công.

Hồ Chí Minh bỏ cụm từ "Nam dân quân" " Nữ dân quân" thay bằng "dân quân trai" " dân quân gái". Liền bị đồng bào phản ứng. Người dân chất vấn cụ Hồ: "Vậy bây giờ có các lão dân quân, thì cũng gọi là dân quân trai, gái sao? "

Hồ Chí Minh bảo: "Không nên dùng từ phụ nữ, mà gọi là con gái và đàn bà."

Các cán bộ Hội Phụ Nữ giãy nảy lên: "Vậy *đại hội phụ nữ* phải đổi thành *cuộc họp đàn bà con gái* hay sao?"

Cụ Hồ thân chinh làm gương mẫu dùng các chữ Z và F như trong trường hợp "Giải phóng" thành "Zải fóng". Nhưng không ai chịu nghe. Nhân dân vẫn viết: Giải Phóng. Vậy dù cho các nhà lãnh đạo chính trị muốn cưỡng bức ngôn ngữ, cũng không cưỡng bức được.

Nếu như Hồ Chí Minh không "Hồ hoá" được ngôn ngữ ở VN, thì cũng không thể có chuyện "Mao hoá" ở VN, như ông Ma đã trích dẫn.

Ông Ma nói "Người CSVN cuối thập niên 40, đầu thập niên 50 du nhập tư tưởng Mao Trạch Đông mang theo nhiều tiếng Tàu như "phản ánh, quán triệt, bộ đội, võ trang tư tưởng, tranh thủ...", và họ loại bỏ nhiều từ Hán Việt mà cha ông ta dùng quen, cho rằng phong kiến. Miền Bắc đã giết chết từ "phản ảnh" mà cha ông ta đặt ra dùng, rước cái "phản ánh" của Mao. Nay thì từ "phản ánh " di tản ra nước ngoài, khiến nhiều cây bút miền Nam cũ cũng thời thượng mà "phản ánh" theo. Nghĩ tội nghiệp cho " phản ảnh "!

Chuyện này thì tác giả có hơi quá đà. Về mặt đơn thuần ngôn ngữ, *phản ảnh* và *phản ánh*, nếu chuyển sang từ TQ thì đều là 反映

Nhưng nếu tách rời thì có sự khác nhau.

Ánh có thể là 映，光芒，光輝

Ảnh có thể là 影，影响

Đứng về tu từ học thì dùng hai cụm từ *phản ảnh* hay *phản ánh* đều được cả.

Vậy nếu ông cha ta ngày xưa chỉ biết dùng "phản ảnh " mà nay con cháu các cụ biết dùng thêm cả "phản ánh " thì càng tốt chứ có hại gì?

Chúng ta nhớ rằng việc sử dụng ngôn ngữ là quyền của nhân dân.Đừng có bảo rằng , chính quyền ép dùng,mà người dân phải chịu nghe. Không bao giờ có thứ ngôn ngữ của Mao hay Hồ. Ta chớ nên ngộ nhận đi đến chỗ cố tình nhồi nhét yếu tố chính trị vào ngôn ngữ để rồi lên án nó. Lên án kiểu đó là lên án nhân dân, lên án trí thức, lên án các nhà ngôn ngữ học.

Với nhận thức như trên, việc chúng ta dùng thêm các từ ngữ mới không phải là lệ thuộc chính trị nước ngoài. Cũng như ngày nay ở VN ,người ta dùng từ Computer, Visa, TV v.v. như từ Việt ngữ. Người dân dùng thêm các từ ngữ mới, trong cơ chế thị trường và trong xã hội. Khi ta mới về nước, ta nghe các câu *có nhiều màu, "rách việc", "Bây giờ thoáng lắm rồi", "Bọn chúng ăn dày lắm"* v.v. đều là từ mới xuất hiện trong cách dùng của người dân trong nước. Ai bắt họ nói như vậy? Họ muốn dùng những từ ngữ ấy để biểu đạt ý nghiã điều họ muốn nói. Nếu những thứ đó được toàn dân tiếp nhận và sử dụng thì nó là của toàn dân. Nếu không nó sẽ bị đưa vào viện bảo tàng ngôn ngữ.

Các từ giống nhau

Trong phần "So Sánh", ông Minh đặt vấn đề "thông qua" hay "thông quá."

Ông Ma nói: Tiếng Việt chỉ biết đến "thông qua" thôi. Trong một đoạn khác ông nêu vấn đề "độc giả" hay "đọc giả." Nếu xét về mặt Hán tự thì không có "độc giả" 独者

mà chỉ có "đọc giả" 讀者

với nghĩa "người đọc". Nhưng "thông qua" hay "thông quá" cũng đều là 通过

thôi. Vấn đề ở đây là những dạng như vậy người ta không quy nó là từ nguồn thuần Hán. Nó là từ ngữ VN hoặc vay chút ít Hán mà thôi. Theo tôi không cần bàn cãi. Vì dân ta thường dùng "độc giả" và "thông qua." Nó được coi như là tiếng thuần Việt từ lâu. Cũng như "tin tức" hay "tín tức". Nói chung là không ai nói "tín tức" mà chỉ "tin tức".

Nếu so sánh Hán tự thì "tín tức" là 信息

Và "tin tức" là 消息

Cả hai cụm từ này tiếng Anh đều là *news, information, message.* Nhưng bản thân nghĩa từ TQ của hai chữ Tín và Tin khác nhau,và cũng có cách dùng khác nhau. Chúng ta chỉ cần công nhận "tin tức" là được.

"Hợp chủng quốc" hay "hợp chúng quốc"?

Người TQ viết về Hoa Kỳ là

北美合众国 Hợp Chúng Quốc.

Nhưng VN ta lại gọi là :

合种国 Hợp Chủng Quốc.

Ai đúng ai sai?

Chẳng có ai sai.Ai cũng đúng cả.Đây chỉ là do quan điểm về sự vật chứ không phải do kiến thức ngôn ngữ.Người TQ cho rằng;Hoa Kỳ là nơi tập hợp quần chúng của các nước khác nhau trên thế giới,nên họ gọi là "Hợp Chúng Quốc".Vì sao họ không gọi là "hợp chủng" vì họ cho rằng đây không phải là sự tập hợp các dân tộc.Mà chỉ là từng nhóm người của từng dân tộc.Hơn nửa ,tiếng TQ "hợp chủng " còn có nghiã là Mixed race.Nhưng VN dùng "hợp chủng" "Multi-racial " cũng không sao.

Đăng ký hay Đăng lục

Trong từ điển TQ thì hai từ này như sau:

Đăng ký 登記

Đăng lục 登录，登記

Nhưng trong đời sống thực tế người TQ dùng "Đăng ký" nhiều hơn.Và người ta còn dùng Ký lục

記录

cũng là *register.*

Đây không phải là từ CS.Ngôn ngữ không có thứ ngôn ngữ CS và tư bản.Ngôn ngữ là ngôn ngữ của dân tộc.Đài Loan và TQ đều dùng Đăng ký.Và VN cũng dùng Đăng ký.

Tác giả nói:" Sao không dùng "ghi tên , ghi danh,ký sổ" cho tiện.

Nhưng có những trường hợp người ta thấy dùng "đăng ký" có vẻ hợp lý hơn .Thí dụ nói " đăng ký kết hôn" thì có vẻ hay hơn nói " ghi tên kết hôn." Hơn nữa " đăng ký còn có nghiã rộng hơn là ghi tên.Vì đăng ký kết hôn đâu chỉ có ghi cái tên.Mà còn nhiều mục khác.

Từ điển 辞典

hay Tự điển 字典

Chúng ta muốn biết nó khác nhau chỉ việc xem hai chữ đầu của nó.

Tự 字 Từ 辞

Vậy tự chỉ là *word,character,pronunciation of a word or character.form of written ,cripts* vv

Nhưng từ ngoài những yếu tố trên ,nó còn là *phraseology.a type of classical Chinese literature, a kind of grammatical structure* v v

Vì vậy Từ điển đa dạng hơn và nâng cao,tổng hợp hơn Tự điển.Nhưng tự điển có trước mà từ điển có sau.Nó là sự kế thừa và phát triển của nhau.

Chữ 书 *write* rất ít dùng.Tuy nhiên trong từ điển vẫn ghi là 书 *write* viết.

Nhưng hiện nay người ta dùng 书 là *book*,sách nhiều hơn là viết *write*.

Nếu muốn dùng thì phải thêm 书写 *write*,viết.

Chữ 册 trong ngôn ngữ hiện đại TQ nghiã là *volume* ít dùng với nghiã *book*.

Thuật ngữ "kinh tế" ông Ma nói là từ của Nhật,dùng chử Hán "kinh bang tế thế " mà ra.Tôi không cho là như vậy.Vì " Kinh bang tế thế " thuộc một phạm trù ngôn ngữ khác với "kinh tế" .Kinh bang tế thế có ý nghiã là từng trải cuộc đời và có tài thao lược.Nhưng kinh tế chỉ đơn thuần là một thuật ngữ .Tôi không cho đây là từ Nhật mà TQ vay mượn.Ngược lại TQ có từ này từ lâu.

Hoa hồng

Phần đầu tôi cũng đồng ý với ông Thang Ma. Nghiã là "Hoa hồng " khác với "hoả hồng" và không thể đưa thêm " thủ túc phí ".

Hoa hồng có nhiều nghiã ,trong đó có nghiã là *Bonus,commission.*

Trong từ điển Hán Anh có ghi :

Hoa hồng 花紅

Chinese pear-leaved crabapple ,Bonus, gift for a wedding etc

Hoả hồng 火紅 *red as fire,flaming*

Nhưng ông Thang Ma nói :"Từ này nguyên nghiã là trái hồng hoa,một loại trái cây ăn được,như các loại trái hồng lựu,hồng đào.Ngày xưa ở Tàu lễ vật đi ăn đám cưới thường phải có quả hồng hoa.Sau này nghiã rộng là quà đám cưới hay tiền hoa hồng (bonus)."

Tôi nghĩ rằng , trái hồng hoa như ông Thang Ma nói là: 紅果 là quả táo gai,*the fruit of large chinese haw thorn; haw* ,tức "táo gai."

Đã là quả táo gai,tức táo dại thì không ai người ta dùng làm lễ vật của đám cưới.

Ở TQ khi có đám cưới ,người ta có "phong bao" (tiền gói bằng giấy đỏ) để tặng những người đi phù dâu phù rể,hoặc những người có công vất vả trong đám cưới. Người ta gọi tiền phong bao đó là "hoa hồng" 花紅 hoặc "hồng lợi" 紅利

Tôi nghĩ , không có chuyện "qủa hồng hoa" (táo gai) hoặc trái hồng hoa (táo dại) trong đám cưới.

Ông Thang Ma nói :"Trong "Thiên Tự Văn" có câu:"Quả trân lý nại,thái trọng giới khương" và đã tìm mua quả Nại.Vợ ông là người TQ cũng không biết qủa Nại là quả gì.Nhưng ông anh vợ trả lời:"Quả nại thì việc gì phải mua,vào khu rừng bên kia đồi mà hái.Cái thứ "hoa hồng" ấy mọc đầy rẫy." Thế rồi ông Ma bắt vợ dẫn vào rừng đi hái "hoa hồng".Ông Ma nói:"Đó là một thứ táo rừng màu đỏ,nho nhỏ,ăn rất chua,tiếng Anh là "crab apple."

Thế rồi ông ăn phải quả táo dại đó và bị đau bụng.Từ đó ông nhớ hoài cái từ "hoa hồng".Và ông than:"Điều lạ là có thể trong tiềm thức dân Việt thường mường tượng ra nhánh hoa hồng,còn người Tàu lại là trái crab apple mỗi khi dùng từ này với nghiã "bonus"....."

Quả "Nại" là quả gì? Đúng là crab apple như ông Ma đã biết.Và crab apple là quả táo dại.Nhưng sao trong "Thiên Tự Văn" nó lại là "trân" tức qúy như trân châu.Sở dĩ như vậy là vì quả Nại còn có loại là quả "sơn tra",một thứ quả để làm thuốc trị bệnh cứu người.Quả này thường được phơi khô để làm thuốc bắc.Nó là một vị thuốc bắc.Hồi còn nhỏ , tôi cũng có ăn thử.Nó rất chua.

Tôi cho rằng ,chính vì cái chữ "trân " ấy đã làm khổ ông Thang Ma.Vì ông tưởng là loại quả qúy ,nên muốn tìm mua.

Tàu - Trung Quốc - Trung Hoa

Ông Thang Ma tự giới thiệu là lấy vợ Tàu,biết tiếng Tàu,ở Tàu và biết cả cổ thi Tàu .

Nếu vậy,chắc ông phải là một giáo sư ngôn ngữ hay một nhà ngôn ngữ học.Và sự hiểu biết của ông rất sâu rộng.Vì vậy , tôi muốn trao đổi với ông trong cách gọi hoạc sử dụng ngôn ngữ.Tôi cho rằng đây chỉ là theo thói quên của đồng bào trong Nam,chứ không phải do kiến thức.Nhưng khi ta viết một bài tham luận hoạc khảo luận về ngôn ngữ ,thì ta nên dùng theo lối chính thống.

Chữ "Tàu" "người Tàu,dân ba Tàu,cơm Tàu,hiệu Tàu v v" đồng bào ta dùng quen rồi thì ta có thể chấp nhận.Sở dĩ có những từ đó là vì ngày xưa dân TQ chạy loạn Mãn Thanh sang VN chủ yếu bằng đường thủy,trên những tàu, thuyền .Do đó ,đồng bào ta gọi họ là "người Tàu".Cũng có người gọi họ là "Minh hương" ,vì có những gia đình thuộc triều đình nhà Minh TQ chạy sang lánh nạn ở VN.Và được chuá Nguyễn cho ở tập trung một khu vực riêng,gọi là "Minh hương" tức quê hương mới của những người thuộc nhà Minh TQ.Ễ miền Bắc VN,đồng bào mình gọi người TQ sang làm ăn buôn bán ở VN là "chú khách" vì coi họ là những người khách trú.Do đó có chú khách Ba,Chú khách Năm,chú khách Tài v v.Nhưng sau này đồng bào ta gọi những người TQ đã sống lâu năm ở VN là người Hoa,tức người Việt có gốc Trung Hoa.

Vậy tất cả các cách gọi vừa kể có nguồn gốc của nó,và nó chỉ là cách gọi theo thói quên của dân ta chỉ những người Hoa kiều ở VN.Nếu ta dùng cách đó để chỉ nước Trung Quốc,Dân tộc Trung Hoa,ngôn ngữ TQ trong một bài khảo cứu hoạc phân tích ngôn ngữ , tôi e là không thích hợp.

Đứng về phạm trù ngôn ngữ mà nói , không có tiếng Tàu , mà chỉ có tiếng phổ thông TQ , trước đây gọi là tiếng quan thoại mandarin language.Còn tiếng Quảng Đông TQ là một trong những dialect tiếng địa phương của TQ.Còn chữ viết thì Hán tự,tức chữ của dân tộc Hán TQ là loại ngôn ngữ viết chính thống.Vậy không có tiếng Tàu,chữ Tàu.

Nước TQ có tên gọi là Trung Hoa,Trung Quốc,và người Trung Quốc,người Trung Hoa chứ không thể dùng nước Tàu,người Tàu cho đại lục TQ được.

Vậy theo quan điểm ấy,vợ ông Thang Ma là một phu nhân Trung quốc .Hai vợ chồng ông Thang Ma đang sống ở đất nước Trung Hoa ,chứ không phải là vợ Tàu ,nước Tàu.

Nếu ông lấy một người phụ nữ gốc Hoa ở VN thì gọi là vợ Tàu còn tạm nghe được.Nếu như vợ ông là người xuề xoà , nên không tự ái.Vì nếu đã coi vợ là người Hoa,tức là một thành viên trong đại gia đình VN thì sao không gọi là VN , mà phải phân biệt đối xử gọi là Tàu,kém thân mật và hơi sỗ sàng đối vời vợ.

Còn nếu như vợ ông là người ở đại lục Trung Hoa thì càng không nên gọi là vợ Tàu.

Cũng như ở VN , nếu bạn nào lấy vợ người Mán,người Mường mà cứ gọi vợ mình là Mán,mường thì liệu có nghe được không.Thường ở VN,những người lấy vợ dân tộc thiểu số ,thường cũng coi vợ mình là người VN.Không ai khoe:"Tôi là người Kinh,còn nhà tôi là cô Mán hoạc bà Mường." Tiếng Kinh là tiếng của dân tộc Kinh,nhưng đã được toàn dân VN chấp nhận coi như ngôn ngữ dân tộc,nên ta gọi là Việt ngữ.Vậy TQ cũng thế.Hán tự là ngôn ngữ của dân tộc Hán ở TQ,và được các sắc tộc khác ở TQ công nhận như ngôn ngữ viết của toàn dân tộc Trung Hoa.

Vậy theo ý tôi,trong một bài phân tích về ngôn ngữ ta nên dùng cái gọi là *official term of language*.

Điều thứ hai là cách nhận xét về các cải cách ngôn ngữ ở TQ.Đây không phải là sự hủy hoại những vốn qúy của ngôn ngữ dân tộc,không phải là vấn đề những nhà lãnh đạo đảng CSTQ muốn đập phá những thứ họ cho là phong kiến lạc hậu trong ngôn ngữ.Ngược lại,giả dụ họ có ngu dại và cuồng ngông ,thì họ cũng không làm được.Nhưng vấn đề không phải như vậy.Việc cải cách trong ngôn ngữ viết của TQ là một đòi hỏi đã có từ lâu của nhân dân TQ.Nếu không có cải cách như hiện nay thì TQ vẫn có thể chiếm hàng đầu về nạn mù chữ.Ngày xưa muốn học để viết nổi một bức thư bằng chữ Hán theo kiểu cổ học ,thì mệt lắm.Những thể loại dạy cho học sinh tiểu học viết một bức thư cũng sâu sắc uyên thâm,đến mức các vị giáo sư Trung Văn cỡ bình thường ở VN hiện nay cũng phải nhăn mặt.Vậy người dân bình thường ở TQ học đến bao giờ để mà đọc thông viết thạo.Vì cổ học khác với những lời nói thông thường.Việc cải cách văn tự trong ngôn ngữ TQ là một thành tích được ghi vào lịch sử ngôn ngữ TQ.Nó là công lao của biết

bao nhà ngôn ngữ học và trí thức TQ.Nó đâu phải là thành tích của các nhà lãnh đạo CSTQ.

CuốnTừ điển Việt Hán ông Thang Ma nhắc đến trong bài,có cả dẫn lời của Giáo sư Nguyễn Đình Hoà , nghi ngờ không biết những nhà biên soạn nào "plaglarize" (ăn cắp,vay mượn) của nhau.

Tôi cũng có hai bộ Việt Hán.Một của nhóm các vị Hà Thành,Trịnh Ngọa Long,Chu Phúc Đan,Vương Đức Luân ,xuất bản năm 1960 tại Bắc Kinh.Một cuốn khác của nhà xuất bản Giáo Dục VN in lại của nhóm trên năm 1993 ở Sàigòn.

Tôi cũng có ý kiến như ông Thang Ma, Giáo sư Hoà cho rằng cuốn từ điển của nhóm Vương Đức Luân phát hành năm 1966 là không đúng.■

TÔ THÙY YÊN

THỨC GIẤC TRONG BIỆT GIAM

Nếu như ngủ chẳng giựt mình
Vì những hồi còi tàu rúc róng rả
Ngoài bến cảng gần đây
Giấc mơ hẳn sẽ còn tiếp diễn...
Ta mở mắt định thần.
Phòng biệt giam tăm tối thấp hẹp
(Ta ở đây. Hơn bảy tháng rồi.)
Cánh cửa sắt nặng nề sừng sững
Sáu diện tích xi măng khuôn ép hãm đè
Ngọn điện yếu, đỏ tim, ngày đêm mỏn sức
Quầng ám bầy thiêu thân
Lỗ thông hơi trổ sâu hút u u
Mùi hôi ẩm lần quần sánh ngộp.

Ta lắng nghe,
Ráng sức lắng nghe
Đêm chừng hãy còn khuya
Thành phố im lìm như chẳng có.
Đâu cõi người xa vợi mịt mùng
Bên ngoài những độ dày
Bên trên những tầng sâu
Của đọa đày vùi dập
Ỉm bặt âm hao
Những sớm hôm mưa nắng thể nào?
Ta ngồi dậy
Và như một thói tật,
Gõ gõ hỏi han

Hai bên tường tả hữu
Có ai không?
Không có ai sao?
Ta khắc khoải chờ nghe
Những tiếng động của người
Tiếng động nào bất kể
Đột phá những trùng vây điếc đặc
muỗi râm ran.
Bây giờ là mấy giờ?
Ta ước lượng thời gian
Như mò tìm một khe hở bất ngờ
Trên trường thành dằng dặc những
thiên thu.
Ta phải cố quên quên bằng mọi cách
Nỗi điêu đứng sống còn
Trong hằng hằng tĩnh chết.
Ta nhìn theo
Mấy con thằn lằn uể oải
Lũ dán lào xào
Con nhện bỏ trống lưới giăng xong
Bầy chuột phóng chạy...
Ta phải dám bất cần, phải tập coi thường
Những hão vọng linh loạn thần trí
Bao giờ cửa mở?
Bao giờ?
Lịch sử dường như đã ngất lả
Sau những liên hồi vật vã điên cuồng...
Ta tưởng tượng ở những bồn binh
ngả năm ngả bảy,
Đám đông lặng lẽ
Rụng thưa dần
Có nhớ trong này chờ cháy ruột gan?
Ta nhìn lên những giòng chữ trên tường
Viết bằng gạch, bằng than và
hình như bằng cả máu
Những phẫn nộ, quyết tâm, nguyện cầu,
ký thác, than van,
Ngày tháng năm, tên họ...
Như những nỗ lực tuyệt cùng lưu hậu
bản thân
Đang khốc liệt đương đầu những bất trắc
dập xóa,
Như những mưu toan ra khỏi chính mình,
Trốn chạy dày vò
Của những người ở trước
Nay về đâu?
Ta cũng hình dung sau những lớp
cáo chung vôi sơn chồng cộm,
Những lời lẽ tối tăm tương tự
Cất lên từ những thời thế đã đi qua.
Căn phòng này hồi trước nhốt Việt Cộng,
Bây giờ nhốt phản động...
Lịch sử đổi phiên người gác ngục
Lúc giày đinh, lúc dép râu
Ra sức sanh cầm
Những giấc mơ tiên báo.
Hôm qua, bạo tàn thay áo, thay quần
Sau vách sập...
Ta ngơ cho mình xổng theo ký ức
Rù quến hoang đàng,
Nhớ xót xa mấy người bác, người chú
Từng khăn gói đi đày
Từ bến cảng này của thành phố thuộc địa
Lưu cữu tiếng còi tàu
Qua nắng qua mưa
Di vọng tận đời ta,
Nhớ xót xa mấy thế hệ người nữ nội ngoại
Nối gót nhau tay xách nách mang
Lặn lội lóng ngóng
Thăm nuôi cha chồng con anh em
Tháng tháng năm năm
Lòng như núi nặng.
Ta đứng lên
Đi tới đi lui
Trăm lượt nghìn lần
Như một hồn ma cổ đại
Trong hầm mộ muôn đời
Vì một đôi điều sinh thời chưa thỏa nguyện.
Ta cố nhớ giấc mơ
Nhưng rồi không nhớ được.
Ta nằm xuống
Dỗ mình hãy cố ngủ,
Tập quen dần với giấc thiên thu.

Trại biệt giam 3C Tôn Đức Thắng, 1991

BÊN TRỜI HOA CHẨU NỞ

HỒ MINH DŨNG

Trong tù, anh Hoàng Vân chỉ làm một công việc duy nhất: đổ phân người. Tuy công việc gọi là thấp hèn, cũng qua một cuộc hội họp bình chọn cam go của anh em đồng cảnh ngộ, có sự phê duyệt thận trọng của cán bộ quản giáo.

Với anh em, anh là người đàng hoàng, mạnh khỏe, nổ lực trong mọi công tác, không nề hà lánh nặng tìm nhẹ, nín thở qua sông. Với quản giáo, anh là phạm nhân chưa có một biểu hiện đáng ngờ vực, trong những lá thư anh gửi về cho vợ con ở Saigon, khi kiểm duyệt vẫn thấy được sự quyết tâm của anh tha thiết một ngày về đoàn viên. Hơn thế, anh có một người cô ruột là cán bộ cao cấp trong ngành nông nghiệp. Giao cho anh một công việc tự giác cũng yên tâm.

Trại giam nầy do bộ nội vụ quản lý, nằm thu mình dưới sườn đồi hẻo lánh, dường như quanh năm đều có sương mù bao phủ. Ngoài chính trị phạm tiếp nhận từ các trại quân đội sau năm 1975, còn giam giữ hàng trăm tội phạm hình sự nhiều nơi đưa về. Họ toàn là những con người ngơ ngáo bị hoàn cảnh lùa đuổi vào con đường hoạn nạn. Sống khắc khoải, lưng chừng giữa biên giới thiện, ác. Nhưng họ bày tỏ mối thân thiện ngay khi đám sĩ quan chế độ cũ lúc sa cơ đến đây, chẳng những rước bớt cho họ sự hiểm nghèo, lại có thêm những người bạn đồng hành hào phóng, đa tài. Cục diện đã thay đổi, nhưng âm hưởng hào quang ngày nào chưa tắt.

Cũng vì thế, khi Hoàng Vân đẩy thùng phi phân người buổi sáng đi ngang qua trước cửa khu giam biệt lập, thường có hàng chục người già trẻ, ló đầu ra cửa đón mừng hồ hởi. Có người không kèm được nỗi ấm ức lâu ngày, bộc lộ:

"Đại bàng miền Nam ơi, chưa gãy cánh đâu nhé. Gan lì đi, sau cơn mưa trời lại sáng choang đó."

Kẻ khác, mái tóc đã hoa râm, nồng nhiệt:

"Một mai kia, trời có lật, đất có nghiêng về phía mình, các anh đi trước, có chúng tôi theo sau. Nhớ đừng quên bọn nầy nghe, đại bàng."

Về sau, khi có lệnh ban giám thị trại cấm không cho ra đứng cửa nữa, bọn họ lại đục thủng bức tường một lỗ vừa đủ chui cái đầu người ra, chờ anh đi qua, thập thò bắn tiếng:

"Kiếm cái khẩu trang bịt mũi miệng. Ở đây tọa bệnh chỉ có ông trời chữa thôi."

Một đứa khác mặt còn non choẹt, đứng trên vai bạn, nhú đầu lên khỏi bức tường, nói theo:

"Hôm nào có chị trong ra, nhớ cho bọn bên nầy hưởng chút xái nhé."

Công việc của anh làm không lấy gì phức tạp. Chiều hôm trước đã có trực buồng các đội lấy phân trong cầu tiêu ra đổ vào thùng phi để bên hông hội trường sẵn rồi. Buổi sáng ra, anh chỉ cầm hai cái cần chiếc xe cải tiến có bốn bánh nhỏ bằng gỗ cứng, kéo đi là xong. Phân người tù trong một chế độ ăn uống, chia sẻ rất mật thiết với hoàn cảnh đất nước đang gặp nhiều khó khăn, nên không nhiều và khô bón thường xuyên, giúp anh bớt sự lo lắng làm vung vãi dọc đường, gây ô nhiễm môi trường sống. Chỉ cái việc hủy nó đi mới nan giải.

Trước đây, khi người khác đảm trách thì chỉ việc đẩy xe ra khỏi đồi chè trục xuống là xong, chỉ vài tiếng đồng hồ sau là từng bầy chim mỏ nhọn lông đen, không biết từ đâu kéo về dành dật nhau, cắn xé kêu chí chóe. Từ khi phái đoàn công an tỉnh sở tại về tham quan, thấy ruộng lúa phía trước còi cọt, không đủ thóc cải thiện bữa ăn cho đám vợ con cán bộ ở trong khu gia đình bên hông trại, nên đưa ra nhiều kế hoạch cụ thể, trong ấy có phương pháp cổ điển, đốt phân người thành tro rải xuống ruộng. Hoàng Vân là người duy nhất trong trại được mang hộp quẹt trong túi để nhóm lửa đốt phân.

Công việc nầy về sau gây cho anh nhiều vất vả, vốn tính kiên nhẫn chịu đựng sẵn có, cũng nhiều phen chùn bước. Nếu phân người được phơi phóng vài ba hôm thì khỏi mất thì giờ nhen nhóm. Nhưng phơi như thế lại phải mất hai người tù canh chim, biết đâu chúng lợi dụng khe hở nầy mà khước từ cải tạo, lại bị phê bình quản lý không chặt. Mà đâu có phải chỉ có chim ban ngày, ban đêm còn có biết bao sinh vật cần đến thứ cặn bã nầy, từ lớn như con chồn, cáo, nhỏ, như bọ hung...

Hôm nhóm bếp đầu tiên, cán bộ quản giáo ân cần nói với anh:

"Điều cốt nhất là phải ngồi trên gió, nghe anh Vân. Hơi độc của khói nầy được ban nghiên cứu khoa học thực vật đánh giá có tác dụng làm tổn thương thần kinh động vật khi tiếp cận, tựa tựa như chất độc hóa học màu da cam, mà đế quốc Mỹ đã sử dụng ở chiến trường. Phân người, xét cho cùng, tự nó không có gì đáng ngại, ngoài cái chất độc cơ hữu của nó. Xã hội mới không đánh giá hồ đồ việc làm của từng cá nhân. Ráng lên, mùa đông đến, lại

càng đòi hỏi nhiều công sức. Kỳ họp đến, tôi sẽ đạo đạt lên ban giám thị, bồi dưỡng thêm cho anh mỗi ngày tám trăm gờ ram sắn tươi."

Khi nhận được số sắn nầy Hoàng Vân đem hết cho anh em trong đội đang kiệt sức vì đói. Còn anh, một cơ thể to lớn, làm việc nặng nhọc cũng cần tăng viện, thì đã có bếp lửa bên cạnh, chỉ cần đi một vòng giữa đồi núi miền trung du nầy thì đã có những thứ ăn được, bắt lên gô là xong. Điều làm cho anh khó xử mới bộc phát về sau nầy là, phải tìm ra một phương cách nào hợp tình, hợp lý để đối xử với vợ con cán bộ trong khu gia đình tập thể, thường ra đây la cà, vòi vĩnh xin anh một ít tro về bón hoa màu, khi đến đây, lúc nào họ cũng dùng những lời nói dịu ngọt, o bế. Có chị mang biếu anh vài viên thuốc ký ninh, phòng khi bị sốt rét, có bác lại cho anh cả miếng nhôm bằng bàn tay lấy từ thân máy bay B.52 bị bắn rớt, để anh khắc chạm làm vật kỷ niệm. Có em dám tình nguyện mang thư cho anh ra tận thị xã Vĩnh Yên bỏ vào bưu điện, muốn nhắn nhủ gì với vợ con thì mặc sức thoải mái.

Khu gia đình cán bộ nầy có riêng một rẫy nằm thoai thoải bên bờ suối. Họ trồng đủ thứ cây: mướp, cà, xu hào, đậu, ớt, sả, gừng, giềng, hành tỏi... Sở dĩ được tốt tươi trên một miếng đất khô cằn sỏi đá là nhờ anh du di trong một mức độ vừa phải, nếu cán bộ trại phát hiện thì anh cũng có lý do biện hộ. Không phải ai cũng có vợ con ở đây, nên thường sinh ra sự chia rẽ trong nội bộ, có khi ngờ vực đến sự cống hiến hy sinh của những người đã từng có ba bốn mươi năm tuổi đảng, lúc về hưu cho coi tù để khỏi tủi trong tuổi già bóng xế. Nghiệt thay, lại có những mất mát mà lực lượng vệ binh rình mò hoài không bắt gặp được. Sắn chưa đến mùa đã bị đào trốc gốc. Khoai lang chưa đơm củ đã hái ngang đọt. Cuốc xẻng của cải tạo viên để ngoài "lô" không cánh mà bay. Mấy cái thùng gánh nước, bình tưới cây do đội hàn gò chưa xong cũng mất. Thậm chí mấy chĩnh nước mắm, mấy thùng mỡ lợn dành cho bếp tù, đêm khuya cũng có người cạy cửa vào lấy hết.

Trong một xã hội chưa xây dựng lại được "bằng mười ngày xưa" thì hiện tượng ấy có thể châm chước bỏ qua được. Đằng nầy, trong khu vực trại giam, trên danh nghĩa cải tà quy chánh, thì ông giám thị không thể không tìm phương cách để khỏi vạch áo cho người ngoài xem lưng, bằng cách tập trung toàn trại lại, một sáng chủ nhật, đem cái sở trường nghề nghiệp thâm căn cố đế ra hóa giải:

"Gần đây có những sự vụ việc xẩy ra ngoài ý muốn. Chúng tôi đã cho chuyên viên điều tra dấu chân của kẻ bất chính luôn luôn đi về phía tây, bên kia dãy núi đá vôi. Tôi danh dự nói thiệt với các anh, chỉ riêng với chính trị phạm thôi nhé, không biết lâu ngày quá, các anh còn nhớ gì trong lịch sử cổ đại Trung Quốc không, chính cái thằng cha Lưu Bang nước mắt cá sấu ấy, khi chưa nắm cơ đồ nhà Hán trong tay, cũng có lần chui vô nhà nàng Thích Cơ định bắt trộm gà ăn thịt. Người mà chúng ta thường gọi là tráng sĩ quyết ra đi không về, khi qua sông Dịch, cũng ăn cắp của người lối xóm cái... mái chèo. Các anh biết ai không? Kinh Kha đấy!

Ngừng lại ngó quanh hội trường, thấy đám hình sự đứa ngủ gật, đứa ngáp, ông giám thị vỗ bàn:

"Nghe đây nào. Các anh yên tâm, kể từ nay sẽ có phương cách bảo vệ, bảo đảm cho công lao các anh bỏ ra được thụ hưởng. Trưa nay, các anh sẽ được ăn trọn một con trâu gần hai trăm rưỡi ký. Nhất thiết chúng tôi không nhượng bộ da cho các xã phơi khô làm trống.

Nhìn đám người phờ phạc, ngồi im như tượng, giám thị tiếp:

"Trong một cây có nhiều lá, có ngọn lành, ngọn sâu. Trong một xã hội cũng thế. Đừng có cái nhìn cục bộ để đánh giá cho cả rừng cây. Ai không đồng ý lời tôi nói dong tay lên, tự do phát biểu."

Dĩ nhiên là những người phía dưới không có ai đưa tay lên. Khi cơ thể đã cạn kiệt sức, lượng máu trong người, không đủ cho trái tim bơm đi khắp huyết quản, cánh tay dính vào mình chỉ muốn xuôi về phía dưới.

Sau những buổi lên hội trường như thế, thường kéo theo một cuộc thảo luận vòng vo ở các đội, có sự theo dõi của quản giáo. Hôm đó, anh Hoàng Vân được biểu dương trước đội, cho phép anh một tháng được gửi hai lá thư về thăm nhà và nếu vợ con ra thăm nuôi, sẽ cho anh ra ở lại hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Ngoài ra, trại sẽ làm văn thư trình lên cục xét cho anh mãn hạn cải tạo trước thời hạn ấn định.

Khi tan thảo luận, cán bộ gọi anh ra hiên nhà, dặn nhỏ: "dù thế nào đi nữa, anh cũng bảo vệ danh dự cho gia đình chúng tôi. Vạn sự bất như bần, gia do đều phát xuất từ sự thiếu thốn. Không ai muốn bôi tro vào mặt. Công tâm mà nói, nếu anh không khôn khéo cho ít nhiều phân tro thì cái rẫy bên bờ suối kia, cây cỏ cú cũng không trồi đầu lên nổi, đừng nói chi hoa màu. Tôi đại diện, những người ấy... cám ơn anh nhé."

Hoàng Vân làm công việc nầy, khi tạo được tin tưởng, anh em trong đội cũng được nới lỏng đôi chút, hàng tháng những lá thư gửi về gia đình cũng được điểm duyệt qua loa. Ngày chủ nhật, lễ lạc được nổi lửa sớm hơn thường lệ nửa giờ. Có ai đó, trong nỗi nhớ thương không dằn được, cất lên vài câu nhạc vàng cũng không sao.

Một hôm anh đang lúi húi nhóm lửa để đốt phân thì có một cô gái đến, vui vẻ nói chuyện, như đã từng quen biết:

"Anh Vân nè, nghe đâu có anh trong đó vì thèm chất ngọt quá, khi đánh răng nuốt cả kem hết, phải không?"

NGUYỄN LƯƠNG HẢO

XIN LỖI! KHÔNG CÓ TÔI

Mỗi ngày trước gương soi
Em thoa chút son môi
Em bôi hồng lên má
Mắt xanh xanh da trời.

Tóc em gội mượt mà
Thơm thơm mùi nước hoa
Hôm nay cài nơ tím
Ngày mai dắt trâm ngà

Em ăn mặc thời trang
Chỉ xài loài hàng sang
Tiền lương tôi không đủ
Mua đôi dày em mang

Em mất nhiều thời gian
Cho nhan sắc đài trang
Cho đàn ông mê mệt
Yêu em phải sắp hàng

Trong hàng cũng có tôi
Em đẹp - Tôi ngắm thôi
Còn yêu - Xin lỗi nhé!
Lòng em bạc như vôi...

CAO XUÂN TỨ

NHƯ CHƠI

Mới dậy thì tuổi xém năm mươi
Nơi vũng lầy lung linh sao đọng
Dưới huyệt sâu êm thắm chốn nằm
Giữa sớm hồng tấm tức cơn giông
Sau lớp nhung còn trơ dấu đạn
Bảy dặm hài chưa bước khỏi sân
Treo túi thơ hỏi thầm túi gấm
Nẻo đường về thêm mấy ngược xuôi
Hỏi ai nơi góc trời tứ chiếng
Vẫn trò đùa chữ nghĩa hụt hơi
Và dòng đời lăn ngoài phẩy chấm
Đọc thơ người ngỡ đọc thơ tôi
Lại mùa xuân kênh đào đông quánh
Bạn về thăm phả ấm trên môi
Bật que diêm ngứa mầm chung chạ
Tưởng lòng bắt lửa hóa như chơi.

10-1-1995

LƯƠNG NHỨT-NƯƠNG

LY HÔN

Thà rằng ở vậy cho xong
Thà rằng mang tiếng không chồng cũng vui
Thà ôm gối lạnh ngậm ngùi
Trở trăng mấy chốc cũng rồi năm canh
Thà nghe gió rít qua mành
Ngỡ ai khe khẽ ân tình bên tai
Chớ bằng tiếng một, tiếng hai
Câu nặng câu nhẹ mà đày đọa nhau
Thà đành đoạn nghĩa trầu cau
Thà tuôn hết lệ - Hồn đau một lần
Chớ bằng đôi đứa chết dần
Trong hương đã nhạt - Lửa gần tàn tro
Đêm này, đêm nữa... đắn đo
Thế là dứt một chuyến đò đắng cay
Phận người hết gió mưa bay?...

Đức Quốc, lập Đông năm Giáp Tuất, 1994

Câu hỏi khởi đầu, thốt ra trên đôi môi chúm chím hiền từ, làm anh bật cười:

"Phải."

Cô gái ngồi xuống cạnh anh, buông ra một tràng câu hỏi:

"Nghe các anh cạo râu bằng mẻ chai, phải không?"

"Phải."

"Giường chiếu các anh ngủ, rệp bò lổm ngổm, không tài nào đếm hết à?"

"Phải."

"Móng tay dài, các anh dùng răng để rắn đứt sao?"

"Chuyện đó thường."

Cô gái lắc đầu tỏ vẻ ngao ngán, rồi tiếp:

"Em nghe các anh ăn cả ốc sên, cóc, uễnh ương, chàng hiu, cào cào, chuột, đuông, nòng nọc, rắn, thằn lằn, mối, kiến chúa nữa phải không?"

"Phải, con gì ăn được là ăn."

"Thế có ai ăn rít không?"

"Không."

"Vì sao thế anh, sợ à?"

"Không bắt được."

Cô gái cười, bày hai hàm răng trắng ngà. Nụ cười làm nét mặt cô ngây thơ thêm. Lâu sau, cô lại hỏi:

"Vì sao lại lạ đời thế anh nhỉ?"

"Vì chúng tôi là tù, tù bị bỏ đói."

Cô gái như chợt tỉnh, đưa đôi mắt buồn buồn nhìn qua mấy ngọn đồi đầy hoa chẩu nở. Màu hoa trắng xóa. Những áng mây phía sau hoa cũng trắng xóa. Rồi cô chặc lưỡi, nói nhỏ:

"Hèn gì ai cũng ngán ở tù. Em ở tận mỏ than Hòn Gai kia, vào đây thăm người chị ruột lấy chồng công an coi tù ở đây. Ở ngoài quê em cũng có tù, nhưng tù mập ú, được ăn no, đi đánh cá. À, mà bì sao được, họ có làm ra của cải lại khác. Hồi em còn đi học, có học vạn vật, được biết không phải loài vật nào cũng ăn được, như gan cóc tía, mật kỳ đà chẳng hạn, các anh đừng xem thường mà bỏ mạng nhé.

Hoàng Vân mỉm cười:

"Thế mà bọn anh còn sống nhăn đây. Có chết thì không phải chết vì... ăn!"

Cô gái hiểu ý:

"Vẫn biết thế, nhưng mình cũng ráng sống chứ. Em nghe họ đồn, vợ các anh trong ấy bỏ đi lấy chồng hết, phải không?"

"Chuyện đó cũng có, nhưng không phải ai cũng thế. Bằng chứng là ngày nào cũng có những người vợ lặn lội ra thăm chồng."

Đăm chiêu một hồi lâu, cô gái hỏi tiếp:

"Khi anh chị yêu nhau, có nghĩ đến ngày xa nhau không. Khi anh đã xa rồi, có thương chị ấy không?"

Hoàng Vân cười to:

"Đã gọi là yêu nhau, lúc gần cũng như lúc xa, đều thương chứ."

"Thế mà người ta nói các anh, cả các chị ấy nữa, đều bạc tình. À, xin lỗi anh Vân nhé, bây giờ thì người ta còn nói con dơi sinh con chuột, con chuột lại đẻ ra trứng, trứng nở thành chồn hương được nữa là. Riêng bản thân em, dù có đem ra vịnh Hạ Long trấn nước chết chìm, cũng không tin con vượn sinh ra người. Tổ tiên chúng mình hẳn phải cao sang, sao nhăn nhó như khỉ được, tính chi cái nước cờ, buồn quá phải không anh? Thôi em vào. Chị em nói em mang lon đậu phộng rang nầy ra anh ăn cho vui. Mai em đã về quê rồi. Chắc là tết nầy lại lên. Hẹn gặp thăm anh lần sau nhé. Thế nào em cũng mua biếu anh vài lưỡi dao lam cạo râu."

* * *

Cuối mùa đông năm đó, Hoàng Vân lâm bệnh. Cán bộ trại cũng như anh em cải tạo viên không ai biết chắc anh bị bệnh gì. Khi anh không còn sức để gánh vác công việc ấy nữa thì quản giáo cũng tỏ ra lạnh nhạt với anh em trong đội, khởi đầu là những lá thư gửi về thăm gia đình, chẳng những trả lại còn bị gọi lên nhà văn hóa làm việc hạch xách đủ điều, nếu tái phạm sẽ bị trụt mức ăn xuống một bậc, đó là mối họa lớn nhất của tù.

Trong những ngày ấy thì bà cô từ Hà Nội lên thăm anh. Nhờ sự chiếu cố đặc biệt của trại, anh được ngồi lên chiếc xe cải tiến mà trước đây để thùng phi phân, cho hai tù hình sự đẩy ra thăm cô.

Vừa mới trông thấy người đàn bà ngồi trong phòng tiếp tân, anh cố ngẩng cổ cao, cất tiếng gọi:

"Cô!"

Người đàn bà quay qua, hỏi cán bộ hướng dẫn thăm nuôi:

"Ai là thân nhân của tôi, đồng chí?"

Không chờ cán bộ trả lời, Hoàng Vân từ ngoài hành lang lại ráng sức:

"Cháu đây! cô ơi!"

Rời khỏi ghế người đàn bà chậm chạp đi về phía anh, tỏ vẻ ngạc nhiên:

"Cậu là Nguyễn Hoàng Vân đây à. Sao biết tôi?"

"Cháu nhìn thấy cô giống bố cháu như đúc."

Nói hết câu nầy anh khóc rống lên. Một hồi, anh nín bặt, rồi lại khóc thút thít như trẻ thất lạc mẹ lâu ngày trở về. Đây là lần đầu tiên kể từ khi vào tù anh khóc. Năm 1954, anh mới bốn tuổi theo cha vào Nam, cô đi chiến khu. Nay cha anh đã qua đời, không ngờ gặp cô giữa chốn nầy... Anh khóc vì chuyện đời trớ trêu!

Vốn là người từng trải, cũng hiểu được nỗi lòng của cháu, người cô an ủi:

"Cháu đừng khóc. Gặp được cô là điều vui chứ. Ít ra, cháu cũng có một người máu mủ đến thăm. Nếu cô đoán không nhầm, chắc cũng có một lúc nào đó, trong thâm tâm cháu nghĩ rằng, đời cháu với một quá khứ của mình, coi như đã hết, chẳng còn ai nhớ đến mình. Cha cháu qua đời, cô cũng không gặp mặt. Cô còn nhớ, hồi

nhỏ, hai anh em thường dắt nhau ra con đê Yên Phụ ngắm chiều xuống trên sông Hồng. Trong mấy anh chị em, cha cháu thương cô nhất. Cháu cũng có nét hao hao giống cha cháu ngày còn trẻ, có điều cháu gầy rạc, xanh xao quá. Hồi mới giải phóng, cô vào tiếp thu cơ sở ở Saigon có ghé nhà cháu, lúc đó cháu đã tập trung rồi. Tội nghiệp con vợ cháu, đặt hết tin tưởng vào cô, nhờ cô đứng ra bảo lãnh cho cháu về. Cháu dâu của cô đâu biết rằng, tội lỗi của cháu gieo thì cháu phải gánh chịu một mình, một mình thôi. Vợ cháu cũng có tặng cho cô một chiếc đài ba băng, kèm theo ngân phiếu nhờ cô mua một vài thứ cho cháu ăn Tết, vì đường sá xa xôi, cách trở, lại buôn bán tần tảo nuôi con, chắc ra năm rộng tháng dài sẽ ra thăm cháu sau.

Hoàng Vân bối rối nhìn cô một hồi, rồi nói:

"Hồi cha cháu còn sống thường nhắc đến cô."

"Thế cháu bệnh gì mà phải có hai người dìu. Bại hả?"

"Cháu chẳng biết bệnh gì!"

"Chắc là thiếu thốn dồn dập rồi sinh bệnh. Cháu bồi dưỡng một thời gian rồi sẽ bình phục. Hồi đi kháng chiến, cô cũng thế, khi không xáng xuống bệnh, hai chân trương phù như chân voi, tưởng què suốt đời. Thế mà cũng lành ráo."

Rồi bà ghé miệng vào tai anh, nói nhỏ:

"Như thế là cũng may rồi đó cháu. Nhổ cỏ mà không nhổ tận gốc là người ta mong có ngày để cho mặt đất bớt vẻ tiêu điều, dĩ nhiên là phải chịu sự uốn nắn khắc nghiệt, thậm chí có khi cảm tưởng như tàn nhẫn. Cháu phải xác nhận vị trí của mình, một kẻ chiến bại. Nếu có ai, vì một ảo tưởng nào đó không thấy được, thì kỷ luật sẽ cưỡng chế quay về thực tại."

Thấy đứa cháu ngơ ngác như không hiểu gì, người cô bèn hỏi cán bộ thăm nuôi:

"Đồng chí quản lý phạm nhân, thế có biết cháu tôi bị bệnh gì không?"

"Thưa, tôi không phải quản giáo, chỉ phụ trách thăm nuôi."

Lâu sau, Hoàng Vân hỏi:

"Dượng và các em có khỏe không? Cô lên thăm cháu bằng gì?"

"Dượng đã về hưu rồi. Các em đều có gia thất ra riêng. Cũng như người khác thôi. Cô đi xe hàng lên bến phà Trang. Từ đó vào đây bằng xe trâu. Ngồi xe trâu mệt, lắc lư nhiều, nhưng cũng lạ, thấy vui. Mỗi lần đi công tác bằng xe con, sướng hơn, nhưng gì cũng cái giá của nó: tiếng ồn của cơ giới gây bất ổn cho thính giác. Cháu biết cô năm nay đã năm mươi bảy tuổi rồi không? Thua cha cháu bốn tuổi. Nếu cha cháu ở lại, giác ngộ theo cách mạng thì cũng làm ông tướng, ông tá rồi. Số mạng cháu lại khác đi nhiều, có khi ngược lại, ngược lại hoàn cảnh nầy, nghĩa là cô lại nhờ cháu."

"Sao tóc cô không có sợi nào bạc hết?"

Giữa tình huống nầy, một câu hỏi như thế, làm bà cô bật cười:

"Còn làm việc, còn đi đây đi đó, chứ cháu. Đàn bà mà bạc tóc là đã hết thời. Cổ nhân nói, bất hứa nhân gian kiến bạc đầu, có lý lắm. Nên cô phải nhuộm, vừa tốn kém vừa mất thì giờ, nhưng thà thế còn hơn. Đây là những thứ cô mua đúng như lời trong thư của vợ cháu, vừa vặn số tiền gửi ra. Còn gói nầy là của riêng cô cho cháu, gần hai ký cám lứt loại tốt trộn với đường đen, chính tay cô thức suốt đêm rang cho cháu đấy, nhớ giữ cẩn thận mà ăn dần. Hôm nào được giấy tha, cháu về, nhớ ghé Hà Nội thăm cô, địa chỉ cô ghi đây. Đó không phải nhà cô, nhà người bạn. Cô với cháu là tình thâm ruột thịt khác, nhưng sợ dượng biết cháu không đồng lý tưởng, mặc cảm không niềm nở, sợ cháu không vui."

"Cám ơn cô, cháu hiểu rồi."

"Thế trong trại, cháu làm nghề gì?"

"Thưa cô, cháu chuyên khâu hủy phân... phân bò."

Bà cô quắc mắt, ngạc nhiên:

"Bò của trại nuôi hay của dân?"

"Trại nuôi hai con, vỗ béo để tết nầy làm thịt."

"Ừ, tốt thôi. Bò là loài ăn cỏ nhai lại, phân nó không ngại gì. Chỉ sợ phân người. Ở trong ngành nông nghiệp có nhiều năm nghiên cứu về phân bón, cô biết, trong các loài động vật, phân người đáng sợ nhất. Thôi, cũng sắp hết giờ rồi. Cô về, cháu gắng cải tạo tốt nhé. Cháu nhớ lấy mấy tảng đường lẻ cho hai em tù dìu cháu nhé."

Rồi cầm lấy bàn tay lạnh buốt của Hoàng Vân:

"Cô đi đây. Cháu ho nhiều thế. Coi chừng hai lá phổi."

Chờ bóng cô khuất sau màn hoa chẩu trắng, Hoàng Vân mới quay lại, nhờ hai từ hình sự dìu lên xe. Anh lại bật khóc, lần này khóc vì trong đời đã có lần nói dối, mà lại nói dối với người cô ruột mình.

Mấy ngày sau bệnh tình của Hoàng Vân đã đến hồi nguy ngập, trại phải điều xe hơi quân đội chở ra bệnh viện thị xã Vĩnh Yên. Từ đó anh đi mãi không về nữa.■

Midway 11.94

ĐÊM NHẠC ĐỖ THẾ PHIỆT

Người Việt trình tấu, người Việt thưởng thức
nhạc giao hưởng và nhạc thính phòng

QUỲNH GIAO

Những người bạn ngoại quốc chắc không thể nào "thấm" hết những cảm xúc của người Việt trong đêm thứ Bảy mùng 5 Tết vừa qua, khi nghe nhạc giao hưởng do Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ tổ chức tại Ebell Theater, thị xã Santa Ana. Có nhiều điều làm người nghe thấy cảm động, không chỉ vì nhạc, mà vì cả sự kiện đêm nhạc đánh dấu việc cộng đồng người Việt đã được 20 tuổi trên đất Hoa Kỳ. Ban tổ chức có nói lên chi tiết 20 năm đó. Người nghe, và riêng người viết, thấy thời gian trải dài hơn, và không gian cũng vậy.

Đêm Nhạc được đặt tên là "Đêm Nhạc Giao Hưởng Đỗ Thế Phiệt" có thể làm một số người không hiểu, vì không biết người họ Đỗ. Sinh trưởng tại miền Bắc, Đỗ Thế Phiệt là một nhạc sĩ vĩ cầm đã tốt nghiệp và đoạt nhiều giải cao quý tại Pháp từ đầu thập niên 1950, nghĩa là gần nửa thế kỷ trước. Sau Genève 1954, khi Việt Nam bị chia đôi, ông về nước, dạy vĩ cầm, làm giám đốc trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ tại Sàigon (mà dân học nhạc cứ thường gọi tắt là "trường Nhạc", quên bẵng bộ môn kịch nghệ ở bên). Ông gây dựng lên và điều khiển dàn nhạc giao hưởng tại Sàigon. Những điều đó nay đã thành xa mờ vì ông bị bệnh tim mất sớm vào năm 1970. Nhưng, ông đã để lại cho chúng ta rất nhiều duyên may với âm nhạc.

Phu nhân của ông, nhũ danh Ngọc Thuyền, tốt nghiệp về dương cầm tại trường Cao đẳng Sư phạm (*École Normale*), và về nhạc thính phòng tại Nhạc viện Quốc tế Paris (*Conservatoire Internationale de Paris*). Về nước, bà cũng là giáo sư dương cầm của trường Nhạc Sàigon từ 1958 tới 1975, và sau này tại miền Đông Hoa Kỳ. Bà đã đào tạo nhiều nhạc sĩ dương cầm cho Việt Nam.

Trong buổi hòa nhạc, bà Đỗ Thế Phiệt được mời lên sân khấu trong tiếng vỗ tay của nhiều thế hệ môn sinh. Bà nói về điều phu quân đã để lại cho bà, và cho chúng ta: "Cố gắng nuôi dưỡng tinh thần yêu nhạc và ra sức đào tạo nhiều nhạc sĩ cho Việt Nam." Bản thân, nhạc sư Đỗ Thế Phiệt cũng đã để lại cho chúng ta nhiều thế hệ nhạc sĩ.

Đa số những danh cầm Việt trong buổi trình tấu đều là học trò của ông hay bà, hoặc đã tốt nghiệp trường Nhạc tại Sàigon. Vì vậy, đêm nhạc mang tên ông, như một sự tưởng nhớ, như một vinh danh và một nối tiếp không ngừng. Đỗ Thế Phiệt cũng là một nhạc sĩ sáng tác, dù không nhiều.

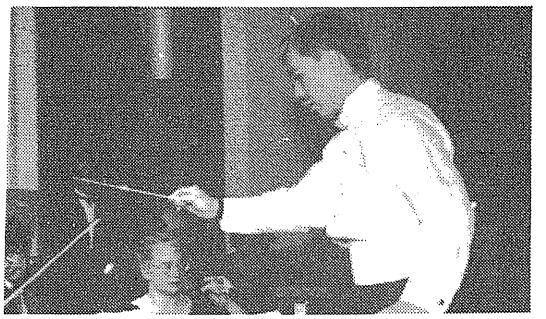

Nhạc trưởng Vũ Tôn Bình

*

Hội trường không còn một chỗ trống, với khán giả tới rất đúng giờ, người ta nhận thấy sự hiện diện của ba bốn thế hệ nhạc sĩ đã đóng góp rất nhiều cho âm nhạc ở nước ta. Hai người tiêu biểu cho thế hệ khai phá là nhạc sĩ Phạm Duy và nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi. Cả hai, có lẽ không cần giới thiệu thêm. Bên cạnh đó có Lê Văn Khoa và Trần Chúc là những thế hệ nhạc sĩ tiếp nối, trước và sau 1975. Cả hai đều có đóng góp cho buổi hoà nhạc tối nay với phần hoà âm cho các ca khúc Việt Nam — Trần Chúc: *Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi* trong trường ca *Con Đường Cái Quan* của Phạm Duy; Lê Văn Khoa, những bài dân ca Nam Trung Bắc.

Cùng với khán thính giả, tất cả đều thiết tha với âm nhạc và đều muốn có một buổi trình tấu thật đặc sắc. Để nhớ nhà hơn, nhớ thầy hơn, yêu nhạc hơn và mong muốn là thời nào cũng sẽ có những nhạc sĩ Việt Nam tô điểm thêm cho đời.

Có lẽ đó là ước muốn sâu đậm nhất của những người đã dày công tổ chức Đêm Nhạc Giao Hưởng Đỗ Thế Phiệt, những anh chị em trong Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ.

Đêm nhạc mở ra rất đúng giờ, dù ban nhạc và ban tổ chức đã khá vất vả để thu xếp vị trí cho hơn 50 nhạc sĩ và ca sĩ trên một sân khấu bỏ túi. Cấu trúc của vòm âm thanh và hệ thống ánh sáng của Ebell Theater được coi là hoàn hảo, theo những tiêu chuẩn thường ít thấy khi chúng ta tổ chức văn nghệ bằng những phương tiện hạn hẹp của mình.

Rộn ràng khai mạc chương trình là Khai tấu khúc dẫn vào vở ca kịch *Egmont* do Beethoven viết năm 1810 (*Ouverture to Egmont, Op. 84*). Khai tấu khúc thường được viết gần như một ngẫu hứng của tác giả trước khi mở màn một đại hí kịch, dùng âm thanh dàn dựng những mấu chốt của vở kịch trước khi dẫn khán thính giả vào truyện ca. Ludvig van Beethoven viết nhiều nhạc *opera* và nhiều *ouverture*. Bản *ouverture Egmont* này là một nhạc khúc quen thuộc, thường được trình tấu bởi những dàn nhạc chuyên nghiệp và thiện nghệ vì khá đòi hỏi về kỹ thuật, nhất là về kỹ thuật *cadence* đầy biến động và hùng tráng. Dàn nhạc giao hưởng của chúng ta thành công lớn nhất với bài mở màn này khi đàn dây trải ra các chủ điểm chát chúa, sát phạt, và các nhạc khí khác huy hoàng trỗi lên nhịp tiết dồn dập của một khúc hùng ca. Nhạc trưởng Vũ Tôn Bình, một cựu môn sinh của bà Đỗ Thế Phiệt và tốt nghiệp trường nhạc Hoa Kỳ những năm sau này, đã chứng tỏ tài nghệ của mình với sự vững vàng và tự tin ngay trong những trường canh đầu tiên.

Bản thứ hai là hành âm thứ nhất của Hợp tấu khúc trên cung Mi thứ cho vĩ cầm, do Mendelssohn viết năm 1844 (*Concerto for Violin in E minor, OP.64*). Phong cách Felix Bartholdy Mendelssohn là sự diễm lệ, trang nhã và trong sáng đến gần như chân phương của nhạc trữ tình. Độc tấu vĩ cầm cho nhạc khúc réo rắt đêm nay là Nguyễn Khánh Hồng, 38 tuổi, *concert master* của dàn nhạc, học trò yêu của nhạc sư Đỗ Thế Phiệt, và thầy dạy vĩ cầm của nhiều nhạc sĩ trẻ ngày nay. Anh có cái *coup d'archet* vững chãi và những đoạn dây đôi *double corde* điêu luyện nên thể hiện rõ ràng nét hào hứng rộn ràng trong những đoạn *cadence*. Tưởng cũng nên biết Nguyễn Khánh Hồng là người đôn đáo lo lắng rất nhiều cho Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ và đêm hoà nhạc hôm nay.

*

Mozart là một thiên thần âm nhạc được Thượng đế gửi xuống cõi người trong một thời gian quá ngắn ngủi. Ông như biết được điều đó nên sáng tác không ngừng và để lại cho dương gian một khối lượng tác phẩm thật đồ sộ. Đêm nay, khán thính giả được nghe một đoạn ngắn trong vở Đám Cưới Figaro (*Le Nozze di Figaro*) ông viết vào năm 1786, dăm năm trước khi từ biệt cõi trần.

Khởi đi từ một vở hài kịch lối *commedia dell'arte* mang cùng tên của Beaumarchais viết ra năm trước tại Paris, Mozart đã soạn thành một vở ca hí kịch kiểu *opera buffa* với phần từ của Lorenzo da Ponte. Tính hí lộng và điên đảo trong vở hài kịch nguyên thủy được Mozart thần tình chuyển sang âm nhạc với sự tinh quái, và nhạc Mozart đã hiển hiện được tâm lý đa diện của các nhân vật trong một nhạc thể thống nhất qua các bản *arias* và cả những khúc song ca, tam ca hay hợp ca. Đêm nay, ta được nghe bản *aria* trong hồi hai với cái tên *Voi che sapete* quen thuộc trong giới yêu nhạc *opera*. Đây cũng là một trong các ca khúc được chọn làm đề mục thao dợt tiêu chuẩn của giọng nữ trung *mezzo soprano* mà những ai học hát đều phải qua để được thử nghiệm kỹ thuật ngắt đoạn *staccato* và liền đoạn "niêm ca" *legato*. Trình bày bài này là Bích Liên với giọng *soprano* diễn tả khá rõ phong cách nhịp nhàng mà vui tươi, nhí nhảnh, của nhân vật trong vở kịch.

Beethoven có soạn chín bản giao hưởng, trong đó có bản Giao hưởng số 3 trên cung Mi giáng trưởng tương truyền là được viết tặng Napoléon dưới tên nguyên thủy là *Bonaparte*. Khi người anh hùng lên ngôi Hoàng đế, ông làm người nghệ sĩ thất vọng. Hoá ra cũng chỉ là tham vọng quyền bính tầm thường. Ludvig van Beethoven xoá bỏ lời tặng nhưng không nỡ xé bỏ tác phẩm. Nhờ vậy mà nhân loại vẫn còn bài *Symphony N.3 in Eb Op. 55* nổi tiếng với tên *Eroica*, được truyền tụng như một nhạc khúc cách mạng về cả chiều dài lẫn kỹ thuật phức tạp và độc đáo. Nét tân kỳ hay được nhắc tới là ở hành âm thứ hai, *Adagio assai*, thay vì là một nhạc đoạn chậm rãi như thông thường lại là một tang hành khúc (*marche funèbre*) lâm ly trên cung Đô thứ và một nhạc đoạn tương phản với nét lẫm liệt trên cung Đô trưởng.

Đêm nay, dàn nhạc giao hưởng Việt Mỹ diễn tả tài nghệ qua hành âm đầu *Allegro con brio*. Sau hai nhịp khai diễn bằng đàn dây, hành âm chuyển qua một nhạc điểm thật đơn giản mà súc tích vì gói ghém toàn bộ những đoạn biến khúc và khai triển kế tiếp. Hành âm lần lượt mở ra những nhạc điểm nối tiếp như những đài hoa đua nở trong nhịp tiết khi bâng khuâng, man mác khi hùng tráng, uy nghi, dẫn tới cực điểm huy hoàng. Hành âm khá dài này là một điển hình của nghệ thuật trác tuyệt Beethoven khi chất liệu âm thanh đầy tương phản của năm sáu chủ điểm dồn dập nối kết lại được hợp nhất trong một cấu trúc hài hòa. Đây là nhạc khúc được trình bày công phu nhất và dàn kèn đáng được vỗ tay tán thưởng nhiều hơn.

*

Sau phần tạm nghỉ, ban nhạc trở lại với một không khí mới với một loạt các nhạc khúc và ca khúc Việt Nam.

Trước tiên là đoản khúc *Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi*. Trần Chúc hoà âm công phu nét Đông phương, với phần mở đầu như vào nhạc Debussy và với nhiều khéo léo về nghệ thuật luyến láy. Phần ca xướng nguyên thủy được anh viết lại cho kèn *oboe* để diễn tả nỗi nghẹn ngào của nàng công chúa ngàn dặm ra đi. Dàn đàn dây trỗi lên và lập lại với nghệ thuật *modulation* và chuyển tiếp thật đẹp. Nhạc trưởng Vũ Tôn Bình trang trọng giới thiệu với hội trường tác giả của nhạc khúc và Phạm Duy cùng Trần Chúc đã được người nghe nhiệt liệt tán thưởng. Thời gian và không gian quả đã trải rộng trong tâm tư chúng ta khi nỗi niềm

Huyền Trân, con đường Nam tiến, và nhạc Phạm Duy thập niên 1960 lại được một dàn nhạc giao hưởng trình tấu vào giữa thập niên 1990 tại Hoa Kỳ.

Thời gian và không gian lại cũng đã trải rộng khi khán thính giả được nghe Văn Cao thời tiền chiến qua tiếng hát Bích Liên và dàn nhạc giao hưởng Mỹ Việt với hoà âm tài hoa của Lê Ngọc Chân đêm nay không có mặt. Ban Tứ Ca Ngàn Khơi gồm Bích Liên giọng nữ cao, Ngọc Sương giọng nữ trung, Lam Sơn giọng nam cao và Duy Hiển giọng trầm toàn là những bác sĩ, nha sĩ, kỹ sư mà vẫn cố gắng dành thời giờ cho ca hát. Theo thiển ý, đây là lần trình diễn thành công nhất từ trước tới nay của ban tứ ca. Giọng *bass* thật rõ và thật khoẻ đã nâng tiếng thánh thót và nét yêu kiều của giọng nữ trong ba bài dân ca được trình bày như một liên khúc: bài *Lý Áo Vá Quàng*, dân ca của tỉnh Kiên Giang miền Nam, bài *Lý Tình Tang* dân ca miền Trung và bài *Se Chỉ Luồn Kim* dân ca miền Bắc Ninh theo thể điệu quan họ nổi tiếng của vùng đất này.

*

Mozart để lại 41 bản giao hưởng, trong đó ba bản sau cùng được viết xong trong có sáu tuần vào mùa Thu năm 1788, ba năm trước khi ông qua đời. Đây cũng là những bản giao hưởng được đông đảo người thẩm âm coi là hay nhất của ông.

Tác phẩm chấm dứt chương trình trình tấu đêm nay là bản Giao hưởng 40 trên cung Sol thứ (*Symphony No. 40 in G minor, K. 550*). Tác phẩm pha lẫn nét man mác với nỗi bi phẫn như thấp thoáng ở hành âm cuối sự tiên tri u uẩn về mệnh số. Dàn nhạc trình tấu tả hành âm thứ nhất *molto allegro* và diễn tả thành công nhịp điệu dìu đặt, trang nhã quen thuộc trong nhạc Mozart.

Khán giả đã đứng lên vỗ tay nhiệt liệt — *standing ovation*, một cung cách tán thưởng ít có trong giới thưởng ngoạn người Việt — và được nghe hai bài *encore*. Bài đầu tiên là một đoạn ngắn trong *La Petite Musique de Nuit* của Mozart. Sau đó khán giả còn tiếp tục vỗ tay theo nhịp tiết của bài *encore* thứ nhì là một hành khúc truyền thống của dân Vienna dẫn mọi người vào năm mới.

Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ chắc hẳn sẽ còn cống hiến cho giới yêu nhạc nhiều giây phút hứng khởi và bồi hồi nữa trong những ngày tháng sắp tới. Chúng ta mong sẽ tái ngộ với tài năng Vũ Tôn Bình và tất cả anh chị em đã công phu tập luyện và tổ chức những sinh hoạt nghệ thuật thật chọn lọc và thanh lịch như đêm nay.■

Tác giả là một danh ca và cũng là một dương cầm thủ đã tốt nghiệp thủ khoa về nhạc pháp và dương cầm tại Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Saigon năm 1963. Quỳnh Giao cũng là môn sinh và cháu gọi bà Đỗ Thế Phiệt bằng dì ruột.

Quý Vị Yêu Thích Những Ca Khúc Nghệ Thuật
Hãy Tìm Mua Đĩa Nhạc

Quỳnh Giao

Tiếng Chuông ChiềuThu

Duy Cường hoà âm

Với Mười Một Bài Ca Bất Hủ Của Tân Nhạc Việt Nam:

* **Ngọc Lan** *Dương Thiệu Tước* * **Tiếng Chuông Chiều Thu** *Tô Vũ* * **Sao Đêm** *Lê Trọng Nguyễn* * **Bến Xuân** *Văn Cao & Phạm Duy* * **Dạ Lai Hương** *Phạm Duy* * **Nguyệt Ca** *Trịnh Công Sơn* * **Đường Chiều Lá Rụng** *Phạm Duy* * **Tà Áo Văn Quân** *Phạm Duy Nhượng* * **Gửi Áng Mây Hàng** *Vũ Thành* * **Đêm Màu Hồng** *Phạm Đình Chương, thơ Thanh Tâm Tuyền* * **Hoàng Hạc Lâu** *Cung Tiến, thơ Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương cảm dịch*

Có Bán Tại Những Nhà Sách và Trung Tâm Băng Nhạc Uy Tín

Gửi Thẳng Về Nhà, Kể Cả Cước Phí:
Hoa Kỳ: 12 US$, Ngoài Hoa Kỳ: 14 US$
Thư Từ, Chi Phiếu hay Lệnh Phiếu:
Doantrang Nguyen
P.O. Box 1445
Tustin, CA 92681-1445

ĐI XEM "MISS SAIGON" Ở LOS ANGELES

LÊ TAM CA

Một chuyện tình dang dở. Một bi kịch của đời sống — vừa xẩy ra, hay đã xẩy ra, nhiều lần, và đã được kể đi kể lại bằng nhiều cách khác nhau. Một ẩn dụ lịch sử hiện đại của một dân tộc — đúng ra là hai dân tộc, Việt và Mỹ. Viết bởi một kịch tác gia và một nhạc sĩ người Pháp. Đó là nhạc kịch "Miss Saigon."

Hãy coi Miss Saigon là một cái tên riêng, không thể dịch sang tiếng Việt được, vì dịch cách nào cũng không thoát. Cô gái Saigon ư? Không, cô Kim trong vở kịch là một cô gái quê chất phác. Hoa hậu Saigon ư? Không, một hoa hậu hèn gì đi nữa cũng không phải bán thân nuôi miệng như Kim.

Kim là nhân vật nữ chính trong kịch, do cô gái Mỹ gốc Phi luật tân, Jennifer Paz, thủ diễn. Kim bị chiến tranh làm cho trôi giạt, sa vào một quán rượu chuyên phục vụ lính Mỹ vào giai đoạn cuối của cuộc chiến Việt Nam (1975). Những mốc thời gian trong nhạc kịch "Miss Saigon" có tính cách tượng trưng, không hoàn toàn đúng với thực tế lịch sử: tháng Tư 1975 ở Saigon đâu còn những "snack bar" đầy lính Mỹ; hoặc giả tháng Tư 1978, Việt Nam mới thống nhất được hai năm (chứ không phải "đệ tam chu niên" như nhà soạn kịch ghi chú.)

Peter Lockyer trong vai Chris, và Fennifer Paz trong vai Kim.

Nhà soạn kịch người Pháp, Alain Boublil, cùng nhạc sĩ Claude-Michel Schonberg, được gợi hứng về đề tài do một bức ảnh thời sự chụp cảnh chia tay của một gia đình Việt Nam tại phi trường Tân Sơn Nhất, đăng trên tờ France Soir Magazine, tháng Mười năm 1985. Cảnh chia tay đẫm nước mắt, hợp với cốt truyện của một nhạc kịch Ăng lê, vở "Madame Butterfly" — kể chuyện một cô gái Nhật yêu một thủy thủ Anh, cuộc tình lỡ dở vì chàng về nước cưới vợ, nàng ở lại chờ chàng mòn mỏi. Nàng chết để mang theo mối tình đẹp mà buồn.

Kim tuy là gái bán ba, nhưng bản chất hiền hậu, chịu đựng. Gặp Chris (do Peter Lockyer diễn), một lính Mỹ trẻ, yêu ngay. Cuộc chiến Việt Nam đến hồi kết thúc, lính Mỹ lên đường về nước. Chris muốn đem Kim về Mỹ, nhưng chuyến trực thăng cuối cùng chỉ bốc được Chris và bỏ lại Kim cùng hàng chục (trong kịch), hàng trăm, hàng ngàn người Việt muốn đi Mỹ. Ba năm trôi qua, Kim sinh một con trai, tên Tâm và muốn con được về quê cha — nước Mỹ, vùng đất ước mơ của nhiều người, trong đó có "The Engineer" (do Kevin Gray diễn). Cuối cùng Kim cũng cũng gặp lại Chris ở Bangkok. Kim rời Việt Nam được là nhờ đứa con lai Mỹ. Cô muốn Chris và người vợ Mỹ của anh hãy đem Tâm về Mỹ nuôi dưỡng cho nên người. Vợ chồng Chris không muốn. Kim tự tử chết. Màn hạ với hình ảnh của Kim nằm chết trên tay Chris, và Tâm được "The Engineer" bế lên vai.

"The Engineer" là biệt hiệu của tay giang hồ tứ chiếng gốc Tây lai Hải phòng, đủ mánh khóe khôn ngoan để kiếm sống trong mọi tình huống — ngay cả trong vòng kiềm tỏa của chế độ cộng sản ở Việt Nam sau tháng Tư 1975. Kevin Gray diễm xuất tuyệt vời trong đêm ra mắt khán giả tại rạp Ahmanson, thành phố Los Angeles, đêm thứ Tư 25 tháng Giêng 1995. Anh là hiện thân của tư bản bóc lột, nhưng trong cái đểu cáng vẫn có cái dễ thương, vì anh còn chất con người. Anh là cái xấu chấp nhận được của xã hội, tương phản với cái ác trùm lấp đến rợn người của "guồng máy" cộng sản, biểu tượng (trong kịch) bởi cán bộ Thủy, bởi những toán bộ đội nhất cử nhất động đều rập khuôn như nhau, và bởi chính bức tượng vĩ đại của Hồ Chí Minh khống chế toàn bộ sân khấu suốt Hồi 2 của Màn 1.

Nếu Kim và Chris, hai vai chính, chỉ xuất hiện như những nhân vật bi kịch, thì "The Engineer" có cả bi lẫn hài, và Kevin Gray thành công trên cả

hai góc cạnh. Trong bộ cánh rất "đĩ" ở Màn 1 (Saigon 1975), hoặc ở Màn 2 (Bangkok 1978), Gray vẫn có những lúc làm người xem nhói ở trong tim với những câu hát tả tình đượm vẻ triết lý. Trong bộ đồ rách rưới của một anh "thất cơ lỡ vận" trên vỉa hè thành phố Hồ Chí Minh, anh vẫn là tiếng nói của sự thật, đáng tin hơn là những khẩu hiệu của đảng (cộng sản Việt Nam), và dễ gần hơn là "Bác" ngất nghểu, trùm lấp sân khấu. Những câu hát diễu của "The Engineer," như "mở miệng tôi nói Uncle Ho, nhưng lòng tôi chỉ nghĩ tới Uncle Sam," hoặc khi anh bắt chước cán bộ cộng sản giơ tay hô "Hô Chi Minh" anh tiếp luôn bằng ba tiếng "hô! hô! hô!" chắc không thể làm hài lòng các "đồng chí" ở Hà Nội!

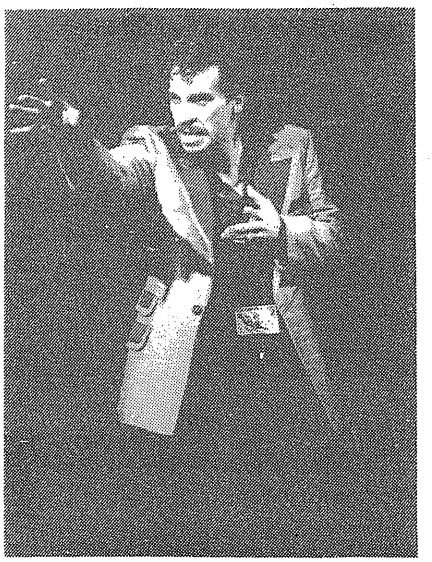

Kevin Gray trong vai "The Engineer"

Tưởng cũng cần nói vài dòng về cảnh bức tượng toàn thân ông Hồ trên sân khấu: Tượng cao từ sàn lên đến trần sân khấu, ước tới 10 thước tây (tài liệu chỉ cho biết tượng nặng 600 cân anh), thoạt trông như tượng John Wayne, nhưng không "đúng kiểu" tượng "Bác" mà Hà Nội thường làm. Tượng ông Hồ trong "Miss Saigon" to cao như Mỹ (tính theo tỉ lệ thân dài hơn bẩy lần cái đầu), sơn mầu đồng, mặc sơ mi trần, một bên cổ áo vểnh, hai tay đút túi quần như chuẩn bị rút súng, mặt sừng lên rất dữ. Cảnh những toán bộ đội mặc quân phục, hoặc những toán cán bộ mặc đồ đen xếp hàng, đi đứng, nhảy múa dưới chân bức tượng tạo cảm giác dễ sợ như cảnh một bọn cướp chuẩn bị lên đường đi "ăn hàng."

Cảnh bức tượng xuất hiện lừng lững, choáng ngợp là một trong những "màn ngoạn mục" của đạo diễn Nicholas Hytner và nhà sản xuất Cameron Mackintosh. Kịch tính bùng nổ một cách lặng lẽ và đầy thuyết phục trong những pha ngoài sức tưởng tượng của khán giả, như bức tượng khổng lồ, như chiếc trực thăng chiếu đèn pha lòa mắt và phóng ra những tiếng cánh quạt, tiếng máy nổ bưng tai, như chiếc Cadillac trườn ra từ một chỗ hư không, nghễu nghện trên sân khấu...

Bên cạnh cái to, cái lớn, cái bất ngờ gây choáng ngợp, cũng có những cái thơ mộng như ánh trăng giãi trên chiếc giường nghèo đôi lứa, như cảnh bình minh trên thành phố Saigon, với những lớp phông chồng chất lên nhau, mỗi lớp là một hoạt cảnh, mờ ảo trong ánh sáng đục và mầu xám của không gian. Kỹ thuật thay phông đổi cảnh điều khiển bởi máy điện toán không làm cho sân khấu mất một "thời khoảng chết" nào, và sự nhanh chậm có tính toán cũng giúp cho tâm cảnh của người xem biến thiên theo tình huống kịch. "Miss Saigon" không hổ danh đệ nhất nhạc kịch sau "My Fair Lady."

Nhạc kịch của Âu Mỹ có điểm giống với ca kịch cải lương Việt Nam: diễn viên vừa diễn vừa hát (thay vì nói). Người diễn như vậy vừa phải diễn kịch vừa làm ca sĩ. Giọng của Jennifer Paz hơi yếu, so với các vai đồng diễn, nhưng lại thích hợp với vai cô gái hiền lành tên Kim. Trong những bộ quần áo mầu nhạt, thân hình mảnh dẻ của cô Paz toát ra vẻ yếu đuối trong trắng, dù cô luôn sống trong môi trường ngầu đục của trác táng, của loạn ly, của khủng bố. Những cảnh độc diễn hoặc song diễn tuy làm sân khấu hơi tẻ nhưng nhờ các ca khúc rất hay, nên khán giả không chán. Bài song ca với Chris, tựa đề "The Last Night of the World" (Đêm cuối cùng trần thế) là một khúc dao ca (ballad) được tiếng kèn saxo nâng lên thành những tiếng nức nở thống thiết ngấm sâu vào lòng người nghe.

Chris (Peter Lockyer), nếu so với "The Engineer" (Kevin Gray), thì hơi yếu, cả về vóc dáng, diễn xuất và giọng ca, nhưng anh đóng đủ và đúng vai trò của mình. Các vai khác cũng vậy. Duy vai Thủy (cán bộ Việt Cộng) do Allen Hong diễn có khuôn mặt bụ sữa, không hợp với vai trò cho lắm. Tami Tappan trong vai vợ Chris diễn và hát đều hay, nên dù phải chơi trong vai chìm, cô cũng nổi, và gặt hái được nhiều tràng vỗ tay tán thưởng.

Bảo rằng vở kịch "Miss Saigon" đề cao cộng sản là không đúng. Mà bảo rằng với cách dàn dựng, biểu tượng và hát diễu, "Miss Saigon" chống cộng cũng không đúng. Vở kịch trước sau chỉ là một tác phẩm nghệ thuật trình diễn, một hư cấu văn chương dùng một số dữ kiện lịch sử làm "cái cớ" (chữ của Vũ Khắc Khoan). Nếu có người Mỹ nào, sau khi xem "Miss Saigon," mà cứ đinh ninh trong đầu rằng Saigon chỉ có gái bán ba, Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến cũng chỉ là nghèo đói, dốt nát, xỏ lá, ba que, thì chúng ta cũng chỉ cần nói rằng "bạn đi tìm cái gì thì bạn gặp cái nấy thôi." "Miss Saigon" là một vở kịch dàn dựng công phu, diễn viên đóng giỏi, nhạc hay, đáng xem.■

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

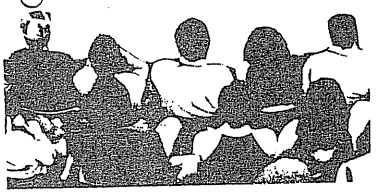

Xem triển lãm nhiếp ảnh tại VAALA

Gần 50 bức ảnh, mầu có, đen trắng có, tạo thành một phòng triển lãm ấm cúng, đẹp mắt và đem lại sinh hoạt sống động cho trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), ngay trung tâm thị xã Garden Grove.

Buổi khai mạc, vào lúc 3 giờ chiều thứ Bẩy 11 tháng Hai, đã có hàng trăm khách thưởng ngoạn đến tham dự, trong đó rất nhiều người ở lứa tuổi trẻ. Điều này không gây ngạc nhiên, vì nhiều tác giả có ảnh triển lãm là người trẻ, và ban Tổ chức, ngoài Project 20 và Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam, còn có Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Miền Nam California. Đúng ra, cuộc triển lãm này là kết quả của cuộc thi Ảnh Nghệ Thuật do Tổng Hội Sinh Viên tổ chức vào dịp Tết Ất Hợi — một sinh hoạt đã trở thành "truyền thống" của các bạn sinh viên từ hơn 10 năm qua.

Đề tài cũ, góc nhìn mới

Nhìn chung, phòng ảnh được trình bày và trang trí thanh lịch. Tại cửa vào, một tấm chương trình in đơn giản, lồng trong một hộp *acrylic* tạo ra một vẻ trang trọng, với mầu đen và trắng rất... nhiếp ảnh. Hệ thống đèn rọi với những bóng *halogene* tỏa ánh sáng ấm trên bốn vì tường, làm nổi bật những bức ảnh thuộc đủ mọi "trường phái" dán trên những bảng trắng, quây lấy căn phòng thoáng đãng.

Khách thưởng ngoạn tới lui thoải mái trong phòng để ngắm nhìn những tác phẩm nghệ thuật tạo hình, và có những nhận xét về hình thức cũng như nội dung.

Nếu có sự khác biệt, đôi khi trái ngược, trong những cảm quan, đó là điều bình thường trong việc thưởng ngoạn nghệ thuật. Chẳng hạn, có người nói "tôi thấy bức ảnh được chấm hạng nhì có gì đặc biệt đâu, chỉ là một hình biểu tình, thường thấy trên báo." Người khác lại bảo "ấy, cái cách làm ảnh mờ nhòe như thế tạo ra cảm giác chuyển động, hay chứ!"

Một bức tuy không được giải thưởng nhưng được chọn treo với lời khen thưởng của ban giám khảo, có tựa đề là "Lim dim," chụp hình một cặp chim câu, một đen, một trắng, được ít nhất là ba phụ nữ trong số khách xem "treo giải nhất." Một bà nói "đúng là lim dim!" Bà còn nói "bắt" được cái khoảnh khắc hai con chim "gù" nhau như thế hẳn là một công phu ghê gớm. Bà khác tán dương ý nghĩa một đen một trắng của cặp chim câu là "không phân biệt chủng tộc trong tình yêu."

Nghệ thuật nhiếp ảnh thường được gọi nôm na là "chụp ảnh." Chính chữ này nói lên chính xác đặc tính của bộ môn này: "chụp" là nắm bắt một cách nhanh nhạy, bất ngờ. Trong cái nhanh nhạy

Ảnh thì tĩnh, nhưng người xem ảnh thì động: quang cảnh buổi khai mạc phòng triển lãm nhiếp ảnh tại Hội VAALA, hôm thứ Bẩy 11 tháng Hai.

và bất ngờ đó có cái đẹp nữa thì thành tác phẩm. Những ảnh trong cuộc triển lãm này cũng chụp những con người, những tĩnh vật, những hoạt cảnh mà chúng ta thường thấy trong đời sống; nhưng con mắt của người nghệ sĩ cầm máy ảnh đã "chụp bắt" được từ những góc cạnh, hoặc vào thời điểm, lý thú nhất, nên cái tầm thường, cái bình thường trở thành cái phi thường: tác phẩm.

Còn cái bất thường?

Cái bất thường chưa chắc đã là cái phi thường, nhưng cũng gây được sự chú ý — và sự thích thú, hoặc sự chê bai, tùy người, tùy nơi và tùy lúc. Chẳng hạn bức "Vô đề" (có nhiều bức "Vô đề" trong triển lãm này) của Daniel Nguyễn chụp hai người con gái khỏa thân phần trên, quấn quít nhau. Nếu có người cho là "quá bạo," thì cũng có người nói "thường thôi." Một bà phê bình "ảnh thô tục," nhưng một bà khác lại nhận xét: "Đồng tính luyến ái bây giờ là chuyện được nói tới một cách công khai, bức ảnh này cũng chỉ là một cảnh của đời sống. Nhưng điều đáng tiếc là hai người mẫu trong mắt họ không lóe lên một tia đam mê nào, thành ra bức ảnh lạnh lẽo, xơ cứng."

Một số tác giả các ảnh triển lãm có mặt trong buổi khai mạc, nhưng phần lớn là những người mới, chưa được quần chúng quen mặt, biết tên, nên người ta cứ dồn vào đặt câu hỏi hoặc nêu ý kiến với nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa, một thành viên của ban Tổ chức cuộc Triển lãm, và cũng là một trong số năm Giám khảo cuộc thi ảnh.

Ông Khoa cho biết, ông và các bạn trong Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam mời các bạn yêu thích bộ môn ảnh tới dự buổi "Cùng Xem Ảnh," được tổ chức vào hồi 3 giờ chiều thứ Bẩy 25 tháng Hai, cũng tại VAALA. "Cùng Xem Ảnh" là một cách nói để chỉ sinh hoạt nhận định, phê bình về kỹ thuật và nghệ thuật nhiếp ảnh. Nhiếp ảnh gia họ Lê hiện đang phụ trách mục "Cùng Xem Ảnh" trên báo *Người Việt*. Ông muốn đem mục này đến phòng triển lãm để làm thành "Cùng Xem Ảnh Sống" (ý nói *live*, có sự tham dự và trao đổi ý kiến trực tiếp của người chụp, người xem và người phê.

Sinh hoạt mừng Xuân Ất Hợi tại Little Saigon

Cộng Đồng Việt Nam vùng Quận Cam năm nay ăn Tết lớn. Có ba cái hội chợ, một của Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Golden West College trước Tết, hai cái khác tổ chức vào các ngày mồng bốn, mồng năm và mồng sáu Tết là **Hội Chợ Xuân Ất Hợi của Cộng Đồng Việt Nam nam California** tại công viên Garden Grove và **Hội Tết Little Saigon 1995** tại trường trung học McGarvin, Westminster. Nơi nào cũng đông đảo đồng bào tham dự, cũng tràn ngập không khí vui xuân với nhiều sinh hoạt văn hóa văn nghệ phong phú. Chẳng hạn tại Hội Tết Little Saigon đã diễn ra hoạt cảnh dân gian Việt Nam "Vinh Qui Bái Tổ" với đầy đủ võng, lọng, ngựa, lính thú, quan viên... rất độc đáo và đẹp mắt, các màn diễn võ thuật, thi hoa hậu thời trang, các tiết mục trình diễn của các cộng đồng bạn, như vũ điệu Mễ Tây Cơ, Hạ Uy Di, múa quạt của người Trung Hoa, đánh trống *Taiko* của người Nhật v.v... Thời tiết cũng rất thuận lợi, khô ráo và ấm áp, đem lại cho cộng đồng Việt Nam những ngày Xuân tưng bừng.

Ngoài ra các nhóm thân hữu và ái hữu cũng tổ chức Hội Xuân riêng của mình, như **Hội Xuân Quảng Đà** qui tụ bà con Quảng Nam Đà Nẵng, **Ngày Tây Sơn** vừa kỷ niệm chiến thắng Đống Đa vừa là dịp đồng hương Bình Định gặp gỡ nhau, **Họp Mặt Tân Niên** của Hội Tương Tế Sóc Trăng, ngày **Tân Xuân Hội Ngộ** của Hội Tương Trợ Tù Nhân Chính Trị qui tụ 5,000 cựu tù nhân và gia đình v.v... Đây là dịp để những người đồng hương hay đồng cảnh ngộ gặp gỡ, thăm hỏi, chia sẻ cùng nhau niềm vui nhân những ngày đầu xuân mới.

Đại Nhạc Hội Hollywood Night ở Seattle

Để kỷ niệm 20 năm người Việt tị nạn sinh sống tại Seattle, một Đại Nhạc Hội mang tên *Hollywood Night In Seattle* đã được tổ chức tại Landmark, một hý viện lớn vào bậc nhất của thành phố này, vào tối ngày 11 tháng Hai, 1995.

Hý viện với 2,500 chỗ ngồi đã không còn một ghế trống. Một số nhân vật trong chính quyền địa phương và quốc hội tiểu bang Washington đã đến tham dự.

Các thành quả của người Việt tị nạn trong 20 năm qua đã được tuyên dương tại Đại Nhạc Hội này, đặc biệt Quốc Hội Tiểu Bang Washington đã gửi đến một nghị quyết xác nhận công lao của người Việt Nam từ ngày bước chân đến tị nạn tại đây. Năm 1975, Washington là tiểu bang đầu tiên nhận người Việt Nam vào định cư làm ăn sinh sống. Trong đêm Đại Nhạc Hội này người ta nhận thấy sự hiện diện của Trung Tướng cựu chỉ huy trưởng trại tị nạn Camp Murray, nơi cư trú đầu tiên của người Việt khi đến đây.

Chương trình văn nghệ rất đặc sắc gồm nhiều màn ca vũ của nhiều nghệ sĩ tài danh Việt Nam, và đặc biệt ca nhạc sĩ Mỹ nổi tiếng Lobo cũng đến tham gia vào chương trình.

Sự thành công rực rỡ của Hollywood Night In Seattle tự nó nói lên tính chất ổn định và trưởng thành của cộng đồng người Việt sau 20 năm sống tại đây, đồng thời cũng nói lên lòng biết ơn của họ đối với đất nước đã cưu mang họ trong cơn hoạn nạn.

Thơ Việt Nam được giới thiệu tại Hội Những Người Mỹ Yêu Thơ ở Tustin

Chiều ngày 11 tháng Hai 1995, nhà thơ Du Tử Lê đã được "Hội Những Người Yêu Thơ Hoa Kỳ"

mời đọc thơ.

Thay mặt ban tổ chức, nhà thơ Marc Betrice giới thiệu nhà thơ Du Tử Lê với cử tọa tại Thư Quán The Real Bookstore thuộc thành phố Tustin, Quận Cam. Nhà thơ Du Tử Lê đã trình bày khái quát sự khác biệt giữa thơ Việt và thơ Mỹ. Ông nhấn mạnh tới tính thảm kịch trong thơ Việt, như là một trong những lý do khiến thơ Việt tại sao luôn bị nghi nhận là *quá buồn* đối với độc giả Hoa Kỳ.

Nữ ca sĩ Cyndi Thủy diễn ngâm bài *Khi Tôi Chết Hãy Hem Tôi Ra Biển* trong khi Du Tử Lê đọc xen kẻ bản dịch Anh ngữ *When I Die, Take My Body To The Sea*. Thi sĩ Marc Betrice đã đọc liên tiếp các bài *A Stranger From The East* và *What I Leave To My Son* (tức *Kẻ Từ Phương Đông Qua* do giáo sư Huỳnh Sanh Thông dịch, và *Khát Vọng Cho Con* do giáo sư Nguyễn Ngọc Bích dịch)...

Dịp này thi sĩ Du Tử Lê cũng đã trả lời nhiều câu hỏi của cử tọa Việt và Mỹ về kinh nghiệm làm thơ, quan điểm, tâm trạng của tác giả về tình cảnh lưu vong v.v...

Đài Văn Nghệ Truyền Thanh tròn một tuổi

Ngày 22 tháng Giêng 1995 là ngày "tròn tuổi tôi" của Đài Văn Nghệ Truyền Thanh tại Little Saigon. Trong một năm qua đài vẫn phát thanh 20 giờ mỗi tuần nhằm vào hai ngày thứ bảy và chủ nhật, và chương trình, theo tên gọi của đài, thiên về văn nghệ, gồm có: Chương trình thiếu nhi "Thế Hệ Trẻ", Nhạc truyện truyền thanh, chương trình nhạc "Yêu người yêu đời", Nhạc chủ đề, "Thế sự thăng trầm", Tâm tình bạn gái, Chương trình "Nhạc tặng người thân" v.v...

Có thể gọi chung chương trình của VNTT là một "Tuần Báo Văn Nghệ - Thời Sự", và ông Lê Phú Bổn, người chủ trương đài, cho biết: "Đài của chúng tôi là một tập hợp những người làm truyền thanh cách đây hai ba mươi năm và những người trẻ hiện nay."

Đài VNTT ngày càng thu hút đông đảo người nghe, có lẽ nhờ ở quan niệm dung hòa hai khuynh hướng già trẻ như thế, và nhờ ở sự linh động hấp dẫn của các chương trình trực thoại (talkshow), trong đó thính giả có thể trực tiếp đóng góp tiếng nói của mình.

Đại Học UCLA tổ chức triển lãm văn hóa

Nhân dịp Tết Nguyên Đán âm lịch năm Ất Hợi 1995, Đại Học UCLA tổ chức một cuộc triển lãm văn hóa về ý nghĩa, phong tục và hình ảnh ngày Tết âm lịch tại bốn quốc gia Á châu: Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam.

Nhiều hình ảnh và tác phẩm nghệ thuật mang ý nghĩa ngày Tết tại bốn quốc gia này được trưng bày tại tiền đường Thư Viện Nghiên Cứu của nhà trường, từ 16 tháng Giêng đến 31 tháng Ba 1995.

Đại Học UCLA đã được sự tiếp tay của nhiều nhân vật có uy tín trong lãnh vực văn hóa thuộc cộng đồng Việt Nam cùng nhiều cơ sở kinh doanh có ảnh hưởng của người Việt tại miền Nam California để có những hiện vật và tài liệu dùng cho cuộc triển lãm.

Tìm đọc:

VÙNG ĐÁ NGẦM

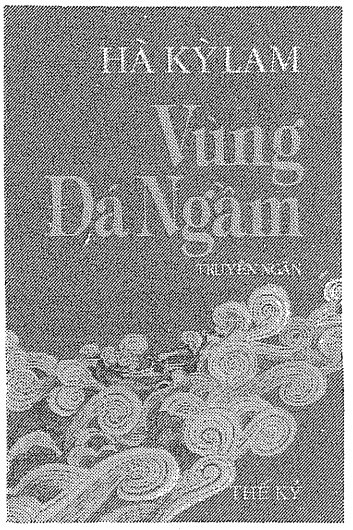

Tuyển tập truyện ngắn của
Hà Kỳ Lam
214 trang
giá $10.00

"**Đá ngầm** không chỉ có ngoài biển khơi đe dọa thuyền bè của người vượt biển, nó còn rải rác khắp đó đây nơi người tị nạn đến cư ngụ, đó là những bất trắc khó khăn trên các vùng đất mới. Hà Kỳ Lam lấy cuộc sống trước mặt làm chất liệu để suy tư và sáng tác(...)" (*Phạm Xuân Đài*)

"Truyện Hà Kỳ Lam *dễ đọc* vì lời văn bình dị, (...) không khúc mắc mà đi thẳng vào đề tài. Nhưng *dễ đọc* không có nghĩa là đọc rồi để *dễ quên*, mà chính là *dễ cảm nhận*, để đọc xong rồi cùng tiếp giòng suy tư với tác giả." (*Lê Văn Lân*)

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

THẾ KỶ
XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 638-9510 . FAX (714) 638-1944

THƯ MỤC

9401	Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	HẾT
9402	Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	$8.00
9403	Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	$10.00
9404	Câu Chuyện Của Lá Phong (truyện ngắn, *Trần Mộng Tú*)	$10.00
9405	Vùng Đá Ngầm (truyện ngắn, *Hà Kỳ Lam*)	$10.00
9406	Đàn Bà (truyện ngắn, *Hải Vân - Phạm Văn Hải*)	$10.00
9501	Hoa Vàng Cũ (tập kịch thơ, *Phạm Xuân Tích*)	$12.00
9502	Tắm Mát Ngọc Sông Đào (thơ, Trần Hồng Châu)	Sắp ra
9301	Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302	Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303	Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304	Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305	Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306	Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9307	Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9308	Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309	Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310	Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311	Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	$6.50
9312	Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	$12.00
9313	Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$9.00
9314	Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315	Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316	Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9317	Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9318	Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9319	Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320	War & Exile (East Coast VN *PEN*)	$12.00
9321	Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322	Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323	Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324	Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325	Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$7.00
9326	Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$8.00
9327	Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$8.00
9328	Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329	Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$8.00
9330	Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331	Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332	Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333	Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	$22.00
9334	Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335	Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336	Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$6.00
9337	Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338	Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339	Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	$6.00

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

LÊ TAM CA và PHẠM XUÂN ĐÀI

Hoa Vàng Cũ, tuyển tập kịch thơ của **Phạm Xuân Tích**, Thế Kỷ xuất bản 1995, khổ lớn dày 104 trang, giá $12.00. Liên lạc: Thế Kỷ 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640; (714) 638-9510.

Với tranh bìa của Lê Tài Điển, một họa phẩm trừu tượng có những tảng mầu nóng, được Nguyễn Đồng trình bày trên nền mầu nâu nhạt, rất nhạt nên rất nhã, tập kịch thơ **Hoa Vàng Cũ** trước hết là một cuốn sách đẹp. Nhà in Mekong cũng xứng đáng nhận một... tràng pháo tay cho kỹ thuật ấn loát công phu, chứng tỏ ý thức tôn trọng nghệ thuật — nhất là khi chúng ta biết thêm rằng cuốn sách này chỉ in có 500 bản.

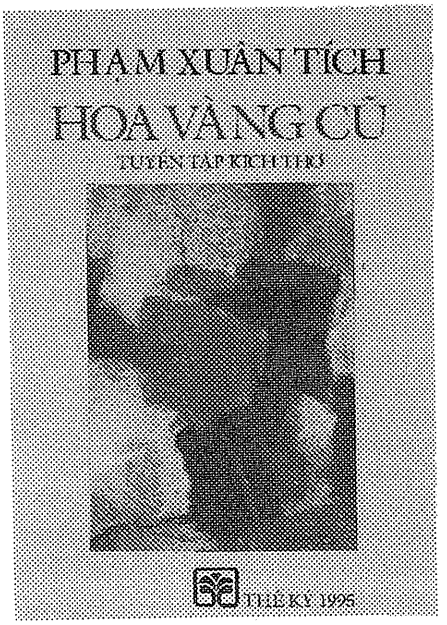

Phạm Xuân Tích vốn là một nhà giáo. Điều đó ảnh hưởng đến toàn bộ tác phẩm của ông, từ đề tài đến phong cách: cổ điển, mực thước, trang trọng. Kịch vốn là một bộ môn yếu so với các bộ môn văn học nghệ thuật khác như văn, thơ, nhạc, họa — như trong một số trước, *Thế Kỷ 21* đã nhận định. Thiếu sân khấu, ít khán giả, trong khi dàn dựng lại tốn kém, kịch không có kích thích tố cho người viết. Kịch bản Việt Nam, hàng chục năm qua, vẫn là con số có thể đếm trên đầu ngón tay!

Kịch thơ lại càng khó có chỗ đứng trong đời sống hôm nay, khi chính thơ đang thay da đổi thịt, đang đi tìm cái mới cho hình thức biểu đạt. Thơ tự do hôm nay không thể là bộ áo dùng cho kịch thơ. Nên kịch thơ không tránh khỏi việc mặc cái áo cũ: vần điệu cổ điển. Làm mới được cái cũ, thật thiên nan vạn nan!

Phạm Xuân Tích chọn con đường thiên nan vạn nan, viết kịch thơ với những đề tài về người và truyện cổ, như Chu Văn An, Huyền Trân, Lê Lai, Lưu Bình và Dương Lễ, là chấp nhận một thử thách. Tuy nhiên, văn học đôi khi không nhắm vào cái "hôm nay," mà có tham vọng đặt tác phẩm vào vòng quay vĩnh cửu.

Trần Thanh Hiệp, viết tựa cho **Hoa Vàng Cũ**, cho rằng: *"Hoa Vàng Cũ" đưa tới cho người đọc, người xem* [nếu kịch được dựng trên sân khấu] *ảo giác được dẫn đi theo một đường vòng quay lại. Nhưng kỳ thực, đó là một vận động hướng tâm để trở về với bản sắc, tránh hiểm họa vong thân vì những tấn kích hung bạo của toàn trị hay những quyến rũ khó cưỡng của mê cung thính thị."* (LTC)

Gậy Dưỡng Sinh, của **Mai Bắc Đẩu**, tác giả xuất bản 1995, dày 150 trang, giá $16.00. Liên lạc: Dũng Tiến Mai, 8300 Chapman Ave #39, Stanton CA 90680.

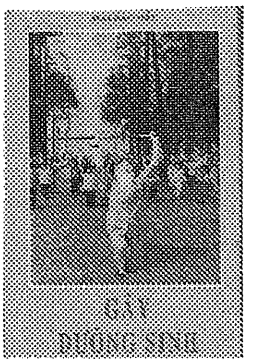

Mai Bắc Đẩu là một lão ông ở tuổi thất thập, có bộ râu rất "tiên phong đạo cốt," nhưng thân thể và phong thái tráng kiện như một chưởng môn một võ phái. Ông không dạy võ, nhưng thực ra môn "gậy dưỡng sinh" mà ông thực hành hàng ngày, huấn luyện hàng ngàn người khi còn ở Việt Nam, và bắt đầu truyền thụ ở nhiều trung tâm người Việt hải ngoại từ vài năm nay, cũng là một món "công phu" — chẳng phải để đánh người hay tự vệ khi bị đánh, mà là để giữ gìn sức khỏe, chống mầm bệnh, cho mọi lứa tuổi.

Chúng ta đã nghe nói nhiều về phương pháp tập "dưỡng sinh," với những động tác thể dục tay chân, mô phỏng các thế võ thuộc loại nhu nhuyễn như thái cực quyền, khí công, nhu đạo. Nhưng đây là lần đầu xuất hiện hình thái tập dưỡng sinh với một cây gậy dài — một dụng cụ rẻ tiền, dễ kiếm, ai cũng có thể trang bị được.

Những bài tập trong sách **Gậy Dưỡng Sinh** được dẫn giải tỉ mỉ, cả về động tác lẫn nguyên lý y học Đông, Tây. Một cuốn sách nhỏ nhưng hữu ích, rất cần cho mỗi người, mọi lứa tuổi. (LTC)

Thơ Phương Triều, tuyển tập thơ của **Phương Triều**, do Tình Thương xuất bản 1995, dày 100 trang, giá $10.00. Liên lạc: tác giả (612) 225-9748.

Phương Triều khởi đầu nghiệp cầm bút của ông năm 17 tuổi (1958) bằng những bài thơ. Nhưng ông sống với ngòi bút bằng những bài báo. Đã đi lính, đi tù "cải tạo," Phương Triều tới Mỹ cách đây ít lâu, lại trở về với thơ.

Thơ ông giản dị và trong sáng — pha chút dí dỏm của Tú Xương, Tú Mỡ. Mỗi bài thơ là một câu chuyện nhỏ, và thường là tự truyện. Tự truyện của Phương Triều xem ra cũng là truyện của một thế hệ: những người ở lứa tuổi trên 50 hôm nay, mấy ai không trải qua một tuổi thơ mơ mộng hão huyền

...Đam mê theo bạn bè
và *Tưởng tượng mình bơ vơ*?

Tiếp đó là tuổi thanh niên, làm sao tránh khỏi cái vòng "kim cô" quân dịch, để phải tiêu hết quãng thời gian sung mãn nhất của một đời người vào chiến tranh, và (theo số phận của những người chiến bại) trong tù ngục.

Nhưng, thơ Phương Triều, ngay trong những bài mở đầu hoặc rải rác những câu mang vẻ khinh bạc, vẫn ẩn chứa một niềm lạc quan, một tin tưởng dù mong manh vào tình người, vào cuộc đời.

Ta nhìn ta bẽn lẽn
Ta nhìn ta bàng hoàng
Vợ lại cười rạng rỡ
Hoa đẹp buổi xuân tàn. (LTC)

Cô Bé Làng Hòa Hảo, hồi ký của **Nguyễn Huỳnh Mai**, do Mõ Làng xuất bản 1995, dày gần 500 trang, không đề giá. Liên lạc: PO Box 3048 Santa Fe Springs CA 90670.

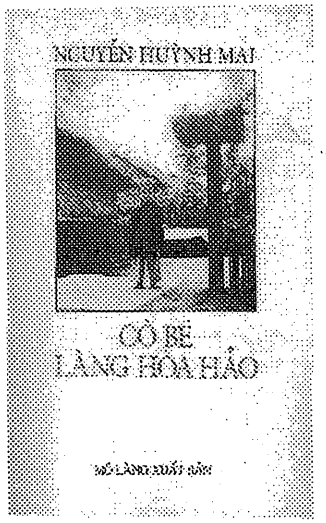

Trình bày trang nhã, với hình bìa có mầu chủ động là mầu nâu, ảnh một cô bé đứng trên một vuông sân xi măng, dưới chân một "bàn thiên" (bàn thờ ngoài trời, trên đỉnh một cây cột), trước một dãy nhà lá: dù không đọc cái tựa, độc giả cũng không thể lầm lẫn, vì đó chính là hình ảnh một "cô bé" ở một "làng" với tôn giáo cá biệt là "Hòa Hảo."

Nguyễn Huỳnh Mai là con gái của cố cư sĩ Nguyễn Long Thành Nam (tác giả bộ sách "Phật Giáo Hòa Hảo Trong Dòng Lịch sử Dân Tộc"), nên cái nôi văn hóa, và cũng là chỗ dựa tâm linh, của cô chính là vùng đất được mệnh danh là "làng Hòa Hảo," với Phật giáo Tứ ân ngự trị và hướng dẫn mọi suy nghĩ và hành động của dân "làng." Gọi là "làng," nhưng "làng Hòa Hảo" thực ra là một vùng đất rộng thuộc tỉnh Long Xuyên, giáp ranh Châu Đốc, nơi phát sinh và trung tâm quyền lực của một tổ chức vừa mang tính tôn giáo vừa mang tính đấu tranh. Độc giả nào muốn tìm hiểu thêm về địa danh "làng Hòa Hảo," xin tìm đọc cuốn sách của Nguyễn Long Thành Nam nhắc ở trên.

Về cuốn **Cô Bé Làng Hòa Hảo**, đây là một hồi ký, một tự truyện, của một nhân vật nữ xưng tôi: Nguyễn Huỳnh Mai. Cô tốt nghiệp cử nhân Báo chí học tại đại học Vạn Hạnh, Saigon; đã từng viết tin và ký sự cho nhật báo *Chính Luận* với một bút pháp sắc bén. Cô lại học thêm về truyền hình tại đại học CSU Long Beach, và gắn bó với ngành truyền thông cho tới nay, tuy không sống bằng ngòi bút hay cái máy thu hình.

Hồi ký của cô là một tuyển tập của rất nhiều đoạn nhật ký, hồi ký, bút ký, ký sự, nói lên một cuộc sống nhiều đổi thay. Được rèn luyện và xông pha trong ngành báo chí nên văn của Nguyễn Huỳnh Mai là loại văn "trực thuật," không bóng bẩy, mầu mè, mà đầy ắp sự kiện. Phần lớn, cô để sự kiện nói lên những khuynh hướng trong suy nghĩ và cảm nhận của mình, nhưng cũng có những chương, những đoạn cô để cho ngòi bút của mình trôi theo dòng cảm nghĩ chủ quan, riêng tư một cách hồn nhiên, chân thật.

Người viết tựa cho cuốn sách, giáo sư Phạm Cao Dương, đánh giá **Cô Bé Làng Hòa Hảo** là một tài liệu quý cho các sử gia, vì đó là "những hồi ký của một phụ nữ Việt Nam có cuộc đời gắn liền với một thành phần quan trọng của dân tộc Viện Nam hiện đại." (LTC)

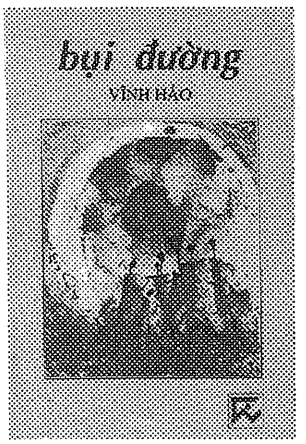

Bụi Đường, truyện dài của **Vĩnh Hảo**,bìa do họa sĩ Phượng Hồng trình bày, 377 trang, giá $15, Chiêu Hà xuất bản 1995. Liên lạc: Chiêu Hà Publisher, P.O. Box 2303, North Hill, CA 91393-0303.

Đây là truyện dài mang hơi hướng một tự truyện, kể chuyện một tu sĩ Phật giáo trẻ tuổi vào thời điểm 1975 trở về sau. Người tu sĩ trẻ đó đã từ chùa Long Tuyền ở Hội An về lại chùa Hải Đức ở Nha Trang, đã là học trò của Tuệ Sĩ tại đây trước khi Tuệ Sĩ bị bắt, đã chứng kiến những hành vi thô

bạo đối với tôn giáo của chính quyền Cộng Sản, đã... yêu và đã được yêu.

Với một văn phong khoan thai bình tĩnh, tác giả, qua lời kể của một người tu hành, đã đề cập một cách phong phú đến nhiều vấn đề, như về kinh nghiệm tu tập, quan niệm đạo Phật với cuộc đời, người cộng sản đối với tôn giáo, tâm trạng dằng kéo của một tu sĩ bị vướng vào chuyện yêu đương... Qua tâm tư và trình độ đạo hạnh của một tu sĩ thông minh và có học vấn, tác giả tỏ ra hiểu biết sâu sắc và linh động về Phật giáo, bày tỏ được nhiều ưu tư của mình về đạo và đời. (PXĐ)

Bầy Thú Nhỏ, truyện dài của **Sơn Tùng**, bìa do họa sĩ Nguyễn Quốc Tuấn, Sơn Tùng trình bày, 310 trang, giá $14, Alpha tổng phát hành. Liên lạc: Alpha, 6771 Wison Blvd, Falls Church, VA 22044, USA. Tel: (703) 536-4008. Fax: (703) 536-4045.

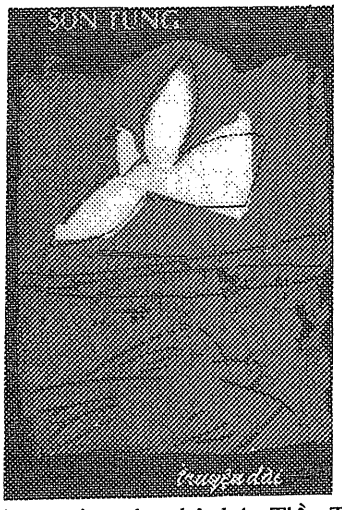

Bầy Thú Nhỏ, tựa đề của cuốn sách, là tiếng tác giả dùng để chỉ đám dân chúng vô tội của miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến tranh hai mươi năm trước đây. Truyện dài này tác giả viết ngay giữa cuộc chiến tranh đó, từ năm 1972, và đã được đăng hàng ngày trên nhật báo Tiền Tuyến tại Sài Gòn từ cuối năm 1974 cho đến số báo cuối cùng tháng Tư, 1975.

Câu chuyện xoay quanh khung cảnh một đồn điền trà, người ta có thể đoán ở vùng Bảo Lộc, khi an ninh bắt đầu bị đe dọa bởi các lực lượng cộng sản từ trong núi ra. Chiến tranh từ đó như một căn bệnh ung thư, gặm nhấm, tàn phá cuộc đời của từng người trong vùng núi non êm đềm ấy.

Tác giả đã viết: "Cuốn sách này ghi lại những sự thật mà người Cộng Sản muốn bôi xóa đi... Đây là phản ảnh phần nào bộ mặt thật của cuộc chiến ấy, nhìn từ phía những nạn nhân thua thiệt nhất của nó." (PXĐ)

Đảng Cộng Sản trước thực trạng Việt Nam gồm bài viết của bảy tác giả: **Lê Văn Đằng, Lâm Thanh Liêm, Tôn Thất Long, Lê Mộng Nguyên, Bùi Xuân Quang, Tôn Thất Thiện, Võ Nhân Trí** cộng với "Hồ sơ Phật Giáo" của báo *Quê Mẹ*. Sách dày 298 trang, Đường Mới xuất bản, không ghi giá bán. Liên lạc: Đường Mới *La voie nouvelle*, 8 rue Flatters 75005 Paris, France.

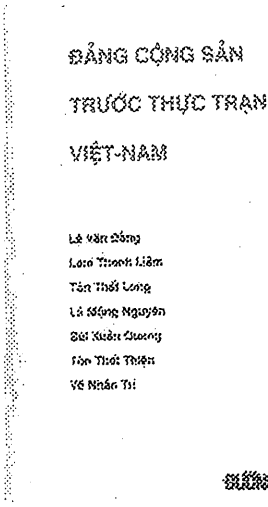

Đây là "những bài nghiên cứu công phu của những tác giả đến từ mọi phương hướng và hoàn toàn độc lập trên mặt tư tưởng cũng như đối với các tổ chức chính trị", phơi bày thực trạng Việt Nam trong chế độ cộng sản, từ đường lối ngoại giao, hiện tình kinh tế, chính sách ruộng đất, đến cái gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh... Một cuốn sách cần có cho những ai quan tâm tìm hiểu tình hình thật sự của Việt Nam hiện nay. (PXĐ)

Giai phẩm Xuân Ất Hợi Quảng Đà

Tuyển tập văn thơ do một nhóm văn hữu gốc Quảng Nam Đà Nẵng chủ trương, dày 350 trang, bìa là ảnh Huyền Không Động, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, của nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân. Không ghi giá bán. Liên lạc: Giai Phẩm Quảng Đà, P.O.Box 428 Rosemead, CA 91770, USA, Tel (818)286-1239 / 296-9798; Fax (818) 286-3293.

Đây là một tập văn thơ ghi lại "tâm tình người Quảng Nam", dù là dưới dạng biên khảo hay sáng tác văn nghệ. Một xứ sở có nhiều thứ truyền thống, *"hay cãi", ưa làm cách mạng, chuộng việc học hành, yêu văn thơ...* thì khi những con dân của nó đi lưu lạc xứ người, ít nhiều vẫn còn mang những dấu ấn xưa, và khi tập họp nhau trong một tuyển tập thơ văn thì hẳn còn nhiều điều sâu đậm để mà nhớ, để mà tâm sự, hoặc, có thể, để mà... cãi nhau.

Tuyển tập thuộc một vùng đất quê hương, nhưng giá trị có thể vượt ra ngoài biên giới địa lý. (PXĐ)

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- **Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.**
- **Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.**
- **Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.**
- **Kế hoạch hoá gia đình.**
- **Giải phẫu các bệnh phụ nữ.**
- **Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.**

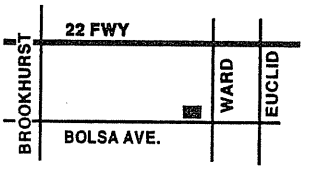

Phòng mạch tại WESTMINSTER
Thứ Ba, Năm, Bảy: 10AM - 6:00PM

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TRUNG TÂM NHA KHOA EDINGER DENTAL

NHA SĨ LÝ QUỐC TUẤN. D.D.S.

GENERAL & COSMETIC DENTISTRY

TEL: **1-800-758-5538** HOẶC **(714) 751-5538**

616 W. Edinger, Santa Ana, CA 92707

(Giữa đường Bristol + Flower và Broadway + Main)

- *Giải thưởng đặc biệt về răng giả ĐHNK USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa USC.*
- *Giảng viên Khoa Chữa Răng và Nha Khoa Thẩm Mỹ USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa Saigon.*
- *Nguyên Nha Sĩ Điều Trị Quận 5, Quận Gò Vấp.*
- *Phòng mạch cũ tại góc Vườn Chuối Phan Thanh Giản, Quận 3, Saigon.*

Chúng tôi có máy INTRA ORAL CAMERA để trình bày tường tận và trung thực về tình trạng sức khỏe răng miệng của quý vị, ngõ hầu giúp quý vị yên tâm lựa chọn chương trình điều trị riêng.

TRUNG TÂM NHA KHOA VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CHỈNH NHA (NIỀNG RĂNG)

GIỜ MỞ CỬA:
Mon - Thur: 7AM - 7PM
Fri: Closed
Sat - Sun: 8 AM - 2 PM
(Xin lấy hẹn trước)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

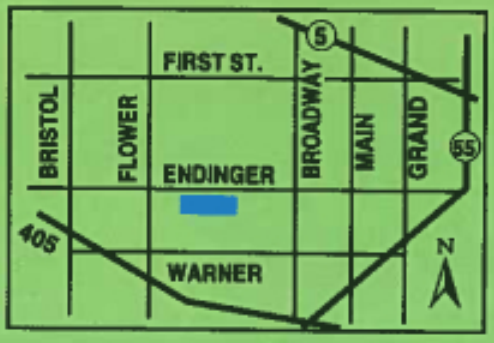

ĐẶC BIỆT CHÚNG TÔI CÓ PHÒNG LAB LÀM CÁC LOẠI RĂNG GIẢ TẠI CHỖ

Ấn phí: bốn mỹ kim